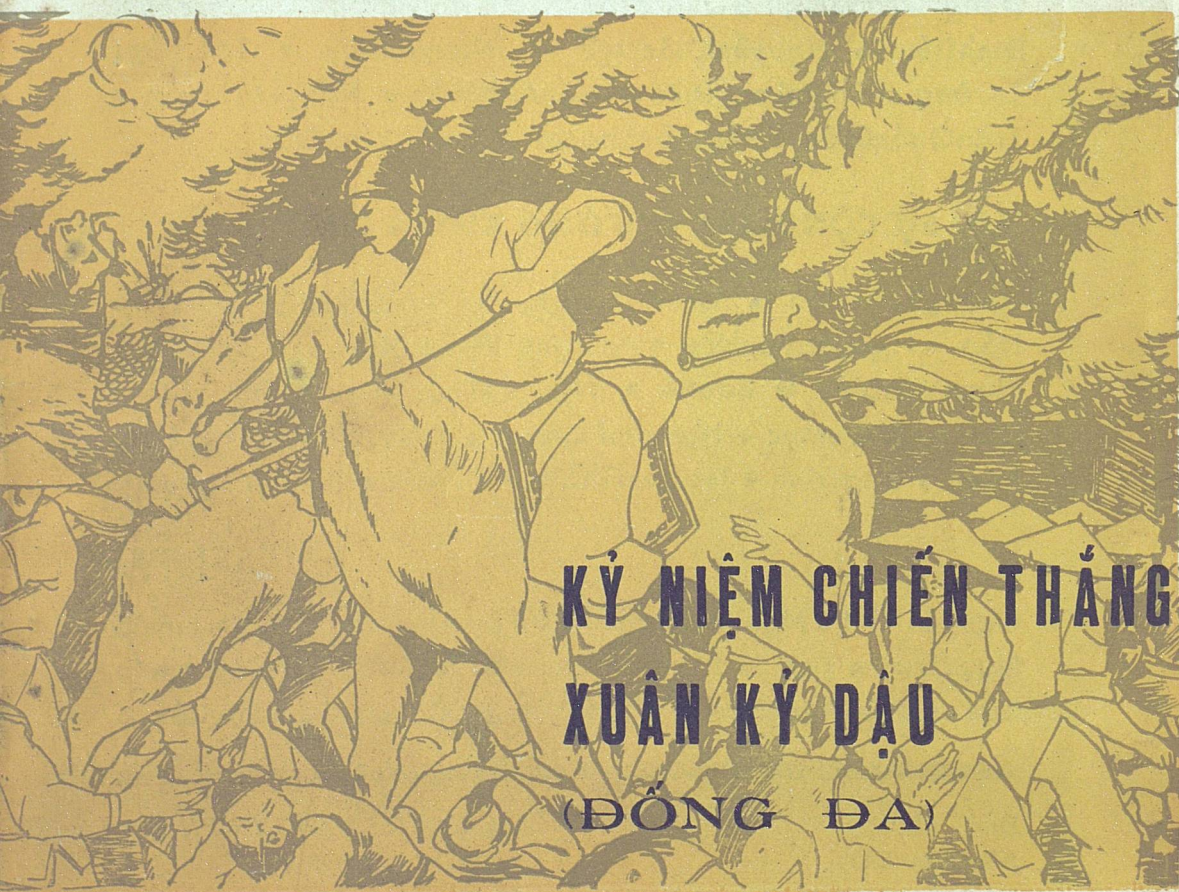




SỬ ĐỊA



KỶ NIỆM CHIẾN THẮNG XUÂN KỶ DẬU (ĐÔNG ĐÀ)

DO MỘT NHÓM GIÁO-SƯ, SINH-VIÊN ĐẠI-HỌC SƯ-PHẠM SÀI-GÒN CHỦ-TRƯỞNG

Nhà sách Khai Trí bảo trợ

1969

13

SỬ ĐỊA

TẬP - SAN SỬU - TÀM, KHẢO - CỨU, GIÁO - KHOA

BAN CHỦ-BIÊN:

NguyễnThếAnh • BửuCầm • PhanKhoang • LâmThạnhLiên •
PhạmVănSơn • TháiViệtĐiều • PhạmCaoDương • Phù-Lang •
ĐặngPhươngNghị • QuáchThanhTâm • TrầnĐăngĐại • Phạm
ĐìnhTiểu • NguyễnKhắcNgũ • NguyễnHuy • TạChíĐại
Trường • PhạmLongĐiền • TrầnAnhTuấn • NguyễnTháiAn •
TrầnQuốcGiám • NguyễnSaoMai • MaiChưởngĐức.

VỚI SỰ CỘNG-TÁC THƯỜNG XUYỀN CỦA:

HoàngXuânHãn • ChenChingHo • ThíchThiệnÂn • LêVăn
Hảo • NguyễnVănHầu • TạTrọngHiệp • NguyễnTrầnHuân •
PhạmVănDiêu • BửuKế • NguyễnKhắcKham • TrươngBửu
Lâm • LêHữuMục • NguyễnPhương • HồHữuTrường • LêThọ
Xuân • ƯngTrình • NghiêmThâm • TôNam • BùiQuangTung.

BAN TRỊ-SỰ:

NguyễnNhã • NguyễnNhậtTấn • PhạmThịHồngLiên • Nguyễn
NgọcTrác • TrầnĐìnhThọ • NguyễnHữuPhước • PhạmThịKim
Cúc • TrầnNgọcBan • PhạmVănQuảng • PhạmĐứcLiên •

Hình bìa:
Kha Thùy Châu
Trình bày

THƯ TỬ, BÀI VỞ, NGÂN, CHI-PHIẾU:
NGUYỄN NHÃ

221 Cộng Hòa, Saigon B.P. : 380
TRƯỞNG MỤC: *TẬP SAN SỬ ĐỊA*
Sài gòn T/M 2763
Chánh Trung Khu Chi Phiếu
SAIGON

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Cách đây 180 năm, cũng mùa Xuân Kỷ Dậu, vua Quang Trung đã oai hùng cả phá quân Thanh trước sự sùng sốt của địch quân và của mọi người.

Đến nay vừa đúng Xuân Kỷ Dậu lần thứ 3, dư âm chiến thắng mùa Xuân ấy vẫn còn vang lừng trong lòng người dân Việt. Quang Trung như biểu hiệu của một dân tộc anh hùng. Một dân tộc anh hùng thì dù có chịu muôn vàn thử thách, vẫn còn tồn tại mãi mãi.

Kỷ niệm Chiến thắng Xuân Kỷ Dậu như đề nhắc nhở chí kiêu hùng của một Dân Tộc, cũng là đề bồi túc cho số Xuân Mậu Thân vừa qua, đặc khảo về Quang Trung.

Các tài liệu của các nhà truyền giáo Tây Phương cũng như của người Trung Hoa vẫn còn là những nguồn sử liệu vô cùng phong phú cho công cuộc nghiên cứu về Quang Trung hay phong-trào Tây Sơn,

Với những cố gắng của Tập San Sử Địa, cho tới nay cũng chỉ khai thác một phần rất nhỏ trong các nguồn sử liệu ấy. Vì hoàn cảnh khó khăn của đất nước cũng như của mỗi cá nhân trong Nhóm Chủ Trương, Sử Địa đã gặp nhiều trở ngại khi ấn hành số kỷ niệm này, nên vẫn chưa đạt được như ý mong muốn.

Chúng tôi ước mong Sử Địa sẽ trở lại vấn đề Tây Sơn một cách tường tận như ý mong muốn hơn vào dịp kỷ niệm 200 năm Phong Trào Tây Sơn trong năm 1971.

Hiện nay chúng tôi đang sửa soạn số đặc khảo về « Các Việt Kiều tại các lân bang. » Chúng tôi mong được sự hợp tác của quý bạn đọc xa gần.

Nếu không có gì trở ngại, cuối năm nay, Tập San Sử Địa sẽ công bố thể lệ tổ chức giải thưởng về « 900 năm Nam Tiến của Dân Tộc Việt » và ấn hành các số đặc khảo về Nam Tiến.

Nhân dịp Xuân về, chúng tôi ước mong đất nước sẽ sớm trở lại thanh bình, thống nhất và thịnh vượng, cùng kính chúc quý độc giả một mùa Xuân Dân Tộc như ý.

TẬP SAN SỬ ĐỊA

BẮC HÀNH TÙNG KÍ

北 行 叢 記

▼ ▼ ▼ ▼ ▼ ▼ ▼ HOÀNG XUÂN HÂN

Lời giới-thiệu. Cuối năm Đinh-mùi (1787-1788), Bắc-bình-vương sai Vũ Văn-Nhậm đem quân trở ra Thăng-long hỏi tội Nguyễn Hữu-Chinh. Quân Lê thua, vua Chiêu-Thống chạy lên vùng Kinh-bắc. Các cựu-thần không mấy người theo. Các người hộ-tùng phần đông là người trẻ tuổi con cháu những danh-thần, trong đó có Ngô Thi-Chí con Ngô Thi-Sĩ và Lê Quính con Lê Doãn-Giản.

Ngô Thi-Chí soạn bảy hồi đầu sách *Hoàng Lê Nhất-thống chí* khiến ta biết nhiều việc về Lê-mạt đến ngày vua Cảnh-hưng mất. Sách ấy được những người cùng họ, Ngô Thi-Du, Ngô Thi-Thiến tục-biên cho đến hết đời Tây-Son. Từ khi được dịch ra Việt-ngữ, sách này rất được phổ-biến nên không mấy người học-giả không biết đến. Nhờ đó, ngày nay ta còn biết rõ nhiều biến-cổ xảy ra trên đất nước ta trong thời-kỳ ấy. Nhưng đối với những vong-thần theo vua Chiêu-thống chạy sang Thanh sau khi quân Tôn Sĩ-Nghị bị tan, thì thiếu nhiều điều mà ta muốn biết.

Trong nhóm vong-thần ấy, Lê Quính còn để lại một tập kí-sự, *Bắc hành tùng kí*, ghi lại những biến-cổ xảy ra có quan hệ đến bản-thân và đến một số nhân-vật liên-quan đến hồi mạt-vận nhà Lê. Tuy rằng phần lớn sách chép về khoảng đời sống trong ngục-thất ở Bắc-kinh, nhưng có đoạn, nhất là trong phần

đầu, bồ-túc và cải-chính *Hoàng Lê Nhất-thống chí* và quốc-sử. Cái quí của sách này là trực-tiếp cho ta biết rành-rọt tiết-thảo của một vong-thần, vốn lìa nước đề hồng cầu viện, nhưng lại bị giữ vì Thanh sự cuộc bang-giao với Quang-trung bị quấy. Mặc dầu mọi cách ép về tinh-thần rồi về vật-chất, Lê Quính cùng một nhóm nhỏ không chịu cải-trang không chịu cắt tóc, không chịu nhận chức-tước và cam chịu cầm tù trong mười ba năm, cho đến khi triều Tây-Sơn hết, mới được tha, được đem quan-tài Chiêu-thống về nước với tóc dài áo rách lúc ra đi.

Kỉ-tài về Lê Quính có nhiều, như *Lê sử bồ biên*, *Lê quí kỉ sự*, hồ sơ điều tra của quan tỉnh Bắc-ninh đời Tự-đức thứ mười (1857) còn chép trong *Lê triều tiết nghĩa lục*, và nhất là bài mộ-bi khắc năm Gia-long thứ mười hai (1813) soạn bởi Nguyễn Đăng-Sở đậu hoàng-giáp khoa cuối đời Lê. Góp nhặt và suy đoán ít nhiều, tôi sẽ kể qua niên-biêu của Lê Quính để độc-giả tiện đọc bản dịch *Bắc hành tòng-kí* mà tôi sẽ trình sau.

Lê Quính quê làng Đại-mão, huyện Siêu-loại, xứ Kinh-bắc (Bắc-ninh). Cha và chú đều đậu tiến-sĩ, làm quan đồng-triều.

Sinh năm Canh-tuất đời Cảnh-hưng (1750). Năm 21 tuổi (1770), được bổ Văn-quán nho-sinh, có lẽ nhờ phụ-ấm chứ không thi đậu gì. Và theo một tác-giả *Hoàng Lê nhất-thống chí*, thì Quính lúc trẻ là một công-tử chơi bời, nhưng cũng khá biết làm văn. Xét thi văn của y, ta cũng thấy y là người có học nhưng không tài-hoa gì lắm.

Năm 25 tuổi (1774), cha mất, Quính về làng ở nuôi mẹ.

Sau khi Nguyễn Huệ ra Thăng-long diệt Trịnh, Quính đem 300 gia-đình ra Kinh đề giữ nhà vua (1786-37 tuổi) được vua Chiêu-thống giao cho coi quân Tả và Hữu-vệ (1787).

Tháng chạp năm ấy, Vũ Văn-Nhậm kéo quân ra chiếm Thăng-long, vua Chiêu-thống chạy lên phủ Lạng-giang. Quính đem hương-binh đuổi theo hộ-vệ. Chiêu-thống chuyển sang huyện Chí-linh,

rồi năm sau, Mậu-thân (1788), chạy xuống xã Vị-hoàng (Nam-định), phong Quính tước Trường-phái hầu, rồi sai Quính đi cùng quốc-cậu Nguyễn Quốc-Đổng lên huyện Vũ-nhai ở Thái-nguyên để hộ-vệ Thái-hậu, nguyên-phi là Nguyễn Thị-Kim và con trai.

Tháng tư năm ấy (Mậu-thân 1788), Quính đến Vũ-nhai-Viên đốc-trấn Cao-bằng tới đón cung-quyển chạy lên trấn-thành Mục-mã (Cao-bằng). Tháng năm đến đó. Bị quân Tây-sơn đuổi gấp. Mọi người dìu-dắt nhau qua sông Phất-mê mà sang đất Thanh. Tháng sáu, tông-dốc Lưỡng-Quảng Tôn Sĩ-Nghị được lệnh che-chở cung-quyển trú-ngụ tại Nam-ninh và sai hỏi tình-hình trong nước ta. Vua Càn-long bằng lòng cứu-viện vua Lê.

Tháng bảy, Quính và Quốc-Đổng qua đường biển về nước. Tháng chín, gặp vua Chiêu-thống ở huyện Tứ-kì (Hải-dương); rồi cùng Lê Duy-Đản và Trần Danh-Án lại qua đường Ải-diêm sang phủ Thái-bình thuộc Quảng-tây để cảm ơn. Tháng mười gặp Tôn Sĩ-Nghị ở đó.

Ngày 24 tháng mười, Sĩ-Nghị phát quân. Ngày mồng một tháng mười một qua cửa ải Trấn-nam. Lê Quính và Lê Duy-Đản theo làm cố-vấn. Khi quân đến huyện Bảo-lộc (Bắc-giang), Quính đi tìm vua Chiêu-thống. Ngày 20 tháng 11, quân Thanh qua sông Thị-cầu (sông Cầu). Ngày sau, Quính đưa vua Chiêu-thống ra gặp Sĩ-Nghị ở phía bắc công Nhị. Ngày 22, Tôn Sĩ-Nghị sang sông vào thành phong Chiêu-thống làm An-nam quốc vương.

Những ngày tháng kể trên đây là theo sách *Bắc hành tòng kí*. So với sách *Thánh vũ kí* của người Thanh (xem *Sử Địa số* 9-10), thì chậm sau hai ngày. Xét về phép lịch dùng triều Thanh và triều Lê tuy có khác, nhưng vào khoảng này không thể xê-dịch hai ngày. Tôi tạm giữ thoại của Lê Quính (Xem *Tìm hiểu thiên tài quân-sự của Nguyễn Huệ* 1966, trang 215, chú-thích 5).

Theo Lê Quính, Sĩ-Nghị giao cho Quính việc binh-lương

đề soạn sửa tấn công vào Nam, nhưng rồi lại định chiêu hàng. Vua Chiêu-thống giao cho chức bình-chương-sự, coi các việc binh và hộ. Nhưng vì bệnh sốt rét phát mạnh, nên xin về quê nhà nghỉ. Nhưng *Hoàng Lê nhất thống chí* (một tác-giả chắc có ác-cảm với Quính) lại chép rằng hằng ngày Quính cưỡi ngựa theo vua đến doanh Sĩ-Nghị, và rằng Quính đã không tán-thành sự giục Sĩ-Nghị tiếp-tục tấn công, vì sợ Sĩ-Nghị không bằng lòng. Dẫu sao, cái triều-đình bọt nước một tháng sau liền tiêu tán bởi cuộc tấn-công chớp nhoáng của Quang-trung (đầu thang giêng năm Kỉ-dậu 1789). Chiêu-thống theo Sĩ-Nghị chạy vào Quảng-tây. Sĩ-Nghị bị cách chức, Phúc Khang-An được thay chân. Với chính-sách ngoại-giao mềm dẻo của Quang-trung và văn-từ bất-thiệp của Ngô Thi-Nhậm, Phúc Khang-An chuyển sang thể hòa (khoảng tháng ba năm Kỉ-dậu 1789).

Trong cơn binh-hỏa này, Quính ở quê nhà. Khi bệnh đã khỏi, toan tìm kế kháng Tây-sơn. Tháng 5, Phúc Khang-An vừa biên thư giục Quang-trung sửa-soạn sang châu (xem *Quang trung Nguyễn Huệ anh-hùng dân tộc* của Hoa-bằng 1951, trang 233), vừa gọi Quính sang Quảng-tây đề "hỏi chuyện". Tháng 7, Quính đến Nam-quan, tháng 8 đến Minh-ninh. Bấy giờ vua Càn-long đã phong Quang-trung làm An-nam quốc vương rồi. Tháng 9, viên coi đạo Tả-giang bảo phải cắt tóc và cải-trang, tạm ở lại. Quính cự lại. Viên coi Hữu-giang ba lần lại ép, trong nhóm bạn hữu và con em Quính đã cùng đi, cả thầy mười ba, mười bốn người, Quính và năm người khác nhất-định không tuân lời. Còn dư thì Quính bằng lòng cho tuân lệnh, trong đó có cả con Quính tên Doãn-Thuyên còn trẻ bé. Bọn cứng đầu đầu đều bị đem an trí ở phủ Khánh-viên thuộc Quảng-tây. Dọc đường hai người trong nhóm bị bệnh chết : *Nguyễn Đồng* mất ở Nam-ninh (24 tháng 9) và *Nguyễn Mậu-Nễ* mất ở Liễu-châu (22 tháng 10). Trong lúc ấy, Chiêu-thống và các hộ-tùng đã nghe lời Phúc Khang-An cắt tóc cải trang và trú ở Quế-lâm ; và sách-phong sứ triều Thanh đã tới Thăng-long.

Tháng 11, bọn Quính, chỉ còn bốn người, được gọi đến Ngô châu để gặp Phúc Khang - An. Bốn người ấy là *Quính*, đường đệ Quính tên Doãn - Trị, và *Trịnh Hiền* thuộc họ chúa Trịnh, quê làng Biện-thượng và *Lí Bình - Đạo* (có tên Gia-Du) người huyện Kim-bảng, xã Thụy-lôi. Khang-An bảo cắt tóc cải trang. Bọn Quính không chịu. Quan Thanh lại cho biết rằng Nguyễn Huệ đã hàng, và đồ lỗi giả lấy cương-thường để phá chính sách của Thiên triều. Nhưng Khang-An cũng hứa chuyển lời tâu và bảo đem đi Quế-lâm để đợi mệnh.

Tháng chạp, đến Quế-lâm. Có lẽ người Thanh không muốn cho gặp Chiêu-thống, cho nên cuối tháng bọn Quính tới tỉnh thành Quảng-dông, và đem bọn Chiêu-thống lên Bắc-kinh.

Đầu năm sau (Canh-tuất 1790), bọn Quính lại bị giải lên Bắc-kinh. Tháng 3, đến Duyên-châu (Sơn-dông). Vua Càn-long đi đông-tuần qua đó. Được vua an-ủi và hứa không bắt tội (mồng 4). Quan quân-cơ lại bảo hãy đi Kinh đợi khi vua về sẽ xử-trí.

Ngày 23 tháng 3 đến bộ Hình. Bị giữ ở nhà tù Bắc-sở, chia làm hai nơi.

Tháng 5, quan đề-thăm (coi việc xử án) dỡ nếu cắt tóc cải trang thì sẽ được ban chức-vị trong một đạo quân như mọi người khác. Bọn Quính viện nhiều lẽ để chối từ. Người Thanh đem Chiêu-thống đến và bảo dỡ. Quính nói ý rằng vua bị ép mà dỡ, nhưng thực không muốn dỡ, rồi cũng không nghe lời.

Tháng 6, người Thanh lại bảo *Đinh Nhã-Hành*, *Phạm Như - Tùng* và *Nguyễn Quốc - Đống* tới nhà ngục thăm và dỡ, nhưng cũng vô-hiệu. Bấy giờ, giả-vương An-nam sắp tới nơi triều yết. Chắc các người chức trách trong triều Thanh rất nóng lòng xử-trí cho xong việc bọn Quính "trái mệnh", cho nên họ mới phải dùng đủ mọi cách để khuất phục. Tháng

7, giả-vương tới. Cuối tháng 8 trở về. Coi chừng người Thanh cũng đề bọn tù-nhân kia ở yên một lúc. Nhưng đối với đạo nghĩa thì chúng cũng hồ thẹn một phần nào. Cho nên, chúng lại gắng dỡ một phen nữa.

Tháng 11 (Canh-tuất 1780), quan thuộc Hậu-quân Nhương-hoàng-tinh (đội quân có trách-nhiệm quản thúc các người vì nhà Lê mà bị nạn ở Thanh) và quan bộ Hình đem con Quính, là Doãn-Thuyên, tới báo Quính rằng nếu chịu cắt tóc cải trang thì cha con sẽ được đoàn tụ. Quính chỉ khuyên con theo hầu vua Chiêu-thống, chứ không chịu nghe lời quan Thanh.

Cùng chẳng đã, tháng 12, quan đề-thâm, là thượng-thư bộ Hình, Hồ Quý-Đường dọa rằng nếu không nghe lời thì sẽ chết già ở ngục; nhưng cũng không hiệu quả. Cuối cùng giao cho giám-ngục đem giam chung một sở. Thế là án không tuân lệnh đã thành.

Trong lúc ấy, Chiêu-thống và các tòng-vong để bảo hơn đều được ban chức vị và cấp bổng-lộc. Chiêu-thống được ban hàm tam-phẩm (xem *Thánh vũ-ki*), chức tá-linh Hậu-quân hiệu Nhương-hoàng-tinh và đòi đòi nối chức. Chiêu-thống và tùy thần ở làm hai An-nam-doanh: tây và đông. Chiêu-thống ở Tây-doanh gần Quốc-tử-giám với mẹ và con. Tháng 3 năm sau (Tân-hợi 1791) vua Lê sai Nguyễn Quốc-Đổng đem quà tới cho bọn Quính, nhưng viên cai ngục không để cho vào. Ấy vì lẽ tiết-tháo nhóm Quính đã khiến Chiêu-thống và các tòng-vong khác bỏ thái-độ nhẫn-nhục từ trước đến bấy giờ. *Hoàng Lê Nhất thống chí* và *Lê sử bờ biên* đều chép (văn từ gần y như nhau) sự dây họa cho các vong-thần. Sau đây là lời sách *Lê sử bờ biên* :

“Tháng 10 năm Canh-tuất 1790, vua Lê nghĩ rằng người Thanh không thề cậy, bèn định kế với mười người bày tôi — *Phạm Như-Tùng, Hoàng Ích-Hiệu, Lê Hân, Nguyễn Quốc-Đổng, Nguyễn Viết-Triệu, Lê Văn-Trương, Lê-Quý Thích, Nguyễn Đình-Miên, Lê Tùng, Lê Thức* — tháp huyết mà thề với nhau; “sẽ viết biểu xin bình,

nếu không bằng lòng thì xin cho đất hai châu Tuyên-quang và Thái-nguyên để về đó thờ cúng họ Lê, hoặc ngầm về Hà-quảng (thuộc Cao-bằng. Ngô Tất-Tổ đã theo dịch Hoàng *Lê nhất thống chí* làm ra Gia-định) để lo toan phục-hưng, quyết không chịu sống trộm trên đất Bắc. Sẽ quì sên vua cổ nài xin. Nếu có sự bất-trắc, thì cùng chịu sống chết.»

“Trước hết tôi báo cho Kim Giản biết (đô-thống coi hiệu Như-ông-hoàng-tinh phụ-trách các người vong-thần). Kim Giản không tiếp. Cùng nhau ra cửa, phục xuống đất mà kêu to. Giản bắt-đắc-di mời vào đãi trà và bảo hãy về quán, đợi sẽ thương-lượng. Tháng 11, có ba người thư-kí (nguyên-văn: *khue lan đại*, và chú-thích: cũng như thư-kí ở bản-quốc. Ngô Tất-Tổ cho là tên người) tôi báo rằng: “Giản đã được chỉ cho vua đất Khâm-châu. Năm sau, mùa xuân ấm hoa nở, sẽ đi về cũng chưa muộn.”

“Tháng 3 năm Tân-hợi (1791), thư-kí lại đến mời vua Lê và các bầy tôi tới Ấn-phòng, mời chè trái rồi bảo về. Dè dặt, viên các-thần Hòa Thân (người Mãn-châu đỡ đầu Phúc Khang-An và chủ hòa trong việc An-nam, rất quyền-thế. Sau khi Càn-long mất, y bị trị tội và phải tự tử) làm hại; đã thôi việc viện binh lại muốn phân tán người nước ta kè im tiếng kêu-ca.

“Ngày 20 tháng 4, thư-kí lại ruồi ngựa tới bảo rằng:

“Vâng chỉ cho nhà vua châu Tuyên-quang ở. Hãy giục những viên đương việc mặc áo mũ vào tạ ơn.” Các bầy tôi theo thư-kí đến Ấn-phòng. Người Thanh sai lấy xiềng sắt khóa lại, bỏ lên xe trâu, đưa an-trí ngoài ba trăm dặm. Ngày 21, đưa Hoàng Ích-Hiểu đi *Y-lê*, Lê Hân đi *Phụng-thiên*, Phạm Như-Tùng đi *Hắc-long-giang*, Nguyễn Quốc-Đổng đi *Cát-lâm* bọn Nguyễn Viết-Triệu và Lê Văn-Trương đi *Nhiệt-hà*, *Trương-gia-khẩu*. Còn lại Phạm Trần-Thiện và Đinh Nhã-Hành lưu lại hầu vua Lê ở Yên-kinh.”

Tháng 5 (Tân-hợi 1791), bọn Quỳnh phong-thanh tin ấy, nhưng tuyệt-nhiên không thông tin-tức được. Mà quả vậy, trong hơn mười năm bị giam cầm, tuyệt nhiên không có tin-tức gì bạn hữu

bà con ở ngoài. Ngày 20 tháng 5 năm Nhâm-tí (1792) con trai Chiêu-thống mất vì chần đậu; Quính cũng không biết. Ngày 29 tháng 7 năm ấy, Quang-trung mất, Quính về sau lâu ngày mà cũng không hay. Ngày 16 tháng 10 năm sau (Quý-sửu 1793), vua Chiêu-thống mất, tuy biết, nhưng bọn Quính không được phép ra đưa tang. Còn chuyện bên nước nhà, hai lần may có người đàn bà Việt từng bị quân Tàu-ô bắt rồi cùng bị đày lên phương Bắc tạm bị giam cùng bọn Quính, kể cho bọn Quính biết qua loa vài việc.

Còn người Thanh, tuy giam Quính, ban đầu vì chính-trị, sau thành vì pháp-luật, nhưng chúng vẫn trọng Quính. Trong mấy năm đầu, thỉnh-thoảng tới hỏi Quính về một vài nhân-vật đáng đáng đến vua Lê. Sự lạ là vào tháng 5 năm Nhâm-tí (1792), vị đại-thần coi Quân-cơ gọi Quính vào phủ Nội-vụ hỏi về phe chống Tây-sơn và về em Chiêu-thống là Lê Duy-Chi, tuy rằng Duy-Chi đã bị bắt và giết vào cuối năm Canh-tuất (1790). Đúng một năm sau, vào tháng 5 năm Quý-sửu (1793), viên thu-thầm bộ Hình lại hỏi về một người chú Chiêu-thống và mấy viên tù-trưởng vùng Cao-bằng.

Năm Gia-khánh lên ngôi (Bính-thìn 1796), Quính ở tù đã bảy năm. Bảy giờ tuổi đã 47. Người Thanh ý chừng nhân lễ đăng-quang, muốn tìm cách thả bọn Quính. Nhưng Quính không chịu cắt tóc và vẫn xin về (tháng 2 năm ấy). Cho nên lại vẫn nằm tù.

Đời sống trong tù đã đè nặng trong tâm-hồn các bạn Quính và cả Quính. Một chứng là vào tháng chạp năm sau (Đinh-tị 1797) một bạn Quính đã mắng lại người giữ ngục, khiến người này giận-giữ om-sòm. Quính thảo tờ trình quan đề-lao, phản-kháng và bảo chỉ nên phạt một mình Quính là người đứng trách-nhiệm mà thôi.

Cũng may, cả bốn bạn đều biết làm thơ. Chắc rằng thường lấy văn tự làm khuây và an-ủi. Trong tập thơ Quính còn lại

có chép một số thơ làm vào khoảng ở tù, như họa thơ vua Chiêu-thống gửi thăm (tháng 4 năm Tân-hợi 1791 ?), nhất là trong các năm Mậu-ngọ Kỉ-mùi (1798 - 1799) : thơ cảm-tác đêm trừ-tịch năm Đinh-tị (1797), thơ ngẫu-thành, thơ vịnh lên năm mươi tuổi (Kỉ-mùi 1799).

Năm Kỉ-mùi này năm có lẽ là năm lòng Quính bị dao-động nhất. Tuổi lên đúng tám chục, ngồi tù đã mười năm. Ngày thượng-nguyên (rằm tháng giêng) là ngày hội treo đèn, mà phải ngồi trong phòng tối. Quính thuật hoài trong bài *Bắc sở tự tình* dài 384 chữ, dán lên vách. Quan lang-trung bộ Hình thấy mà ngậm-ngùi. Có lẽ nhờ đó mà các vị đại-thần lại muốn cứu-vãn. Nhân năm ấy, vua Càn-long ba năm trước đã nhường ngôi cho con là vua Gia-khánh, bấy giờ mới mất, vua Gia-khánh mới rộng tay trừng-phạt tội quyền-thần Hòa Thân, nguyên đã bạc-đãi các vong-thần người Việt.

Tháng 2, hai quan thu-thầm bộ Hình được lệnh trên tới xét hỏi. Quính xin về quê nuôi mẹ. Ngày 14, đáp lời yêu-cầu của quan đề-thầm, Quính trình tờ bẩm, ý nói Tây-sơn được phong vương, ấy là ý trời đã định ; vậy chỉ xin về ở gần biên-giới để tiện việc quá lại buôn bán thăm viếng cha mẹ, hoặc đem cha mẹ sang ở cùng : nếu được vậy thì bọn Quính xin cắt tóc để đền ơn. Thị-lang Hùng Mai không bằng lòng câu "qua lại buôn bán" và bảo rằng : nếu chịu cắt tóc thì cho ở doanh An-nam (ở Bắc-kinh), nếu không thì đưa đi an-trí ở Nhiệt-hà. Sau đó tuy chưa được thả, nhưng cách giam cầm không nghiệt như trước nữa.

Ngày rằm tháng 6, quan Thanh đem con Quính, Doãn-thuyền đến thăm cha. Thế là cách nhau chỉ trong gang tấc mà phải đợi mười năm cha con mới gặp nhau trở lại. Quính rất cảm-kích. Từ đó Doãn-thuyền trở lại thăm cha nhiều lần. Ngày 13 tháng 8, thượng-thư bộ Hình sai người đem Doãn-thuyền đến mà dỗ một lần nữa. Nhưng Quính tuy cũng tỏ ý không còn muốn phục thù gì nữa, nhưng cũng không hứa chịu cắt tóc cải trang. Ngày 23 tháng 10, quan

Thanh lại đem Doãn-thuyên và người nhà đến đó như trước. Quính viết một bài trình dài nhắc lại lời quan bộ Hình đã dọa đưa an-trí ở Nhiệt-hà, mà trả lời rằng Nhiệt-hà cũng đất nhà vua, như doanh An-nam, như ngục Bắc-sở. Nhưng Quính cố nài cho đưa gia quyến về quê nuôi mẹ, chắc rằng Tây-sơn không nỡ giết, mà có giết nữa cũng cam lòng.

Tháng 11, được tin mẹ vua Chiêu-thống mất ở Tây-doanh. Không được phép ra đưa tang, bọn Quính chỉ gửi thư thăm kẻ nối chức Chiêu-thống (chú Chiêu-thống được nối chức tá-linh ở Hậu-quân Nhưõng-hoàng-tĩnh) và các vong-thần ở hai doanh.

Phải đợi đến tháng 4 nhuận năm sau (Canh-thân 1800) mới được ra ngục, nhưng vẫn chưa được thả. Ngày mồng 4, bọn Quính được đưa đi an-tháp ở doanh Hỏa khí ở phía tây thành và cách thành 12 dặm (chừng bảy cây số) và giao cho Định thân-vương coi giữ, lương-thưõng thì Nhưõng-hoàng-tĩnh cấp như các vong-thần khác. Được phép đi thăm mộ chúa và tiếp con và gia-nhân.

Tháng chạp, nhân đi viếng mộ Chiêu-thống, mẹ và con, Quính gặp Tá-linh-công (chú Chiêu-thống), bèn bàn chuyện xin vua Thanh cho đem hài-cốt ba người ấy về nước. Rồi làm lời bằm gửi lên. Ngày tháng 2 năm sau (Tân-dậu 1801) nhờ Định thân-vương tâu hộ. Từ đó bà con đi lại tự do.

Trong lúc đó, quân Nguyễn Ánh đã lấy Phú-xuân (mồng 3 tháng 5 năm Tân-dậu 1801). Cảnh-thịnh chạy ra Thăng-long. Sau khi phá cuộc phản-công ở lũy Trấn-ninh (Quảng-bình), Nguyễn Ánh xưng đế với niên-hiệu Gia-long (mồng 2 tháng 5 năm Nhâm-tuất 1802) và sai Trịnh Hoài-Đức sang Thanh-triều cầu phong. Tháng giêng năm sau (Quý-hợi, 1803), Quính được tin ấy. Đợi đến tháng 2, sau khi biết tin chắc thật, bèn viết tờ bằm xin về nước, nhờ Định thân-vương chuyển tâu.

Vua Càn-long không trả lời liền, vì đang đợi sứ-bộ Trịnh Hoài-Đức đến Yên-kinh. Ngày 25 tháng 7 (Quý-hợi 1803), bọn Quính nghe tin sứ-bộ đi gần tới nơi, bèn xin phép đi đón.

Một việc may không ngờ xảy đến : ngày hôm sau, Quính được tin rằng có con mình, *Doãn Trác*, làm hành-nhân trong sứ bộ để đi tìm tin-tức cha. Mừng quá, Quính đi tuột đến Trạc-châu tìm con; rồi bị viên tri-châu sở-tại bắt giải về Kinh vì coi như đã đào ngũ. Ngày mồng 2 tháng 8, bộ Hình xét xử. Vua Càn-long phê rằng việc Quính làm đó là “nhân-tình chi thường” nên không bắt tội. Quính hiểu rằng sắp được tha trở về quê.

Ngày mồng 1 tháng 9, quan Hậu-quân Nhưỡng-hoàng-tinh tới hỏi Quính có xin về nước nữa không, rồi quan coi Hỏa-khí doanh là Định thân-vương tới bảo rằng : vua đã ưng thuận cho đem hài-cốt chúa cũ về nước, nếu bọn Quính muốn về thì làm tờ trình. Chẳng phải nói, tất cả đều tình-nguyện đưa quan-tài Chiêu-thống về nước. Nhưng ta cũng không nên nghĩ rằng người Thanh đã đặt những câu hỏi ngớ ngẩn. Đó chỉ là thủ-tục theo luật-lệ. Chính vì óc thủ-tục và luật-lệ ấy mà bọn Quính đã bị giam trong mười ba năm.

Tháng 8 năm sau (Giáp-tí 1804), Quính và tất cả những tông-vong còn sống sót về đến Bắc-thành (Thăng-long cũ) đem về quan-tài Chiêu-thống, mẹ và con trai, cùng với tàn-cốt của những tông-vong đã mất. Bấy giờ tất cả cựu-thần triều Lê còn sống đều đến đón. Chuyện Lê Thị-Kim vợ Chiêu-thống tự-tử sau khi ra nhận và tế xác chồng con, đã gây một tiếng dội phi-thường xứng với khí-tiết của nhóm Quính, tiêu biểu cho luân-lí Đông-phương cổ-diễn.

Sau khi về nước, Quính không nhận chức tước triều mới ban cho, tới ở chùa xã Đại-đồng thuộc huyện nhà (Siêu-loại) được một năm thì mất (ngày 16 tháng 9 năm Ất-sửu 1805) thọ 56 tuổi.

Trong nhóm tông-vong sống về, một số ít chịu làm quan với triều Nguyễn, như Trịnh Hiến làm đến chức tham-tri tào Binh ở Bắc-thành, Lý Bình-Đạo làm đến chức hiệp-trấn. Phần lớn xin về làng. Đến năm Tự-đức thứ mười (1857), vua sai bộ

Lễ tư các tỉnh tra tên tuổi những bầy tôi nhà Lê đã tuân-tiết nghĩa là chết vì trung-thành với triều Lê (27 tháng 4, có lệnh tra lại rõ ràng hơn). Nhân đó vua được đọc thơ trung liệt của các trung-thần ấy, như thơ của Lê Quính. Vì vậy lại ra lệnh cho Nội-các thu thập các thi văn của các trung-thần đời trước. Có lẽ nhờ vậy mà nay ta còn thấy một số thơ của các vong-thần cuối Lê, và nhất là tập *Bắc hành tùng kí* này. Thư-viện Khoa-học ở Hà-nội còn có bản sao. Trong mục 386 sách *Lược truyện các tác gia Việt Nam*, tập một (viện Sử-học Hà-nội 1962) có chép tên *Bắc hành lược biến*, một tác-phẩm khác (?) của Lê Quính.

Sau đây tôi theo bản sao lại của nhân-viên *Đông phương bác-cử* cho Henri Maspero, nhập vào trong tập *Thiên-nam trung nghĩa thật lục* đề tại thư-viện Société Asiatique ở Paris. Tôi đoán rằng hai bản cũng cùng một gốc chép ra, hoặc sao chuyển nhau. Bản sao cần-thận, nhưng tôi cũng đoán được một số chữ sai.

Tôi sẽ dịch nguyên-văn. Thịnh-thoảng nguyên có một vài chú-thích, chắc là người sau đề vào. Tôi cũng dịch theo, nhưng in chữ xiên và đề giữa hai cái gạch dài. Rêng tôi cũng chú giải hoặc chữa sai, hoặc giải-thích, hoặc so sánh với biên-kí khác, hoặc thêm chữ cho rõ nghĩa. Những lời của tôi, sẽ phần lớn đề lẫn trong chính-văn, nhưng dùng dấu ngoặc đơn để làm hiệu. Trừ ra khi nào chú-thích của tôi dài, thì tôi sẽ viết tách ra và sẽ gọi là *phụ-chú*.

Lê Quính không phải là một văn-nhân độc-đáo. Văn tự-sự còn tự-nhiên dễ dịch. Còn các lời trình bày, như thơ, văn tự-tình thì có tính-cách văn cử-ngiệp, nhiều nơi khó dịch vẫn-tắt mà rõ ý.

Dẫu sao, thi văn của Quính không phải hạng văn-hoa bóng bẩy, chỉ chngộng lời thôì. Trái lại, lòng yêu nước, chống bất-công, tự trọng nên không oai-quyền và lợi-lộc uy hiếp, tất cả cái

khí-tiết, cái hậm-hực đã thò-lộ ra lời thi văn. Lối lí-luận biện-chứng lắt-léo khéo-khôn trong các tờ trình khiến ta cảm thấy *Bắc hành tùng kí* thật là linh-hoạt.

Trong văn-khố Việt, những bút-kí còn lại rất ít. Chỉ tính-cách ấy cũng đủ khiến ta đề ý đến tập này.



BẮC HÀNH TÙNG KÍ

Tựa tự mình đề

Ta họ Lê, tên Quính, người xứ Giang-bắc, phủ Thuận-an, huyện Siêu-loại, xã Đại-mão. Đời đời nhà học đạo Nho. Năm hăm một tuổi, bỏ *Văn-quán nho-sinh*. Vì phụ-ấm, được hàm *Hiền-cung đại phu*. Năm hăm lăm tuổi, về đề tang cha. Mùa hè năm ấy (1774), trong nước có nhiều sự lôi thôi, (ta) bèn ở nhà hầu mẹ.

Năm Bình-Ngo (1786), một hương-cống triều Lê (Nguyễn Hữu-Chỉnh) người Nghệ-an, vờ gặc Tây-sơn ở Quảng-nam — nay thuộc Bình định — lấy danh-nghĩa dẹp nội-nạn, thẳng ra chiếm Kinh-thành. Chúa-soái Trịnh Tông — lại có tên húy Cao, xưng là *Đoan-nam vương* — vì thế bị chết. Ta lập-tức đem ba trăm người gia-đình vào hộ-vệ. Rồi xây chuyện tướng Tây-sơn Nguyễn Huệ — lại có tên Quang-Bình — lấy công-chúa rồi về xứ phiên — là đất Ô-châu cũ. —

Chưa bao lâu, Hoàng-đế nhà Lê mất (thật ra : mất trước khi Nguyễn-Huệ về). Cháu tự-tôn là Duy Khiêm (có thể đọc *khiêm*, *liêm*, *hiêm*, *hạm*, không rõ đây đọc âm nào; cái tên Duy-Kì là đề xưng với người Thanh chẳng ?) nối ngôi, cải nguyên Chiêu thống. Ta vâng mệnh đi phủ-dụ miền Giang-bắc (Bắc-ninh),

xếp đặt công việc xong xuôi. Sau khi về, được trao tước *bá*. Bấy giờ ta băm bảy tuổi (năm 1786; vậy Quính sinh vào năm 1750).

Năm Đinh-mùi (1787), Nguyễn Huệ tiếm hiệu Quang-trung (thật ra đến năm 1788 mới xưng hiệu), sai ti-tướng Vũ Văn-Nhậm ra chiếm Kinh. Ta vâng mệnh theo *Binh khẩu tướng quân* Đinh Nhã-Hành đem kì-binh ra chặn. Bấy giờ các đạo binh đều vỡ. Chỉ một chi kì-binh đóng vững ở Vũ-châu thuộc Sơn-Nam (Nam-định), níu giữ cô-lũy, suốt tháng đánh hơn ba mươi trận lớn bé. Quân Tây-sơn không dám lại gần.

Vũ Văn-Nhậm bèn chia quân đi đường ngoài, tiến lấy thành nhà Lê. Vua chạy trốn lên phía bắc sông Phú-lương (muốn nói sông Nhị). Một mình Quính đem quân quận nhà và gia-nhân lên phía bắc, theo kịp nơi vua trú ở Văn-phong (Bắc-ninh). Rồi hộ giá, vừa đánh vừa chạy, từ bắc đến nam. Các cự-thần, thế-tộc, phiên-mục; thồ-hào lại nhóm họp dần dần khá đông.

Năm Mậu-thân (1788), vua ở hành-tại Vi-hoàng (Nam-định), văn vũ chừng mười người, quân thủy bộ chừng bốn vạn, chiến-thuyền lớn bé có hơn năm trăm chiếc. Quân-khí khá phần-chấn. Quính được phong tước *Trường-phái hầu* (có bản sao bia Lê Quính chép *Trường-hà hầu*, có lẽ kẻ sao đi sao lại lầm vì tự-dạng).

Thời ấy, Thái-hậu cùng Nguyên-phi — *người Tì-bà* (Nguyễn Thị-Kim) — Nguyên-tử (con trai Nguyễn Thị-Kim) đều ở Thái-nguyên. Vua lấy làm lo, bèn sai Quính và Nguyễn Quốc-Đổng (anh Nguyễn Thị-Kim) đi làm *tả hữu hộ-vệ sứ* cho *Khôn-nghi cung* (tức là Thái-hậu, dùng cung ở trong thành nội mà gọi người ở). (Ta) từ Vi-hoàng đi lên phía bắc mà trảy Vũ-nhai thuộc Thái-nguyên. Khi đến nơi, thấy quân thừa tướng ít. Và lại bị quân Tây-sơn tiến lại gần, bèn mời Thái-hậu qua Cao-bằng.

Bèn có chuyện *Bắc-hành*.

— Trong tập kì này, các đầu đoạn đều đề niên hiệu nhà Thanh —

(HỘ-TỔNG THÁI-HẬU)

Tháng giêng năm Mậu-thân, niên-hiệu Càn-long thứ 53 (1788), vua (Chiêu-thống) trú ở *Giang-bắc*. Tháng 2, đi về *Đông*, rồi đi *Vị-hoàng* thuộc *Son-nam*.

Bấy giờ, *Thái-hậu* với *Nguyên-phi*, *Nguyên-tử* đều ở *Thái-nguyên*. Quính vâng mệnh đi lên Bắc đề hộ-vệ *Thái-hậu*. Tháng 4, đến *Thái-nguyên*, thấy binh ít, thế gấp, bèn đưa *Thái-hậu* đi trốn *Mục-mã* (nguyên làm ra *Mục-dã*) thuộc *Cao-băng*.

Tháng 5, quân *Tây-sơn* thỉnh-linh tới, *Phiên-mục Hoàng Ích-Hiêu* theo lời dẫn của đốc-dồng *Nguyễn Huy-Túc* lấy thuyền buôn đưa *Quốc-mẫu* (*Thái-hâu*) thuận dòng đến cửa *Thủy-khẩu* (cửa sông *Bằng* vào biên giới *Long-châu*), tạm trú ở trên một gò nhỏ ở giữa sông thuộc thôn *Bến xã Phất-mê*

Ngày mồng 9, quân *Tây-sơn* đến đông. Quính và *Ích-Hiêu* chia nhau hai ngã mà ngăn chống. Đốc-dồng *Nguyễn Huy-Túc*, *Phượng-thê-hầu Nguyễn Quốc-Đổng*, *Trường-thu-lệnh Phạm Đình-Quyền* cùng nhau đưa *Thái-hậu* qua sông, tới làng *Đầu-áo* mà vào đất *Thanh*. Chiều tối, Quính và *Ích-Hiêu* giữ gò nhỏ ở giữa sông *Phất-mê*. Quân *Tây-sơn* vây phía *Tây-nam*. Quân giữ ải *Nội-địa* ngăn phía *Đông-bắc*. Lui tới đều hết đường, chỉ còn có thể đánh đến chết mà thôi. May tối đến, mưa gió to. Trong đêm tối, nhân chớp sáng mà lợi qua sông. Bắt đầu vào đất *Thanh* tại làng *Đầu-áo* trong núi *Đồ-Sơn*.

Người nhà còn bảy đứa. Sáng dậy, thấy *Thái-hậu* với *Nguyên-phi*, *Nguyên-tử*, các tòng-thần đều ở trong động núi. Lương hết. Tim được vài bao ngô đem tiến. Còn hơn sáu mươi người đều lấy rễ tươi bồ-cốt-chỉ đập nát và quả trong rừng mà ăn cho đỡ đói (nguyên chép: dĩ sinh cốt tảo dĩ bồ chỉ

以生骨破補脂, chắc lằm. Sách *Từ-nguyên* có tên cây bồ-cốt-chỉ 補骨脂 hoặc phá-cổ-chỉ 紙故碎). Người nhà tôi, Nguyễn Cầm bị bệnh lưỡi trắng, không ngờ (sau khi) ăn bồ-cốt-chỉ lập-tức khỏi bệnh.

[Phụ chú : Nguyễn Huy-Túc, chủ-động trong các việc đón đưa Thái-hậu co để lại một số thơ làm ta biết thêm một vài điều. Quê xā Kim-lũ, huyện Thanh-trì, Huy-túc là con tiến-sĩ Công Ân. Năm Đinh-mùi (1787) được cử làm đốc-đồng Cao bằng. Mấy tháng sau, đốc-trấn Nguyễn Đình-Tổ mất. Huy-Túc nối chức. Tháng chạp, được tin Lạng sơn báo việc Tây-sơn chiếm Thāng long và Chiêu-hồng chạy lên Bắc. Huy-Túc định đón vua Lê lên giữ Cao-bằng làm căn-cứ để phục-hưng. Tháng giêng năm sau (1788) đem quân tới Thái-Nguyên tìm vua, và định tựa vào Thanh mà giữ vùng Bắc. Tháng 4, mới biết rõ chỉ có cung-quyển chạy lên Thái-nguyên và còn trú ở Vũ-nhai, tại Vung - mỗ. Huy-Túc tới đem cung-quyển lên Cao-bằng. Tro g tập thơ kí sự, có ba bài nói rõ những ý ấy: « Nghe tin vua bỏ Kinh mà sợ. Xin theo người xưa giữ đất Bắc. Bốn châu liền nhau đều đất hiểm. Ai bảo rằng từ xưa nay không thể dấy nên vua ở đó. Trung-quốc đồng lòng với ta thì ít ta còn. Đánh từ phía bắc: đó là bĩu-phận tôi để báo ơn vua một phần nhỏ.. Trộm nghĩ rằng Vũ-nhai gần nơi khói lửa. Chẳng bằng trấn Cao-bằng địa-hình xa sâu... »]

Bài Tháng 5 họ Từ-giá qua bến Phất-mê kể vất-tắt rằng : « Thành-linh trong chốc-lát cờ giặc đầy núi. Xách gươm theo kiệu ra đến bờ sông. Một bè kết bằng năm cây tre chở quốc-quyển. Một dây giăng qua sông giúp các quan lợi theo... Mưa lớn suốt đêm, rét thấu xương. Sáng dậy nhìn sông nước chảy như bay. » Huy-Túc thuật việc chạy loạn này một cách tường-tận hơn trong bài *Tì-bà phu-nhân tuổi tiết hành* (Kể chuyện bà Nguyễn Thị-Kim tự-tử). Trong đó có: « Năm Đinh-mùi, giặc Tây-sơn xương-cuồng nổi. Cuốn đất tung bụi kinh-khủng khôn lường. Bà ôm con theo xe vua ra khỏi Hoàng-thành. Lính ngựa-lâm tan-tác, chạy dài lên Giang-bắc. Khiếp sợ ngựa đi về Văn-phong. Bà riêng

theo Từ-hiến (hiệu Thái-hậu ?) vào núi Vũ-nhai. Quần lụa dép là đau xót trào lồi hiêm. Chắt liêu tư bề khổ chịu rét. Vua ở nơi xa biệt âm tín. Trong sân vắng vẻ nước mắt tràn. Bỗng nghe âm âm tiếng trống từ đâu đến: Trấn-tướng Cao-bằng đến đón xe loan. Kiệu về Mục-mã tạm nghỉ-ngoi. Xuống thuyền xuôi dòng tiến đi cửa ải Phất-mê. Binh giặc được tin đuổi theo kịp. Tên rơi lửa bay giáo mác tiến kề. Nhờ mấy tre trời vượt dòng nước. Chồng-chênh nghiêng-ngửa nhưng qua được. Trèo bờ nứu cây lên đỉnh núi. Mưa xối mù dày sắc trời tối. Thồ-dân hăm-hở dọc đường đưa. Lương núi gồ-gề đường núi hẹp. Cuối đường có đá, đá có động. Trong động có giếng nước trong veo. Nghĩ lại giếng ấy tạc năm nào. Chỉ biết ngày nay có tiên-nhân. Nước suối rau rừng cho qua bữa. Chim kêu hoa rụng gọi uất-sầu. Tin tới Nội-địa, viễn thông-phán tới. Hỏi rõ căn-do, ta mách nạn. Quan đô (coi việc binh) lập-tức bắt phu đài-tải. Đưa đến Long-châu tạm nghỉ chân. Cấp cho phẩm vật đã đầy-đủ. Canh-phòng lính tráng lại nghiêm-mật. Quan tuần-vũ liền phái bảo tới Nam-ninh. Trong ngoài trang-nghiêm nơi ở trọ...”

Tên Phất-mê nay trong địa-đồ không thấy nữa, nhưng địa-diềm thì chắc-chắn, vì tên Thủy-khâu-quan vẫn còn.

Số người chạy sang đất Thanh trong vụ này. Theo Quính thì chừng gần 70 người (xem trên). Theo Ngụy Nguyên trong *Tháng-vũ-kí* thì có chừng 200 (xem *Sử-địa* số 9-10 trang 247). Một kí-giả người Thanh đương-thời, tên Sư Phạm, chép rõ-ràng rằng: “Quan tuần-vũ Quảng-tây tư bảo khai tên các quyến-thuộc cháu nối ngôi An-nam quốc vương, và tùy-tùng và đầu-mục. Tờ kê khai nói rằng *Nguyễn-thị Ngọc-Tổ* là mẹ *Lê Duy-Kì*, *Nguyễn-thị Ngọc-Thụy* là vợ, *Lê Duy-Thuyền* lên ba tuổi là con: đàn ông có chức sáu người, đàn bà có vị sáu người; những kẻ theo hầu sáu người...” Những tên kê trên đây không phải tên húy, mà chỉ là tên đặt ra trong các quan-thư: *Nguyễn-thị Ngọc-thụy* tức là *Nguyễn-thị-Kim* (xem *Chinh An-nam kí lược*).

Ở đó vài ngày. Người giữ ải, *Hoàng Thành-Phượng*, chuyển báo *Long-châu*. Thông-phán là ông già Trần, tên Tùng đến tra họ tên và nguyên-ủy (sự đầu phụ). Rồi đưa đến Long-châu. Lại chuyển trình phủ *Thái bình*. Ông già lớn họ Trần tên Hữu-Nhân lại chuyển trình lên đạo (*Tả-giang*), trấn, ti niết (*án-sát*), vũ-đốc (*tuần-vũ*). Ben vâng mệnh đem lên trú ở *Nam-ninh*.

Tháng 6, tổng-đốc *Lưỡng-Quảng* là quan lớn họ *Tôn*, tên *Sĩ-Nghị* xét rõ đầu đuôi sự tình. *Quính* và *Huy-Túc* đem chuyện thật đáp lại, và xin cho *Thái-Hậu* và *cung-quyển* ở lại *Nội-địa*, đề *Quính* cùng *Quốc-Đổng*, *Huy-Túc* trở về theo chủ mà lo khôi-phục. Quan Tổng-đốc đem chuyện ấy tâu lên. Được *Hoàng-đế Đại-Thanh* quyết đoan sai quân đi cứu viện, đề làm tỏ đại-nghĩa cho thiên-hạ, giữ cương-thương trong nước thuộc. Ban thưởng cho bọn *Quính* 500 lạng bạc và các hàng sô, đoạn; cho về trước tìm tin-tức vua và thám-thính tình-hình trong nước.

Tháng 7, *Quính* và *Quốc-Đổng* đi đường *Quảng-dông* theo đường bờ về nước.

[**Phụ-chú :** *Thánh-vũ kí* chép « *Lê Quính* và *Nguyễn Đình-Mai* về nước mật báo cho *Tự-tôn* ». *Hoàng Lê Nhất thống chí* chép rõ lời *Huy-Túc* xin *Sĩ-Nghị* « cử ba người chia làm hai đường; *Đình-Mai* đi đường *Mông-tự*, *Quính* và *Đổng* đi đường bể *Long-môn*,.. mà về » *Mông-tự* thuộc *Vân Nam*. Vậy có lẽ là người đã gặp tổng-đốc *Vân-nam* là *Phú Cương* và kể lại việc loạn ở nước ta như *Sư Phạm* kể lại trong *Chinh An-nam kí lược* rồi *Ngụy Nguyên* trích lại trong *Thánh-vũ kí*. *Sư Phạm* đã chép rằng : « Tổng-đốc *Vân-Nam* là *Phú Cương* đem quân đóng ở *Khai-hóa*. Bấy giờ mệnh đến đột-ngột nhưng việc loạn ở *An-nam* vì lâu thì không tra-cứu hết. Vừa gặp kẻ bày tôi *An-nam* trước chạy vào *Nội-địa*, nay từ *Quảng-tây* qua *Khai-hóa* để về nước. Quan lớn *Phú* vội tới hỏi. Ý bèn khai nguyên-ủy sự loạn đã xảy ra... »]

Tháng 9, gặp vua ở huyện *Tứ-kì* thuộc *Hải-dương*. *Quính*

lại vâng mệnh cùng hàn-lâm thị-độc Hương-phái-hầu Lê (Duy-) Đản — người huyện Yên phong, xã Hương-la, đậu tiến-sĩ, — và hàn-lâm hiệu-lí Đình-nhạc-bá Trần Danh-Án — người huyện Gia-định, xã Bảo-trị-ên, đậu Tiến-sĩ — theo đường tắt tới Ái-điểm để vào Nội-địa tạ ơn và báo tin.

[Phụ-chú : Bản viết Bắc hành tòng kí chép lầm ra Hải-điểm. Cửa quan Ái-điểm thuộc Lạng-sơn, địa-hạt Lộc-bình, ở phía đông Nam-quan. Về đoạn này, Hoàng Lê Nhất thống chí chép dài, nhưng không phù-hợp với trên. Theo HLNTC, ta hiểu rằng. Sự Chiêu-thống sai Duy-Đản và Danh-Án đi sứ cầu viện không phải là hậu-quả của sự Quính ở Quả-g-tây về. Trái lại ý c'ùng muốn nói là sứ đi trước khi Quính về tới nơi. HLNTC cũng nói rằng Duy-Đản và Danh-Án sang Quảng Tây vào tháng 9 (năm Mậu-thân 1788, vậy phù-hợp với thời-điểm Quính chép. Nhưng sách ấy không nói Quính trở sang đất Thanh cùng hai người kia (xem hồi 15, 16, 17). Đoạn này chắc Quính chép đúng sự thật hơn, vì sau đó Quính sẽ theo quân Thanh về Lạng-sơn vào tháng 11 cùng với Duy-Đản, thế mà HLNTC lại nói rằng « Hai người bàn với nhau để Danh-Án ở lại, cho Duy-Đản theo đường cũ về nước » (hồi 16), rồi « Lúc ấy vừa thấy Lê Duy-Đản từ Thái-bình về báo tin tổng-đốc Quảng-tây đã đem lời cầu viện tâu lên và đã được chỉ ưng thuận... Lại thấy Lê Quính từ Long-châu về... ». Sự thật thì Duy-Đản ở lại (theo lời Quính) và Danh-Án trở về, chứng là các đề trong tập thơ của Trần Danh-Án: khi đi có bài Qua Cỗ-phao thành (chú-thích: Án vâng mệnh đi Thanh xin quân, đường qua Cỗ-Phao thành, cảm-tác) và bài Bắc qui quá Cỗ-Phao thành. Trong chuyến đi này, sợ quân Tây-sơn gác các ải-quan bắt các sứ-thần đều phải cải-trang làm dân quê. Danh-Án đã ghi chuyện ấy trong bài Quá Cỗ-Phao thành, phỏng-dịch ra sau :

« Cỗ-phao thành dưới Mạc-thành hoang
 Lòng chạnh quay nhìn phía cổ-hương
 Xử thế há không hành-động lạ
 Lo nhà hà-tắt nặng tư-lương

Đình hay vũ-trụ là ngô phận
Chẳng chịu giang sơn thuộc ngoại bang
Muôn thừa Lãn truyền đều tuyệt lạ :
Nón cời áo rách sứ-thần mang ! »]



(GIÚP-RẬP CHIÊU-THỐNG)

Tháng 10 (Mậu-thân 1788), yết-kiến tông-đốc Tôn (Si-Nghị) ở phủ Thái-bình. Bấy giờ đại-binh đã nhóm.

Ngày 24 tháng ấy, (đại-binh) khởi hành. Ngày sóc tháng 11, ra cửa *Trấn nam quan*, lấy thành Lạng-sơn. Tông-đốc giặc, *Phan Khải Đức* (học trò cũ Nguyễn Thiếp), đầu hàng. Quan lớn Tôn bảo Khải-Đức đem thổ-binh đi trước mở đường. Quính và Đán ở trong quân đề chực ngài hỏi.

Đại-quân thẳng tới huyện *Bảo-lộc* thuộc Giang-bắc. Ba lần đánh đều được. Bắt đô-đốc *Trần Danh-Hoán*, chém đi.

Quan lớn Tôn bảo người hỏi rằng : « Bộ-đường ta ra khỏi cửa ải đã hơn tám trăm dặm. Vì có gì mà chưa thấy Quốc-vương động tĩnh ra sao ? » Quính trả lời rằng bởi vì đường-sá cách-trở, và xin một mình cưỡi ngựa đi tìm chủ. Ngài bằng-lòng.

Quính và Lê Duy-Đản bàn với nhau rằng : « Từ khi (ta) ra cửa ải đến nay, quân địch thua luôn. Chắc chúng đặt nhiều quân ở núi Thị-cầu, (mong) có nước chặn, đề cự lại. Nhưng chung nó dùng binh chỉ biết nhìn phía trước, thường không ngoảnh về phía sau. Nên dùng kì-binh chộp phía sau, thì chắc sẽ thắng. Quân ở doanh Thị-cầu (nếu) đã bại, thì khôi-phục cố đô dễ như nhờ nước bọt vào bàn tay. »

Đến khi Đại-binh tiến đến núi *Tam-tăng*, cách địch con sông. Lê Duy-Đàn nói (muru ấy) với quan lớn Tôn. Quan lớn bèn nghe kể (*Thánh vũ kí* chép việc đánh chộp nhưng không nói Duy-Đàn bày muru).

Ngày 20, qua sông *Thị-cầu*, phá doanh giặc, tiến đến bờ bắc sông *Phú-lương* (muốn nói sông Nhị). Giặc Tây-sơn bỏ thành *Thăng-long*, chạy về phương nam.

Ngày 21, vua yết-kiến quan lớn Tôn ở bờ Bắc sông.

[**Phụ-chú:** Đoạn này *HLNTC* chép có nhiều điều khác. Trước hết nói rằng Lê Duy-Đàn từ Quảng-tây trở về báo tin cho Chiêu-thống biết viện-binh Thanh sắp sang. Rồi Chiêu-thống sai y đem thư lên đợi Sĩ-Nghị ở cửa ải. Sau lại sai Phạm Đĩnh-Dur và Vũ Trịnh đem thiệp thi h-an và trâu rượu lên biếu Sĩ-Nghị ở Hòa-lạc, trên sông Hóa, phía bắc doanh Bảo-lộc. Cuối cùng Chiêu-thống và quần-hần đến chào Sĩ-Nghị khi Sĩ-Nghị tới Kinh-bắc. Những điều kể ra đó có phần mâu-thuẫn với lời Quính, tuy rằng trong *HLNTC* chép nhiều chi-tiết hơn, ví như câu chuyện giữa Sĩ-Nghị và Vũ Trịnh. Và chẳng, về đoạn này, tác-giả *HLNTC* lờ vai trò Quính. Tôi nghĩ rằng Quính chép sót nhiều việc, nhưng *HLNTC* trái lại có lẽ đã tô-diễn câu chuyện cũng nên. Một điều đáng chú ý nữa, về các ngày có chép rõ, đối với *Thánh vũ kí*, thì chậm sau hai ngày.]

Ngày 22 (tháng 11 năm Mậu-thân 1788), đánh lấy lại Kinh-thành. Tin thắng-trận tâu về. Thiên-triều ban sắc ấn xuống phong vua làm *An-nam quốc-vương* (thật ra Tôn Sĩ-Nghị mang sắc ấn và ấn theo mình. Xem *Thánh vũ kí*)? (Vua) sai Lê Quính cầm việc binh lương để gấp kì tiến đánh. Vì sao quan lớn Tôn lại chủ mưu sự chiêu hàng gọi (giặc) tới, (bèn) giúp Quốc-vương tới đòi (Quính) trả lại ấn, và đòi trao cho chức binh-chương-sự, lĩnh mọi việc thuộc các bộ binh và hộ. Bấy giờ Quính bị bệnh sốt rét nổi to, không thể liệu việc được, bèn

mang bệnh về quê nhà (làng Đại-mão, huyện Siêu-loại, thuộc Bắc-Ninh) để uống thuốc.

[Phụ-chú : Đoạn này chắc Quính cố ý bỏ qua địa-vị và công-tác của mình trong khoảng hơn một tháng của triều-đình lập lại. Phải chăng vì Quính ốm ? Đúng hơn thì vì Quính thất chí chăng ? Hoặc-giả Quính đã có những hành-động cử-chỉ mà sau Quính hối chăng ? HLNTC chép nhiều về Quính trong đoạn này (hồi thứ 17), mà rất những chuyện không hay cho danh-dự Quính. Về chức tước thì HLNTC nói Lê Quính làm *quán-trung úy đốc tước quận-công*. Sự này chắc có phần sai. Lại thêm : « lĩnh đạo quân cần-vương theo Tôn Sĩ-Nghị giúp đỡ việc quân... Hằng ngày, sau buổi chiều, Vua lại tự đến Doanh Nghị chờ nghe công việc nước việc quân. Lần nào cũng vậy, Vua cưỡi ngựa đi trước, Lê Quính cưỡi ngựa đi sau... »

HLNTC lại kể chuyện Ngô Tướng-Đạo khuyên Chiêu-thống đừng dựa vào thế quân Thanh nữa, mà đem quân cần-vương tiêu-trừ quân Tây-sơn đóng ở vùng Thanh Nghệ. Nhưng Quính can vua và tự nguyện vào hồi ý-kiến Sĩ-Nghị rồi bị Nghị mắng. « Từ đó vua chỉ tựa vào Nghị, các quan không ai dám nói đến chuyện đem quân phục thù. Quính thì suốt ngày say mê tửu sắc... »

HLNTC lại chép rằng chính Quính đã xui vua giả ân và giả oán và đã đoạt một số vàng của Nguyễn Ba-Khoan lấy từ Cao-bằng về, thế mà vua vẫn dung-túng.

Phê-bình chung về Quính, tác-giả họ Ngô các hồi cuối HLNTC chê Quính một cách thậm tệ. Nào kể chuyện Chiêu-thống cố nài Sĩ-Nghị đem quân vào Nam, và câu trả lời của Sĩ-Nghị bảo vua tôi Chiêu-thống muốn gấp thì đem quân đi trước hết đi, HLNTC, hồi 18, chép (lời dịch của Ngô Tất-Tổ) :

« Quính... vốn là một tay phong-lưu công-tử, khi trẻ tuổi chỉ biết uống rượu đánh bạc, văn-sư, võ-bị đều ít luyện-tập. Trước đây vì là con nhà quý-phai, được vào làm kẻ gia-thần nhà vua. Đến hồi Tây-sơn kéo ra, kinh-thành thất-thủ, Hoàng-thượng sai Quính đi hầu Thái-hậu

chạy lên Cao-bằng. Nhân nhíp quân giặc đuổi bắt, không thể không chạy sang Tàu. Quính cũng hơi biết chữ nghĩa, cho nên những lúc nói chuyện với người Tàu, thốt ra nhiều câu khoác-lác. Sĩ-Nghị không xét chỗ đó, liền đem lời Quính đệ tâu. May được vua Thanh ưng chuẩn. Cả bọn lại được về nước nhà, Quính tự cho đó là công của mình. Sau khi đến thành Thăng-long, Quính liền ra sức báo ân báo oán, ăn đút ăn lót, làm nhiều việc chẳng ra thể nào...»

Những nghị-luận trên đây cũng có thể đúng một phần nào, nhưng ta chớ quên rằng tác-giả là con cháu Ngô Thì-Chí (tác-giả bảy hồi đầu *HLNTC*) là người cũng được Chiêu-thống phái lên Cao-bằng tìm Thái-hậu, nhưng bị bệnh mất dọc đường, cũng là con cháu Ngô Thì-Nhậm là đối-dịch với Quính. Vả chăng, sau đoạn trích trên, *HLNTC* lại chép rằng sau khi Sĩ-Nghị chạy, «vua Chiêu-thống đương ở trong điện, tiếp được tin báo, ngài kíp cùng bọn Lê Quính, Trịnh Hiễn rước Thái-hậu chạy... Trưa ngày mồng mồng 6, vua Chiêu-thống đến núi Tam-tàng... Vua và Thái-hậu cùng đi, đến đồn Hòa-lạc, vừa gặp một người thổ-hào... Người ấy bèn đi giết gà làm cơm thịt đãi. Vua mời Thái-hậu và bảo bọn Quính cùng ăn... Vừa tối thì đến cửa ải. Sĩ-Nghị cũng đã đóng quân ở đó... Vua cũng để bọn Quính ở lại, bảo họ lên về trong nước chiêu dụ những người trung nghĩa...» Theo lời chép ấy, thì Quính cùng chạy với vua và Thái-hậu; từ cung ở Thăng-long cho đến Nam-quan khí nào cũng không rời. Nếu thật thì không lẽ gì Quính lại không chép sự ấy, nhất là chuyện vua bảo trở lại mang trọng-trách chiêu-dụ hào-kiệt. Trái lại, sau đây ta sẽ thấy Quính chép rằng khi Thăng-long mất, Quính nằm bệnh ở quê nhà cho nên không biết chuyện ấy liền. Ai chép đúng sự thật? Điểm này, theo lí thì chắc rằng Quính, vì đang thời nhiều người còn biết chuyện mình rõ ràng, không lẽ Quính nhớ sai hoặc cố-ý chép sai một việc quan-trọng như vậy, nhất là cái việc ấy không làm tổn danh-giá mình

Ngày 27, Nguyễn Quốc-Đổng, Lê (Doãn-) Trĩ vâng đón từ-giá từ Nam-ninh về đến nơi (chắc rằng Tôn Sĩ-Nghị đã sai làm điều ấy từ trước, tuy rằng trong *Thánh vũ kí* có chép rằng Tôn Sĩ-Nghị khi đến sông Nhị định ngày 22 phong vương cho Chiêu - thống và và gắp báo cho Tôn Vinh-Thanh sai đem gia-quyển Chiêu-thống về).

(ĐÁP LỆNH PHÚC KHANG-AN)

Năm Kỷ-dậu (1789), Chiêu-thống thứ ba — *Càn-long thứ 54* — bệnh Quính khá đỡ. Được tin Thăng-long thất-thủ, quan lớn Tôn từ thắng giềng đã rút quân về Bắc (và) vua cũng đi Bắc (điều này trái với *HLNTC* chép, như đã nói trong phụ-chú trước). Ngưng mặt trông non sông tan vỡ, giận luống ôm trời rộng đất già. Muốn xấn tay hợp binh tướng tán-vong, thế khó đỡ ngói bay đất lở. Quay vào mình tự ngẫm rằng « Việc nước như thế, làm sao đương nổi việc xoay trở lại ; nhưng bản-chất bấy tôi là thờ vua, thì mình ắt phải hết sức trong sự đáng làm mà thôi ».

Rồi (tôi) tập-hợp các đồng-chí đề đợi quân nhà vua khôi-phục.

Tháng 5, thấy biểu - huynh (anh con cô hoặc con dì), là *Nguyễn Trình* vâng mệnh tổng-đốc Quảng-tây, ông già (tiếng xưng hô các quan lớn đời xưa, cũng như tiếng cụ hoặc cố đời sau) *Phúc* — tên *Khang-An* — sai về đời Lê Quính đến trước cửa quan đề hỏi chuyện. Bấy giờ bệnh Quính đã khỏi.

Tháng 7, Quính đi Nam-quan đợi mệnh.

Tháng 8, Quính theo đường *Ái-diễm* đến châu *Ninh-minh*.

[**Phụ-chú :** Trong tập thơ còn thấy, Quính có để lại ba bài thuộc khoảng này. Bài đầu có đề *Ra lần thứ hai dừng ở Ái-diễm đề đợi mệnh, đã mười ngày mà chưa lên đường, vì vậy cảm tác* ; trong bài có câu : « Quyền h nh nghĩa lớn nghìn vàng nặng. Bèo bọt thân tôi một lá nhẹ ». Bài thứ hai đề *Từ Ái-diễm đi đến Ninh minh, có chú-thí h*. Bấy giờ Quính nghe đồn rằng ngay ra quân đã định ; lại nghe nói rằng Nguyễn Huệ đã chịu hàng. Cửa biết đích-xác ra sao, nhân thế làm bài thơ « Trong hai bài trên, Quính còn nhiều ảo-vọng Ví dụ trong bài thứ hai, Quính khen người Thanh không cần nhọc binh mà giặc phải hàng ; lại tự nguyện tung-quân nếu vương sư lại trở sang. Nhưng khi tới Ninh-minh mới bắt đầu hiểu tình-hình bi-đát : vua với

tùy-thần đã cắt tóc cải trang và một bọn tòng vong đã nhận chức-vị của triều Thanh ban cho, trong đó Phan Khải-Đức. Cho nên trong bài trường-thiên *Trung thu ở châu Ninh-minh cảm tác*, lời thơ đã tỏ nỗi buồn-bực và thất-vọng. Thơ có chú-thí h nói « Quính nghe rằng vua Lê ở thành Quế-châu ». Đại-ý bài này như sau: « Cũng ngày này, năm ngoái thì ở bể Đông, mây mù chặn đường về. Ngày này năm nay ở phố Ninh-minh, trăng trong gió mát; nhưng vì việc bối-rối không vui. Tôi đất người khác xin giúp, nước mắt đã cạn. Nhớ vua ngày dài đằng-dằng. Tưởng lại khi vua tôi cùng ở trong cung, vua xót dân-ình, tôi lo việc giặc. Nay vua lưu-lạc ở Quế-lâm, muốn trở về cũng khó. Ghét những bọn không nghĩ đến cương-thường mà chỉ nghĩ đến thân danh Sao không xem gương những kẻ trung liệt đời xưa. Vua ta ngày nay ra sao. Khiến ta ngày thu buồn-bực. Không biết ngày nào lại đem quân về khỏi phục giang sơn? Người Nùng còn biết tòng quân. Có thể dùng xứ Tuyên-quang lâu dài làm căn-cứ ».

Trong nhóm đồng hành với Quính, *Trịnh Hiến* cũng có để lại một vài bài thơ: *Tặng viên bạn tổng họ Phan là người coi Ái-diêm, Vịnh Thủy-nguyệt-cung ở thành Ninh-minh*. Lời thơ tao-nhã hơn thơ Quính, nhưng trái lại ý không liên-quan gì đến thời-thế.]

Tháng 9, thấy quan đạo Tả-giang là ông già *Tống* — tên *Văn-Hình* — bảo phải cắt tóc cải trang và tạm ở an-trí. Bọn Quính đem đủ lễ bày tỏ rằng :

« Chúng tôi đi chuyển này, chỉ để đáp mệnh đòi của quan lớn PHÚC. Vốn không nghĩ đến trốn tránh xin đầu để thoát một thân mình. Nay, được ơn Thượng-ti thăm dung-nạp. Ấy không phải vốn lòng Quính muốn, vậy chưa dám nghe mệnh. Như nay, chúng tôi nguyện trở về. Nếu có làm « đầu tướng - quân Nghiêm », làm « lưõi Nhan Thường-quân » (Nghiêm và Nhan là hai trung - thần liệt-sĩ; đây lấy lời trong bài *Chinh-khi ca* của Văn Thiên-tường tề-tướng đời Tống bị Nguyên bắt giam đến chết) thì đúng sự cam-tâm. Theo lời Ngài (cho về) phục thù, thì cạo đầu như quốc-nhân (người Thanh có sao đầu. Nếu chỉ để đem an-trí thì quyết không dám theo. »

Rồi quan đạo Hữu-giang lại hai ba lần ép bắt các bạn và kẻ đi theo Quính, mười ba, mười bốn người, đem ra chỗ ngoài thành mà cạo tóc (trong đó có con nhỏ của Quính). Chỉ Quính, cùng hiệp-trần *Nguyễn Mậu Nễ* — người huyện Kim sơn — tri-phủ *Nguyễn Đồng* — người làng Phật-tích — *Trịnh Hiến* — người làng Biện-thượng — chỉ-huy *Lê (Doãn)-Tri*, — hàn-lâm viện cung-phụng *Lí Bình-Đạo* — có tên khác là *Gia-Du*, người làng Thụy-lôi tỉnh Hà-nội — cả bọn lấy sự thà mà chết phản-kháng.

[Phụ-chú : Có lẽ trong lúc này, Quính đã trả lời người Thanh cái câu mà mọi sách đều chép trừ tập *Bắc hành tùng kí* này. Câu ấy là : *Ngô bối đầu khả đoan, phát bất khả đoan*; nghĩa là : chúng ta đầu có thể cắt chứ tóc thì không thể cắt. Tôi nghĩ rằng câu đánh thép ấy có lẽ Quính đã nói trong cơn tức giận, chứ không phải một câu văn viết trong một tờ trình, và bởi lẽ ấy Quính không chép lại trong *Bắc hành tùng kí*.

HLNTC, hồi thứ 19 chép rằng : « Trước đó, Trường-phát-hầu (chắc muốn chép Trường-phái hầu, tuy rằng trường - phát có nghĩa là tóc dài, hợp ý với sự Quính không chịu cạo đầu. Hoặc chăng đó là hiệu đời Nguyễn tằng ?) Lê Quính vâng mệnh lưu lại trong nước chiêu-dụ thổ-bào để tính công việc khôi phục. Khi ấy, Quính và bọn Trịnh Hiến, Lí Tạo (có lẽ Lí Bình-Đạo), Lê Hợp (có thể là Nguyễn Đồng ?) tất cả chừng vài chục người đều sang đất Tàu. (Poúc Khang-) An nghe tin, liền cho trát đòi bọn Quính cắt tóc đổi đồ mặc mà thôi. Quính biết An đánh lừa, tức giận mà nói : « Đòi ta đến bàn công việc, nay không nói một chuyện gì, chỉ bắt ta gọt tóc, đổi đồ mặc, thế là làm sao ? Chúng ta đây *đầu có thể cắt, tóc không thể cắt, da có thể thay, đồ mặc không thể đổi* ». An biết là không thể ép, bèn đem an-trí ở tỉnh Quảng-tây. Bấy giờ vào cuối mùa đông năm Đinh-dậu » (muốn chép Kỷ-dậu 1789) — theo Ngô Tất-Tổ.

Thật ra, bọn Quính bị an-trí ở Khánh - viện (phủ ở phía tây Liễu-châu) như sau sẽ thấy. Về lại sự gặp Khang-An xảy ra sau khi bị an-trị, vào tháng 11 như sau sẽ rõ. Xem vậy thì câu trả lời trên quả phải đặt vào thì-gian này.]

(Bọn Quính) bèn bị đem đi phủ Khánh-viễn ở trú. Ngày 24 tháng 9, đến *Nam-ninh* (bản sao chép Ninh-minh, ý chừng muốn chép Minh-ninh, nhưng đã khởi hành từ thành ấy). *Nguyễn Đồng* bị bệnh chết ở châu Nam-ninh.

Tháng 10. đi *Liễu-châu*. Ngày 22, *Nguyễn Mậu-Nỗ* bị bệnh chết ở Liễu-châu.

[**Phụ-chú** : Nam-ninh và Liễu-châu là hai địa-điểm quan-trọng trên đường từ Ninh-minh đi Khánh-viễn *Trịnh-Hiến* có ghi cảm-tưởng trong hành-trình này trong hai bài thơ bát cú : *Từ Ninh - minh đến Nam-ninh cảm tác* và *Qua đầu đất Thượng-lâm*. Bài trên có. «Trải qua đất Ninh-minh đến Nam-ninh, non sông lạ mắt đều chí tình, Núi từng từng dựng theo sông, sông khúc khúc quanh theo núi. Chưa tan gập cù núi như gầy, sắp rửa thù sâu sông vẫn đục...» Trong lời thơ bấy giờ mới thấy nổi xót-sa của thi-sĩ. Bài sau có «Rẽ sao gọi mưa bấy lâu rồi, vừa khỏi Tư-ân (bản sao chép Tư-lãng chắc lầm, vì lí-do địa-lí) đến Thượng-lâm,.. Chớ lấy làm lạ sự chúng ta bị lao-khổ, Bao Tư ngày nọ cũng như nay ». Bài này tỏ rằng từ Nam-ninh đi Liễu-châu, bọn Quính phải đi tắt bằng đường bộ.]



(GIẢI ĐI YÊN KINH)

Tháng 11, (từ Khánh - Viễn) đi *Ngô - châu*. Vào yết kiến ông già Phúc (Khang-An). (Bọn Quính) lại đem chuyện đầu đuôi tỏ bày đầy-đủ. Thì lại được người ủy - viên cho biết rằng họ Nguyễn (Quang-Bình) thành thật tới qui-phục, và quan tổng-đốc Phúc sửa-soạn việc nhận hàng — ấy là ý của *Hoàng-đế Đại-Thanh*.

Nó bảo :« Chúng bay chỉ lấy hai chữ cương - thường xưa nay sáng rạng đề mong làm sự giáo-trá, dao-hoặc nhân-tâm ; ý muốn thay đổi sự Thiên-triều định cuộc hay sao ? »

Bọn Quính thưa rằng: “Trộm nghĩ rằng theo kinh Lễ, không gì lớn hơn phận, phận không lớn hơn danh. Mà Tây-sơn mạnh, thì đáng được phận. Và nó được phong thật-sự để định cái phận ấy, để chính cái danh ấy. Bọn Quính chúng tôi há dám đụng đến danh và phạm đến phận nó sao! Nhưng sự hưng phế của nước, xưa nay từng có; mà cái gọi là cương - thường thì suốt từ xưa đến nay cũng không thể đổi.

“Bọn Quính làm tôi thờ triều Lê. Không may, nước vỡ, thân chạy. Gắng hết sức chân tay, giữ bền tiết trung trinh, đó là việc phải làm trong chức phận. Xem như Trương Lương mưu trong trướng Hán, Bao Tư khóc trước sân Tần; người xưa cũng từng tận tâm cho sự mình thờ như vậy. Bọn Quính vì cương-thường mà mưu việc, ấy là theo thánh - giáo, mà cũng là theo nhân-tình”.

“Trước đây, chiếu-thư đã nói rằng (sai quân) đến thuộc quốc để nâng diu cương-thường. Vậy (việc bọn tôi làm) là trái ý Hoàng-đế chăng? Nhưng cái định cuộc khi trước chốc lát đã biến đổi thành định-cuộc thụ-hàng, đến đổi làm lòng người dao-động. Ấy chẳng phải bọn Quính thúc đẩy người ta bị lầm đâu.

“Bọn Quính tới đây lần này, vốn không có mấy lòng giáo-trá, (sự ấy) không cần biện cũng tự rõ. Há lại có (muru) biến đổi thời-cuộc chăng? Chẳng qua dựa vào thật-lí mà tòng quyền mà thôi, (Mong lượng trên) soi xuống, may gì không có chỗ kín nào mà không xét đến”.

Lại được lời (Khang-An) dỗ rằng: “Chúng anh chắc không thể nào lại ra cửa quan (về nước) được. Hãy tạm đợi lại đây, chờ ta đem việc tâu về, xin bỏ-dụng chúng anh ngang hàng với Phan Khải-Đức (chức đô-ti Liễu-châu, theo HLNTC hồi 19). Chúng anh có muốn không?”

Bọn Quính thưa rằng: “Trộm nghĩ rằng Khải - Đức (vốn) là người của Tây-sơn, nguyên không sự quốc-thù gì có thể báo. Một

khi đã biết hướng thuận lập công, y được bao-dung trọng hậu. Vì đó y có thể bằng lòng nhận việc. Còn như bọn Quính là cô-thần nhà Lê, không thể so-sánh với Phan Khải-Đức được.

« Lưu lại Nội-địa, không phải nguyện chúng tôi. Vì lưu lại đây, thì bỏ việc nước không hỏi đến, ấy là bất-trung. Bỏ cha mẹ không đoái tiếc, ấy là bất-hiếu. Phụ những kẻ đồng-tâm chết với nước, ấy là bất-nghĩa. Lỡ lòng mong cứu khỏi đắm chửa khỏi cháy, ấy là bất-nhân. Vì nước mà đòi thành bán nước, ấy là bất-trì. Liều mình mà trái lại giấu mình, ấy là bất-dũng. Mang đủ sáu điều đó, sao xứng được làm người? Trung-quốc tuy rộng, cũng không đất dung những đồ chó lợn ấy.

« Và chẳng, bọn Quính chỉ vì có mệnh (đòi mà tới) đợi, chứ không phải đã vượt ải treo đeo mong nộp mình nhờ gửi. Nếu bảo rằng đã tới thì không về được, và vì thế phải giam giữ lại, thì bọn Quính, về điều sống chết, hoàn-toàn nhờ mệnh trời. Nói tóm lại, sau khi tồ vớ, sao trúng có toàn. Hể họ Lê không trở lại, thì bọn Quính không dám mưu sống. Thà chết ở đất cũ của họ Lê để tỏ lòng trung còn giữ, ấy là nguyện của bọn Quính. Nếu chết uổng ở Nội-địa, thì không phải chỗ muốn.

« Vậy đội ơn xin Thượng-ti (quang tổng-đốc) cứu vớt hoàn-toàn lòng nhân của kẻ cô-thần. Mong Quan lớn lượng cho ».

Ở lại đó vài ngày, (bọn Quính) nhận được lời (Khang-An) bảo rằng: « Nay đã đem chỉ-hướng các anh chuyển tầu lên rồi. Nên hãy đi Quế-lâm mà đợi mệnh. »

Tháng 12, đến Quế-lâm.

Cuối tháng, giải đến tỉnh-thành Quảng-đông.

[Phụ-chú: Trong hành trình từ Khánh-Viễn đến Ngô-châu, Quính còn để lại một bài thơ bát-cú đề là *Nhân tạm trú ở Liễu-châu mà làm*; lại có tựa nhỏ rằng: « Bấy giờ Quính đi đến Liễu-

(Xem tiếp trang 181)

TRẬN ĐỒNG ĐÀ

■ của PHÙ LANG TRƯỞNG-BÁ-PHÁT

▼ cho Dững con tôi ở trại binh

Lái Thiêu.

Tháng 11 năm Đinh-Mùi [1787] Vũ-Văn-Nhâm là rề Nguyễn-Nhạc và đang trấn-thủ Nghệ-An, vâng lệnh Nguyễn-Huệ kéo binh ra Bắc-Việt đánh Nguyễn-Hữu-Chính. Nhâm phá đấng quân của Chính do Nguyễn Hữu-Du là con Chính điều-khiển ở Thanh-Quyết (huyện Gia. Viễn tỉnh Ninh-Bình) rồi thắng một trận thứ nhì ở Châu Cầu (phủ Lý-Nhân) Nhâm đánh rốc thắng vào Thăng Long.

Vua Lê-Mẫn Đế có niên-hiệu là Chiêu-Thống từ năm rồi phải sống theo lười gươm mũi giáo của Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự, Đại-Tư-Đồ Bằng-Trung-Công Nguyễn-Hữu-Chính nay thấy thật lực của quân binh Chính bỏ như bún, mới lật-đật từ giã Kinh-đô Thăng-Long chạy về Kinh-Bắc [nay là tỉnh Bắc-Ninh]. Chiêu-Thống phái hoàng-đệ (em của Chiêu-Thống) là Quang-Thị-Thần Lê-Quỳnh cùng với ba mươi người tôn thất đem Hoàng-Thái-Hậu, Hoàng-Phi và Hoàng-Tử lên Cao-Bằng trú chân nơi dinh của Đốc-Đồng Nguyễn-Huy-Túc — Hoàng Lê Nhất Thống Chí, tr. 194, dòng 31, 32, tr. 195, dòng 14, 15

Chiêu-Thống phải vầy đoàn cùng Hữu-Chính lên đóng đồn ở núi Ba Tầng. Văn-thần cùng đi theo Chiêu-Thống có năm người là Nguyễn Đình-Glân, Nguyễn-Đình-Dư, Chu-Doãn-Lê, Vũ-Chính và Trương-Đặng-Quĩ.

Tướng Tây-Sơn là Nguyễn-Văn-Hòa đem binh đến đánh giết chết Nguyễn-Hữu-Du, bắt đặng Nguyễn-Hữu-Chinh vì ngựa té quăng Chinh trên đất. Đem Chinh về Thăng-Long xử chết. Trước khi chết Chinh yêu cầu gặp Nhậm. Nhậm không cho, sai người kể tội rằng: «Mầy vốn là tôi chúa Trịnh, phản chúa mà về với ta, đề «lập mưu kế tru diệt họ Trịnh, rồi lại phản ta về Bắc lừa dối «vua Lê, chiếm lấy ngôi cả, làm oai làm phúc, ngấm ngấm toan «cướp ngôi vua, đề tranh dành với chúa ta. Đòi xem mầy toan «học thói cũ của quân đạo tặc. Nay phải phanh gan phanh ruột «mầy ra, bỏ hế: những cái dơ bẩn, đề người Bắc-hà lấy mầy «làm gương.»

Rồi Nhậm hạ lệnh đem phanh thây Chinh thả cho chó đến ăn thịt.— *H.L.N.T.C.* tr. 195, dòng 31,32,33 và tr. 196, dòng 1, 2, 3, 4.

Sách *Sơn-Tùng* lại nói buộc vào xe mà xé xác.— *Sơn-Tùng*, tr. 109, dòng 15.

Hồi bây giờ là cuối năm Đinh-Mùi (1787).

Chiêu-Thống chạy về núi Bảo-Lộc (1) rồi đến ở phủ Thuận-An, Thuận-Thành bây giờ, ở Vạn-Kiếp, rồi về làng Xuân-Liên, huyện Lang-Tài, Kinh-Bắc [Bắc-Ninh] sang Chí Linh, rồi thua trận chạy thuyền đến Biện-Sơn, lên bộ đi lên Thanh-Hóa với Lê-Ban. *Chiêu-Thống* cải trang trở về Kinh-Bắc, tạm ở nơi phủ Lạng-Giang (2), rồi về Từ-Sơn. [*H.L.N.T.C.* tr. 197, 198, 201, 209, 218, 219]. Trong trí *Chiêu-Thống* cũng quyết tâm khôi phục nhà Lê, nhưng lớp bị phần-đồng các tôi thần nản lòng lánh mặt, lớp lại có tâm phản phúc như Nguyễn Cảnh-Thược, Đinh Tích Nhưỡng, nên *Chiêu-Thống* còn ở ầu. Tìm Lê *Chiêu-Thống* không đặng, Vũ-Văn-Nhậm tôn Sùng Quận-Công Lê-Duy-Cần là chú ruột của *Chiêu-Thống* làm Giám-Quốc đề thâu gom lòng người. Trước kia Cần là là thái-tử, sau bị bỏ. — *Hãn*, tr. 118, dưới số 1.

(1) Ở thuộc về Lạng Giang phủ.— *Phong Đình Dư Địa Chí*, tr. 99 dòng 14.

(2) Lạng-Giang phủ lãnh hai châu Lạng Sơn, Thượng Hồng — *Phong Đình Dư Địa Chí*, tr 62

Vũ Văn-Nhậm lại thấy người ta đua nhau theo *Nhậm* mà bỏ *Cần*. Sớm mai chỉ có *Cần* ngồi trong điện với vài người hoàng-thân, bốn viên võ-biễn. Hàng ngày *Cần* đi bộ qua chỗ *Nhậm* ở *Nhậm* không biết xử trí ra sao. Người ta gọi *Cần* là « *Giám-Quốc-lại-mục* ».— *H.L.N.T.C.* trang 204, 205.

Nhậm lại muốn độc lập một cõi ở Bắc-Hà.

Hồi tháng hai Đinh-Mùi, *Huệ* có sai *Ngô-Văn-Sở* và *Phan-Văn-Lân* làm tham-tấn-quân-vụ đi thẳng *Nghệ-An* hợp với *Nhậm* đi ra Bắc, đánh *Chinh*, và dặn nhỏ hai người ấy coi chừng *Nhậm*.

Khi *Nguyễn-Hữu-Chinh* bị chết, *Nhậm* tỏ ý cậy tài và kiêu ngạo.— *H.L.N.T.C.*, tr. 205.

Sở bèn viết thư và có *Lân* làm chứng, rồi ngầm sai người về cho *Nguyễn-Huệ* hay.

Hết sức gấp, *Huệ* từ Phú-Xuân ra Thăng-Long. Sách *H.L.N.T.C.* nơi trang 206 nói đi cả ngày không nghỉ thì chừng hơn 10 ngày.

Đến Thăng-Long vào canh tư đêm. *Nhậm* còn ngủ trong phủ. *Huệ* khiến võ-sĩ là *Hoàng-Văn-Lợi* vào đâm *Nhậm* rồi cho khiến xác ra sau phủ đường. *Huệ* truyền lệnh cho *Sở* làm Đại-Tư-Mã coi cả quân của *Nhậm*. Chừng sáng, quân-sĩ của *Nhậm* mới hay.— *H.L.N.T.C.* trang 206 dòng 21, 22, 23, 24.

Chuyện ấy xảy ra lối tháng tư Mậu-Thân, 1888.— *Hãn*, tr. 110.

Đến tháng năm, *Nguyễn-Huệ* phái *Lê-Duy-Cần* làm Giám-Quốc-Bắc-Hà, chủ-trương việc tế lễ, *Ngô-Thời-Nhậm* làm Lại Bộ Tả Thị Lang tước Tinh-Phái Hầu, *Phan-Huy-Ích* làm Hình Bộ Tả Thị Lang, cùng *Nguyễn-Thế-Áp*, *Ni-Tồn* và *Nguyễn-Bá-Lân*. *Huệ* đem *Phan-Huy-Ích* về Nam *Ngô-Thời-Nhậm*, *Ninh-Tồn* và *Nguyễn-Bá-Lân* thì ở Bắc với *Ngô-Văn-Sở*. *Ninh-Tồn* và *Nguyễn-Bá-Lân* làm Hàn-Lâm-Trực-Học-Sĩ.— *H.L.N.T.C.* tr. 209.

Huệ cải cách binh bị, cũng tắt cả mọi công việc dân sự ở Bắc.

Cuối tháng năm năm Mậu-Thân [cuối tháng 6-1788 *Huệ* về Nam có ghé Nghệ-An để xem đất Phù-Thạch, ở làng Vĩnh Đại, bờ mé tay mặt sông Lam, cạnh núi Nghĩa Liệt, hầu có dòi dò từ Phú Xuân ra đó.

Xin nhắc lại chuyện xảy ra từ tháng tư năm Đinh-Mùi 1787, giữa *Nhạc* và *Huệ*.

Sau khi ở Bắc về, *Nhạc* xưng Trung Ương Hoàng Đế đóng đô ở Qui-Nhơn, phong cho *Lữ* làm Đông-Định-Vương ở đất Gia-Định và phong cho *Huệ* làm Bắc Bình-Vương đóng đô ở Phú Xuân.

Nhưng «anh em không thỏa thuận nhau về sự chia của cải lấy ở Bắc-Hà về, cho nên sanh sự đánh nhau. *Huệ* đưa binh vào vây Qui-Nhơn và tự xưng là *Chính-Bình-Vương*».— *Hãn*, tr. 102, dòng 1,3,4 5

Thế *Nguyễn-Huệ* từ chối trước Bắc Bình-Vương của *Nhạc* phong cho. Thông thường ai cũng có tánh tốt và tật xấu. Đây xin nói về một tật xấu của con người thôi : sự tham lam.

Người tự xưng là hùng là người đứng trên luật-pháp có lòng tham to, kẻ thường tham lớn không đặng, tại không thể thật hiện lòng tham ấy vì luật-pháp kèm chế nó lại.

Ở đây *Huệ* cũng vậy. Không ai bó buộc lòng tham của *Huệ* nên *Huệ* đoạt bạc vàng châu báu, lấy mỹ-thuật phẩm trong phủ chúa Trịnh về Phú Xuân.

Tuy là *Huệ* tự xưng là Chính Bình-Vương, nhưng trong thơ gửi cho người ở ẩn núi La đều đề Thái Đức là niên hiệu của *Nhạc* — *Hãn* tr. 111, 119 121.

Chúng tôi xin trở về với Bà Hoàng Thái-Hậu của *Chiêu-Thống* mà chúng tôi nói đến hồi đầu bài.

Khi Bà Hoàng Thái-Hậu chạy lên Cao-Băng, Bà trú chân trong nhà dân ở bên ải Đầu Ao đã tính công việc sang Tàu cầu cứu. — *H.N.L.T.C*, tr. 224, dòng 27, 28, 29.

Cố nhiên, là *Nguyễn-Huy-Túc* lo sắp đặt chỗ ở, và trù liệu việc sang Tàu.

Có lẽ lối cuối tháng sáu âm-lịch, Bà đã đi rồi, nên tới mùa thu tháng 7 năm Mậu-Thân đã có mặt Bà bên Tàu. Bà và các người đi theo Bà đếm được 64 người vừa nam vừa nữ. Bà kêu cứu với viên chức ở Long-Châu tên là *Trần Hồng-Thuận*. — H.L.N.T.C, tr. 226, dòng 13, 14.

Từ đây viên-chức ấy trình lên Quản-đạo Quảng-Tây là *Dương-Hùng-Nghiệp*, viên này trình về đốc phủ [phủ của Tổng-Đốc *Lưỡng-Quảng* tức là phủ *Tôn-Si-Nghị*].

Tổng-Đốc *Lưỡng-Quảng* là *Tôn-Si-Nghị*, tuần-phủ *Quảng-Tây* là *Tôn-Vinh-Thanh* họp nhau tại Nam-Ninh [*Quảng-Tây*].

Hoàng-Thái-Hậu dẫn nguyên-tử [?] đến khóc lóc cầu viện. *Tôn-Si-Nghị* dâng sớ về vua *Càn-Long* ở Bắc-Kinh trong đó *Nghị* tâu trình rằng vua *Lê-Chiêu-Thống* đã bỏ chạy trốn, nghĩa vụ của người Tàu nên cứu vớt.

Tôn-Si-Nghị lại thêm một câu này : « Và lại *Annam* là đất cũ của *Trung Quốc* ; sau khi khôi phục được nhà *Lê*, để quân ở lại, thế là còn nhà *Lê* mà lấy được *Annam* ». — *Tri Tân*, Xuân, 1942.

Nghe rất bùi tai, vua *Càn-Long* chuẩn y, tay viết chiếu rằng : « Trẫm hẳn làm việc nghĩa ở thiên hạ, giúp đạo cương-thường, ở dưới công việc Nam-giao giao cho người cả ». — *Tri Tân*, Xuân 1942.

Si-Nghị nhận được tờ chiếu, mưu làm việc lớn, tuyền quân ở *Quảng-Đông*, *Quảng-Tây*, *Vân Nam* và *Quý Châu* Theo tờ hịch loại thứ nhì, sẽ nói một lát ở sau, thì tới 50 vạn binh Tàu đăng tuyền mộ. Chưa biết trong bốn tỉnh *Quảng-Đông*, *Quảng-Tây*, *Vân-Nam* và *Quý-Châu* mỗi tỉnh phải cung cấp bao nhiêu lính.

Theo sách của *Sơn-Tùng* và sách của *Lê-Thần-Trần-Trọng Kim* thì binh của *Tôn-Si-Nghị* đếm được tất cả 200.000 người còn binh của *Huệ* hơn 100.000 quân. — *Sơn-Tùng*, tr. 119, *Kim*, tr. 110.

Do tờ hịch và do hai tác-giả trên, số quân Tàu so le nhau quá.

Theo học-giả Kim, thì hồi Ất-Dậu 1285, muốn xâm chiếm quốc-gia Việt-Nam, quân Mông-Cồ phải dùng đến 50 vạn binh. Bây giờ, có lẽ nhà Thanh vịn theo nhà Nguyên mà cũng cho ngần ấy quân qua đây.— Kim, Việt-Nam sử lược, quyền thượng, tr. 127, hàng 21

Trong số hơn 100 000 binh sĩ của vua Quang-Trung, có quân Nghệ-An, ba đình bắt một. Vâng lệnh Quang-Trung trong chốc lát Hàm-Hồ Hầu tuyển hơn một vạn.— H.L.N.T C., tr. 254, hàng 25, 26, 27.

Theo Đông-Hoa Toàn Lục, vua Càn-Long dụ cho lũ quân cơ đại thần biết. Lúc ấy nhằm mùa đông, tháng 10, ngày Kỷ-Hợi (năm 1788).

« Quân Annam thần phục thiên-trào rất là kính thuận. Trước kia đến kỳ triều-cống đều sai bởi thần tới kinh, sau này tự tôn là Lê-Duy Kỳ tức Lê-Mẫn Đế tức Lê-Ciên-Thống (1786-1789) phục quốc thụ phong tất sẽ theo lệ thường xin phong. Song nước ấy, từ ngày lũ Nguyễn Huệ (sử ta chép là Nguyễn-văn-Huệ tức Quang-Trung nhà Tây-Son 1778-1801) khởi binh đuổi vua, đánh hãm thành nhà Lê là Thăng Long, quyền thuộc sang nội-địa, tự tôn đi trốn, ngôi nước không thể giữ Trẫm nghĩ là thần phục lâu năm không nỡ thấy nhà Lê mất, đặc ân sai quan đốc phủ truyền hịch sang Annam bắt Nguyễn-Huệ và sai Tôn-Sĩ-Nghị đốc suất binh mã đi tiêu trừ ».

TÔN-SĨ-NGHỊ ĐEM BINH VIỄN-CHINH XUỐNG BẮC-VIỆT

Mùa đông, có lẽ là lối cuối tháng mười, năm Mậu-Thân [lối cuối tháng 11 năm 1788] Tổng-Đốc Lưỡng Quảng là Tôn-Sĩ-Nghị đem quân sang giúp vua Lê trở lại ngôi báu.

Tôn-Sĩ-Nghị lại khiến tôi thần nhà Lê là Trần-Danh-Án đi ngả tắt về trước báo cho vua Chiêu-Thống hay.

Nguyên lúc trước Tham tri Chánh Sự là Lê-Duy-Đán và phó

Đồ Ngự Sử *Trần-Danh-Ấn* theo đường núi qua Tàu và đưa thơ của *Chiêu-Thông* kêu cầu cứu-

Bây giờ đây, binh *Tanah-triều* sắp qua *Bắc-Việt*, nên cho người tôi thân nhà *Lê* về trước và đem theo «hịch dụ, sao ra nhiều bản, cho hần đem về truyền-bá trong « nước ». — H.L.N.T.C., tr. 232, hàng 14 và 15.

Theo tôi xem qua hần đây chắc là *Trần-Danh-Ấn*, vì *Lê-Duy-Đán* đã về nước trình bày cho *Chiêu-Thống* hay rằng nhà *Thanh* sắp cử binh qua. — H.L.C.T.C., tr 224, hàng 24.

Rủi thay cho người đời sau, không đặng xem lời lẽ trong tờ hịch loại thứ nhứt vì nó không còn sót lại.

Trước khi cử binh sang *Bắc-Việt*, *Tôn-Sĩ-Nghị* có ban ra 8 điều quân-luật.

Đây là 8 điều ấy :

1.— Đại binh ra ải, cốt để dẹp giặc yên dân. Đi qua các nơi; đội ngũ đều phải nghiêm chỉnh, không được quấy nhiễu nhà người, cướp bóc chợ búa. [Nói nghe rất sừng tai, nhưng kỷ-luật không nghiêm minh bằng chứng là ở sách H.L.N.T.C. tr. 246 hàng 24 tới 33 mà tôi sẽ trình ở một trang sau].

2.— Ngoài ải, toàn là đồi cao núi hiểm, đất đó rất dễ mai phục, nên phải rẫy sạch khối đá, phát hết nửa rừng cây, để cho trông thấy quang đặng có thể vững lòng mà đi. Nếu gặp chỗ nào đất mới sộp lỏng thì phải đề ý xem xét, cho khỏi mắc phải quỉ kế của giặc.

3.— Đại binh định đóng chỗ nào, trước hãy xem xét địa thế, tìm lấy những nơi dễ kiếm nước cỏ, không gần rừng cây, bốn mặt đào hào đắp lũy, sai các binh sĩ đêm ngày tuần phòng, lại cho quân đi dò la ở ngoài mười dặm, không được ầm ầm to tiếng, dễ bị kinh loạn.

4.— Người Nam đánh trận hay dùng sức voi. Lối đó nội

địa không quen, nên gặp phải, ắt đều chạy trước để tránh. Nhưng không biết rằng: sức voi tuy khỏe, nó cũng là thân máu thịt, không thể địch lại hỏa khí của ta. Nếu như thấy voi ra trận, xa thì bắn súng, gần thì dùng cung và đao, khiến nó bị đau mà chạy lặt lại, dây xéo lẫn nhau, quân ta thừa cơ tiến lên mà chém, quyết là phải thắng. Cần phải nói cho mọi người biết rõ như thế mới được. [Đã biết nói như thế nhưng làm không được, bằng chứng là Huệ cỡi voi đánh trận và cũng có nhiều voi ở trong cánh quân của Thái Sư Bảo cũng chẳng nghe voi bị hao hốt].

5.— Quân Nam không có «sở trường» gì khác. Họ chỉ dùng các «ống phun» làm thứ lợi khí. Thứ lợi khí ấy gọi là «Hồ lửa». Trong khi hai bên giáp nhau, trước hết họ dùng vật ấy đốt cháy quần áo người ta, để cho người ta phai lui. Nhưng cái thuật ấy, cũng chỉ như thế mà thôi, so với súng ống của ta, còn kém xa lắm. Hiện đã chứa sẵn vài trăm «lá chắn» bằng da trâu sống, nếu gặp «ống phun» của người Nam phun lửa, quân ta một tay chắn đỡ lửa, một tay cầm gươm chém bừa, họ sẽ phải lướt ngã.

6.— Đại binh đi đường, nếu gặp khe suối, giòng sông, những chỗ nước sâu, thì phải chặt lấy tre gỗ bắc làm cầu phao để binh-mã sang cho tiện. Chỗ nào sông hẹp nước nông, viên coi binh biên phải dò đích xác rồi cho binh lính theo hàng xâu cá mà đi. Lúc xuống nước búi-dù thuốc súng không được bấu đầu ném đấy, lỡ bị ướt thì hỏng.

7.— Rau củ của Đại-binh dùng trong hàng ngày, đã có tiền quan cấp phát chỉ được trao đổi với người Nam bằng cách thuận tình, không được tự tiện trèo lên chặt lấy cây cối ở các làng xóm để sinh ra sự tranh giành [Ra chỉ-thị thì nghe được, nhưng việc hành-động của quân Thanh thì trái ngược như trên điều 1, phần bình-luận của tôi].

8.— Quân lính bị thương, viên cai-quản cũng phải nghiệm xét đích thật, làm giấy bẩm trình, cho đưa về dinh điều-trị, để

tỏ sự hưu-tuất. Nếu có kẻ nào xằng giả làm đau ốm hông được về nhà, khi đã tra ra, sẽ phải «chính pháp» lập tức. Vả lại lần này quân sĩ phải đi tới chỗ biên ải xa xôi, triều đình đã có hưu tuất tột bậc, mỗi tên lính cấp một tên phu. Các viên cai quản cần phải hiểu dụ cho lính với phu phải thương xót nhau, không được tự ý sai khiến một cách tàn ngược. Quân lính đi đường đều phải mang lấy khí giới, không được tự mình đi không, đồ đạc giao mặc phu dịch, khiến họ vác đội không nổi, giữa đường tìm cách đi trốn. Số phu quá nhiều, tra kiếm rất khó có thể dinh trước lần vào dinh sau, kẻ nọ kẻ kia, không quen biết nhau, dễ sinh lộn xộn. Phải cấp cho mỗi tên phu một miếng thẻ bài đeo lưng. Trong thẻ viết rõ tên họ hiệu dinh cho tiện nhận xét phân biệt — H.L.N.T.C tr. 236, 237

Trong tám điều này có hai điều 1 và 7 là nói về binh lính nhà Thanh giao thiệp với thường-dân Bắc Việt, hai điều 4 và 5 đề-cập về chiến-tượng và khí giới của Bắc Việt, 4 điều kia thuộc về chiến qui của binh đội Mãn-Thanh, có điều 8 nói «mỗi tên lính cấp một tên phu». Vậy cử qua Việt Nam 500.000 quân mã thành ra là 1 triệu người. Hồi cuối Mậu-Thân 1788, số sản-xuất nông-phẩm của Bắc-Việt không đủ nuôi dân chúng Bắc Việt, nay lại phải gánh nặng thêm một triệu miệng ăn thì làm sao nạn đói không hoành hành, hơn dân không than oán choặng :

Một bài hịch loại thứ nhì của *Tôn-Sĩ Nghị* cũng không còn nguyên vẹn, chỉ còn đại-ý mà *Hoàng-Lê Nhất-Thống* chỉ trình lại.

« Dấy nước đã diệt, nổi giồng đã tuyệt, việc đáng làm chỉ kẻ man hoang, vớt người người bị chìm, cứu kẻ bị cháy, đừng chẳng được mới dùng binh cách. Nay nghĩ họ Lê nước Annam, vốn là cội thần của Thiên triều, ba trăm năm vật sản tiến dâng, tính theo chức phận, mười năm lộ đất phong chia cắt, gồm có nước nhà. Thế mà khoảng năm Kiền Long, tư-tướng trong nước là bọn Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ cất quân làm loạn, đánh úp La thành, vua Lê trước vì lo sợ mà phải qua đời. Tự tôn là Lê-Duy-Kỳ, đến nỗi siêu bạt ra ngoài. Bề tôi cũ là Nguyễn-Huy-Túc đem mẹ

và vợ Tự tôn chạy sang nội địa, khẩn cấp xin cứu. Đã hỏi bọn Túc: Tự tôn hiện nay ở vùng Kinh bắc, Lạng sơn, tôi dân vẫn nhớ chủ cũ Nguyễn-Nhạc là quân mọi rợ, như giống chó dê, quen thói hung tợn của loài chồn sói, đến đâu cướp đấy, trăm họ oán đến xương tủy. Tôi một tên dân ở biên thùý dùng dùng nổi lên phạm vào luân thường, làm trái nghĩa lý, đạo trời đã không thể tha; lại dám hoành hành nơi nội địa, tàn hại hơn dân, bạo ngược chúng thú, phép vua cũng cần phải đánh. Hiện đã đệ tâu và được Đại Hoàng đế thương xót họ Lê tan nát, không nỡ để cho cháu gieo lằm than. Ngài đã sai quan Đốc phủ đeo ấn Chinh nan, đại tướng quân, đem 50 vạn binh mã thẳng tới La thành, trừng trị tội ác bọn Nhạc, không cho lũ chúng trốn thoát hình phạt của trời. Nước Nam đời đời tôn đội vua Lê, nhờ ơn quyền uyển nuôi nấng đã lâu, chỉ nặng còn chưa mất, cảm kích bởi trong lòng, không thể tự mình bỏ mất thiên lương của mình, đến nỗi quên vua theo kẻ giặc Kẻ nào trước xưng tín nghĩa, tựa sức cứu giúp của Thiên triều, hợp tập đồng chí, ra sức trừ diệt quân thù, thì khi đi tía hát khúc khải hoàn, màn soái tính sở quân công, sẽ được cất đất chia phong, hưởng chung phúc lộc với họ Lê, như Trịnh đại gia ngày trước. Hịch này đưa tới, đâu đó đều phải hăng hái, mài dũa dòng dao, chống lại với kẻ thù nhà vua. Ai nấy một lòng giốc sức thì mới có công, mới được lĩnh thưởng ở trong quân, hưởng phúc ở trong nước. Hãy cố gắng lên». — H.L.N.TC. tr. 237, 238.

Theo trong quân của Tôn-Sĩ-Nghị có đề đốc Hứa-Thế-Thanh, tri phủ Điền Châu là Sâm-Nghi-Đồng trong Nam gọi là Khâm-Nghi-Đồng], đề tổng ở Vân-Nam và Quý-Châu là Ô Đại Kinh.

Tôn-Sĩ-Nghị chia binh làm ba đạo vào Bắc-Việt.

a) Đạo thứ nhất do ngã Tuyên Quang vào. Ngã này gọi là ngã Lào Kay, song gọi là ngã Tuyên Quang vì hồi bấy giờ nó gồm Hà-Giang, Lào Kay, Yên Bái vào tỉnh lớn là tỉnh Tuyên Quang. Bộ Đông Hoa Toàn Lực gọi là đường Khai Hóa. Binh nơi theo ngã này là quân của Ô-Đại-Kinh vì hồi bấy giờ tỉnh Tuyên Quang

giáp giới với Vân-Nam, và Vân-Nam giáp giới trên Đông Bắc với Qui Châu.

b) Đạo thứ nhì do tri phủ Điền Châu là *Sầm-Nghị Đống* điều khiển do ngã Cao Bằng lấn vào. Binh này do tỉnh Quảng Tây cung cấp vì tỉnh Quảng Tây và tỉnh Cao Bằng ở sát nhau. Quân này tuyển quân Quảng Tây.

c) Đạo thứ ba do *Tôn Sĩ-Nghị* và đề đốc *Hứa Thế Thanh* chỉ huy noi theo ngã Nam quan vào Bắc-Việt. Nam quan ở tỉnh Lạng Sơn mà tỉnh này giáp giới với tỉnh Quảng Đông. Binh này là binh mạnh mẽ và luyện tập hẳn hoi trong đạo quân viễn-chinh vì phải che chở cho *Tôn-Sĩ-Nghị*. *Trương Triệu Long* có tên khác là *Trương Sĩ-Long* là tướng đi tiền phong.

Vừa đến Lạng Sơn binh của *Trương-Sĩ Long* chạm trán binh Tây Sơn trấn giữ ở đó. Tướng chỉ huy là *Phan-Khai Đức* xin hàng. *Nguyễn-Văn-Điểm* cũng trấn thủ Lạng Sơn thấy vậy rút về Kinh Bắc, lý luận rằng mình người Quảng Nam dẫu đầu hàng chưa chắc làặng Tàu bao dung. *Điểm* hiệp cùng *Nguyễn-Văn-Hà* giữ thành Kinh Bắc và sai binh cỡi ngựa về Thăng Long gặp cho hay.

Sĩ-Nghị theo sau, lấn xuống Kinh Bắc.

Tướng Tây Sơn làm trấn thủ Bắc thành ở Thăng Long là *Ngô-Văn-Sở* đem binh ra bến đò Xương-giang (3) và đánh nhau với quân Tàu. *Ngô-Văn-Sở* lại phái nội hầu là *Phan-Văn-Lân* đóng thêm quân ở đồn Thị Cầu (4)

Đông quân số hơn nên quân Thanh phá đồn Thị Cầu. Tây Sơn giữ đồn không nổi, binh Tây Sơn phải trèo qua đồn chạy trốn. Quân Thanh thừa thắng đuổi theo, tên bắn như mưa, quân Tây Sơn chết nhiều.

(3) [*Sông Thương hiện nay*], hạ lưu hợp với sông Thị Kiều [*sông Cầu ?*].— P.Đ.D.Đ.C. tr. 63.

(4) *Sông Thị Kiều chảy vào sông Phú Lương*. Có kẻ bảo là sông Càn Mãn lại gọi là sông Nam Sách.— P.Đ.D.Đ.C. tr. 62.

Bình Thanh lại lên giữ núi Tam Tăng, ở huyện Yên Dũng.

Nội hầu Phan Văn-Lân chạy về Thăng Long.

Tôn Sĩ Nghị đến bờ phía tay trái sông Nhị, ngày 11 tháng 11 Mậu Thân. — H.L.N.T.C trong 246.

Trước khi Sĩ-Nghị tới bờ ấy, tướng Sở đã ra lệnh cho thuộc-tướng Đặng-Văn-Châu điều khiển thủy quân lui ra biển để về đóng ở Biện Sơn. Có lẽ thủy binh của Lê-Ban, tôi thần trung với Chiêu-Thống đã dời đi nơi khác rồi, nên thủy quân của Sở mới về đóng đó.

Trong thành Thăng Long Sở và Ngô Thời-Nhậm cùng nhau thảo luận nên cho bộ binh rút lui khỏi Thăng Long.

Ngày 20 tháng mười một Mậu Thân [thứ tư 17/12/1788] tướng Sở về đóng ở địa-giới Ninh Bình và Thanh Hóa. Thủy-quân đã đóng đồn ở Biện Sơn (5), bộ binh đóng ở núi Tam-Điệp (6).

Mặt khác sai phó tướng Nguyễn Văn Tuyết đi gấp về Phú Xuân báo tin.— Hãn tr 129, dòng 14.

Chúng ta hãy trở về gần Thăng Long bên bờ tay trái.

Từ Phụng Nhôn (7) vua Chiêu-Thống về đến Gia Lâm biểu dân chúng làm thịt trâu dê và khiên rượu theo đề khao thưởng các quân sĩ Tàu.

Tôn-Sĩ-Nghị truyền làm bè, có lẽ là ken ghe lại làm cầu

(5) Hòn đảo ngoài cửa Bạng, ai đi biển ngang lối ấy nếu có sóng gió phải tới đó để tránh.— Đại Nam Nhất Thống Chí, Thanh-Hoa, Tập Thượng, tr. 70.

(6) Núi Ba Dội. Đợt thứ nhất phía Tây Bắc Thanh Hóa: núi bằng; đợt thứ nhì: núi cao chia hai, hai tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình; đợt thứ ba: tới địa phận tỉnh Ninh Bình: lần lần núi thấp.— Đ.N.N.T.C., Thanh Hóa, tr. 35.

(7) Ở thuộc về Lạng Giang phủ.— P.Đ D,Đ.C. tr. 99, dòng 9.

nồi, ở Bồ Đề, rồi cho quân sang bờ phía mặt, đặt dinh trướng trên bờ ấy. Dinh ấy đặt gọi là Tây-Long-Cung. Quân-sĩ Tôn Sĩ-Nghị chia nhau đóng đồn khắp các nơi, xem bề thế rất vững chắc.

Chắc các bạn cũng muốn biết bến Bồ Đề. Đây tôi xin giải rõ. Gọi bến Bồ Đề là trước kia có hai cây Bồ Đề mọc kề nhau ở xã Phú Viên và Lâm Bảo về bờ mé tay trái sông Nhĩ, trước năm 1945 kêu là Gia Lâm, bên kia đầu cầu đốc Gạch cầu Paul Doumer thời Pháp].

Khi Chiêu-Thống về Thăng Long rồi, ngày sau Tôn-Sĩ-Nghị tuyên đọc tờ sắc của vua Càn Long phong chức cho Chiêu-Thống làm *Annam quốc vương*. Tuy phong vậy mà không có vẻ gì là quốc vương độc lập cả, giấy má, chiếu chỉ đều đề là Càn Long năm thứ 52. Khi bãi trào về, Chiêu-Thống phải qua dinh Sĩ Nghị đề châu chực, có khi Sĩ Nghị biểu người đứng trên gác nói là không việc, xin về cung nghỉ, mà khỏi cần Nghị giáp mặt Chiêu Thống. Một một chuyện gì cũng phải thừa quan Tổng Đốc

Bấy giờ họ thì thăm với nhau : « Nước nam ta từ khi có đế vương đến giờ, không thấy vua nào hèn hạ đến thế. Tiếng là làm vua mà phải theo niên hiệu của Tàu, việc gì cũng phải bẩm đến quan Tổng Đốc, thế thì có khác gì đã là nội thuộc rồi không. » — Kim, tr. 112, 113.

Nhưng đối với nhân dân Bắc Việt, Chiêu Thống lại tỏ ra hung tợn, khát khe và hẹp hòi. Chiêu Thống sai bắt những phụ nữ dòng tôn thất, có chồng Tây Sơn giết hết, không có thai cũng như có thai đều chịu một số phận, ba vị hoàng thúc bị chặt chơn, liệng xuống giếng trong cung vì tội theo Tây Sơn Hoàng-Thái-Hậu mới về đến Thăng Long nghe động mọi sự, không chịu vào cung khóc mà nói : « Ta khờ sở bao nhiêu mới xin đặt quân sang giúp nhà nước đã mang ơn mấy phen Kẻ thù [chỉ Tây Sơn] phá tan nát, tưởng không có ngày nay nữa ». — Tri Tân, xuân 1942.

Kẻ tôi thần đi theo sang Tàu là Nguyễn-Huy-Túc phải khuyên giải lắm, Hoàng-Thái-Hậu mới chịu vào cung.

Tôn-Sĩ-Nghị mượn danh nghĩa là sang để giúp để lập lại chánh quyền nhà Lê. Bởi thế nên Chiêu-Thống phải cung cấp nào là lương hào là binh, song tình hình sản xuất lương thực Bắc Việt rất tồi tệ vì liên tiếp mất mùa mấy năm, châu huyện lại không khứng nạp lương, Chiêu Thống sai quan đích thân đi thu.

Dân gượng gạo mà khóc than. Thâuặng bao nhiêu, Chiêu-Thống bảo đem giao cho quân Mãn Thanh. Nghĩa-quân và vài vạn binh cũ Thanh Hóa, Nghệ-An phải nhìn đối. Dân và quân rất oán ghét, rời rã lòng tin tưởng.

“Và Nghị còn dong tủng quân sĩ làm nhiều việc trái phép nữa.

Trước đó người Tàu ở phường Hà Khẩu trong đô thành, phố Cơ xá, cửa trấn Kinh Bắc, phố Hiến, cửa Sơn Nam, tất cả hơn một vạn đều đầu quân. Bọn đó biết tiếng ta, hiền tục ta, vì vậy, họ mới kiếm cách vu hãm những người hiền lành, ức hiếp nhà giàu có, thậm chí giữa đường giữa chợ, họ cũng giật tiền, bắt hiếp đàn bà con gái, không kiêng sợ gì. Nhơn dân ở quanh kinh kỳ thường thường khổ sở về họ.— H.L.N.T.C., tr 246, dòng 24 tới 33.

Miền đất “bất bình” có sẵn, chỉ gieo hạt giống “phất cờ nổi dậy” xuống, “là gặt hái” thắng trận.

Quang Trung đánh bại đạo quân Trung Quốc viễn chinh không còn miền giáp.

Ngày 24 tháng mười năm Mậu Thìn, phó tướng Nguyễn Văn-Tuyết về đến Phú Xuân báo cáo cho Chính Bình Vương biết tình hình Bắc Việt (8)

Nguyễn Huệ nghe xong nói : “Làm trượng hoàng ra như thế, chớ chẳng có việc gì đâu. Kẻ kia tự mình đến chỗ chết. Nên lên ngôi chính vị để ràng buộc lòng dân trong Nam ngoài Bắc, rồi sau bắt kẻ ấy cũng chưa muộn.” — Tri Tân, tr. 19 cột 2.

(8) 20 tháng 11 khởi hành bằng ngựa từ Ba Dội đến 24 tháng 11 tới Phú Xuân kể là mau lắm. Đi như vậy phải ăn lương khó uống nước bầu trên lưng ngựa, trừ ra dừng lại ở trạm để thay ngựa mà thôi.

Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám Cương Mục nói Huệ coi ngày tốt, tôi thấy nơi đây thì Huệ không coi ngày chi hết. Nguyễn-Văn-Tuyết vừa mới tới Phú Xuân ngày trước qua ngày sau là 25 tháng 11 Huệ lên ngôi hoàng đế lấy niên hiệu là Quang Trung ở Bàn Sơn địa phận xã An Cựu, Hương Trề. Nếu ngày 25 là ngày tốt thì việc đó là một sự trùng hợp ngẫu nhiên vậy thôi. Trong lúc tôn lên ngôi, Quang Trung cho hội binh thủy bộ sang đò ra Bắc.

Sách Hoàng Lê Nhất Thống Chí, tr. 254 nói rằng :

Ngày 29 Quang Trung tới Nghệ An, vời một người cống sĩ ở huyện, La Sơn tên là Nguyễn Thiếp đến hỏi rằng : [H L.N.F.C tr. 254, hàng 19, gọi là Nguyễn-Khiếp].

— Quân Thanh lại đây. Ta muốn đem quân cho ra đánh lại. Mạo đánh và giữ, cơ được hay thua, Tiên sinh nghĩ xem ra sao ?

Thiếp trả lời :

— Nay trong nước trống không, nhân tâm tan nát. Quân Thanh xa đến, không biết tình hình quân ta hèn mạnh thế nào, không biết thế nên chiến thủ thế nào. Chúa công ra đó, không quá 10 ngày, quân giặc Thanh sẽ bình được.

Chắc La Sơn có độ binh tình trước biết rằng quân Thanh ít kỷ luật, thêm cướp phá, hiếp đáp dân đen nên mới nói vậy.

Quyền Lê Quý Kỷ Sư, soạn giả Nguyễn Bảo [Hãng, tr. 130] chép hơi rõ hơn. Sách ấy nói :

Ngày 29 Huệ đến Nghệ An, nghỉ binh. Triệu Nguyễn Thiếp đến hỏi phương lược, Thiếp nói : Người Thanh ở xa tới, mệt nhọc, không biết tình hình khó dễ thế nào, thế nên chiến thủ thế nào. Và nó có bụng khinh địch. Nếu đánh gấp đi thì không ngoài mười ngày phá tan. Nếu trì hoãn một chút, thì khó lòng mà được nó.

Huệ mừng lắm trả lời :

— Ông nói chính hợp ý tôi.

Huệ bèn ở lại mười ngày, tuyển dân Nghệ An, ba đình bắt một.

Chỉ trong chốc lát được hơn một vạn. Huệ bèn mở cuộc duyệt binh rất lớn. .

Tri Tân, xuân 1942 nói « Nguyễn Huệ đi qua Nghệ An, Thanh Hóa lấy thêm tám vạn lính Một vạn sánh với tám vạn chính lịch nhiều. Một vạn có phần đứng vững vì còn phải tập luyện, còn lương thực, còn quần áo, còn khí-giới, còn phải có trại để đục nắng v.v...»

Hoàng Lê Nhất Thống Chí có nói trước khi Bắc tiến, Huệ ra trước dinh, truyền lệnh hết thầy quân sĩ ngồi xuống và dụ Huệ nói từ đời Hán nước ta có Trưng Nữ Vương, rồi tới Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi nước ta dựng độc lập Nay quân Thanh sang qua đánh lấy nước ta làm quận, huyện v.v Nhưng mà dụ miệng thì làm sao Ngô Thời Chí, tác giả quyền sách nói trên, nhớ đủ hoặc là người nói lại, lặp cho đây, để tới đời này. Thế nên tôi không chép lại mà chỉ nói sơ qua ở đây vậy thôi.— H L.N.T.C, tr. 254, 255.

Chúng ta trở về với La Sơn Phu Tử.

Trong Nam Phong số 102 [Hăn, tr 130, 131] Lê Thúc Thông chép rằng:

« Huệ hỏi :

Nghe thầy học tinh lý số, lại hay mưu lược. Nay Tôn-Si-Nghị nó sang. Thầy nghĩ chưa nào ?

Thầy Nguyễn Thiếp thưa rằng :

— Quân quỷ thần tốc.

Huệ nói :

— « Phải, phải, tôi nay ra đánh cho nó chết. Tôi mà đẹp được giặc Tàu xong, xin rước thầy ra dạy học. Tôi muốn khi cụ già cũng chẳng mua nước Tàu. Thầy Nguyễn Thiếp lại thưa rằng : « Chỉ có thuốc bắc phải dùng của Tàu mà thôi » (9)

(9) Người ta đồn, Thầy La Sơn nói phải dùng võng để hai người võng một người, dựng mấy giờ, người nằm, giậy vì để chỗ cho một trong hai người khiêng lên ngủ, dựng mấy giờ lại người nghỉ phải giậy, nhường chỗ cho người chột chưa nghỉ, lên ngủ cứ luân phiên như vậy mà đi.

Nhưng mà xét ra không có vậy vì còn dư thời giờ lắm. Đến 30 tháng chạp, Quang Trung mới cất binh đi đánh Thăng Long.

Sách Khâm Định Việt Sử nói rằng: Quang Trung « duyệt binh ở Thọ Hạc, thuộc huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đem thơ xin hàng trước lời rất tỳ khuất » [không thấy bức thơ].

« Còn Sĩ Nghị từ khi ra khỏi cửa Nam Quan, đánh đâu được đấy, xem ý khinh quân Tây Sơn. Lúc hạ được thành Thăng Long tự nói là xong việc. Những kẻ hào kiệt ở các trấn vì việc nghĩa, tranh nhau đến xin tiến binh. Sĩ Nghị đều bỏ không hỏi. Kịp lúc tiếp được tờ chiếu của vua Chiêu Thống, xin lấy lại cho hết đất nhà Lê, rồi hãy nghỉ quân, Sĩ Nghị mới nghĩ kế. Nay quân Quang Trung đến núi Tam Điệp, vua [Chiêu Thống] nghe thấy lo sợ hỏi Sĩ Nghị. Sĩ Nghị nói: Ta dùng kế thông thả để đối với kẻ khó nhọc (chữ nho là dĩ dật đãi lao) không nên kịp đánh. »

Quả Tôn Sĩ Nghị là một người vô năng, nên mới tính thi hành chánh sách chim đà là không dám hay là không muốn ngộ ngay sự thật.

Trước khi đem quân đi chống cự, Quang Trung chia binh làm ngũ quân.

Đại Tư Mã Sở và nội hầu Lân [Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân] đem tiền quân đi làm tiền phong. Hai người có ở Bắc Hà lâu ngày nên thuộc tất cả đường đi nước bước.

Hàm Hồ Hầu [không biết phải tên Hàm chăng ?] đem hậu quân làm đốc chiến. Đại Đô Đốc Lộc, Đô Đốc Tuyết đốc xuất tả quân cùng thủy quân vượt biên vào sông Lục Đầu [từ ngã ba sông Thương đến sông Đuống ngày nay]. Lộc kéo lên vùng Lạng Sơn, Phụng Nhớn, Yên Thế [vùng ở giữa sông Thương và sông Cầu] để cắt đứt đường rút lui của chiến thuyền địch. Tuyết kiểm soát mặt Hải Dương, tiếp ứng đường Đông. Thế là đoàn thuyền của Lộc lên trên nguồn hơn đoàn thuyền của Tuyết.

Thái Sư Bảo, đem hữu quân cùng voi, ngựa đi đường Sơn Minh ra làng Đại Áng thuộc huyện Thanh Trì (10) tiếp ứng cho cánh

(10) Thuộc về phủ Thường-Tín ở Sơn - Nam Thừa - Tuyên. — P.Đ.D.Đ.C. tr. 96, hàng 1, 2, 3.

hữu. Đô Đốc Long đi ngang qua huyện Chương Đức vòng quân lên làng Nhân Mục, đánh ngang vào quân của tri phủ Điền Châu. Quân của Bảo và Muru giỏi đường bộ.

Theo trên đây thì có bốn quân : tiền, hậu, tả, hữu.

Thiếu một quân nữa có lẽ là trung quân.

Quang Trung biết là quân Thanh thế nào cũng ăn Tết và ăn Tết thì việc kiểm soát trong quân rất lỏng lẻo, binh sĩ lo vui chơi mà quên có chiến tranh. Vậy nên ngày 30 tháng chạp Quang Trung ra lệnh kéo binh Bắc tiến. Tất cả quân kể trên đều kéo rốc từ đèo Ba Dội ra Bắc và hướng về Thăng Long.

Khi quân sang sông Giản Thủy [?] cánh nghĩa quân của Lê Chiêu Thống thua chạy.

Quang Trung đồn đốc quân binh đến huyện Phú Xuyên bắt sống được toán quân Tàu đóng ở đó chẳng có mạng nào chạy thoát. Bởi vậy không có tin báo cho những đạo quân Thanh đóng ở Hạ Hồi và Ngọc Hồi.— *H.L.N.T.C.*, tr. 257, dòng 8, 9, 10, 11.

Tôn Sĩ Nghị khinh khi Tây Sơn vì Nghị thắng các trận đầu.

Đến khi nghe Quang Trung đến Sơn Nam [Nam Định] mới sai Đề Đốc Hứa Thế Thanh đem quân Tứ Dực chia nhau đóng đồn ở xã Hạ Hồi thuộc huyện Thượng Phúc và xã Ngọc Hồi thuộc huyện Thanh Trì.

Nửa đêm mồng ba tháng giêng, quân Quang Trung vây kín làng Hạ Hồi [Hạ chớ không phải Hà] bắt loa hô to lên, rồi quân đáp lại dạ vang rền. Quân Thanh đóng đồn ở đó hoảng hốt, không biết đông hay ít, lật đặt xin đầu hàng. Lương thực, khí giới đều về tay Quang Trung.— *H.L.N.T.C.*, tr. 257, dòng 12 tới 17.

Dưới đây thuật theo *Tuần Báo Tri Tân*.

Mồng 4 tháng giêng năm Kỷ Dậu, đạo du binh [có phải là

du kích?] của vua Quang Trung tiến lên trước, đánh đâu thua đấy, cho nên Tôn Sĩ Nghị càng coi thường.

Ngày hôm sau, vào lúc trống canh năm, vua Quang Trung khởi binh, tự tay cầm quân cho hơn 100 voi đi trước. Mờ mờ sáng, quân Tàu đuổi, tinh kị tiến trước, chợt thấy voi, ngựa sợ hãi mà chạy, vấp ngã và xéo lẫn nhau. Vua Quang Trung cho voi đuổi theo quân địch chạy vào lũy, súng bắn như mưa, tên sắt tứ phía. Tây Sơn lại đốt những bó rơm to đi trước, quân sau kế tiếp, hết sức đánh Tàu. Các lũy chạy tan. Tây Sơn đuổi theo đến đồn Nam Đồng, gần Hà Nội thừa thắng đánh úp, quân Tàu chết hại quá nửa. Thế Hanh và tiền phong Trương Triều Long tả dực là Thượng Duy Thăng đều chết trận. Sầm Nghi Đống đóng đồn ở Loa Sơn (tục gọi là Đống Đa) vì không có quân cứu, tự thắt cổ chết [ngày nay Đống Đa ở ấp Thái Hà gần Hà Nội, gần chùa Đống Quang].

Lúc ấy Tôn Sĩ Nghị đóng ở bờ sông Nhị Hà nghe thấy Tây Sơn gần đến Thăng Long, nhảy qua lũy sang sông để chạy thì bè vỡ, lính chết đuối không biết bao nhiêu mà kể. Thế là trận Đống Đa kết liễu.

Tri Tân thuật lại sơ lược và có minh vua Quang Trung làm chủ động trong trận này, còn các tướng như Ngô-Văn-Sở, Phan Văn Lân, Hàm Hồ Hân chìm mất.

Xin quý bạn nhớ Tri Tân nói ngày mồng 5, đồn Ngọc Hồi mới mất và Quang Trung vào Thăng Long ngày đó.

H.L.N.T.C thuật lại với ngày giờ không hiệp lẽ. Tác-giả tính đêm trước ngày, như « Nghị ở Thăng Long chạy đi đêm mồng năm tháng giêng, đến trưa hôm ấy, Quang Trung kéo quân vào thành ». — H.L.N.T.C., tr. 262 dòng 6, 7.

Tác-giả lại nói « mờ sáng ngày mồng năm xông thẳng vào đồn Ngọc Hồi. » — H.L.N.T.C., tr 257 dòng 24, 25.

Thành thử ban ngày mồng ba và ngày mồng bốn quân

Quang Trung đã làm gì ? Nếu không đánh tới nữa, đề quân Thanh tăng cường thì khó tấn vào Thăng Long.

Dầu ngày giờ có lắm, tôi cũng chép ra đây vì trong sách này thuật có khoa học, tỉ mỉ về sự việc đã xảy ra trong trận Đống Đa hơn tạp chí *Tri Tân*.

Vua Quang Trung truyền lấy sáu chục tấm ván, ghép liền ba tấm làm một bức, tất cả là hai chục bức, dùng rơm xấp nước bên vào rồi kén hàng lính khỏe tợn, giao cho mười người phải khiêng một bức, mỗi người đều vác một thanh đoản đao, mỗi bức lại cho hai chục người nữa cầm các binh khí đi theo. Toán quân này dàn hàng chữ « nhất » tiếng thẳng lên trước, vua Quang Trung cỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng năm xông thẳng vào đồn Ngọc Hồi.

Quân Thanh trong đồn chia súng bắn ra, chẳng trúng một người nào hết. Nhân có gió bắc vừa nổi, chúng bèn đóng nhiều hỏa đồng bắn tên lửa ra. Lửa cháy khói bốc mịt mù, cách nhau gang tấc không trông thấy gì. Bản ý quân Thanh muốn làm quân Nam rối loạn, chẳng ngờ chỉ trông giấy lát, trời bỗng quay sang gió Nam, ngọn lửa tạt lại thành ra quân Thanh lại tự đốt mình.

Vua Quang Trung tức thì sai đội khiêng ván chạy kíp vào trận, khi giáp lá cà, thì quãng tấm ván xuống đất, và dùng đoản đao chém bừa, rồi thì những người có cầm binh khí đi sau nhất tề nhảy xõ lên đánh.

Quân Thanh không thể địch nổi, luống cuống chạy trốn, dày xéo lên nhau mà chết.

Thái thú Diên châu là Sầm Nghi Đống trấn thủ đồn ấy [tức là Ngọc Hồi] phải thất cò chết. Quân Nam thừa thế đánh tràn, giết được quân Thanh thấy nằm khắp đồng, máu chảy thành suối [?]. Những kẻ sống sót, tất tả tìm đường chạy về.

Trước đó vua Quang Trung đã có sai một toán quân theo đề Yên-Ninh (11) kéo lên mở cờ đánh trống đề làm nghi binh dăng đông.

(11) Yên Ninh thuộc về tổng An Thành, tổng này có 36 phường thôn ở vào Thăng Long Ngoại Thành — Theo Phương Đình Di Cầm Địa chí, tr. 107, dòng 2, 3.

Khi ấy quân Thanh chạy qua, thấy có cờ trống thì đều hoảng sợ, bèn tìm lối tắt theo đường Vĩnh Kiều đi lên. Thành linh lại thấy một đạo tượng binh ở làng Đại Áng kéo sang, chúng đều không còn hồn vía, chạy cả về xứ Đầm Mực trong làng Quỳnh Đô, quân Nam thúc voi đuổi theo, dầy chết kẻ hàng vạn người.

Hôm ấy Đô Đốc Long vâng mệnh vua Quang-Trung đem toán hữu quân lên huyện Thanh Trì đã đi đến làng Nhân Mục (12). Khi vua Quang-Trung đánh toán quân Thanh ở làng Ngọc Hồi, thì từ sáng sớm, Long đã đánh vào đội quân của Thái Thủ Chấn Châu ở trại Quảng Đức Khương Thượng. Quân Thanh thua chạy, Long bèn tiến quân vào thành Thăng Long — Hoàng Lê Nhất Thống Chí, tr. 257, 258.

Tàn-quân ở làng Ngọc-Hồi chạy về báo cáo cho Tôn-Sĩ-Nghị hay tất cả tình-hình bại binh ở làng ấy.

Sĩ-Nghị lưỡng cuống cả sợ, tức khắc sai viên Lãnh-binh Quảng tây là Dương Hùng-Nghiệp đốc viên hàng tướng Tây Sơn là Phan-Khai-Đức [tướng này đều ở Lạng-Sơn] đem các nghĩa binh đến cứu. Lại sai 20 kỵ sĩ bộ hạ cùng đi với Nghiệp, và dặn dò rằng: Trong khoảng giờ khắc phải có tin về báo luôn."

Làm Đô-Đốc tỉnh Quảng-Đông và Quảng-Tây, Sĩ-Nghị phải là một viên tướng tài ba hơn người, biết cả thể công lẫn thể thủ, đầu này Sĩ-Nghị chỉ là một viên tướng tầm thường. Sĩ-Nghị chỉ lo một mặt Ngọc-Hồi thôi, nào ngờ Tây-Sơn lại tấn-công vào hướng khác. Thế mới là nguy cho quân nhà Mãn-Thanh.

Đêm ấy, vào khoảng canh tư [đêm mồng bốn], chợt nghe phía Tây-Bắc thành, tiếng súng nổi lên đùng đùng. Nghị vội cưỡi ngựa ra coi. Thấy báo đồn quân Chân châu đã vỡ, quân Tây đã

(12) Hồi mới khởi đi từ Ba Dội thì Đô-Đốc Long đi ngang huyện Chương Đức vòng lên làng Nhân-Mục, nay lại thấy Long đi ngang huyện Thanh-Trì rồi cũng đến làng Nhân-Mục vậy là có thay đổi đường đi, hoặc là Chỉ nói lầm.

kéo vào đến cửa ô, chém giết bừa bãi, ánh lửa bốc lên rực trời, thì Nghị không còn hồn vía nào nữa.

Ngựa không kịp đóng yên người không kịp mặc giáp, Nghị tự đem toán lính kỵ dưới trướng cầm cờ chạy xuống cầu phao, rồi trốn sang Bắc.

Quân sĩ các dinh nghe tin, hết thấy kinh khiếp, nhốn nháo cùng chạy, tranh nhau qua cầu sang, người nọ xô đẩy người kia, chết ở trên cạn đã nhiều. Giấy lát cầu gãy, hàng mấy vạn người lặn cả xuống nước, nước sông không chảy được nữa.

Vua Chiêu Thống đương ở trong điện, tiếp được tin báo, ngài kiếp cùng bọn Lê Quýnh, Trình Hiến rước Thái Hậu chạy.— H.L.N.T.C, tr. 259, hàng 1 tới 12.

Thế là Nghị đã chạy trước trong đêm mùng bốn, ba ngày sau Quang Trung mới vào Thăng Long.

« Khi Tôn Sĩ Nghị chạy trốn lên Bắc, trong lúc gấp vội không kịp thu thập đồ đạc. Đến khi tới huyện Phượng Nhãn lại nghe tướng Tây là Đắc Lộc Hầu ở nẻo Đông đạo kéo lên chặn đường; Nghị lại bị một phen khủng khiếp, các vật mang theo đều phải vất bừa giữa đường, chỉ trốn chạy lấy thoát thân. Những món của vua Thanh ban cho, như sắc thư cờ bài ấn quăn đều bị quân Tây bắt được mang về.»— H.L.N.T.C., tr. 261, dòng 1 đến 6.

Đạo quân lựa lính Vân Nam và Quý Châu do Đề Tông Ô Đại Kinh điều khiển, đóng ở Sơn Tây, cũng tự tháo lui về y ngã cũ.

Trận Đống Đa kết thúc vậy.

Từ cuối tháng mười năm Mậu Thân [1788] đến mùng 5 tháng giêng năm Kỷ Dậu, không đầy ba tháng, mười vạn quân Việt-Nam đã thắng năm chục vạn quân nhà Thanh.

Sau trận Đống Đa

Vào Thăng Long, vua Quang Trung hạ lệnh chiêu an.

Dân Trung Huê trốn ở đâu, đều phải trình diện. Người Trung Huê nào ra thú tội đăng cấp cho áo mặc, lương ăn. « Trong khoảng mười ngày, quân Thanh ra thú đến hơn một vạn ».— H.L.N.T.C., tr. 262, dòng 10, 11.

Sau khi trận Đống Đa đã xảy ra, vua Càn Long xuống một tờ dụ đăng trên bộ *Đông Hoa Toàn Lục* (tập 108, tờ 50b), sách này khắc lại năm Đinh Hợi [1887] nhằm năm Quang Tự thứ 13.

Trong đạo dụ này vua Càn Long sai Ô Đại Kinh đem lính đi đường Khai Hóa sang nước Nam tiêu trừ đảng Tây Sơn.

Đây tôi xin trình ra.

Nếu Nguyễn Huệ còn đóng ở thành nhà Lê, thì chính là sa vào lưới ta. Tôn Sĩ Nghị và Ô Đại Kinh nên cùng đánh cả hai đường; như thế có thể hẹn ngày bắt được thủ phạm, càng đỡ công việc, còn Nguyễn Huệ đưa về nội địa. Bà tằng là lũ Hứa Xương Nghĩa đệ tờ bẩm nói dối rằng Lê Duy Cần là con Lê Duy Đoan (tức là Lê Cảnh Hưng 1740-1786) (13) quốc vương cũ. Theo thứ bậc thì nên lập Lê Duy Kỳ (Chiêu Thống), Lê Duy Kỳ không biết sống chết thế nào. Song Hứa Xương Nghĩa xin đưa mẹ y và quyến thuộc về nước, cần thiên triều bãi binh. Cứ Tôn Sĩ Nghị xét hỏi bồi thần, thì Lê Duy Cần là người si ngốc, mà Nguyễn Huệ thì mưu hại quyến thuộc Lê Duy Kỳ. Tôn Sĩ Nghị thấy những việc kể trên càng quở mắng tệ: danh nghĩa ngay thẳng đủ làm thất đảm bọn giặc, công việc rất tốt. Duy có Hứa Xương Nghĩa nói giặc ở sông Phú Lương (Nhị Hà) [Phú Lương không phải là Nhị Hà] đóng thuyền to đặt nhiều mái chèo, chở súng nặng hai ba mươi cân: cái đó chỉ để khoe khoan! Hứa Xương Nghĩa là người bị gió trời giạt đến đất Nam Giao, được Nguyễn Huệ đưa về nước. Những lời y nói về tình hình nước Nam, chẳng qua Nguyễn Huệ cho phao lên để làm kế hoãn binh, không nên bày tỏ ở chỗ quân lính, vì quân lính đi tiêu, toàn có một khí lực hăng hái, sợ không xét hư thực, thì nghe thấy lại càng chán nản chẳng. Nếu

(13) Lê Duy Đào chứ đâu phải là Lê Duy Đoan.— *Việt Nam Sử Lược*, qu. II, tr. 10.

có quan hệ sao Tôn Sĩ Nghị chưa lo? Sau này, nếu giặc lũ ấy (là Hứa Xương Nghĩa) nói phao tình hình bên giặc, nên giữ kín, không nên lộ ra ở chỗ quân lính. Nếu những quan văn võ không được cần mật, nên lưu ở chỗ phụ cận, chớ đừng để nói càn, nói dối.

Còn việc Annam nội loạn, Tôn Sĩ Nghị tâu : nước ấy thần phục Thiên triều đã lâu, tình thế khó thể im, Nguyễn Huệ là thổ tù, cậy khỏe chiếm cướp. Lê Duy Kỳ không thể tự mình phần chấn lên được. Vì thế Đốc phủ đã nhiều lần tâu, xin đem quân sang dẹp để thu phục, cố chỉ giết Tây Sơn mà giúp nhà Lê xem rất chính đáng. Phàm làm công việc to, tuy không nên lo sợ, nhưng cũng phải trù liệu cho hoàn toàn việc này nếu quả có thể đánh được sào huyệt bất kể cừ thù, đem Nguyễn Huệ và hết thầy bọn đồng đảng đi, thì nước ấy mới yên, mà không lo sợ về sau nữa. Nhưng ngại lũ Nguyễn Huệ tự biết tội không thể tha thứ thấy đại binh thế mạnh, trốn tránh xa xôi, vậy muốn bắt phải chờ thời. Annam lại có chướng khí: lương thực, binh lực Trung Quốc không thể đóng lâu ở chỗ viêm hoang. Vì nước thuộc hạ phòng giữ, Tôn Sĩ Nghị nên đợi sau khi thu phục được thành nhà Lê, theo chỉ dụ đem sắc phong cho Lê Duy Kỳ làm cho vui vẻ để phần chấn thêm và xem những chỗ hiểm yếu, phái những thổ quan quen dân nước ấy đáng dùng để phòng giữ nghiêm mật, sai những đầu mục ở các trấn đồng tâm chống giữ cho, Tôn Sĩ Nghị nên đem quân về nội địa, bắt tất đóng lâu ở Annam. Nói tóm lại, Đốc phủ bận này đem quân đi trước, định bắt sống lũ Nguyễn Huệ là thượng sách; không thời, thu phục thành nhà Lê, để cho Lê Duy Kỳ lấy lại bờ cõi, không mất thể cách thiên triều nuôi nước nhỏ, giúp nước mất, được xong công việc cũng là trung sách. Lại xem thu phục nhà Lê còn dễ mà bắt sống được Nguyễn Huệ thì thật khó? Tôn Sĩ Nghị đã cố sức từ trước không được, ngại tình hình khó khăn nên kịp làm tờ tấu bày tỏ Trẫm lại nghĩ không chỉ bảo không được, tưởng nên lui về và đợi thời, không đến nỗi vất vả và khó nhọc. Đốc phủ là người hiểu việc, tưởng bắt được Nguyễn Huệ ngay không khó; quyết đoán không câu nệ, nhưng sắp xong việc, lại tâu có sự khó khăn. Chẳng hạn gì đợi sau khi thu phục thành nhà Lê, sai Lê Duy Kỳ về nước, nếu quả Nguyễn Huệ trốn xa, khó bắt sống, cứ thực

tâu rở, đem quân về nước, Đốc phủ khéo thề tắt ý trẫm, làm cho hoàn toàn.

Nhưng Đốc phủ làm hỏng !

Bài chiếu này qui trách nhiệm cho *Tôn Sĩ Nghi*, nhưng lòng vua Thanh không tham thì làm sao lại có đạo binh đi lấy đất Việt Nam. Quả là «thầy đồ bóng», song bóng phải ôm dạ chịu mà không dám đồ lại thầy.

Sách Thăng Long Hoài Cồ có bốn câu thơ :

Tá vãn Thanh lai đắc nhất vương,
Giải giao nghịch tặc chuyển vi cường ?
Long thành thử địa y hà tự,
Thanh sứ trùng lai đồng nhất trường.

Ứng Hòe Nguyễn Văn Tố dịch rằng :

Hỏi Tàu lại được việc gì,
Đề cho quân giặc có bề mạnh thêm ?
Long thành này hãy chờ xem,
Sứ Tàu qua nữa còn thêm nào nùng !

Có vài câu dao nói chuyện về trận Đống Đa. Xin biên ra đây luôn :

Tây sang rồi Tây lại về,
Giặc đến Bồ Đề rồi giặc lại tan.

Về trước ám chỉ năm Bính Ngọ [1786] Tây Sơn ra Bắc Hà, tiêu diệt được chế-độ nhà chúa. Từ 216 năm rồi, chúa Trịnh vẫn bám sát theo vua Lê, nay Tây Sơn ra, chúa *Trịnh Khải* tên gọi khác là *Tông* đánh thua, tự đâm cò mà chết. Tây Sơn trao trả thật quyền cho vua Lê. Đến ngày 17 tháng 8 năm Bính Ngọ [chúa nhật 8-10-1786] Tây Sơn rút quân về Nam.

Tây sang rồi Tây lại về là thế ấy.
Giặc đến Bồ Đề rồi giặc lại tan.

Chỉ rõ 50 vạn quân Thanh từ bên Trung Huê xuống Bắc Việt để tiêu trừ giặc Tây Sơn. Binh Thanh đến bến Bồ Đề dừng lại đặt dinh trại tạm ở đó [mé tay trái của Nhị Hà] giao mặt với Thăng Long, đặt cầu phao dưới sông và sang mé lảng mặt đóng trướng dinh ở đó và gọi là *Tây Long Cung*. Tây Sơn đem binh ra đánh quân Thanh một trận sống dư chết thiếu. Quân Thanh phải chạy về Trung Huê.

Một bài thứ nhì như vậy :

Quân độ hà vừa mới qua sông Đáy,
Muôn nghìn quân chiệp (14) hoảng chạy cong đuôi.
Bắc Bình Vương vừa mới giao phong một trận;
Tôn Sĩ Nghị đã quay xuôi về Tàu.

Văn Hóa Nguyệt San số 64.

Sông Đáy là một chi lưu mé trái sông Nhị, hiệp lưu với sông Cháy, ở Việt Trì. Chưa biết là trận Đống Đa có dính dáng đến sông Đáy chăng? Theo bài tường thuật lịch sử trận Đống Đa thì trận này diễn ra không có trên sông Đáy [hoặc tôi còn sót, hoặc tác giả bài dao ám chỉ ở lối Thăng Long thôi mà con sông nào cũng đặng, vậy bạn nào có biết gì về vụ này làm ơn cho tôi rõ, rất cảm ơn].

Có một bài văn tế bằng chữ nhu của vua *Quang Trung* tế *Khâm Nghi Đống*. Tôi không có bản chữ nhu, duy có bản dịch.

Không hiểu bài văn này có phải của vua *Quang Trung* dùng vào việc ấy chăng, hay của người đồng thời với vua *Quang Trung* làm ra song không tế lễ, rồi gán cho *Quang Trung* cũng chưa biết chừng.

(14) Chiệp là tiếng *Phước Kiến* (theo *Văn Hóa Nguyệt San* số 64), chệt là tiếng *Triều Châu*, xúc là tiếng *Quảng Đông*, thúc là chủ theo tiếng Việt Nam tất cả đều có nghĩa là chủ, *Quân Chiệp* là chỉ quân Khách Trú và nói theo bình dân là quân các chủ.

Lời lẽ rất mỉa mai, xiên xỏ, chứng tỏ rằng óc biếm nhệ của người mình cũng không thua người nước ngoài chút nào.

Đây này bài văn tế ấy :

Than ôi !

Bốn phương hồ thi, trai trẻ phần riêng ;

Muôn dặm kiếm cung, anh hùng chí cả.

Nỗi treo dây nghe những đau lòng !

Chết tày núi nghĩ mà chột dạ.

Nhớ tướng quân xưa !

Vào bậc sù khoa ;

Vốn giòng hoa hạ.

*Ngoài non Chưông giáo gươm hăng hái, áng công danh xa hện
gót chàng Ban [Lư Ban].*

*Lên thành La súng đạn tung bừng, tài mưu lược bổng kém tay họ
Mã [Mã Viện].*

Trời mây man mác, hồn vắng cung tiên ;

Bến cát lạnh lùng, xương vùi nấm mả.

Trong miếu ngàn năm hương khói, tình ai đâu nữ thờ ơ

Trên đàn một tiệc đơn sơ, lòng trầm gọi là chút thỏa. »

Viên Già tức Viên-Hoành Hồ Văn Hiến
trong Đại Việt Tập Chí số 8.

Mặt khác, thật là người Việt Nam có tinh-thần khoan hồng về việc thờ cúng, có khi tinh-thần ấy khoan hồng quá, đến đối người Việt như là nhu nhược, yếu tánh và không biết phân biệt kẻ thù người bạn.

Vì lẽ đó, người Bắc-Việt mới cho phép người Tàu lập chùa thờ Sầm Nghi Đống ở ngỏ Sầm Công, sau phố Hàng Buồm, tại Hà Nội.

Một nữ thi sĩ Việt — nhiều người nói là Hồ-Xuân-Hương — có làm bài tứ tuyệt như vầy :

Ghé mắt trông ngang thấy bảng treo,
Kìa đèn Thái thú đứng treo-leo!
Vị đây đôi phận làm giai được,
Sự nghiệp anh-hùng há bấy nhiêu?

chép theo *Sơn Tùng Hoàng Thúc Tâm*,
sách *Quốc Văn đời Tây Sơn*, tr. 62, 63.

Chúng tôi xin trở về vua Quang Trung để chấm dứt chuyện
sử « *Trận Đống Đa* ».

*Nhận thấy quân Thanh « ê răng », không dám trả nũa « và
vì việc bất hòa với anh [Nguyễn Nhạc] chưa xong, Quang Trung
bèn giao việc Bắc-hà cho hai tướng Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân,
và hai văn thần là Ngô Thị Nhậm và Phan Huy Ích. — Hãn, tr. 131.*

Tháng ba, vua Quang Trung về đến Nghệ An.

Ra Bắc-Hà kỳ này là lần thứ ba, vua Quang Trung giết
vòng hoa chiến-thắng rạng rỡ bực nhứt ở Thăng Long thành.

Quang Trung đã cho Thanh-Trào một bài học đáng giá
rằng: Trung Quốc chẳng nên làm tuồng xen vào để dìm dỏ công
việc nước Việt Nam vậy.

PHỪ LANG TRƯỞNG-BÁ-PHÁT

Khởi sự 30-11-1967

Chấm dứt 11-12-1967

Sửa chữa lại từ 30-5-1968 tới 6-6-1968.



NHỮNG SÁCH BÁO DÙNG ĐỂ TRA CỨU

Ngô Thời Chí, Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch của Ngô
Tất Tố, nhà xuất bản Tự Do, 25-27-29 Võ Tánh,
Sài Gòn, 1958, trang 194, 195, 196, 197, 198, 201,
209, 218, 219, 204, 205, 206, 209, 224, 226, 232,

236, 237, 254, 237, 238, 254, 246, 255, 275, 262,
257, 258, 259, 261, 262.

Lê Thần Trần Trọng Kim, Việt-Nam Sử Lược, quyền hạ, in lần
thứ hai, Hà Nội, nhà in Vinh và Thành, 1928,
tr. 110, 112, 113, 10, và quyền thượng, tr. 127.

Sơn Tùng Hoàng Thúc Trâm, Quốc Văn Đồi Tây Sơn, nhà sách
Vinh Bảo, Sài Gòn, giấy phép số 107/TXB ngày 28-
3-1950, tr. 109, 110, 119, 62, 63.

Dịch giả Á Nam Trần Tuấn Khải, Đại Nam Nhất Thống Chí, tỉnh
Thanh Hóa, tập Thượng, Bộ Quốc Gia Giáo Dục
xuất bản, năm 1960, tr. 70, 35, 33.

Nguyễn Siêu, Phương Đình Dư Địa Chí bản dịch của Ngô Mạnh
Nghinh, nhà xuất bản Tự Do, 25-27 29 đường Võ
Tánh, Sài Gòn, 1960, trang 99, 62, 63, 107, 96.

Hoàng Xuân Hãn, La Sơn Phu Tử, nhà xuất bản Minh Tân, 7 rue
Guénégaud, Paris 6 ème, in xong tháng Novembre
1952, trang 129, 130, 131, 118, 102, 111, 119, 121.

Tri Tân Tập Chí, số xuân Nhâm Ngọ 1942, Administrateur. Dương
Tự Quán, Viện Khảo Cổ tàn trữ, trang 18, 19, 45.
Tri-Tân kê cứu sách Khâm Định Việt Sử Thông
Giám Cương Mục Chính Biên, Thăng Long Hoài Cổ,
sách viết tay của Trường Bác Cổ Viễn Đông, Đông
Hoa Toàn Lục, sách của Tàu.

Đại Việt Tập Chí số 8, thứ bảy 16-1-1943, Thư Viện Quốc Gia
tàn trữ, trang 8. Văn Hóa Nguyệt San số 64, bài Triều Đại Tây
Sơn qua Ca Dao của Tân Việt Điều tháng chín, 1961, trang 1036/14.
Địa đồ trong sách Atlas Rex, in năm 1951, nhà sách Hachette.

Địa đồ sách Indochine française, của Henri Russier, Imprimerie D'ex-
trême Orient Hà Nội, 1937.

Địa đồ thứ ba trong sách Lý Thường Kiệt của Hoàng Xuân Hãn,
Sông Nhị xuất bản, Hà Nội, 1949.

đồng-đa

mâu thuẫn

văn-hóa vượt biên giới

■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG

I.— CHIẾN-TRANH VÀ VĂN-HÓA.

II.— ĐỢT SỐNG NGẦM CƠ SỞ.

- *Tây sơn khởi đầu và họ Nguyễn Nam hà phân tán.*
- *Nguyễn hữu Chính chuyển tiếp và họ Lê thừa thừa.*

III.— XUNG ĐỘT.

- *Tôn sĩ Nghị với lực lượng Thanh quân, Lê thần phối hợp.*
- *Nguyễn Huệ với cường lực công phá của Tây sơn.*

IV.— NỔI ĐƯỜNG SÓNG LỚN.

- *Đồng đa và Lê thần, dân chúng Bắc hà, quần thần Tây sơn.*
- *Bóng mờ trên Đồng đa : thất bại Ba thắc.*

V.— VĂN-HÓA VÀ CHIẾN-TRANH.

Chiến tranh là một hiện tượng thường xuyên của nhân loại. Nhân loại đã phân chia thì cách giải quyết mâu thuẫn gọn ghẽ nhất — ít ra trong ý tưởng khởi đầu — là tiêu diệt đối phương. Ở độ thanh toán nhau, người ta tung ra sử dụng tất cả những khả năng dự trữ đã tích lũy từ trước. Trong ý nghĩa đó, chiến tranh gọi là toàn diện là thường trực, duy với mức độ khác nhau mà thôi. Tôn

giáo binh thường cao vòi vọi là thế mà cũng tham dự vào cuộc chiến, cuộc chiến có nguyên nhân lại là bản chất xây dựng nền tin tưởng tôn giáo. Cho nên, tôn giáo trở thành khí cụ của chiến tranh : những ngày lễ tiết là những dịp cho các đối phương hoặc súc tích tinh lực chuẩn bị giao tranh hoặc đưa xung đột lên cao độ. Lịch sử chúng ta có một ngày Đông đa trong chuỗi dài thời gian va chạm Trung hoa — Đại việt như là chứng cứ cho một giai đoạn mâu thuẫn được kết tụ thành đến những ngày Nguyên đán năm Kỷ Dậu ấy.

Câu chuyện không bắt đầu từ hôm qua, hôm kia của ngày Tôn sĩ Nghị chạy dài, cũng không ở nơi lớp đất hang vực mãi mãi ngóng chờ không thấy rờn trở lại. Câu chuyện tạm gọi là bắt đầu 18 năm trước và trên một thung lũng sông nhỏ bé cách xa đấy về hướng nam những tháng trời mỗi một chèo chống.

Chảy xuôi trên sườn mái nhà dốc nghiêng xuống bờ biển Đông, con sông cũng như những anh em của nó gần đấy, đã làm nhiệm vụ nối kết hai vùng sinh hoạt : bên trên, trong các ngõ ngách suối khe, chứa đựng những trầm hương, trầu nguồn, mật sáp, ngà voi, vàng mảnh... bên dưới là những đồng ruộng nhỏ hẹp nhưng no đầy lúa gạo, những đám dâu, nương bông hứa hẹn lựa là, vải vóc, và nổi dài ra ngoài biển, vùng cá mắm của các thuyền buồm, ghe bầu tấp nập, vùng chuyên chở đồng sắt, đạn súng... của bọn ngoại dương phương xa :

Ai về nhìn với nậu nguồn,

Măng le gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên.

Thu bồn, Đồng hương, Trà sơn, Trà vân, Trà bông, Kim sơn. Hà giao, Đồng xuân... còn bao nhiêu tên phải ghi nữa ?

(1) Những chi tiết về sự sửa soạn và diễn tiến trận đánh cùng kết quả được trình bày rõ ở « Quang Trung Nguyễn Huệ, anh hùng dân tộc » của Hoa Bằng, « Hoàng Lê Nhất thống chí », bản dịch của Cơ sở Tự do xuất bản.

Làm con thoi qua lại cho khỏi sắc vùng đất là những đám dân cư khác, khác biệt đã tùy tính chất của từng tập thể mà phân ứng chia xẻ công việc: có những người đóng khổ quảy gùi, đánh hơi từng cây trầm, theo dõi đường ong bay, tích trữ sản vật, từng năm ba ngày một mang xuống chợ hoặc gần đấy bên cạnh buôn, hoặc xa tí nữa dưới đường cái quan, gặp những người quàng tay nải đầy vải vóc, gánh lủng lẳng những cây cuốc thường đánh thành hình. Địa điểm trao đổi càng ngược lên nguồn càng mang nhiều lợi lộc về cho người miền dưới. Và bởi vì giá trị tư sản tăng tiến theo với sinh hoạt phức tạp ở vùng đồng, nên vào nửa đầu thế kỷ 18 có nhà họ Hồ sau mấy đời làm dân lưu đầy, bỏ vùng núi phía tây xuôi dừng lại ấp Kiên thành để người con lớn phát triển nghề buôn nguồn, xây dựng cơ nghiệp lớn lao.

Nhưng thị trường không quanh quất trong vòng vài mươi cây số vuông. Cánh tay trao đổi vươn dài ra ngoài biên cả, lần này phần lớn qua các trung gian khác: thương nhân Trung hoa lẫn lộn người da trắng. Muốn biết lợi tức thu hoạch về trong cuộc mạo dịch như thế nào, hãy nhìn vào gia tài của cai thầu Trương phúc Loan: trong một xứ tư tưởng chỉ đạo kinh tế là « dĩ nông vi bản » mà « đồ quý chất như núi » là lấy từ sản thuế các nguồn, thương thuế nơi Tàu vụ, lợi tức khi đổi tiền lấy bạc của thương nhân Tây phương, hay cướp giết, nhận hối lộ của họ.

Thương nhân Trung hoa không phải là những người buôn bán thuần túy Về mặt chính trị, họ tự nhận là con dân nhà Minh, truyền thống mạnh tới nỗi, không phải những người đồng thời với Dương ngạn Địch, Trần thượng Xuyên, mà cả những người đến sau, thế kỷ 19 cũng tự coi là dân Minh hương. Theo chức vụ kinh tế đảm nhiệm, vùng tập trung của họ rải rác dọc theo bờ sông Côn và chi nhánh: Thi nại, Gò bồi, Nước mặn, .. và nổi danh nhất trong giai đoạn lịch sử liên hệ, xứ An thái. Về mặt tư tưởng, tổ chức hội kín Thiên địa hội của họ thù địch với tư tưởng duy lý Khổng giáo đang được bọn cầm quyền Nam, Bắc hà từng tiu ôm ấp làm căn bản cho tổ chức quyền bính. Tất nhiên trong tình trạng đó, vương quyền có thể dùng uy lực khuất phục mà không tâm phục được họ: họ là

những người gây loạn đặc lực hơn là những người dẹp loạn trung thành. Tư tưởng Nội đạo mang tính cách đồng thiếp của đám nông dân Việt có vẻ là trung gian nối kết hiệu nghiệm nhất giữa sự tôn thờ thần quyền mơ hồ bằng bạc khắp chốn núi cao đèo sâu và tư tưởng thần quyền đã hiện thân trong tổ chức thể tục gay gắt nơi các hội kín của Minh dân lưu vong.

Ba anh em họ Hồ chuyển sang họ Nguyễn trong một ý thức rõ ràng về sự tìm kiếm tăng cường quyền bính, kết tập quần chúng, ba anh em Tây sơn đó đã tổ chức được một đám quân được gieo cho một ý thức sáng suốt về hành động của mình. Họ đánh giặc là để “tuân mệnh Trời và tuân mệnh đức Thượng sư”. Cây cờ đỏ phất phới dẫn đường, màu áo chiến đỏ nhắc nhở họ sứ mệnh cứu nước, cứu dân — Họ phản đối chính sách thuế khóa của Triều đình, đâm một nhát dao cho người thúc thuế tên Đẳng bỏ chạy, họ lấy của nhà giàu chia cho nhà nghèo, họ vững vàng hành động, tin tưởng đi đúng đường lối như rõ ràng màu đỏ bảo trợ cho họ chính là biểu hiệu cho phương nam, như lời sấm đã tiên đoán về sự thành công của họ. Họ phản kháng và tiếp tục phản kháng trong những biểu lộ vừa mang tính cách tàn bạo bộ lạc, vừa hé mở những lý tưởng xã hội tiến bộ hơn.

Ấy vậy mà chúa tôi nhà Nguyễn vẫn cứ tưởng đặt anh lái buôn Nguyễn Nhạc quen thuộc phong thổ địa lý làm tay thu thuế trong vùng là triều đình đã biết cất nhắc người lầm rồi. Cho nên khi phong trào phản kháng bùng ra, có nghĩa là tiền thuế không về Triều đình mà chui lọt vào tay bọn “vong mạng, vô lại”, thì người ta đề quyết là tên cầm đầu đã quịt thuế vì một cơ xấu xa nào đó, ờ có rồi, đánh bạc Vết thương nơi vai trái của Đốc trưng Đàng là một chứng cứ đòi hỏi quyền hành mà đám quan lại quen tiến thân bằng luồn lọt, bằng tiến cử theo lối thân thuộc hay lương thiện hơn bằng trung gian của những kinh sách xa lạ, không thể nào hiểu nổi. Bản thân của đám quan liêu triều đình đã đánh mất ý chí mạo hiểm của lớp người trước lúc thấy dân chúng dâng nước cho Chúa bèn liên tưởng ngay đến một điểm thuận lợi cho việc chiếm lĩnh, tung hoành.

Bây giờ chỉ có những người hưởng thụ, và tận lực hưởng thụ. Võ vương thì sinh con cho nhiều, bắt các quan chia nuôi cho khỏi tốn kém mà không bận tâm đến mối lo cướp giật ngôi báu. Duệ tông mười mấy tuổi đầu đã hưởng sự đầm loạn trong cung. Hăng hái nhất là quan quốc phó Trương phúc Loan thu thóc lúa, bạc vàng cho riêng mình, mưu sự phế lập, mua chuộc triều đình...

Tình trạng suy bại của từng lớp thống trị không phải chỉ do sự bạc nhược của một vài cá nhân. Tính chất di cư chiếm đoạt và ý thức về hàng ngũ quý tộc xuất thân khiến họ tách rời đám dân chúng địa phương dưới quyền. Ở những người khởi đầu thì sự khôn ngoan cần thiết để sống còn khiến họ gắng mở rộng tìm đón khả năng trợ giúp vượt ra ngoài đám tùy tùng, bà con thân thuộc. Dần dà, nền tảng cai trị vững vàng làm mất ý chí cảnh giác tự vệ, mỗi tự tôn về chủng tộc, đẳng cấp càng tăng tiến, tình trạng cô lập càng thúc bách, sự tan của chính quyền càng mau chóng.

Một trận cướp thành Qui nhơn với mưu mô gan dạ, trận phục kích phản công ở núi Bích kê, giết Tôn thất Hương, đuổi cậu bé Tôn thất Thăng suốt đêm chạy về bắc, trận yểm kích đầu tiên của Nguyễn Huệ ở Phú yên, những cuộc truy nã tận diệt ở Gia định... đó là những tiến triển chuyển biến trong chi tiết của biến động dần dà tích lũy cường năng về phía Tây sơn đối với sự khỗ xác khả năng sáng tạo về phía chính quyền Phú xuân.

Đã nói đến cái thế phối hợp chủng tộc, văn hóa ở Qui nhơn thì người ta cũng phải chú ý đến những khe hở của một tình trạng cấu kết không hoàn hảo, những điều kiện để một số phần tử phân ly ở một giai đoạn nào đó. Trường hợp Chu văn Tiếp chẳng hạn. Người bạn đồng nghề này của Nguyễn Nhạc đã có phản ứng liều lĩnh, xông xáo, nồng nhiệt như viên chủ tướng Tây sơn. Tuy chất men mỏng manh kết hợp hai người là chiêu bài tôn phò Hoàng tôn Dương, nhưng nếu khi Dương về phía Gia định, Tiếp bỏ theo được thì cũng vì ông đã tự tập được một phân số bộ lạc Thượng theo mình chống đánh sát nách Tây sơn ở cao nguyên Vân hòa. Những

cao điểm ngăn cách các nguồn với nhau là điều kiện thành công tạm thời cho Chu văn Tiếp.

Nhưng điều kiện phân ly thật là yếu ớt : anh em Tây sơn đâu có cần vượt nguồn Hà giao để đánh Tiếp, cứ xuôi thuyền vào Nam là đủ khiến Tiếp rời cứ địa Trà lang — Lương sơn đề đi đến kết cục bi đát : “Trời không cho ta. .” Trái lại thế kết hợp thật là mạnh mẽ : gánh gồng nơi nguồn suối ngọn sông, ghe bầu nơi biên cả, tàu lớn ngoài trùng dương liên kết, nối đường chuyền vận .. Không phải chỉ Sài gòn, Chinchin (Thị nại), Hội an mà còn Cửa Bạng, Phố Hiến, Kẻ chợ nữa, đã chứa chấp những kẻ tách dần ra khỏi uy quyền trung ương, uy quyền của Chúa. Ba ngàn người “các lái” ở cửa Bạng xứ Thanh vươn cánh tay quyền thế lên đến Kẻ chợ, thu mua thóc lúa, sản vật từ ngõ ngách vùng quê đổ về, là hình ảnh chưa đầy đủ của một thứ thương ban không chính thức muốn chen làm một phần tử trong thế chân vạc văn, vũ, giám ban của họ Trịnh đặt ra để củng cố chế độ Hiệu quả của cái thế chân vạc này đã rõ ràng ở việc bẻ gãy được thế phân ly gây bởi một chính quyền lúng túng không tìm được trong những giáo điều thu nạp những khả năng giải quyết nhu cầu sống còn của dân chúng.

Sự thực, đám nông dân đói khổ với gậy gộc, đòn gánh đi tuần hành cướp bóc hay tụ tập phản loạn, tuy không thể xô đồ được đám quý tộc bên trong năm cửa ô, nhưng lúc nào cũng hi vọng chờ đợi :

*Mặc bay đông ngử, tây đàm,
Chờ khi phong tiện dứt đàm vân lung.*

Chiến tranh làm nổi bật võ quan có quyền hành. Họ thêm khát tiền của mà không thể đào được ở đám dân chết đói, bèn quay sang lớp người đang thừa tiền của lại thiếu thốn quyền bính. Có lấy làm lạ không khi có cha con nhà buôn nọ, cha gia tư kẻ hàng vạn, con thừa hưởng cuộc đời xê dịch sung túc nên tính tình “hào hiệp, giao du rộng rãi, ứng biến lanh lẹ, giỏi thủy chiến”, “hay nôm” mà vẫn núp bóng Quận Việp Hoàng ng

Phúc? Khi xã hội không dung dưỡng nữa, thì trái với thái độ rụt rè của văn võ quan đương thời mắt không quá tầm lũy tre, người Hữu tham quân của Quận Huy luồn lọt cửa quan gần 20 năm vẫn còn bản chất giang hồ đề giông buồm về Nam. Bọn Kiều binh đang hoành hành trên đồng gạch vụn các nhà Quận công, Tham tụng đâu có biết rằng các tên Nguyễn hữu Chính, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ ở một chỗ là dấu hiệu tập trung các năng lực mới làm gãy đổ cơ cấu chính trị đương thời. Đám quần chúng phương nam sau khi xô đổ một chính quyền kiều Bắc hà ly khai ở Phú xuân, đã được Chính làm chất men mời gọi bùng tận gốc rễ một chế độ tồn tại quá lâu nên thừa thải và cũng trở thành công kênh.

Sĩ phu miên man trong kinh sách truyền lại cho đám nông dân, ru ngủ được họ trong một giấc mơ bình an về ý thức hệ. Giáo điều trung trình đi đến sa đọa, giữ cả hai đối tượng Trịnh và Lê, rồi lại tập trung vào Lê khi ngọn lốc từ phương nam thổi tới. Trên nền tảng thủ cựu gay gắt đó, Tây sơn chưa đủ điều kiện nội bộ để giữ thành quả đánh phải giao Bắc hà cho Chính tung hoành. Theo một chừng mực nhỏ bé hơn và những biến dạng địa phương, cá nhân khác biệt — con chim bằng đồng bản chất với Tây sơn, được dịp tưởng có thể cải biến Bắc hà bằng những biện pháp tập trung cụ thể đã thấy áp dụng hiệu quả ở phương nam. Nhưng tội nghiệp cho Chính bơ vơ: bọn Trịnh thần nhớ chủ chống lại, bọn Lê thần cứ tưởng ở thời xa xưa, xúi xiểm thuyết khách đòi đất Nghệ, chặt cầu phương nam. Kết cục bi đát ngoài thành Thăng long là địa điểm trôi dạt tột cùng của tâm hồn lạc loài đó.

Tuy nhiên, nhìn từ Phú xuân mới thì Nguyễn hữu Chính đã là hình bóng Tây sơn của phương bắc và sự kết hợp Chính — Lê không thành có nghĩa là người ta không thể mong đợi một sự đắc thắng của chủ nghĩa cơ hội. « Vua Lê đã không giữ được nước thì các trấn từ Thanh hóa trở ra,... (Tây sơn) không lấy, người khác cũng lấy ».

Cách mạng, hay nhẹ nhàng hơn, đổi thay, bao giờ cũng cần phải có sự dứt khoát. Quân Vũ văn Nhậm ra Thăng long rồi ò ạt Bắc bình vương theo chân cường chế khiến cho vua tôi Chiêu thống chui nhủi lẫn khuất nội địa rước khi lẫn mò ra quan ải. Ngày mà sứ bộ « nón rách áo toi tàn » đến dinh Thái bình phủ cũng là ngày đánh dấu mâu thuẫn phát triển Đại Việt vượt biên giới.

Người sau chê cười hành vi bán nước của Lê Chiêu thống. Nhưng thực ra vua tôi nhà Lê chỉ đi con đường có thể của đẳng cấp mình mà thôi. Trên bình diện tiếp xúc văn hóa, từng lớp thượng lưu cầm quyền đều mang tính chất vong thân mà kết quả có thể trở thành lực lượng tiến bộ nếu còn giữ được liên lạc với quần chúng dân tộc để đem những yếu tố bên ngoài vào cải tiến quốc gia, xứ sở. Nếu cô lập với dân chúng để thiếu sự gắn bó với địa phương, những yếu tố ngoại lai trong bản chất đẳng cấp sẽ đưa họ đi tìm nương tựa nơi nước ngoài, biến thành những tên bán nước có khi rất là thành thực. Ở trường hợp Lê-Thanh này, mối liên lạc cố gắng 300 năm tạo nên một căn bản pháp lý lồng một chút tình cảm để cho khi bị cắt chia thì kẻ làm tôi biết quay về chỗ « gốc », tìm « ông trời mà kêu », còn phía Thiên triều, Hoàng đế và « các vị đại hiền », tất phải « thương xét lấy chốn hoang rậm » để ra tay trừ « quân mọi rợ », « giống chó dê », đuổi bọn « phạm vào luân thường, làm trái nghĩa lý ». Chính vì mối tình cảm tự nhiên đó mà đám sứ thần mới có thể gục đầu kêu khóc khi bị nghi ngờ và khi được chấp thuận cứu viện thì cùng nhau ngoảnh mặt về Bắc, vừa lay vừa reo hò vạn tuế. Người ta vẫn thường hay phạm tội một cách ngây thơ như thế.

Nhưng khi bọn Lê thần kêu gào đến quân đội ngoại quốc cứu viện thì mặc bản chất tương đồng, vai trò họ nắm giữ trong chiến tranh quả đã trở thành vô nghĩa đối với lực lượng mời đến. Nổi bật lên trong chống đối là quân Thanh và Tây sơn. Hai mươi vạn quân Lương Quảng, Vân, Quý ò ạt tràn sang

Thằng long tạo sinh khí cấp thời cho xã hội Lê mặt tàn tạ đối với sức mạnh rừng rú phương nam bên dưới đèo Tam điệp. Miếng nhân sâm Tôn Sĩ Nghị ấy quả thực có tác dụng gì không trong một cơ thể Bắc hà bệnh hoạn, khủng hoảng quyền bính? Họ Trịnh đã tàn theo với loạn kiều binh do bởi nhờ sĩ bắt lực mà địa phương thì lại không đủ điều kiện sản xuất ra những người Tây sơn. Nhà Lê ở kề mấy trăm năm một sớm một chiều được trao quyền bính nào biết gì phải làm ngoài việc thiết triều?

Bầy tôi quanh Lê Chiêu Thống hoang mang trước cảnh « nước không » không quyền bính, tài sản, bàn bạc mãi chỉ nghĩ ra được mỗi một chuyện là thiết triều thì làm gì giúp ông vua yếu ớt này làm nên cơ nghiệp? « Danh tướng » Hoàng Phùng Cơ bắt nhất lúc Trịnh lúc Lê; Quận Liễn Đình tích Nhưông có xưng nhà 18 đời quận công cũng đâu có còn tin tưởng để không bán Chiêu Thống cho Ngô văn Sở. Bọn con dòng cháu giống không xài được thì bọn thổ hào mới nổi cũng không hơn. Không có gì cười ra nước mắt cho bằng cái cảnh Trần quang Châu đón Chiêu thống:

— « Quân ta nay có tên rồi ».

Một trăm lẻ một tên đồng phu với ông vua lật đật nương tựa nhau mà sống, sống mong manh với cái tên, cái vỏ. Sự kết hợp thật là bi đát.

Tất nhiên khi đi cầu cứu người, bọn Chiêu thống và Lê thần vẫn cứ làm như là dân chúng còn có lòng tưởng nhớ nhà Lê. không chịu theo giặc và sẵn sàng làm hậu thuẫn vững chắc cho những người cầu viện. Có thể mới làm cho Tôn sĩ Nghị ồ ạt kéo quân đi, quên cả lời dặn thận trọng của Cần Long. Suy cho cùng thì tội làm tan rã quân Thanh nào đâu phải ở Nghị và công xua quân Mãn nào đâu phải chỉ Tây sơn.

Tuy nhiên, rõ ràng là Nghị không mấy tin ở bọn tay chân Lê thần. Cần vẽ bản đồ, có Lê Quỳnh chỉ rõ cho; vừa vào nội

địa có Lê duy Đản báo cáo tình hình bên trong, có Bình chương, Tham tri đem bỏ rượu khao quân, nhưng dù sao Nghị cũng cần bọn tay chân thân tín hơn, có liên lạc khăng khít với Thiên triều khác hơn là mối liên lạc văn hóa. Đó là liên lạc dòng máu, chủng tộc. Bọn Hoa kiều phu mỏ ở Tuyên Quang, thương nhân ở Hà khẩu, Cơ xá, Phổ hiển sẵn sàng phục vụ cho tổ quốc, luôn tiện cho cá nhân mình nữa. Tôn sĩ Nghị đã dùng bọn nội ứng này hợp với «nghĩa binh», cần vương quân của nhà Lê làm tai mắt. Số quân từ chính quốc đưa sang làm chủ lực được rải ra bám chặt, hộ vệ thành Thăng Long.

Tổ chức yểm trợ của quân Thanh có vẻ khá chu đáo lúc đầu: mỗi người lính có một người phu đeo đỉnh bài đi theo phục dịch; có toán quân bắc cầu, phạt đường, dò bầy, làm nhiệm vụ hỏa thực, y tế, yểm trợ dịch vụ cốt nuôi dưỡng và tăng cường tiềm lực chiến đấu. Vấn đề giao thiệp với dân thổ và quân ngoài cũng được đặt ra một cách đúng đắn. Về phương diện công phá, vấn đề khắc chế địch cũng được tiên liệu. Tôn sĩ Nghị tin rằng súng ở xa, cung tên ở gần có thể lui được tường quân Tây sơn. Những tấm lá chắn bằng da trâu sống làm mộc che lửa súng phun của Tây sơn dễ quân tấn công nương thế xông vào chém giết. Tuy cương quyết hơn Tôn vinh Thanh muốn xâm chiếm nước người mà rút rề, Tôn sĩ Nghị đem quân đi cũng nhớ tới cái khó khăn lịch sử đã vẽ trong những trận trận xuống phương nam. Cuộc tiến quân thực hiện vào mùa đông giá rét khiến Nghị không đặt vấn đề thủy thổ. Lo lắng trước nhất của Nghị là tránh những cuộc phục kích vốn là chiến thuật quen thuộc của phe yếu thế. Nghị cho phát quang đường đi, cho hộ vệ các toán lính kiểm củi ven rừng, xét đất để phòng hầm bẫy.

Lo liệu chu đáo, chẹn sở trường, khai thác sở đoản của địch, cho quân nhà ngòi nghỉ dành khả năng chiến đấu, gây sự hòa hợp với dân chúng nước xâm nhập, tạo ý tưởng về một đội vương sư tảo trừ nghịch tặc, sự thành công của quân Thanh tưởng như là không có gì để bàn nữa. Thế mà trái lại. Trước nhất, đám

phụ lực không làm tròn vai trò của họ. Sự sách nhiễu của đám Hoa kiều nội ứng khiến dân chúng ghê sợ xa lánh. Quân của Lê toàn là đám lực tục thường tài; cận thần thuộc loại Lê Quýnh chỉ lo ăn của đút lót, cướp vàng bạc kẻ thất thế, thối thác nhiệm vụ. Tội đó thật xứng với vua này. « Ngày ngày tan buổi coi triều ngài lại tự đến dinh Nghị chờ nghe công việc quân quốc. Lần nào cũng vậy, Hoàng Thượng cỡi ngựa đi trước, Lê Quýnh cỡi ngựa đi sau, quân lính theo hầu chỉ có chừng vài chục người, người trong kinh thành không ai biết là Hoàng Thượng. Nghị cũng ngông nghênh tự tôn; Hoàng Thượng đến dinh, có khi Nghị không buồn tiếp, chỉ cho người đứng trên linh các truyền rằng : « Nay không có việc quân quốc, hãy về cung nghỉ ».

Tai mắt đã không dùng được, nhưng tay chân, đầu óc như thế nào? Ngô Văn Sở rút quân khiến quân Thanh chiến thắng quá dễ dàng, tướng sinh kiêu, binh sinh lộng. Những ước thúc ban đầu giải đãi mau chóng. Mưu lược tính toán chuyện tấn công mà kết quả căng lều, dựng trại khiến quân trở thành bị động. Tầm khiến da trâu và đoàn đao của quân cảm tử Thanh không dùng được, trong lúc cùng một tác dụng chiến thuật, và tấm ván rom ghép của Tây sơn sẽ đưa quân họ vượt hàng rào hỏa lực phòng thủ dễ xông vào cận chiến. Thế thủ thụ động mời gọi nọ tính. Giá như cuộc tiến quân vào thành Thăng long không gần ngày đại lễ Nguyên đán chắc tình thế có khác một ít. Nhưng quân Thanh chỉ có ngày Tết trước mắt. Dư luận hối thúc chiến tranh thì cả quân tướng dềnh dàng đợi ngày khai hạ lễ ăn tết cho ngon lành: truyền thống mất nội dung sinh động trở thành một sức trì níu tác tệ. Đám người được nuôi nấng không khí đọa lạc ấy đâu có ngạc nhiên về hành động của mình: thụ phong là quan hệ, thiết triều là quan hệ, thi hành pháp lý là quan hệ (dù là để che giấu cho hờn giận, ân oán riêng tư), thì ăn cái tết mừng thái bình, dù là thanh bình gượng gạo, cũng chẳng có gì là mất bình thường. Người ta tuyệt nhiên không hiểu tại sao lúc mọi người xếp cày, đẹp cuộc, buồng súng thả gươm để sửa soạn vui đùa thì có những người đi trong giá rét, lần trong đêm tối, lặn vào máu lửa

đề tìm mùi thuốc pháo và men rượu nồng.

Sự bất thường này nằm ngay trong bản chất quân đội Tây sơn. Tiếng gọi chung Tây sơn đến nay có vẻ không hợp nữa vì 3 anh em họ đã chia nhau hùng cứ phần đất chiếm được và kẻ phải đương đầu với quân Thanh là Nguyễn Huệ. Nhưng dùng tên Tây sơn cho quân tướng Nguyễn Huệ không phải là chuyện thoán đoạt vì Phú xuân quả đã giữ phần mạnh nhất. Đám người « từ dân áo vải, không đất cắm dùi, vươn tay hô một tiếng người theo cả vạn, chẳng đầy 5, 6 năm có được nước » không phải nắm một chính quyền giấy mà bao gồm những lực lượng bắt rễ vào tận cội nguồn chủng tộc địa phương, thành phần đông đảo quần chúng. Không lấy làm lạ rằng trận Bến Ván 22-12-1773 họ đưa ra 3 cánh quân 3 thành phần : Việt, Hoa, Thượng. Trận Thuận hóa, 6-1786, quân họ lẫn lộn các sắc dân mà người đương thời ghi là « Mường Man di, Cao miên, Cambiên, Xiêm... » Toàn người này trong cuộc phân rã Nhạc Huệ đã ở lại Phú xuân. Chính nhờ tập trung lớn Huệ mới có thể lo cho người anh tặn cùng ở phương nam. Và cũng chính nhờ tập trung lớn, Nguyễn Huệ mới đủ sức đánh quân Thanh.

Không phải chỉ một mình cá nhân Nguyễn Huệ. Hiệu năng chiến đấu của toàn thể đã rất là cao. Đã nói, họ không tùy thuộc một phần vào những ràng buộc tập quán trị trậm của xã hội Lê thần. Do đó, nổi loạn, họ cũng muốn xô đổ những tín tưởng đã thành nếp. Nghe ở Kinh Đô có ma hiện họ đốt quan tài, vác súng lớn đến bắn nát lùm bụi ; viên Trấn tướng Nghệ an (Trần quang Diệu ?) ngạo mạn trong lễ tế thần : « Chó có ích hơn thần xã tắc ». Cho nên, đánh giặc ngày Tết hay ruồi quân ngày thường nào có khác gì ? Ít ra có một số quân không bận tâm về điều đó và vẻ hào hùng của đám nông cốt này lây sang đám lính mới xóa tan tình cảm ủy mị. Bởi vì cật kiêu hãnh của quân tướng Tây sơn thực đáng nể ngay cả khi họ diễu cợt nhau : « Phải phiền ông làm một bài thơ đề đuôi quân giặc. Nếu không được thì túi đao bao kiếm vẫn là phận sự của kẻ võ thần. »

Kiều hãnh không phải vì họ mới thắng trận lần đầu. Họ đã thử sức với bọn kiêu binh hống hách xằng, cút bắt với đám dân vệ nhà Lê, sau khi ở phương nam, cũng dưới quyền của chủ tướng Nguyễn Huệ, họ đã đánh những trận « yểm kích », « bối thủy » với quân Nguyễn, quân Xiêm, cường tập các tàu Tây, Y pha nho. Kinh nghiệm chiến đấu và lòng tự tin thường tăng lên với chiến thắng. Trong lúc đó Tôn sĩ Nghị tìm đâu ra một lần độ sức để kinh nghiệm đầu năm Kỷ Dậu khỏi quá đắt giá ? « Xưa nay chưa nghe có toán giặc nào như toán giặc này », lời ấy của Trần công Sán có *thốt ra* vào thời Nghị chắc cũng không được lọt vào tai đâu.

Tính chất cường tráng, trẻ trung của quân đội Tây sơn giải thích sự di chuyển nhanh nhẹn của họ. Đẳng khác, những bộ óc dưới mắt ấy cũng tạo thêm ưu điểm, phát huy sáng kiến để biến cải phương tiện tiếp vận. Di chuyển bằng võng, có hai người khiêng, đó là điều người ta thường thấy trước mắt, đương thời. Hồi đầu khởi loạn, Tây sơn cũng thắng tiến bằng cách không đi bộ nữa mà đi ngựa, võng, cáng. Nhưng hình thức bên ngoài có giống mà sự khác biệt giữa cảnh một ông nghề điệu đón theo hầu trẩy hội vinh quy với cảnh hai người lính thay nhau cho người thứ ba nghỉ mệt, thật cách xa một trời một vực. Giá trị nhân bản nổi bật đồng thời với giá trị chiến thuật. Và giá trị chiến thuật lại tăng cao giá trị nhân bản : khi người lính thanh thả về tinh thần vì nhận thấy không có chênh lệch giá trị giữa người nằm và kẻ khiêng, thì tinh thần đồng đội san sẻ trong ý tưởng phục vụ và thụ hưởng đồng đều, sẽ nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu trong suốt thời gian tiến quân khiến cho quân lính đạt đến một mức độ đặc dụng lý tưởng vào lúc cần thiết. Sách lược Tôn sĩ Nghị « lấy khỏe chờ mệt » không ngờ lại phải đổi là « lấy biếng lười uể oải chống cường tập hăng say ».

Chưa cho là đủ, Nguyễn Huệ — không, Quang Trung hoàng để lại võ trang tinh thần thêm cho quân tướng. Binh sĩ trên dưới mười vạn có một phần bắt ở Nghệ an. Tuy Quang Trung

đã khôn khéo đề đám tân binh ấy đi giữa, cho thân quân ở Thuận hóa, Quảng nam làm mộc che quanh, nhưng tinh thần buổi đầu của họ thật đáng nghi ngờ. Cứ ba người dân lấy một, lối bắt lính rất là khắc khe gây đầy bất mãn. Người ta đã mang chó vào rừng tìm đuổi dân làng trốn trong đó. Thêm nữa, không có gì bảo đảm rằng dân Thanh Nghệ, đất thang mộc của nhà Lê, họ Nguyễn nam hà, lại phải theo phe phản nghịch Tây sơn. Phải lợi dụng việc trước mắt, đưa ra mối đe dọa mất nước, kêu gọi căm hờn tủi nhục của người dân dưới ách thống trị ngoại bang, kích động tinh thần hào hùng từ những cuộc nổi dậy giành độc lập, đề lấy tinh thần quốc gia thuyết phục đám dân địa phương vọng Lê chuyển hướng thù hận vào người Tàu: “ Các người đều đủ lương tri lương năng nên phải dốc lòng hết sức với ta, đề dựng công lớn chớ có quên giữ thói cũ, mang lòng nhị tâm. Nếu như phác giác, ta sẽ tức khắc giết chết, không tha một người nào. Đừng trách ta không báo trước.”

Đừng hướng lý tưởng rõ ràng. dứt khoát, nghiêm lệnh rành mạch, ân uy gồm đủ, trách nào mà quân lính không răm rắp tuân lệnh? Nơi núi Tam điệp lại thêm một lần kích động. Lần này ở bộ tham mưu. Phương cách tác động lại ngược với lần đối với binh sĩ. Trượng tá gần vua dễ sinh lòng, nên uy phải đi trước ân. Khi Phan văn Lân và Ngô văn Sở vác gươm ra chịu tội mất Thăng long, Quang Trung đòi chém chết một vạn lần rồi nói rõ có tha tội, bàn phương lược tiến quân, bày ra trước mắt mọi người viễn tượng thắng trận vào một ngày nguyên đán khác thường.

Tính chất cường tập của các trận tấn công được phổ diễn tới mức tối đa. Di chuyển mau lẹ, cắt đứt đường giây chuyển tin tức bằng cách bắt trọn bọn xích hầu, yếu tố bất ngờ được triệt để lợi dụng đề tăng cường hiệu năng vào phút chót. Quân tượng là lực lượng công phá thích hợp nhất trong tình thế. Các cuộc đột kích ban đêm với những mưu mô hư trương thanh thế, những lối tập trung áp đảo, phối hợp khéo léo với chiến thuật

bao vây, chia cắt, tất cả diễn biến chỉ vồn vện trong 5 ngày tết tạo thành một giai thoại chiến tranh lạ lùng nhất. Lời hứa phục thù của Tôn sĩ Nghị không thực hiện để cho một viên Thái thú ngậm hờn nơi đất khách, năm năm được hưởng sự cúng vái của đám dân giết mình mà cũng không khỏi đau đớn cho thân phận anh hùng nghe lời phụ nhân mai mỉa.

Chiến tranh rồi cũng chấm dứt. Trong hình thức đồ võ của nó. Các phe *phía* phải tìm cách hàn gắn lại bằng bút mực, môi miếng. Công việc từ lệnh làm nổi bật vai trò Ngô thị Nhậm. Cùng với Phan huy Ích, Nhậm là bộ mặt đặc biệt của triều Tây sơn mới chớm chuyển đổi bản chất từ lúc Chiêu thống bị xua khỏi thành Thăng long. Bọn Lê thần chống lại Tây sơn không thay đổi gì được sức đang lên của bọn quân tướng này. Những kẻ từ tạ trốn tránh, ẩn nấp hoặc tự tử, đã đi vào lãng quên. Chỉ còn nhóm ra phục vụ triều mới. Họ quay đầu chuyển hướng không phải vì tư cách không trọn vẹn mà một phần vì giáo điều trung trinh đã không đủ khả năng đối phó với thực tế biến chuyển, phần vì ngay chính những khuôn mẫu mà nho sĩ tôn làm lý tưởng muôn đời đã bị hoặc chính họ phá vỡ, hoặc dân chúng khinh lờn, hoài nghi từ lâu. Anh học trò của Lý trần Quán không nói đến nghĩa vua tôi vì «sợ thầy không bằng sợ giặc, quý chúa không bằng quý thân». Người trưởng ấp vô danh bắt ông Nghè — «cướp» Dương trọng Tế cho «giặc Chính». Dân chúng một cửa ô Thăng long có dịp cười nhạo một «ông huyện to bụng» ở trần trùng trục chạy giặc. Trên triều đình một Ninh Tồn bỏ chạy từ Đồng hới về, không có việc gì ngoài việc dò chừng đón gió. Tay buôn Nguyễn hữu Chính dìm chết một kẻ sĩ cứ tưởng có thể đắc thời nhờ một dịp thuyết khách, trong khi lại tha chết cho một tên «nhà nho nói khoác». Cho nên không lấy làm lạ rằng khi Nguyễn Huệ ra Thăng long lần thứ hai thì thu dụng ngay được một số người đủ dùng.

Đồng đa như một tiếng sét hồi thức tâm lý chuyển hướng ấy. Đám di thần ương ngạnh thấy chiến bại thảm thương phải

lo lần tránh, nín hơi lặng tiếng, xóa mất một dư luận phản động. Những bọn chần chờ, lưỡng lự trước tín hiệu trung trình (với Lê) và tùy thời, thấy thay đổi như mệnh trời ném xuống, bèn bước vào con đường mới ít thắc mắc hơn. Nguyễn Thiếp là một. Khi Nguyễn Huệ kéo quân bắt Vũ văn Nhậm, Thiếp ra châu ở hành tại Nghệ an, đã nói rõ là vì trung nên không thể theo triều mới được. Thế mà năm sau, ông đã sẵn sàng làm đề điều coi thi ở trường Nghệ, biên thư cho «Thượng Đức» tỏ rõ quyết tâm *dẫn thân*. Đám danh sĩ đồng xứ cũng bị lôi cuốn theo phong trào: Nguyễn huy Tự của làng Trường lưu, Nguyễn Công con trai viên Tham tụng của Trịnh Sâm, Nguyễn Thiện của làng Tiên điền, hai họ danh gia vọng tộc ở Hà tĩnh; kể đến là Hoàng giáp Bùi dương Lịch, Tiến sĩ Phan tổ Định. Mặc cảm sa đọa của đẳng cấp kéo dài đến mấy mươi năm sau cùng với phản ứng địa phương ít hay nhiều cố gắng núp dưới bóng một ý thức hoài Lê tiêu cực, đã hướng dẫn một phong trào văn thơ, lên cao độ ở một tác phẩm bất hủ.

Đối với dân chúng, tác động của chiến thắng Đống đa được ghi nhận mãnh liệt hơn. Đám dân biên giới theo tàn quân Tôn sĩ Nghị chạy bỏ đất đai vắng ngắt. Chiêu thống lưu vong ở Tàu, Hoàng đệ Duy Chi bị bắt, đối tượng phò tá đã mất, lòng vọng tưởng phò tá cũng phai lặn. Sức phản kháng yếu hẳn. Có thể Tây sơn mới đem khoan hồng ra thi thố với những kẻ chiến bại, chống đối lẻ loi: Lê Ban, Trần danh Ấn, Trần quang Châu bị bắt mà vẫn còn giữ đầu được đến ngày tàn. Ý thức được sự lạnh nhạt của dân chúng nên khiến có hành vi tuyệt vọng, tích cực của Trần phương Bình, tiêu cực của Nguyễn Du.

Khoái trá vì chiến thắng nhất tất là đám quân tướng Tây sơn. Lại một lần nữa họ lại chứng tỏ giá trị của họ. Quân đội đã thắng trận có họ là nòng cốt. Khi Huệ tự xưng là viên tướng «hang núi» khi kẻ nghịch Tây sơn gọi là bọn «thỏ tù», sự thực về tính chất quân chính của chế độ Tây sơn cũng chứng tỏ được phần nào. Huệ đã thú nhận điều đó với Nguyễn Thiếp trong náo nức mong được *văn-hóa* quyền bính.

Công trình đó để dành cho bọn Lê thần bất mãn chế độ trước. Tùy phản ứng cá nhân, họ lục tục ra phụng sự triều Tây sơn. Nhưng đặc biệt là họ đã đứng ngoài triều chính cũ, có dịp để phán xét, ít nhiều cũng không bằng lòng, nên khi về với triều mới, họ đưa những ý niệm tổ chức xã hội, tuy vẫn là của Nho giáo, nhưng dưới những khía cạnh hình thức lãng quên ở những ngày qua. Sĩ phu tự cải tạo thức tỉnh trước tiếng dội từ miền nam ra và đám quân tướng Tây sơn đi tìm ý thức hệ, cả hai gặp nhau nơi thành Phượng hoàng Trung đô trọng tâm cho hai thế lực đưa nhau đến thế quân bình.

Nhưng con đường khuôn nắn cũng đưa Tây sơn xa rời một phần tính cách ban đầu của họ. Theo với biến chuyển của tình thế, có những sự kiện lại giúp cho xa rời ấy lại trở nên rõ rệt hơn. Ngoài đại dương đang có những tàu biển bọc đồng ngang dọc chuyên chở hàng hóa, sức mạnh kỹ thuật của những người có "cặp mắt xanh của con rắn" thân mình trắng bạc "như những xác chết trôi từ biển bắc dạt xuống". Những chiếc tàu đồng vững vàng trước sóng gió hơn là các ghe bầu, hơn cả các đại hiệu thuyền "chở được con voi" của Nguyễn Huệ nữa. Thuốc súng mang từ phía Tây lại có sức công phá mạnh hơn thứ đồng loại nhập cảng qua ngõ Cao bằng, Lạng sơn. Thành trì của họ làm chùn bước đoàn tượng quân hung hãn Liên kết với họ trên đất Việt là đám thương nhân Trung hoa thành thạo buôn bán. Vậy mà cơ sở Hội an bị tàn phá không góc đầu lên được trong những năm 1774. Các năm 1776, 77 Đại phố châu suy sụp, Minh dân kéo nhau về Gia định lập nghiệp lại phải chịu một cuộc tàn sát ghê gớm nhất trong lịch sử lưu vong hải ngoại của họ (1782). Thương nhân tây phương thấy gương các bạn Đông Á và của chính họ nữa, phải trở nên dè dặt: việc chiếc tàu của Chapman bị quân Trịnh ở Phú xuân cướp bóc năm 1778 còn khiến cho phái bộ Macartney lo lắng khi tiến vào cửa Tourane giữa năm 1793. Uy hiếp bọn thương nhân Trung hoa, Nguyễn Huệ chứng tỏ ý muốn giành quyền tổ chức thương mại, gây dựng kinh tế. Uy lực của Tây sơn khiến bọn giáo sĩ thấy không có cơ

hội để lợi dụng tình thế. Cho nên, giáo sĩ Pigneau mới bao lần từ chối lời mời hợp tác của Tây sơn để lao đao lận đận với một cậu bé để dạy con ông hoàng lưu vong đa cảm còn sót sau và diệt tộc ở Nam hà.

Bởi vậy, khi thế Tây sơn lên như cồn ở Bắc hà thì ngoài cửa Thi nại, chiếc tàu De Cas ries của De Richery đã gây hoang mang cho dân chúng nội địa đến cực điểm. Người ta đồn rằng Hồng mao sẽ đưa một ông hoàng còn sót lại của triều đại vừa trị vì, một ông Chúa nào đó về lấy lại ngôi báu đã mất. Tức cười là vị cứu tinh mà dư luận trông ngóng lúc này bị giam lỏng ở Vọng các, và De Richery quan sát thấy Tây sơn mạnh quá lúc trở về Thổ châu lại không dám chở *Người* đi Pondichery như đã hứa. Tuy nhiên phản ứng của triều Lê tàn tạ đã khiến Tây sơn dồn toàn lực hướng về phương bắc, bỏ trống cho Nguyễn Ánh kéo quân về. Ba, bốn trăm chiến thuyền cứu viện miền nam xa xôi không đủ là một lực lượng cứu vãn được tình thế. Cho nên, khi quân Tây sơn reo mừng ở gò Đống đa thì chắc chỉ có viên chủ tướng ưu tư là thấy được mối nguy ngập của một sự kiện từ nơi đồng lầy xa tít : Phạm văn Tham ở Ba thắc, thế cùng lực kiệt mang gông ra phủ phục hàng kẻ chiến thắng (tháng giêng năm Kỷ Dậu 1789).

Chiến tranh lại đòi chiều. Tây sơn dựa lưng vào nội địa tận lực khai thác đất đai khô cằn, dân chúng mỗi một trong một không khí cuồng ngạo, để chống cự với họ Nguyễn trung hưng cổ huấn luyện quân tướng chịu thêm gian khổ, mở rộng đất đai màu mỡ của miền Đồng nai để lấy tài vật trao đổi bên ngoài qua đám giáo sĩ đầy hi vọng nơi ông hoàng trừ nhĩ biết đọc kinh, qua bọn phiêu lưu đi tìm danh vọng giàu sang nơi đất xa xứ lạ. Áp lực kỹ thuật Tây phương sẽ tàn nhẫn xoi đồ một triều đại dân chúng qua những trận chiến tiếp tục trên mười năm nữa. Nhưng không có trận nào như trận Đống đa.





TRÁI TIM BẤT TỬ

LÊ - CHIÊU - THỐNG

TÔ NAM soạn dịch 

Vua Chiêu-Thống tức là Lê-Mẫn-Đỗ, một vị hoàng tôn thiếu niên anh-tuấn, thừa kế ngôi báu cuối cùng của triều đại nhà Lê, phải gánh lấy những nỗi thảm thương cay đắng từ xưa để lại, mà bao phúc lộc thì 25 tiền vương ngày trước hưởng thọ hết rồi, đến khi tấn kịch hạ màn đành phải bốn-ba hải ngoại, kết cục là phải bỏ mình ở nơi đất khách, mười mấy năm sau được đem di hài về nước, thì phần thể xác đều tiêu tan duy chỉ có trái tim còn nguyên vẹn? Và còn thoi thóp, máu tươi bỗng thấy trào ra? Hầu như muốn đợi ngày về dâng đem giọt máu truyền thống trả lại cho quê cha đất tổ. Trái tim bất tử ấy chẳng những đã khiến các nhân sĩ nhà Thanh cũng như thần dân bốn quốc đều phải kinh ngạc cho là thần kỳ? Mà ngay từ ấy đến nay trái đã gần hai thế kỷ, cũng chưa từng thấy có ai giải thích bởi lý do gì mà trái tim kia lại được sống lâu như vậy? Vậy dưới đây tôi xin sưu tầm sử liệu có liên quan đến trái tim ấy, rồi dịch-thuật ra để các nhà khảo cổ xét đoán xem sao.

Nguyên nhà Hậu-Lê khởi đầu từ vua Thái-Tổ, cha truyền con nối 25 đời đến vua Hiến-Tông, cộng được 370 năm, sau khi vua Hiến-Tông mất thì Hoàng-Tôn Duy-Kỳ được các tôn-Thất đại-thần và sự đồng ý của Thượng-Công Nguyễn-Huệ Hoàng-Tôn được lên nối ngôi Vương-Phụ, hiệu là Chiêu-Thống (Năm Đinh-Vị 1787).

Nhưng chẳng bao lâu anh em Thượng-Công trở về Thuận-Hóa, nhà vua lại bị các gia-thần Chúa Trịnh áp-bức, phải triệu Cống Chính ở Nghệ-An ra phò, chẳng ngờ sau khi đuổi được bọn gia thần ấy đi, thì Chính lại dấn lên vết xe Chúa Trịnh, ngang nhiên áp chế vua Lê. Ngông cuồng hơn nữa là Chính không biết tự-lượng tài sức của mình, lại đi gây hấn với Bắc-Bình-Vương, toan dùng văn tự đòi lại Nghệ-An mà không sớm chuẩn bị võ-lực để phòng đối phó, đến nỗi sứ-bộ Trần-Công-Hán phải bị chết oan. Kế đó được tin Võ-Văn-Nhậm đem quân ra đánh mới vội sai con là Nguyễn-Du đem binh đi trước để chống cự, rồi mình sẽ tiếp-viên sau. Thử hỏi Cậu Du là hàng phong lưu công-tur, tuổi còn măng sữa thì sao chống nổi với tướng Võ-Văn-Nhậm là con hổ xám của Tây-Son. Quả nhiên sau khi Du kéo quân vào đến Thanh-Quyết, là con sông chia giới hạn Nam-Định và Ninh-Bình thì đóng lại ở Bắc Ngạn, trên bờ lập thành mấy chục trại sách, dưới sông cũng dùng chiến thuyền để làm thế ỷ giốc. Chẳng ngờ trong lúc đêm khuya mưa rét quân sĩ của Du còn đương ngủ gà ngủ gật ở bên đồng lửa, thì ở dưới sông, Văn-Nhậm đã sai người bơi sang cột hết chiến thuyền lôi tuốt về bên Nam-Ngạn! Quân sĩ của Du hoảng sợ, xô nhau chạy trốn như ong vỡ tổ, Du cũng vội vã chạy theo khi về đến gần Thăng-Long mới gặp Nguyễn-Chính đem quân đi cứu, rồi hai cha con quay về kinh-thành, đem vua Chiêu-Thống chạy lên mạn bắc. Văn-Nhậm đuổi theo đến đồn Mục-Son thuộc huyện An-Thế thì Du bị chết, Chính bị bắt sống đem về giết ở Thăng-Long. Thế là kết liễu cuộc đời của nhân-vật kỳ khôi, đã làm xáo trộn tình thế của 3 triều đại hồi đó. (Thân thế của nhân vật này chúng tôi xin thuật lại ở phần sau).

Sau trận này vua Chiêu-Thống lánh vào Mục-Son, bọn Trảng-pháo hầu Lê-Quỳnh hộ vệ hoàng-thái-hậu và hoàng-tử đem theo quốc-bữu và ấn tín chạy lên Lạng-Son; vì có các thứ ấy nên được tiến sang đất Trung-Quốc để tâu lên Thanh triều xin quân cứu viện. Vua Càn-Long bèn sai tuần phủ Quảng-Tây là Tôn-Sĩ-Nghị đem quân sang cứu và dụ rằng: Sau khi lấy lại được Thăng-Long thành thì phong vương cho tự-quân. Sĩ-Nghị kéo binh qua ải Nam-Quan, do đường Lạng-Son tiến sang luôn luôn đánh bại quân Tây-Son, tướng

Ngô-Văn-Sở rút vào Tam-Điệp-Sơn để đòi cứu viện, Sĩ Nghị tiến vào thành Thăng-Long làm lễ sách phong cho Chiêu-Thống (ngày 21 tháng 11 năm Mậu-Thân 1788), rồi định đến ngày 6 tháng giêng năm sau mới tiến binh, nhưng sáng mồng 5 thì vua Quang-Trung đã kéo binh ra phá tung các đồn Văn-Điện An-Quyết, đề đốc Hứa-Thế-Hành và tri-phủ Sầm-Nghi-Đồng đều tử-trận, Nghị vội vàng lên ngựa chạy qua phù-kiều để sang Bắc-Nghệ, tướng sĩ xô nhau, cầu nổi bị gãy, chết đuối rất nhiều khiến cho nước sông Nhị-Hà bị nghẽn vì xác chết. Nhất là dân chúng nhà Thanh bên kia ải Nam Quan, khi thấy Sĩ-Nghị chạy về và lại nghe đồn quân đội Tây-Sơn sắp vượt qua quan ải để bắt vua Chiêu-Thống? Thì họ dạt díu nhau chạy trốn không còn thấy một bóng người! (trích trong quyển Đại-Nam Chính-biên liệt truyện quyển 30 trang 34-35).

Nguyên văn bài này là nói về trái tim bất tử của Lê-Chiêu-Thống, nên chỉ tường thuật các việc xảy ra từ khi nhà vua mang trái tim ấy sang Tàu, và khi các bề tôi tông vong lại mang trái tim ấy về nước mà thôi, còn việc dĩ-vãng thì chỉ lược thuật như trên đã nói vậy.

Nói về sau khi Tôn-sĩ-Nghị đã bỏ chạy, thì vua Chiêu-Thống cùng Thái-Hậu và hoàng-tử cũng chạy theo lên đến Nam-Quan thì các bề tôi cũng lục tục kéo đến, nhà vua nói với Nghị rằng: tôi đây không giữ nổi xã tắc, nhờ được quý quan vâng chỉ sang cứu, cảm kích vô cùng, vậy xin cầu chúc quý quan về triều được hưởng nhiều sự may mắn. Còn về phần tôi sẽ xin cáo biệt, trở lại bốn quốc, thu thập binh dân, đặt gào cử sự lần nữa, may mà nhờ có uy Thanh thượng-quốc, sớm được thành công đó là cái ân huệ của quý quan vậy. Ví thử công việc chẳng thành tôi lại sẽ tìm đến chỗ quý quan để xin viện trợ lần nữa v.v... Sĩ-Nghị nghe xong lấy tay vạch xuống tấm vải để trả lời rằng: Quang-Bình bắt diệt tặc bất hưu 光平不滅則不休 Quang-Bình kia chưa bị tiêu diệt thì đâu ta chịu thôi, hiện đã tâu về triều để xin viện binh, độ non một tháng đại quân sẽ tới. Còn như nơi đây sát cạnh với địch, không tiện ở lâu, hãy nên tạm rút vào thành Nam-Ninh để đợi chỉ dụ rồi sẽ tính kế. Vua Chiêu-Thống nghe lời theo sang Nam-Ninh, rồi Nghị lại mời vào tạm trú ở huyện Quế-Lâm tức là tỉnh thành Quảng-Tây. (Rút ở Hậu-Lê Dã-Sử trang 40-56).

Lúc ấy quân đội Tây-Sơn đã tiến đến Lạng-Sơn, tình hình biên giới rất là náo động, triều đình nhà Thanh lập tức bắt Tôn-Sĩ Nghị về trị tội, và sai nội-các thần là Phúc-Long-An đề-đốc binh mã 9 tỉnh để sang bình định An-Nam. Đầu tháng 2 Long-An đến Quảng-Tây thì mấy chục bề tôi của vua Chiêu-Thống cũng lục đục theo sang, Long-An phân tán mỗi người cho ở một nơi, rồi cấp đầy đủ lương thực, và cho Phan-Khai-Đức làm đô-trị Liễu-Châu, Đinh-Nha-Hành làm Thủ-Bị toàn châu, Bế Nguyễn-Doãn làm Bá-Tổng, còn bọn Duy-An thì đưa vào Quế-Lâm để hầu nhà vua.

Giữa lúc ấy thì vua Quang-Trung cũng sai Ngô-thị-Sĩ sang tói bản danh của Long-An xin trả về tù-binh và lĩnh cứu Sầm Nghi Đống, lại hối lộ cho Long-An một số vàng bạc châu báu để nhờ y đứng chủ-trương về việc tạ lỗi và xin phong tước. Long-An thăm khuyên Thanh-Đế bãi binh rồi bắt buộc vua Quang-Trung phải sang triều kiến. Nhà vua bèn cho Tư-Mã-Chân sang thay, Thanh-triều biết là Nguyễn-Huệ giả, nhưng vì cớ khác nên cũng miễn ngơ.

Về phần vua Chiêu-Thống trú ngụ trong thành Quế-Lâm được ít lâu, thì một hôm bỗng được Long-An mời vào trong dinh, thấy cách bày biện khác về ngày thường đôi bên có đến mấy trăm võ sĩ tuốt gươm đứng hầu, khoảng giữa cấm một lá cờ đại bài, đề chữ Đề-Đốc cứu tỉnh binh-mã. Ăn bánh trái xong Long-An vẫn không đá động gì đến việc binh, nhà vua lấy làm nghi hoặc, khi cáo biệt ra đến cửa thứ hai đã thấy sứ của Tây-Sơn đương ngồi ở đó?

Tháng hai năm ấy Long-An hạ lệnh bãi hết binh mã cả tỉnh rồi đặt bữa tiệc rất long trọng, vua Chiêu-Thống lấy làm lạ, hỏi có tại sao? Long-An đáp: Hiện nay đương thời viêm nhiệt, bất lợi cho cuộc nam chinh, đợi đến sang thu, khí trời mát mẻ rồi sẽ điều động. Nhưng cái ngày ấy cũng chẳng bao lâu, vậy thì nhà vua phải sớm thu thập tướng-sĩ để làm tiền đạo, nhất là về phần sắc phục của quân-sĩ nhà vua, trước đây đã bị Tây-Sơn khinh dễ, nên Tôn tuần-phủ mới bị thua lây? Thế thì ngày nay cũng nên cắt tóc, đổi cách ăn mặc giống hệt binh sĩ Trung-Quốc, để cho địch quân trông thấy phải sợ hết hồn, thì sự phục quốc mới thành-công được, rồi sau lại theo y như quốc-tục. Đó là một kế biến

trá trong lúc hành binh nhà vua cũng nên hiểu rõ mà sớm chuẩn bị.

Vua Chiêu-Thống thấy Long-An bảo thế, tưởng y thực tâm giúp mình, nên vội đáp rằng : « Tôi đây để mất quốc-gia làm bệ thiên triều đã phải ra tay cứu vớt, dù bảo cả nước cùng phải hoa trang mà được thành sự, cũng chẳng nệ hà (1) ». Rồi vua lập tức ra lệnh cho các nhân viên tùy tùng đều phải cắt tóc mặc theo binh phục nhà Thanh. Long-An đã thấy vua Lê mắc bẫy của mình, bèn cung cấp rất hậu rồi mật tâu về Thanh-Triều rằng : Vua tôi nhà Lê tình nguyện ở lại Trung-Quốc, chứ không có ý xin quân cứu viện, hiện đã cắt tóc thay đổi y-phục v v... Lúc ấy trong triều nhà Thanh đã có nội các đại thần là Hòa-Khôn cũng đã ăn lẽ của Tây-Son, chủ-trương việc đó, nên vua Càn-Long lập tức ra lệnh bãi-binh và đưa vua tôi nhà Lê sang Yên-Kinh để bổ dụng quan-chức. Thế là bắt đầu ngày 11 tháng 2 năm Canh-Tuất (1790) vua tôi nhà Lê từ tỉnh Quảng-Tây ra đi trải qua con đường muôn dặm, sang tới Yên-Kinh vào ngày mồng 5 tháng 5, tức là mất gần 3 tháng. Khi tới phía ngoài kinh thành đã thấy xe binh ra đón nhà vua cùng Quốc-thái-Hậu, hoàng tử vào đóng tại Tây định-môn, gọi là Tây-An-Nam dinh, còn các bề tôi thì đóng tại cửa đông trực, gọi là Đông An-Nam dinh, đều được cấp lương thực và đi lại tự do.

Giữa lúc ấy thì vua Càn-Long sắp đi nghỉ mát tại Hành-Cung tỉnh Nhiệt-Hà, vua tôi nhà Lê bèn soạn tờ biểu xin binh cứu viện để nhờ Đô-Đốc Kim-Giân đệ hộ, rồi tăng sáng ngày mồng 8 vua tôi đứng đợi ở 2 bên vệ đường, khi xa giá vua Càn-Long đi qua thì bái phục xuống đất, lúc ấy có viên thông-ngôn truyền bảo : Hoàng-đế đã coi tờ biểu và ban khen, vậy các ông nên mau bái tạ rồi lui về. Khi vua tôi trở về đến dinh đã thấy Kim-Giân phụng chỉ triệu vua Lê vào điện thưởng 400 lạng bạc và ban cho chức tá-lãnh, kèm theo áo mũ hàng tam phẩm. Ngày 13 nội phủ lại triệu vua Lê vào thưởng thêm 400 lạng bạc kèm theo các vật dụng, nhân-

(1) Đoạn vua Chiêu-Thống tình nguyện cắt tóc đổi y phục trích trong *Bản-Quốc Ký-Sự trang 17*. (本國記事)

viên tùy tùng mỗi người 500 quan tiền và cho được hưởng quyền lợi như người Mãn-Thanh.

Tháng 8 vua Càn-Long trở về Yên-Kinh, liền chỉ dụ cho Kim-Giễn tới an-ủi vua Lê và cho Phan-Khải-Đức làm Kiêu-Kỵ Định-Nha-Hành, Phan-Trần-Thiện làm lãnh thời, còn nhân-viên khác thì được cấp lương gấp 3 người thường.

Tháng 10 vua Lê nhận thấy không thể trông vào nhà Thanh được nữa, bèn họp các người tông vong, cắt máu ăn thề, dâng biểu xin cho 3 châu ở vùng Hưng-Hoa Tuyên-Quang, làm nơi thờ tự tiềm tổ; hay là cho phép vua tôi lên về Gia-Định hợp với chúa Nguyễn để tính công việc phục hưng. Bằng không thì sẽ liều chết chứ không chịu sống gửi ở chốn tha hương v.v...

Vua tôi bàn định xong, bèn đưa tờ biểu tới trình Kim-Giễn biết trước, Giễn không cho vào, vua tôi nằm phục ở phía ngoài kêu váng cả lên! Kim-Giễn đành phải mời vào trong dinh định liệu lời khuyên giải, và bảo hãy tạm lui về công-quán rồi y sẽ thương lượng sau.

Tháng 12 có 3 viên thư ký đến báo tin rằng: Kim-Giễn hiện đã phụng chỉ ban cho nhà vua mảnh đất ở Khâm-Châu, đợi đến sang xuân gặp mùa hoa nở, sẽ về nhận đất cũng chẳng muộn gì.

Năm Tân-Vị (1791) tháng 3 lại có thư ký đến mời nhà vua cùng các bề tôi vào ăn phởng, chỉ mời ăn hoa quả chứ không đá động gì đến việc đất đai? Vua tôi cũng không dám hỏi. Nhưng đến tháng 4 thì các viên thư ký lại cỡi ngựa đến bảo rằng: hiện đã có chiếu chỉ ban cho nhà vua tỉnh Tuyên-Quang, rồi dục vua tôi phải áo mũ chính-tề vào bái tạ. Chẳng ngờ khi các tòng thần vào đến ăn phởng thì bị lính canh đã lấy khóa sắt khóa cửa lại rồi đem xe trâu đến tổng mọi người đi an trí ngoài 300 dặm: Hoàng - Ých - Hiếu bị đày đến Y - Lê thuộc tỉnh Tân - Cương; Lê - Hân đi Phụng - Thiên (Mông Cổ) Phạm-Như-Tùng đi Hắc - Long - Giang Nguyễn - Quốc - Đông đi Cát - Lâm, Nguyễn -

Viết-Triệu và Lê-Ván-Trương đi Nhiệt-Hà, và Trương-Gia-Khẩu; còn bọn Trần-Thiện và Đinh-Nha-Hành thì được ở lại để hầu vua.

Nhắc lại khi vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu, thì Tráng-Phái-Hầu Lê-Quỳnh cùng bọn Lý-Bình-Tạo mấy chục người còn phải ở lại trong nước để chiêu dụ các thổ hào, nên khi theo sang đến nơi thì nhà vua đã được đem đi Yên-Kinh, Long-An bèn cho triệu đến Quảng-Tây để bàn việc nước: nhưng khi bọn Quỳnh đến thì Long-An chỉ bàn việc cắt tóc và thay đổi y-phục? Quỳnh biết là y lừa dối mình nên bỏi thẳng rằng: chúng tôi vâng lệnh tướng công đến bàn quốc-sự, có sao không bàn gì đến việc đó mà chỉ nhắc đến việc cắt tóc thôi, như vậy là nghĩa lý gì? Xin nói thực rằng: đối với chúng tôi thì « đầu khả đoạn phát bất khả thế » đầu có thể chặt, chứ tóc không thể cắt. Long-An nghe xong nổi giận sai đem bọn ông Quỳnh đi an-trí, rồi sau giải về Yên-Kinh, khi đến địa hạt Sơn-Đông thì gặp vua Càn Long đi nghỉ mát, cho triệu bọn ông Quỳnh vào dụ rằng: Vua của các người hiện đã bằng lòng ở lại Trung-Quốc và được nhuần thấm ơn trời: Vậy nay các người quyết tâm theo chúa, cũng nên thay đổi y phục để trăm bố dụng v. v...

Quỳnh tâu rằng: Thần chẳng muốn dậm tới đây, chỉ nguyện một lần được dùng quốc tặc để vào ra mắt quốc-vương, rồi sau sẽ xin phụng mạng, tướng cũng không muốn. Thanh-đế ngợi khen là trung thần của họ Lê, rồi cho đem về Yên-Kinh, khi tới nơi được giam vào ty thận hình của binh bộ.

Tháng chạp năm ấy, vua Càn-Long trở về Yên-Kinh, sắc phong cho vua Quang-Trung làm An-Nam Quốc-Vương và ban cho tám vóc, ở mép có đề hàng chữ thêu bằng chỉ kim tuyến. « Xa tâm chiết trục nhân diên thử, Hòa trọng sinh vinh tổng tại trung (車心折軸因田鼠，禾重生榮總在中) hai câu này các người hiểu kỳ phân tách như sau: Chữ xa 車 hợp với chữ 惠 là chữ Huệ (惠) tên vua Quang-Trung, chiết trục là gãy trục, diên thử là con

chuột đồng, chuột thuộc năm Tý, quả nhiên nhà vua bị chết về năm Nhâm-Tý. Cầu sau chữ hòa 禾 hợp với chữ trọng 重 thành chữ chủng (種) là tên vua Gia-Long; ý nói vua Gia-Long đã sinh trong đó để chiếm giang sơn của vua Quang-Trung. Về sau quả đúng như thế, nên người lúc ấy đều khen vua Càn-Long là tiên tri.

Về phần vua Chiêu-Thống, sau khi các bề tôi đi an trí mỗi người một nơi, nhà vua rất là buồn bực, thâu đêm không ngủ, đợi lúc trời vừa tảng sáng cưỡi ngựa vào dinh Kim-Giản, muốn để kêu oan cho các bề tôi, thì vừa gặp lúc Giản đi hầu Thanh-Đế ở vườn Minh-Viên, nhà vua liền nằm phục ở cửa vườn kêu gào thống thiết! Bọn coi vườn sợ làm náo động bèn cưỡi ngựa rồi ôm xóc nhà vua lên xe đem thẳng về ty thận-hình. Mã-Đổng là Nguyễn-Văn-Quyên thấy vậy, lập tức cầm gạch xông vào đánh bọn coi vườn để cứu chúa, nhưng vì chúng quả bất địch, nên anh đã bị chúng đánh gục rồi khiêng bỏ vào trại giam, mãi hơn 1 tháng mới được tha về rồi sau mấy hôm thì chết. Cái chết oanh liệt ấy về sau đã được vua Tự-Đức bêu dương bằng một bài ca theo thể đặc biệt, và gần đây cũng có nhà thơ đã ca ngợi bằng 4 câu lục bát như sau :

Văn-Quyên một kẻ Mã-Đổng

Phận dù tiểu tốt gan trung nào tầy

Quyết cùng lang sói một bày

Ngàn thân viên gạch đủ xây lâu đài!

Giữa lúc nhà vua bị giữ ở ty thận-hình thì ở nhà riêng đã có phái viên của Thanh-Triều sai đến buộc Hoàng-thái-Hậu phải dâng biểu trần tình nói rằng : nhà vua vốn đã tình nguyện ở lại Trung - Quốc, còn việc huyền náo mới rồi là do mấy viên hầu cận gây nên v.v .. May sao lúc đương thảo tờ biểu thì viên giám thần là Nguyễn - Trọng - Đặc biết chuyệu chạy vào cướp lấy tờ biểu đốt đi, và tâu trách Thái-Hậu sao lại mắc mưu mà đưa bọn tôi vào chỗ chết? Người Thanh bèn đuổi Trọng-Đặc về đồng dinh, rồi cấm không cho lai vãng chỗ vua ở nữa. Bởi thế sau nhà vua được trả tự do, vì quá buồn phiền, luôn luôn đau yếu; kể đến

ngày 20 tháng giêng năm Nhâm-Tý (1792) thì hoàng-tử là người con độc nhất bị chết về bệnh đậu mùa, nhà vua cảm thấy tuyệt vọng, bệnh thể mỗi ngày một tăng, biết cơ không thể khỏi được, bèn cho triệu các bề tôi đến nhận lời di-chức : « Ta đây bất đức kém tài, không giữ nổi được xã tắc, nên phải lìa bỏ quê hương, chạy ra nước ngoài, tưởng rằng tính kế khôi phục, chẳng ngờ lại bị lừa dối, khiến ta đến nỗi nước này, còn biết tính sao ? Thôi thì sau khi ta chết, may ra có một ngày nào các người lại trở về cố quốc cũng nên đem theo hài cốt ta về để tỏ chí nguyện v.v... Thốt ra được mấy lời thống thiết bị ai, thì nhà vua tắt thở ! Hôm ấy là ngày 16-10 năm Nhâm-Tý, tức là mất cùng một năm với Quang-Trung, nhưng đối với thân thể của Lê-Chiêu-Thống thì ai cũng tỏ ý xót thương cho nên người sau mới đặt danh hiệu là Lê-Mẫn-Đế chứ Mẫn nghĩa là thương xót vậy.

Về phần vua Càn-Long trước kia dẫu bị bọn Nội-các ăn hối lộ của nhà Tây-Son, đã che giấu sự thực, bảo rằng vua Lê tình nguyện sang Trung-Quốc không cần phải cứu-viện nữa, nên mới hạ lệnh rút hết binh mã 9 tỉnh trở về rồi phong quan chức cho vua Chiêu-Thống và các bề tôi tòng vong ; nay vua Chiêu-Thống chết, vua Càn-Long lại cho dùng lễ tước công để an táng tại phía ngoài cửa Đông-Trực, lăng sở rộng đến 3 dặm, có xây tường ngăn cách, người coi mộ được cấp đến 5 lạng bạc, và cho Duy-Khang là con nuôi được nối đời giữ chức Tá-lãnh, Nguyễn-Việt-Triệu đương ở Nhiệt-Hà được tin ai phò cũng thiết lập bài vị làm lễ chịu tang, gào khóc hồi lâu rồi trút hơi thở cuối cùng để theo vua cũ !

Nguyên trước đây nói về triều đình nhà Thanh thì vua Càn-Long đã gần 9 chục tuổi, sắp sửa truyền ngôi cho vị vương thứ sáu, một hôm tan triều ra về vương ghé qua nhà Hòa-Khôn đánh cờ tiêu khiển, nhân tiện bàn đến công-việc An-Nam, Vương rằng : nước ấy gặp nạn, vua tôi chạy sang thiên triều để xin cứu binh, nếu chẳng cứu giúp cũng nên đoái thương, chứ họ có tội gì đâu mà bắt đem đi an-trí ? Ví thử các nước chư hầu biết chuyện thì họ sẽ bảo uy-tín của thiên triều ra sao ?

Hòa-Khôn đáp: Việc ấy là do ý định của Hoàng-Thượng, Vương gia biết đâu mà bàn? Vương rằng: Hoàng-thượng hiện nay già cả, quyền chính thiên hạ đều do các lão xử trí, thế mà việc này quan hệ không nhỏ, có sao lại bảo ta không nên bàn? Hòa Khôn cậy mình được vua sủng ái, nên cũng trả lời bằng những câu xằng? Lục-Vương nổi nóng toan vác bàn cờ đập lên đầu Hòa Khôn, may có mọi người ngăn cản nên không xảy ra cuộc lưu huyết, Hòa Khôn bèn đem việc đó vào tâu với vua Càn-Long, vua cả giận lập tức cho triệu Lục-Vương vào cung, cầm trượng toan đánh! Nội các thần là Hà-Quế vội nằm phục xuống trước mặt để ngăn và can, vua cũng không nghe, lại bắt Quế phải thay mình cầm trượng để đánh Lục-Vương ngay giữa sân rồng! Vương trở về dinh phần-uất thành bệnh, đến khi hấp hối cho gọi các em là vương thứ 8 và thứ 11, thứ 17 đến để di chúc rằng: Hòa-Khôn cậy được vua yêu đã làm hỗn loạn đường mối triều đình, che dấu những điều gian ác! Vậy trong 3 người các em chưa biết hoàng-thượng sẽ truyền ngôi lại cho ai? Nhưng lẽ tất nhiên cũng có một người, thế thì người ấy phải nên trừ tên gian tướng kia đi v.v... nói xong thì vương tắt thở.

Rồi đến năm Ất-Mão (1795) bên ta niên hiệu Cảnh-Thịnh năm thứ 3. Vua Càn-Long truyền ngôi cho hoàng tử thứ 11, đổi niên hiệu là Gia-Khánh, liền hạ lệnh tru lục Hòa-Khôn, và tịch thu gia sản mỗi ngày phải đến 500 xe trâu, mà xe 5 tháng mới hết tiền bạc của cải? Duy có điều ai cũng phải lấy làm lạ, sao không thấy vàng? Về sau có kẻ bảo rằng y đốt da trâu thành cao, bọc lấy vàng khối giả làm viên gạch đem xây tường, không biết cơ man nào mà kể.

Năm sau là năm Bính-Thìn vừa hết tang vua Chiêu-Thống, hoàng-thái-hậu nhận thấy không hi-vọng trở về bản-quốc, mà để cho các bầy tôi phải chịu đầy ải long đong thực cũng bất nhẫn. Hậu bèn dâng biểu xin cho các bề tôi tòng vong được phép trở về nội địa, và cho tùy tiện kết-hôn để lập gia-đình. Thanh-Đế bằng lòng phát cho mỗi người 8 lạng bạc và 35 ngàn đồng tiền lớn để chi phí về việc kết-hôn.

Tháng 11 năm ấy vào ngày mồng 8, thái-hậu mất, được quàn

táng ở lăng vua cũ, rồi Thanh-Đế xuống dụ tha hết các người tòng vong như bọn Lê-Quýnh, và cách ăn mặc cho được tùy tiện theo phong tục nước nhà chứ không bắt buộc, ngoài ra lại còn cấp cho mỗi người 1 tháng là 3 lạng bạc cùng một thạch gạo. Nhưng lúc ấy mỗi người đều ở tản mác mỗi nơi, còn kẻ hầu người hạ phần nhiều đã lấy vợ Tàu sinh con đẻ cái, riêng có Lê-Quýnh lúc được tha vẫn còn đội cái mũ rách đem theo hơn chục năm trời, người ta ví với cái lá cờ tiết của Tô-Vô sang sứ Hung-Nô ngày trước. (Rút trong Quốc-Sử Di-Biên tập-thuợng).

Nói về tình hình nước nhà lúc ấy vua Gia-Long đã diệt được Tây-Son, để hoàn thành cuộc nhất thống vào năm Nhâm-Tuất (1802), rồi sai sứ bộ sang Thanh để cầu phong, thì Lê-Trắc 黎側 là con Lê-Quýnh, vì có quen với Chánh sứ là Nguyễn Gia-Cát, nhờ ông Cát tâu với vua Gia-Long xin cho tháp tùng sứ bộ sang đó để thăm tin tức vua cha, vốn Gia-Long vẫn hâm mộ tấm gương trung nghĩa của Quýnh nên chấp-huận ngay. Rồi khi Trắc theo sứ bộ sang Tàu đến Trắc-Quận 沅郡 thì được gặp cha là Lê-Quýnh, vì Quýnh đã nghe tin có cả con của mình ở trong sứ-đoàn nên ra đón sẵn. Cha con xa cách mười mấy năm trời, ngày nay mới được gặp nhau đến nỗi không nhận được mặt. Giờ phút hội ngộ này ông Quýnh có vịnh một bài thơ thật là lâm ly.

十五春秋雁信稀
無端到沅遇眼兒
纔聞疑謂人欺我
及見驚呼汝是誰
旅館通宵言若夢
家庭逐事聽如癡
良辰分手自忙去
父子情深不自持

Phiên âm

*Thập ngũ xuân thu nhận tín hi.
Vô đoan đảo Trác ngộ đồn nhi ?
Tài văn nghi vị nhân khi ngã.
Cấp kiến kinh hô như thị thù.
Lữ quán thông tiêu ngôn nhược mộng.
Gia-đình trực sự thỉnh như si.
Xâm thần phân thủ thông mang khứ.
Phụ tử tình thâm bất tự trì.*

Dịch

*Thư nhận mười năm băng chốn này.
Giờ sao Trác quán gặp con đây.
Thoạt nghe cú tường ai đùa lão.
Chợt thấy còn kêu có phải mầy.
Quán khách thâu đêm ngờ giấc mộng.
Chuyện nhà mãi lắng tựa người ngây.
Tình sâu phụ tử khôn cầm nổi.
Giọt lệ chia ly lúc rạng ngày.*

Rồi Quýnh cũng theo sứ đoàn vào Yên-Kinh và theo quan Khâm-Sứ vào bái yết vua nhà Thanh (Thanh-nhân-Tôn Gia-Khánh năm thứ 6) Thanh-Đế khen cha là Trung-thần con là hiếu-tử, và ban cho rất hậu. Khi sứ bộ trở về Quýnh báo con là Trắc tâu lên vua Gia-Long xin cho cha được trở về cố quốc và đem hài cốt vua cũ trở về táng tại nước nhà. Được vua Gia-Long phê cho, Trắc liền gửi thư cho cha biết, để xin phép vua Thanh, Thanh-Đế bằng lòng cho ngay và còn ra ơn cho tất cả những người hiện bị lưu đày cũng được trở về cố quốc.

Thế rồi ngày 24 tháng 3 năm Giáp-Tý (1804) Quýnh sắm

sửa áo mũ quan quách để cải táng Mẫn-Đế cùng Hoàng-Thái-Hậu và Nguyên-tử, ngoài ra lại còn di hài các bề tôi như bọn Nha-Hành, lớn nhỏ cộng 18 bộ, khi làm lễ tiễn điện trong bài thơ khéc có những câu cực kỳ áo não như câu: Vân-ám long nhiêm vô mịch xứ, tuyết phong mã lập hữu khai thì 雲暗龍髯無覓處，雪封馬鬣有開時; mây phủ râu rồng (1) khôn dặt kiếm, tuyết phong bờm ngựa (2) có ngày khơi) Thanh để lại còn ban ơn cho những người đã từng nhận chức quan mà nay trở về, như các viên tá-lãnh được cấp 10 lạng bạc, phiêu-ky 8 lạng. Lãnh-thôi trở xuống đến vợ con, mỗi người lớn 5 lạng, trẻ con 3 lạng, và sức cho các quan ở dọc đường phải tiễn tống đến cửa ải Nam-Quan. Đám táng lại được chia làm 3 chặng: Các người tòng bực và đàn bà trẻ con đi chặng đầu, linh cửu đi chặng giữa; bề tôi lưu vong đi chặng sau cùng.

Ngày 25 bắt đầu khơi mộ vua Chiêu-Thống, quan tài bằng gỗ thông dày 2 tấc, khi mở nắp ra thấy phần da thịt đã tiêu rã hết, riêng có trái tim vẫn còn nguyên vẹn, máu tươi vẫn thấy trào ra, và còn thoi thóp như tim người sống? Ai cũng dọn người cho là sự lạ!

Ngày 26 khơi mộ Thái-Hậu nguyên tử và các vong thần, di hài của Việt-Triệu và Mã Đồng-Quyên được đặt bên linh cửu vua cũ, rồi tiếp tục lên đường, bắt đầu vào cuối tháng 2 khi tới Nam-Quan vào ngày 13 tháng 8, đúng 5 tháng trời. Kế đó được di chuyển sang trấn Lạng-Sơn; trấn đã dựng sẵn cung quán ở ngoài thành, quan-hiệp-trấn là Nguyễn-duy-Thần) ông Nghè ở huyện Hương-

(1) Long nhiêm: râu rồng. Sử ký chép: vua hoàng - đế đúc xong chiếc đỉnh, thì có con rồng thò râu xuống đón vua lên trời, còn các người hầu khi bám vào râu rồng bị đứt rơi xuống.

(2) Mã lập phong là hình ngôi mộ xây van vát như cái bờm ngựa. Hai câu này: Câu trên nói vua đã thắng hà, muốn theo mà không thấy râu rồng ở đâu? Câu dưới nói: Ai ngờ cái mộ kiêu bờm ngựa kia lại có ngày khơi lên để đưa về cố quốc.

La) cùng các cựu thần nhà Lê làm lễ tế điện, các tù trưởng lân cận cũng tới phúng điếu.

Ngày 26 Lê-Quỳnh về Thăng-Long, trước để vào yết kiến Tổng-trấn tiền quân Nguyễn-văn-Thành, khi vào Quỳnh quì gối chứ không bái, mà thưa rằng : Vì chưa được bái vua, nên không dám bái tôn-công, rồi cất mũ để tạ lỗi. Quận-thành cầm tay niêm nở mời ngồi uống trà. Quỳnh thưa tôi đây khi gặp nước mắt không đủ tài để giúp vua cũ, quả là một kẻ tội nhân, nay được Tôn-Công ưu đãi thế này, khiến tôi hổ thẹn đến toát mồ hôi. Duy còn hai cốt vua cũ chưa được tât dất an nghỉ, cúi mong tôn-công sẽ táng thành cho.

Quận-Thành đáp : Việc ấy lo gì ? Hiện thời Vương thượng đương khát gặp ông ; ngài có phán bảo : Hễ khi ông về lập tức mời vào tưng kiến, để ngài hỏi chuyện lấy 5-7 ngày. Còn như tang sự của cố Lê-Hoàng, tôi xin bảo đảm chu tất. Quỳnh ở lại Thăng-Long 3 ngày, các văn võ mới cũ đều đến thăm hỏi. Nhân một hôm Quỳnh sang đáp lễ Tán-Ly Đặng-Trần-Thường, thoạt trông thấy, Thường kêu Quỳnh là Khổng-Minh ? Quỳnh từ tạ, Thường lại kêu là Tử-Phòng Quỳnh đáp : như tướng-công gặp gỡ minh-quân để thực hành chí nguyện, thì mới xứng đáng cái tên Tử-Phòng, chứ Quỳnh tôi thì đương sao nổi.

Ngày 6 tháng 8 Quỳnh từ Thăng-Long về thăm cố hương tức làng Đại-Mão huyện Siêu-Lợi, lễ yết tổ-đường và chịu tang Thím tức Bà Nghè Thân, rồi ngày 12 lại ra Thăng-Long bắm với Quận-Thành nhờ tâu vua Gia-Long cho phép đem di hài vua cũ về táng tại Thanh-Hóa.

Ngày 24 tháng 9 Quận-Thành tiếp chỉ dụ cho phép, bèn phái binh sĩ Bắc-Thành lên Lạng-Sơn đón tang Lê-Hoàng về Thăng-Long, đặt bàn thờ tế điện tại nhà Diên-Tự-Công Lê-Duy-Hoán là viên thủ-tự được vua Gia-Long phong chức để coi việc thờ phụng nhà Lê. Hôm ấy các bề tôi sót của Lê Triều và bá-quan văn võ đều mặc đồ trắng tới phúng điếu. Còn các di hài từ Định-Nha-Hành trở xuống thì cho gia nhân nhận phiếu rồi đưa về các quê hương để mai táng.

Nói về Tỳ-Bà Nguyễn-Thị-Kim là thứ phi của Lê-Hoàng, quán làng Tỳ-Bà huyện Từ-Sơn tỉnh Bắc-Ninh, khi vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu thì bà được một vị cự thần đem đi ẩn ở ngôi chùa trong rừng rậm, nhân tiện coi một kho vàng để đợi nhà vua trở về làm vốn phục quốc, nhưng về sau kho ấy cũng lọt vào nhà Tây Sơn (Việc này chúng tôi đã tường thuật ở báo *Văn-Đàn* về mục kho vàng Sầm-Sơn từ mấy năm trước). Nay bà được tin rước linh cữu Lê-Hoàng về nước, thì Bà lên ngay Lạng-Sơn để đón, cả ngày chỉ uống hai chén nước hồ cầm hơi, để coi việc đèn nhang trước linh vị: kêu gào thảm thiết và hỏi Lê-Quỳnh « Thân phận của Bà sau đây nên xử thế nào ? »

Quỳnh thưa: Cứ như ý riêng của tôi thì có hai cách, 1') Theo xuống dưới suối để được trông thấy tiên quân. đó là thượng kế. 2') Theo linh cữu về rồi ở ngay nơi làng tằm để giữ công việc đèn nhang, đó cũng là kế nên làm.

Ngày 22 tháng 9, rước linh cữu về đến Thăng-Long, thiết lập linh vị tại nhà Diên-tự-Công, thì Bà bắt đầu tuyệt thực, cả ngày chỉ ăn có mấy khẩu mía mà thôi. Đến ngày 12 tháng 10, thay hài cốt sang cổ quan tài thếp vàng, trái tim vẫn còn thoi thóp như lúc ở bên Yên-Kinh!

Tỳ-Bà-Hậu đến trước nhang án khóc lạy xong quay ra từ biệt công chúa (công chúa nào đã sử không nói rõ). Rồi nâng chén thuốc độc uống cạn để chết theo.

Cái chết của Bà chẳng những thần dân trong nước, mà cả sứ bộ nhà Thanh có mặt tại đây cũng không nín được mấy tiếng thở dài. Sau viên Tán-Lý là Đặng-Trần-Thường đặt tên Thụy (cúng cơm) cho Bà đã có câu: Tiết nghĩa tàn đấng hạ, cương thường nhất chúc trung (節義每燈下, 綱常一酌中): dưới ngọn đèn tàn gương tiết nghĩa, một liều thuốc độc mỗi cương thường. Hai câu trên đủ tả rõ tâm sự của người quả phụ, mà người quả phụ ấy đứng vào địa vị Hậu-phi của một ông vua thất thế hiện đương ngậm hận ở dưới suối vàng vậy

Ngày 28 tháng 10, Quận-Thành phái quân hộ tống linh cữu vua

Chiêu-Thống, Hoàng-Thái-Hậu, Hoàng-Tử, và Tỳ-Bà-Hậu về Thanh-Hóa, an táng tại lăng Bàn-Thạch thuộc xã Bồ-Vệ Việt-Triệu và Văn-Quyên cũng được phụ táng một bên. Rồi sau lại sức cho xã Tỳ-Bà phải dựng miếu thờ Tỳ-Bà-Hậu và dựng bia ghi rõ sự tích của Bà trao cho hai người sai phu quét dọn.

Lúc ấy có Lê-Hân người xã Nộn-Hồ, khi theo vua Lê sang Tàu, bị lưu đày ở tỉnh Phục-Thiên, vì giỏi về nghề làm thuốc được quan Thái-thú họ Lưu gả con gái cho, nay cả hai vợ chồng cũng theo đám tang trở về cố quốc, khi đến Thanh Hóa thì Hân ốm chết, người vợ Tào quyết xin ở lại quê chồng cho trọn tình nghĩa, ai cũng lấy làm cảm-động, giúp đỡ chắt chiu công lao; sau khi Bà chết cả làng làm lễ an táng ở bên mộ chồng.

Thơ khóc vua Chiêu-Thống.

Phiên

*Vạn-lý kim sương tứ tự kỳ.
Thâm sơn cùng cốc ảm nhiên bi.
Đỉnh hồ cung kiếm kim hà tại.
Kinh quốc sơn hà bán dĩ phi.
Nhất lộ hân phòng trung nghĩa qui?
Cửu nguyên nan mệnh khẩu thù thi.
Khả liên nguyệt lạc ô đề dạ.
Trường đoan cô sương nhất liệt phi.*

Dịch

*Bốn chữ cờ vàng vạn dặm thấu
Âm thầm ngổ hềm tới hang sâu.
Hồ xưa cung kiếm nay còn tá?
Đô cũ giang sơn nữa khác màu
Bên lộ hồn trung thừa đốn rước
Dưới âm xác địch dễ tìm đâu?*

Trăng tà chiếu quạ kêu sương thâm.

Tiết phụ riêng ai dứt mạch sâu

Bài thơ này của Ông Nghè Võ-Huy-Đĩnh người làng Mộ-Trạch, khi vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu, ông không theo kịp, nay ông lên cửa Nam-Quan để đón linh cữu vua. Vì quá cảm động nên lời thơ thống thiết bi ai, mà người đời cho là mỗi chữ một giọt huyết lệ.

Ý nghĩa của bài thơ.

Nguyên đám tang vua Chiêu-Thống, phía trước linh cữu có cắm lá cờ vàng thêu 4 chữ « Vạn-lý-Kim-Sương » (Muôn dặm sương thu) vì lúc ấy đương tiết sương thu cảnh vật hiu quạnh. Đám tang lịch sử ấy đã khiến cho chốn thâm sơn cùng cốc nhuộm vẻ thương xót âm thầm.

Nhớ lại vua Hoàng-Đế ngày xưa luyện thuốc ở Đĩnh-Hồ để bay lên tiên, chỉ còn cái cung cái kiếm để lại cho thần dân, thì hai báu vật đó ngày nay cũng không thấy đâu nữa? Mà giang sơn cổ quốc thì đã thay màu đổi sắc đến quá nửa rồi. Nghĩa là non sông đã hai lần đổi chủ vậy.

Cay đắng nhất là hai câu thứ 5-6 tác giả nói : ngày nay vong hồn nhà vua trở về cố quốc, chẳng thấy có hồn trung nghĩa đón rước ở dọc đường? Bởi vì lúc vua bị thất thế chẳng có trung thần nghĩa sĩ nào chịu bỏ mình vì việc phục quốc của vua.

Thế thì ngày nay muốn tìm địch thủ ở nơi chín suối (chỉ vào vua Quang-Trung để rửa hận mà lúc còn sống vua không làm được, thì nay chẳng có ma nào giúp đỡ. Thử hỏi đâu phải là việc dễ dàng?

Để kết luận về đám tang lịch sử bi đát này, tác giả nhấn mạnh đến một người là Tỳ-Bà-Hậu, trước kia được vua trao phó cho việc ở lại nước nhà mưu tính công cuộc phục hưng. Thế mà ngày nay lên ai Nam-Quan đón rước linh cữu giữa một đêm thu lạnh lẽo, dưới bóng trăng tà, tiếng quạ kêu sương nào nuốt! Bà đã mượn liều thuốc độc để trút linh hồn, cho được trọn niềm chung thủy. Thực là một người đáng thương và đáng tôn kính biết bao!

NHỮNG CHỨNG MINH XÁC THỰC VỀ TRÁI TIM BẮT TỬ

Ngoài những sử liệu ghi chép về trái tim bắt tử của vua Lê-Chiêu-Thống đã dẫn giải ở phần trên, nếu chưa làm giảm được mỗi hoài nghi về câu chuyện thần thoại hóa? Dưới đây chúng tôi lại xin xuất trình những tang chứng hùng hồn, có thể tin cậy, tức là những lời phê phán của vua Tự-Đức là ông vua từng chiếm kỹ-lục về công phu vịnh sử, vịnh cả sử Bắc và sử Nam bằng lối thơ hay lối phú, tất cả đến mấy ngàn bài, chẳng những có giá trị về văn chương, mà còn có cái độc đáo là đối với nhân vật và sự việc trong lịch sử, ông còn có công tìm ra sự thực để đính chính và phê bình.

Thứ coi lúc triều thần dâng tờ biểu xin đặt tên thụy cho Lê-Chiêu-Thống thì vua Tự-Đức đã phê vào tờ biểu ấy như sau :

大略云：帝爲人所賺，異地
羈縻憂憤抱痛以沒身雖
死而心不死良亦可哀宜追
諡爲愍帝

Phiên : Đại lược vân : Đế vi nhân sở trảm, dị địa cư mi, ưu-phẫn
bào thống dĩ một, THÂN TUY TỬ NHI TÂM BẮT TỬ, lươn
diệt khả ai nghi truy thụy vi Mẫn-Đế v.v...

Dịch : Đại lược rằng : Nhà vua bị người lừa dối, phải giam lỏng
ở nơi đất khách, vì ôm một khối thống khổ phẫn uất đến nỗi qua đời
Nhưng tấm thân dầu chết mà con tim không chết, thực cũng đáng
thương. Vậy nên đặt tên Thụy là Mẫn-Đế (Ông vua đáng thương).

Sau khi đã chuẩn y và phê phán những câu trên, thì bài sách
phong lại chính tay vua Tự-Đức soạn thảo, trong có những câu :

羈勒二三臣僕 賊中露令
胡為棲遲 一十餘年 控大
邦而誰極

又云：常者命 難為復夏之少康
丁元其心無愧 殉明之節烈

Phiên âm

Cơ đích nhị tam thần bộc, phú Trung-lộ hề hồ vi? Thê tri nhất thập dư niên, không đại bang nhi thùi cực.

Hựu vân: Mỹ thường giả mệnh, nan vi phục hạ chi Thiệu-Khang.

Bất tử kỳ tâm, vô quý tuấn minh chi Trung-liệt

Dịch

Lạc lũng đời ba thần bộc, hát thơ Trung-lộ thêm buồn (1)
Mười năm vương hầu đại bang tiếng khóc Tần-định nào thấu (2) Và

(1) Thơ Trung-Lộ là ca-dao của nước Bội tức thiên bội phong 邶風 ở trong kinh thi; Lúc vua nước Lê黎 bị nước địch狄 xâm chiếm, phải chạy sang nước Vệ, các thần bộc (tôi tớ) làm thơ khuyên vua nên trở về lo tính công cuộc phục quốc. Bài thứ 1 nói:

Thức vi, thức vi, hồ bất qui vi quân chi cố, hồ vi hồ trung lộ 式微式微,胡不歸,微君之故,胡為乎中露.

Dịch: chi nguy, chi nguy, sao không trở về? Không vì có nhà vua, chúng tôi đâu phải dầm sương dãi gió.

(2) Thân Bao Tự 申包胥 đời Xuân-Thu sang nước Tần kêu khóc 7 ngày, mới mượn được quân đem về đánh đuổi quân Ngô để phục quốc cho Sở.

câu : Vận mạng bất thường, khôn học Thiệu-Khang khôi-phục nhà Hạ (3)

Trái tim bất tử t'ên gì Trang-liệt tuần tiết nhà Minh (4).

Căn cứ vào những lời phê phán của vua Tự-Đức trên đây ta có thể tin chắc là trái tim bất tử của vua Chiêu-Thống là xác thực.

Vì lúc Linh cữu của vua Lê được đưa về nước vào thời Gia-Long năm thứ 3 (1804) mà vua Tự-Đức lên ngôi vào năm 1848, cách nhau có 44 năm. Nhưng khi lên ngôi thì vua Tự-Đức đã ngoài 20 tuổi rồi. Như vậy thì chỉ còn cách trên 20 năm, các bề tôi trong triều vị nào từ 50 tuổi trở lên, tất nhiên đã được tai nghe mắt thấy chuyện đó trải trình sự thực để nhà vua nghe; Nên khi phê phán vua mới chắc bằng vào đó mà nhắc đi nhắc lại những câu « THÂN TUY TỬ NHI TÂM BẤT TỬ » và câu « BẤT TỬ KỶ TÂM » để làm cái bằng chứng là trái tim ấy đã sống rồi xác thật đến 13 năm.



CÁC SỬ SÁCH THAM KHẢO

Trước khi viết bài « Trái-tim bất-tử » trên đây chúng tôi đã rút tài liệu trong các bộ sử: Hậu-Lê-Kỷ, Hoàng Lê Nhất Thống-Chí, Lê-Sử T'ân-Yếu, Quốc Sử Di-Biên, v.v.. Nhất là bộ Hậu-Lê Dã Sử ghi chép rất kỹ về chi tiết, nên chúng tôi căn cứ vào đó đến 7 8 phần 10.

Tô-Nam NGUYỄN ĐÌNH-DIỆM

(3) Mạng trời không nhất định, nay họ này mai họ khác làm vua. Khi cha vua Thiệu-Khang bị mất nước thì Hoàng-Hậu đương có thai, phải trốn đi nước khác. Khi Thiệu-Khang trưởng thành bề tôi cũ của vua cha lại đón ông về khôi phục, làm vua Trung-Hưng của nhà Hạ.

(4) Vua Trang-Liệt cuối đời nhà Minh, bị tên Lưu-Khẩu là Lý-Sấm 李 闖 chiếm cứ kinh thành, nhà vua chạy ra phía sau thất cổ tự tử ở núi Vạn-Tuế, để chết the giang sơn nhà Minh.



những điểm đặc biệt về

Nguyễn - Huệ

▼ PHẠM VĂN SƠN

Mỗi danh nhân thế giới và lịch-sử thường có những cá tính đặc biệt để người đời có thể nhìn vào đó mà biết được sự nghiệp và tương lai của họ ngay khi mới bắt đầu vào chính-trường. Trong chuyện Vương-thúy-Kiều của Nguyễn-Du ta thấy trong cuộc tiếp-xúc giữa Từ-Hải và Nàng Kiều, Từ-Hải đã khen Kiều có cặp mắt xanh qua câu :

« Anh hùng đoán giữa trần ai mới già ! »

sau khi Kiều nói Từ-Hải sẽ có những ngày huy hoàng, vua biết mặt, chúa biết tên, sự quý hiển hết sức lớn lao, và lời nói của nàng cũng rất tế-nghị bởi đã diễn tả ý trên một cách gián tiếp nhưng khéo léo vô cùng :

« Thừa rằng lượng cả bao dung .

Tấn-dương được thấy mây rồng có phen,

Rộng thương nội cỏ hoa hèn,

Tấm thân bèo bọt dám phiền mai sau... »

và quả nhiên chỉ năm sau với cái tài khuấy nước chọc trời của người anh-hùng họ Từ, chánh quyền đời Gia-Tĩnh đã phải bối rối lao đao vì Từ đã đánh phá được nhiều thị-trấn của miền Nam Trung-Quốc, đem lại cho triều đình nhiều cuộc kinh-hoàng

«Trương-phu thoát đã động lòng bốn phương...»

như vậy Kiều đã đoán trước thân thế của Từ sớm có ngày rục-rỡ và sự việc đã thực-hiện rất đúng, như thế, nàng là kẻ có mắt tinh đời vậy. Nếu Từ đã thành Chúa-Tề bốn phương mà nói thì có khác đâu là chuyện khen phò mã tốt áo...

Tào Tháo cùng Lưu-Bị một hôm ngồi luận anh hùng và thời thế. Tào nhìn thẳng vào mặt Lưu bảo:

«Anh-hùng trong thiên-hạ ngày nay, chỉ có tôi với sứ-quân...»
 Lưu Bị hoảng hốt vì thấy Tào đã «Đi guốc vào bụng mình» nhân có tiếng sét nổ bên giả đồ. . bưng tai, tỏ ra hèn nhát, sợ hãi lắm. Tào cười biết mảnh lời của Lưu bởi y đã hơn ai hết, thấu đáo triệt để cái sùỵ-đồ vĩ đại của Lưu. Y cười bởi Lưu cố tình che mắt hẩn trong khi tia mắt của y đã chiếu thẳng vào tim đen của Lưu.

Dưới đời chúa Duệ-Tôn ở Nam-Hà cuối thế-kỷ 18, ông giáo Hiến là thầy dạy cả văn lẫn võ cho ba anh em nhà Tây-Sơn : Nguyễn-Nhạc, Nguyễn-Lữ và Nguyễn-Huệ. Ông cũng nhận thấy anh em Nhạc sau này sẽ đóng những vai trò quan trọng trên đất nước. Lúc đó ông sống một cách ẩn dật lòng đầy căm hận bởi tuổi đã già không giúp ích được gì cho xứ sở trong khi quyền-thần Trương-phúc-Loan là cậu Vua đang thao túng chính quyền, vơ vét của dân và của nhà nước cho đầy túi tham không đáy, bắt kẻ công luận và không hề cúi lòng trước cảnh đói-khò lâm-than của nhân dân miền Nam. Bạn thân của ông là Trương-văn-Hạnh làm quan tại triều vì chống lại chế độ mục-nát của Trương mà bị Trương hãm hại. Ông giáo Hiến sợ cái họa cháy thành vạ lây vội bỏ kinh thành Thuận Hóa mà đi Bình-Định gõ đầu trẻ trong thôn ấp hẻo lánh kẻ đất Tây Sơn, do đó đã có dịp thân anh em Nguyễn-Nhạc làm môn-đệ. Ông thấy Nhạc, Lữ, Huệ khác người nên khi tiếng nhỏ, khi tiếng to mang thời cuộc ra dẫn giải và khích động óc cương-cường của ba anh em Nhạc. Theo ông, chính-sự Nam-Hà mục nát quá rồi, sớm muộn phải đi đến chỗ sụp - đổ, những kẻ có tài, có chí sẽ có cơ hội lập công-danh. Rồi ông khích-

lệ Nhạc, Lữ, Huệ rằng thời cơ đã tới và họ có thể đảm-đương được vận mệnh, tương-lai của đất nước. Ông còn bịa ra lời sấm: « *TÂY KHỞI NGHĨA, BẮC THU CÔNG* », nghĩa là đất Tây-Sơn sẽ có người khởi-nghĩa rồi sẽ thành công cả ra đến Bắc Hà. Lời sấm này có mãnh-lực thúc đẩy anh em Nguyễn Nhạc băng-hái lao mình vào con đường tranh đấu. Nói cho đúng, ba anh em Nguyễn-Nhạc cũng phải là những người có chí-khí hiên ngang, có óc hùng-cường mới được thầy Hiến lựa chọn đề ra tranh tài với thiên-hạ và quả sau này họ đã làm được những việc lừng-lẫy sử xanh.

Trong ba anh em ông Nhạc, Lữ, Huệ mỗi người đều có sở-trường sở-đoản khác nhau, nhưng trong một giai đoạn lịch-sử nào đó họ đã tỏ đủ tài đánh đổ một chính-quyền thối nát và đóng một vai-trò lịch-sử hiên-hách cũng như đưa lịch sử Việt-Nam sang một khúc quanh. Rồi như ta thấy 30 năm sau (1771-1802) anh em nhà Tây-Sơn quả đã làm biến-chuyển thời-thế từ Nam ra Bắc chớ đâu họ chỉ đánh gục bọn Trương-phúc Loan ở cái việc « gian nhân hiệp đảng » mà thôi trong phạm-vi xứ Nam - Hà bấy giờ gồm giải đất phía Bắc giáp Đồng-Hới, phía Nam giáp Diên-Khánh, Bình-Thuận. Nhạc là con người giàu mưu-trí nhưng không có nhiều kỳ-vọng. Mỗi ngày một lớn tuổi, đầu óc ông cũng mòn mỏi dần rồi thiên về chỗ cầu an hưởng lạc nên chỉ khư-khư đóng vai hoàng-đế trong cái đế-quốc nhỏ xíu của ông là đất Qui-nhơn mà thôi. Người ta gọi ông là « Tây-vương » tuy ông tự xưng là « Trung-Uông Hoàng-Đế ».

Nguyễn-Lữ còn thua sút hơn về tinh thần tranh đấu. Ông này ít thiết-tha đến việc quân-sự mà chỉ nghiêng về tôn-giáo, ông được người ta quý trọng như một giáo chủ và ông đã có nhiều ảnh-hưởng đến dân-chúng miền Nam Trung Việt và miền thượng An-Khê, Phú-Phong. Về phương diện này, khi anh em ông khởi-nghĩa riêng ông Lữ cũng đã qui-tụ được khá nhiều đồng bào dưới lá cờ Tây Sơn bay trước nhất ở triền núi An-khê. Năm 1784, Tây-Sơn bắt giết được Duệ-Tôn và đuổi được Nguyễn-Ánh, thu phục được toàn cõi Nam-Việt, ông lãnh tước Đông-Định-Vương nhưng bởi lơ-là với chánh-sự, năm sau Nguyễn-Ánh quật khởi ở Gia-Định, Tổng-Đốc Chu, Tư-

Khẩn-Uy của Tây-Sơn bị thua, Lữ liền kéo hết quân đội về Trung-Việt, chẳng để lại dư-âm nào nữa từ đó.

Đến người thứ ba trong gia-đình Tây-Sơn là Nguyễn Huệ, chúng ta thấy là cả một pho lịch-sử đầy chuyện lạ, nhiều tình tiết ly-kỳ ? Ngày nay chúng ta thường nhắc tới ông một cách hào hứng.

Quả vậy, Huệ có một cuộc đời rất đặc-biệt, một chí-hướng trùu trời, nếu so với hào kiệt cổ kim. Xét về tài ba, ông cũng vượt thế nhân nhiều lắm. Tuy nhiên người anh-hùng Nguyễn-Huệ của chúng ta có nhiều sở - trường thì cũng có nhiều sở-đoản như bao nhiều danh-nhân khác. Đó là một thông-lệ xưa và nay.

Chúng tôi mời bạn đọc cùng chúng tôi phân-tách cái sở-trường, sở-đoản của Nguyễn-Huệ nó đã ảnh hưởng đến hành-động, đến đất nước trong suốt cuộc đời ông thế nào rồi hãy khen-ngợi ông giáo Hiến đã có con mắt xét người rất tinh khi vị hào kiệt này còn ở trong vòng trứng nước.

I. HUỆ CON NGƯỜI CÓ CHÍ LỚN : Làm được sự-nghiệp vĩ-đại, tất nhiên phải có tài lớn, nhưng tài lớn vẫn phải kèm theo chí lớn. Nguyễn Huệ vào đời từ 1771, là năm đầu tiên anh em Tây-Sơn phất cờ giải phóng đồng-bào Nam-Hà khỏi ách tham-tàn của Trương-phúc-Loan. Lúc này ông vào khoảng trên 21 tuổi và vài năm sau ngôi-sao của ông sáng chói dần, rồi chỉ 10 năm kế tiếp nữa ông đã thành giương cột của tân triều - đại. Trong nước cũng như ngoài nước, nói đến nhà Tây-Sơn người ta hầu như chỉ biết có ông mà thôi, nhất là Nguyễn-Ánh chỉ biết lùi bước co giò trước lá cờ tướng Huệ. Vào giai đoạn này, Huệ bị ràng buộc vào việc đánh chiếm miền Bắc.

Rồi trong khi Nhạc mệt mỏi chỉ biết có vui thú với cái triều đình của ông, đã không nghĩ đến sự bành-trướng ra Bắc là đất của em mà cũng không muốn tiến vào Nam là nơi bọn quốc-thù Nguyễn - Ánh đang hoạt động ráo riết Huệ bao phen mang quân ra Thăng - Long, diệt họ Trịnh (1786) đuổi quân Thanh và trước đó còn truy-kích con cháu Nguyễn-Hoàng tại xứ Đồng-Nai

khiến từ 1784 toàn cõi Nam-Việt đã về tay ông sau khi ông tiêu diệt được trên hai chục ngàn quân xâm-lược Xiêm-La mà họ Nguyễn công về. Trong đầu óc của ông bấy giờ đã có vấn đề thống-nhất xứ-sở, mặc dầu ở khoảng giữa của xứ-sở có đế quốc của ông anh là Trung-Uơng Hoàng-Đế Nguyễn-Nhạc. Quả vậy năm 1786 trên thực tế nước Việt-Nam đã hoàn toàn thuộc ảnh-hưởng của triều đại Tây Sơn, tức là nước Việt-Nam đã thống-nhất. Vì thế trong tờ chiếu lên ngôi, Nguyễn-Huệ đã chính thức tuyên bố: *«Vài ngàn dặm đất ở cõi Nam đều thuộc về ta hết»*.

Chí lớn của ông còn nhắm sang lãnh-vực khác: cải-cách thuế khóa, mở mang công-thương nghiệp, khuyến khích việc buôn bán với các nước ngoài điều mà các tiên chúa họ Nguyễn rất kiêng kỵ vì ích-kỷ. Đáng chú ý là ông có chủ-trương làm sống lại giới bần nông mà đa số không có ruộng đất, từ đời ông đến đời cha, đời con chỉ làm tá điền hay nông-nô cho các địa-chủ và là nạn nhân thường trực của bọn phú nông chuyên bóc lột người nghèo bằng nghề cho vay nặng lãi. Nguyễn-Huệ đã kêu gọi những kẻ tha phương cầu thực, phiêu-bạt vì chiến-tranh trở lại làng cũ. Ông chia cho họ những ruộng đất ông truất hữu của bọn quan liêu, địa chủ bắt lương từ các thời trước. Theo chính sách người cày có ruộng, ông chấm dứt cái tình-trạng thủ-đắc bất-hợp-pháp về công-diền công-thò nữa. Các việc mở mang nông, công, thương nghiệp kể trên của Nguyễn-Huệ đủ nói lên rằng ông có ý xây dựng cho nước Việt-Nam một nền kinh tế thuận chiều với quyền lợi của đại-chúng, nền kinh-tế này ít tính-chất phong-kiến hơn dưới các triều Trịnh-Nguyễn, mặc dầu còn nằm trong phạm-trù chế-độ phong-kiến. Nó tiến-bộ hơn nền kinh-tế triều Lê, Trịnh, Nguyễn bởi nó hướng về dân nghèo, nó mở ra nhiều sinh lộ cho các lớp người xấu số, nó hạn chế những quyền lợi bất chính của bọn quan-liêu, hào-phú ngay trên nguyên-tắc.

Đối với tăng đồ, ông đặt ra việc sát-hạch theo lẽ chỉ những người thật tâm đạo-đức và có hiểu biết rõ ràng giáo lý mới đủ tư cách thờ Phật và truyền-đạo, ngược lại, những kẻ trốn việc

quan đi ở chùa hoặc mượn cửa thiền làm việc mờ ám hoặc ăn bơ làm biếng phải hoàn tục. Cùng với sáng kiến này ông cho phá bỏ các chùa nhỏ, tập trung gạch ngói làm chùa lớn ở phủ hay huyện không ngoài mục-đích ngăn ngừa các việc lạm dụng hẳn đã xảy ra rất nhiều thời bấy giờ, đồng thời lành mạnh-hóa Phật giáo mà ông coi là quốc-giáo. Đối với giáo-sĩ Tây-Phương ông cũng đề cho tự-do truyền-đạo, xây-dựng nhà thờ và còn trừng trị những kẻ gây kỳ thị. Chính giáo sĩ DIEGO ZIUMILA đã hết lời ca ngợi chúa Tây-Sơn (Nguyễn-Huệ) về diêm này và tỏ lòng biết ơn.

Có nên nói rằng việc cho các giáo-sĩ Tây-Phương tự do truyền-bá đạo Thiên-Chúa đã đủ tỏ Nguyễn-Huệ có tình-thần khoáng-đạt gần như táo bạo. Sự thật thì sau ông đã có một khối dân tộc nhiệt-liệt ủng-hộ ông, ông có sợ gì?

Ông còn cho chúng ta thấy tinh thần độc lập của ông ở sự cải-cách học-thuật bằng việc đặc dụng chữ Nôm trong các chiếu chỉ, văn thư, từ lệnh tại các Nha Môn cũng như ngoài quần chúng. Ông đã cho dịch Tứ-Thư, Ngũ-Kinh ra tiếng Nôm để phổ biến luân-lý, đạo-đức văn hóa cho nhân dân được học hỏi dễ dàng và việc này buộc phải mở nhiều trường học đến các cấp xã thôn. Những đời vua chúa trước đâu đã nghĩ đến việc đại-chúng-hóa giáo-dục, như thế cái ước mơ của Nguyễn-Huệ rõ ràng không có lẫn quần chung quanh cái ngai vàng. Trong cuộc đời chính trị của ông tương đối chẳng dài bởi chỉ có 15 năm, lại nay đánh Đông, mai dẹp Bắc, mà ông vẫn lo thực hiện chương-trình, hoài bão gây dựng một nước Việt-Nam tiến-bộ mau, một nước Việt-Nam giàu. binh hùng, tướng mạnh và có cả một sự tăng tiến cả về văn hóa, học-thuật thật đáng phục lắm thay.

Cơm rau áo vải, học hành ít-ỏi mà có những sáng kiến về thời vụ, như vậy hỏi những ngài khoa-bảng, quý-tộc, trâm-anh nghĩ thế nào về Nguyễn-Huệ?

2. *HUỆ ĐỐI VỚI NHÂN-TÀI*: Cuối thế-kỷ 18 tầng lớp

nhỏ-giả Việt-Nam bị cột chặt vào chủ-nghĩa trung-quân, ái-quốc một cách thiên-cận, cố-chấp. Do đó họ chỉ biết nhìn vào một dòng họ, một ông vua. Điển hình là Nguyễn đăng-Trường ở Đàng Trong, Trần-công-Sán, Phạm-Thái ở đàng ngoài Họ u mê tới mức chỉ biết có vua chúa mà không biết nhân - dân. Họ có thể hy sinh tất cả cho những ông vua ngu muội, ích-kỷ, đi ngược với quyền-lợi của nhân-dân, dân-tộc khiến trong một thời gian khá dài họ đã bất-cộng-tác với ông và đả gán cho Tây-Son là một Ngụy-triều. Họ còn chiêu-mộ « nghĩa binh » để chống lại. Thậm chí đến cả Nguyễn Thiếp là một đỉnh trí-thức thời bấy giờ được ông cho mang vàng bạc và có lần thân đến núi Thiên-Nhân tha thiết mời ra giúp nước cũng khăng khăng từ chối. Chỉ tới năm 1789, Lê-chiều-Thống đã đề lộ bộ mặt ngu đại công rắn cắn gà nhà, Nguyễn Thiếp mới chịu xuống núi nhậm chức Sùng-Chính-Viện Viện-Trưởng của Nguyễn Huệ.

Nhưng một loại kẻ sĩ khác là Ngô thời-Nhiệm, Trần-văn-Kỷ, Phan-huy-Ích, Nguyễn-huy-Lượng v.v... thức thời hơn nên ông đã trọng dụng họ đến mức tối đa và họ đã không phụ lòng tri-kỷ.

Trần-văn-Kỷ là một danh-sĩ ở Thanh-Hóa theo Nguyễn-Huệ từ năm ông đánh Phú-Xuân (1786) và được Nguyễn-Huệ dùng vào địa vị một Tham mưu-Trưởng, một cố-vấn Rồi ngưi tầm ngưi, mã tầm mã, Kỷ đã giới thiệu Ngô-thời-Nhiệm cho Nguyễn-Huệ sau khi Nhiệm bị tiếng dèm pha phải trốn tránh hơn sáu năm sau lại còn bị Võ-văn-Uớc hãm hại.

Nguyễn-Huệ phong Nhiệm làm Tả-Thị-Laung Bộ Lại tước Tỉnh Phái Hầu để xứng đáng với tài học uyên bác và thức thời vụ. Sau này quân Thanh tràn qua Việt-Nam, chính Ngô-thời-Nhiệm đã khuyên Ngô-văn-Sở rút thủy bộ chư quân về dãy Tam Điệp theo kế hoạch bảo-toàn lực-lượng trong khi chờ đợi đại quân. Kế này được Nguyễn Huệ khen ngợi là rất khôn-ngoa. Tới khi chiến-tranh chấm dứt giữa hai dân-tộc Việt-Thanh, ông được giữ các việc ngoại giao, từ lệnh rất khéo léo, khi cứng, khi mềm khiến đối-phương phải kính nể nước ta.

Ngoài đám nho thần kẻ trên, Nguyễn-Huệ còn đào tạo ra một số nhân tài quân sự như Ngô văn Sở, Trần quang Diệu, Bùi-thị-Xuân, Nguyễn-văn-Tuyết, Phan văn-Lân, Đô-Đốc Bảo, Đô-Đốc Mưu Đô-Đốc Lộc... Các người này đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp của nghĩa-quân Tây-Sơn và đã lập được nhiều chứng-tích huy-hoàng, nhất là trong trận đuổi Thanh đầu tháng giêng năm Kỷ-Dậu (1789).

Đặc biệt hơn nữa, Nguyễn-Huệ được kể là ông vua đầu tiên trong Lịch-sử Việt-Nam dám dùng phụ nữ làm tướng và vị nữ-tướng Bùi-thị-Xuân của ông đã tỏ ra có nhiều tài năng, quả cảm. Một thời « quân của bà Thiệu-Phó » (ức bà Bùi-thị) từng làm quân Nguyễn nhiều phen bỏ vĩa, kinh hồn. Năm 1802, nhà Tây Sơn đến lúc tàn, ưu thế quân sự đã nghiêng hẳn về Nguyễn Ánh mà Bùi-thị-Xuân cùng chồng đã chiến đấu anh-dũng đến phút cuối cùng. Bà cùng Trần-quang-Diệu đem 5.000 quân công phá dữ dội đồn Đầu-Mâu suýt chuyển bại thành thắng và đã làm cho Nguyễn quân tổn thất lớn.

Tóm lại, do Nguyễn-Huệ biết dùng người, biết hậu-dãi nhân-tài nên các tướng lãnh và quan-lại của ông đã tận tụy với ông cho tới ngày chót của triều-đại.

3. **NGUYỄN-HUỆ TỰ-TÍN TỰ CUỜNG**: Trong trận đánh quân Thanh cuối năm Mậu-Thân qua đầu năm Kỷ-Dậu (1789), đứng trên đèo Tam-Điệp, ông tuyên bố trước ba quân: « Nay ta đến đây, tự đốc việc quân, đánh giữ đã có kế, chỉ trong 10 ngày thế nào ta cũng quét sạch giặc Thanh ». Rồi chưa đến 10 ngày ông đã cùng tướng-sĩ vào được thành Thăng Long mở tiệc khánh hạ và giặc Thanh đã bị tan vỡ tơi bời...

Trước đó Nguyễn-Hữu-Chính và Võ-văn-Nhậm là hai tay kiệt-hiệt có hàng vạn tinh binh dưới quyền, khi ông muốn triệt hạ, ông đã giết họ dễ dàng như trở bàn tay. Những việc này làm cho tướng-sĩ của ông tin-tưởng vào ông như tin thần-thánh, bởi ông nói được, làm được...

Nguyễn-Huệ lại có tinh thần dân-tộc rất cao : Có lần ông đã nói ở Nghệ-An : “Trong vòng trời đất chia theo phận sao Dực, sao Chấn ; Nam Bắc vẫn riêng một non sông. Từ Hán về sau, họ cướp đất đai ta, cá thịt nhân dân ta, vợ vết của cải, nông nổi ấy thật là khó chịu. Người nước Nam ai cũng phải nghĩ việc đánh đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng-Nữ-Vương, đời Tống có Lê-đại-Hành, đời Nguyên có Trần-hưng-Đạo đời Minh có Lê-Thái-Tổ. Các ngài không chịu bó tay ngồi nhìn quân tàn bạo nên đã thuận lòng người, dấy binh đánh đuổi chúng. Trong những khi ấy, Nam Bắc đâu lại phận đó, bờ cõi yên ổn, vận nước lâu dài. Từ nhà Đinh đến nay, chúng ta không còn phải cái khổ Bắc thuộc !”.

Rồi tinh thần quốc gia và dân-tộc của ông đã phản-ảnh trong cuộc ngoại-giao với nhà Thanh, mặc dầu chiến-tranh Việt-Hoa đã chấm dứt. Đề cho quân dân nghỉ ngơi và có thì giờ đầy đủ chuẩn bị cho một chiến tranh tương-lai qua đất Tàu, Ông đành nhất thời hòa hoãn với vua Kiền-Long và lủ bề tôi, vậy mà ông vẫn không chịu quá nhún nhường họ trong các cuộc tiếp xúc cả trên giấy tờ vì vấn đề thề diện quốc-gia. Ngô-thời-Nhiệm viết biểu cầu hòa, nhưng ông góp ý chính như sau :

“ Ôi đường đường là Thiên-triều lại đi tranh hơn thua với tiểu di thì tất chiến tranh phải liên-miên đề thỏa lòng tham. Đó là điều Thánh thượng không nỡ. Vạn nhất chiến sự kéo dài, thế đến như vậy, thì cũng không phải là điều thần mong muốn và cũng không dám biết.”

Nói theo *thuật ngữ* ngày nay, những câu trên có nghĩa là : Chúng tôi không muốn chiến tranh, nhưng nếu các ông đề chiến-tranh xảy ra thì đó là lỗi ở các ông. Tờ biểu này gọi cho Lưỡng Quảng Tổng Đốc Phúc Khang-An và Bình-bị-đạo Quảng-Tây Thanh-hùng-Nghiep mà Ông biết rõ cái tâm-sự “kính cung chỉ điều” của chúng. Lần khác ông viết cho Thanh-hùng-Nghiep lời lẽ cứng hơn : “Thiên-triều không chịu khoan dung một chút, cứ muốn động binh, thế là làm cho nước nhỏ không được phục nước lớn, thì bấy giờ đại quốc có dạy bảo gì tôi cũng xin theo”. Nói trắng ra là : Các ông muốn

đánh thì cứ việc đánh, chúng tôi sẵn sàng đón tiếp các ông!

SỞ-ĐOÀN CỦA NGUYỄN-HUỆ:

Các sở-trưởng của Nguyễn-Huệ thực ra còn nữa, nhưng kể ra như vậy là tạm đủ, và dưới đây là một số sở-đoàn của ông! Cõ-nhân rhường nói « Nhân vô thập toàn » thì con người của Nguyễn Huệ cũng phải có những chỗ dở của nó.

A.— Một vài nhà sử-học ngày nay đã trách Nguyễn-Huệ quá tự cao, tự-đại và chủ quan, sau khi đánh bại tan tành hai chục ngàn quân Xiêm La ở Vinh-Long, tiêu diệt gần trọn hai mươi vạn binh sĩ của nhà Thanh tại Bắc-Hì nên vào năm 1792, ông sai người dâng biểu cầu hôn với công chúa nhà Thanh tính khiêu khích vua Kiền-Long và lấy cớ xua quân vào Trung-Quốc (1) Người ta cho rằng ông đã có những tư-tưởng quá phiêu lưu, đại dốt, nguy-hiểm. Lời khiển trách này theo chúng tôi có thể hợp lý và cũng có thể Nguyễn Huệ có lý vì các dân Mông cổ, Hung-nô, dân Mãn (Bắc-dịch, Tây-Di) Đông-Di theo sử thần Trung-Quốc) đã từng xâm-lăng Trung-Quốc và làm vua Trung-Quốc thì tại sao không có Việt-Nam?

B.— Những điều sở-đoàn rõ rệt là mấy vụ đã xảy ra dưới đây: Cuộc chiến-tranh giữa Nhạc và Huệ năm 1787 Huệ giận Nhạc đã gian dân với một người vợ mình lại đòi chia vàng bạc, châu báu mà Huệ đã đoạt được của vua Lê, chúa Trịnh năm trước. Thực ra Huệ đã chia hết các vàng bạc, gấm vóc cho các tướng-sĩ ở Thăng-Long nên khi trở về Phú Xuân Huệ không có gì trong tay nữa. Dầu sao Huệ cũng có lỗi là để cuộc chiến-tranh thủ-túc xảy ra khiến số quân đem vào vây Qui-nhơn chết hại hết một nửa (2). May thay Huệ còn biết mũi lòng khi Nhạc quá nguy-quẫn đứng

(1) Đại-Nam chính-biên liệt truyện sơ tập, quyển 30 từ 42 b.

(2) Giáo sĩ DOUSSAIN trong thư đề tháng 6 - 1787 viết: « Huệ, Nhạc đánh nhau tới này đã được 3 tháng rồi, Huệ bị mất tới nửa số quân, phải động-viên dân chúng khá nhiều. Giáo sĩ LABARTETTE cũng có viết như vậy vào dịp này và cũng kể rằng dân bị bắt lính và đã hy sinh nhiều ở chiến trường.

trên thành khóc lóc kêu gọi: “Chú Thơm (3), chú định làm cái việc nổi da xáo thịt sao?” Cũng trong năm cuối cùng này, Nguyễn-Ánh nhờ chỗ anh em ông bắt hòa, đã tha hồ hoành-hành ở Nam-Việt, còn tiến ra Bình-Thuận, Diên-Khánh rồi đem chiến thuyền từ cửa Cần-giờ ra đốt phá thủy-trại của Nhạc ở Qui-nhơn. Đáng nhẽ lúc này anh em ông phải khuyên bảo nhau đem quân vào đánh Gia-Định, cộng tác với nhau tiêu-diệt Nguyễn Ánh thì làm gì Nguyễn Ánh trở thành hậu họa! Đằng này ông bất động khiến miền Nam bị ung thối dần, cuối cùng đế quốc của Nhạc mất trước thì đến con cháu ông cũng bị họ Nguyễn triệt-hạ sau, rồi triều-đại của gia đình ông lập ra phải xóa nhòa trên lịch sử sau 24 năm oanh-liệt.

C.— Đối với Nguyễn hữu-Chính và Võ-văn-Nhậm ông đã tỏ ra rất tàn nhẫn. Ông đã thẳng tay giết hai người này mặc dầu cả hai đã giúp ông rất đắc lực trong việc bình Bắc. Riêng Nhậm lại là con rể của Vua Thái Đức tức là cháu rể của ông.

Năm Nhâm-Dần (1782) Bắc hà có nạn kiều binh là bọn lính Thanh, Nghệ cùng quê với vua Lê, chúa Trịnh. Bọn này được coi từ lâu là thân-quân, sau ý vào công tôn lập được chúa Trịnh-Khai và phế lập Trịnh-Cán khi chúa Trịnh-Sâm qua đời. Chúng đảo chính xong liền vào Triều giết Huy quận-công Hoàng đình-Bảo là người cầm đầu phe Trịnh-Cán.

Nguyễn-hữu Chính đỗ hương-cống, có tài biện bác và giỏi cả về quân sự được thượng tướng Hoàng-ngũ Phúc trọng dụng. Phúc chết Chính sang phục-vụ Bảo, cũng được tin cần. Tới khi Bảo bị tiêu diệt, Chính hoảng sợ bỏ Bắc-hà chạy vào Nghệ An tính cộng tác với Võ-tá Giao trấn thủ nơi này để tự lập, thì Giao từ chối. Cùng đường Chính đến với Tây-Sơn, nhờ có nhiều khả năng nên được làm thượng tân. Ông ta không còn nơi nào dung thân nữa nên đã hết lòng phò tá chủ mới, thứ nhất để được sống yên ổn, thứ nhì cũng muốn có đất dụng võ.

Do thấy ông đã có tài lại có nhiều cơ mưu, Huệ tuy dùng ông

(3) Tên tục của Huệ.

ta mà vẫn có sự e ngại bên trong. Dưới mắt Huệ, Chính là con chim bắt gió nhưng vẫn là thứ chim Bằng (như người ta đã đặt tên cho ông). Vì thế ông nghĩ chỉ có thể chấp nhận sự giúp đỡ của Chính trong một giai đoạn nào mà thôi. Trong lúc này Chính vẫn ra công lo liệu mọi việc lớn nhỏ của anh em ông.

Chính đã khuyên Huệ đem quân ra Bắc và sắp đặt mọi kế hoạch. Từ lâu Huệ đã có ý định này, nhưng nay được Chính trình bày rõ rệt tình hình Lê suy, Trịnh mạnh tại Bắc-hà và đưa ra những sách-lược rất tinh-vi và khéo léo, nên đã kéo quân ra Thăng - Long, quả nhiên ông đã thành công. Chính dặn dò Huệ từng đường đi nước bước nên ngoài việc hạ được ông Chúa cuối cùng của họ Trịnh, Huệ đến Triều Lê như César bước vào xứ Gaule, nghĩa là được sĩ dân hoan nghênh nhiệt-lệ. Huệ được phong tước Nguyên-Soái Uy-quốc công, lại được vua Hiền Tông gả Ngọc-Hân công-chúa. Gần xa đều khen Huệ đã làm được sự nghiệp phò nguy cứu khổ, nhất là Huệ đã đưa hoàng tôn DUY KỶ lên nối ngôi, vì vua Hiền Tông thắng hà ít ngày sau.

Huệ đã trả công người tô son điểm phấn mình như thế nào?

Đêm 17-8 năm ấy, Huệ bất thình lình cùng Nhạc rút quân về Phú-Xuân, cố tình bỏ rơi Chính cho người Bắc-hà sát hại vì Chính đã mang tiếng rước quân đội Tây Sơn vào cõi. Được tin Tây-Sơn về rồi, Chính hốt hoảng chạy theo đến Nghệ-An thì bắt kịp. Huệ hơi ngượng với Chính tìm lời cáo lỗi rồi bảo Chính ở lại giữ xứ này cùng Nguyễn-Tuệ.

Đến lúc này Chính vỡ mộng biết mình ngồi trên lưng cọp không sao tránh được sự đụng độ với Huệ, Chính đành chiêu mộ binh sĩ chờ thời ít lâu sau, vua Chiêu-Thống cho mời Chính ra dẹp đảng Trịnh-Bồng vì Bồng đã tiếp tục hiếp chế vua như các tiền-bối. Chính ra Bắc chuyển này cũng rất gian nan là phải đánh dẹp phe nghịch.

Ở đây Chính cũng không khỏi cảnh cưỡi lưng cọp như

khi còn gần gũi Phú-Xuân bởi đa số quan lại nhà Lê vẫn oán Chính. Chính lại phải lo bành trướng thế lực, đề phòng cả người Bắc lẫn người Nam, do đó khi Huệ phái Võ-văn Nhậm mang quân ra hỏi tội, Chính dầu muốn hay không vẫn phải mang cái khối Bắc-hà hỗn tạp ra chống lại thì chống sao nổi. Chính bị giết.

Trước vấn đề này ta phải công-bằng mà đặt câu hỏi: Giữa hai người Huệ và Chính, ai đã phụ ai? Xét ra Chính đã như là cô gái bị chồng tình phụ đi lấy người khác, cố ở cho yên thì lại bị ngờ vực rồi lại bị hắt hủi phen nữa.

Huệ nếu không đưa Chính đến con đường cùng thì Chính vẫn có thể còn trung-thành với Huệ, tiếc rằng Huệ đã nghi và nhất là Chính lại là kẻ có tài thì chính cái tài đó đã giết Chính vậy.

Với Võ-văn-Nhậm, Huệ cũng có thái-độ tương-tự. Ông sai Nhậm ra Bắc-hà diệt Chính, nhưng bởi Nhậm là rể của anh ông vừa đây bất hòa với ông, lòng ông chưa vui cảm giận nên không tin Nhậm mà chỉ tin Ngô-Văn-Sở. Sở với Nhậm trong khi cùng thi hành công tác ở Thăng-Long đã lũng củng với nhau rồi, Sở báo cáo Nhậm có ý phản. Tức thì Huệ lên đường tới Thủ-đô nhà Lê vào đêm khuya bắt Nhậm ra cật vấn Nhậm trả lời đầu ra đuôi, nhưng vẫn không khỏi chết. Câu chót của Huệ đã như lời phán-quyết cho một bản án tử: «Mày không có tội thật nhưng làm cho ta sợ đã có tội rồi!»

Trước con mắt chúng ta ngày nay, các người giỏi không khác gì các con thú dữ. Nếu ở chung một chuồng, chúng phải cắn xé nhau. Chỉ có con nào mạnh nhất thì sống. Các nhà làm chính trị kim cổ đông tây đều thế cả. Nhân-nghĩa, đạo-đức là những danh-từ hầu như vô nghĩa trong các tự điển chính trị. Nếu đây là một sở-đoán của người anh-hùng Nguyễn-Huệ thì đời xưa đời nay mấy người ở vào địa vị Nguyễn-Huệ mà không hành động như Nguyễn-Huệ? Và có phải rằng muốn làm anh-

hùng thì ít sợ tội, phải tàn nhẫn, phải phụ người, hơn là để người phụ mình chăng?

Đề kết luận bài này, chúng tôi xin nhắc lại hai điểm : những người có mắt xanh mới thấy anh-hùng trong thiên-hạ, những người mắt xanh đã tạo nên nhiều danh-nhân danh-tướng mà nếu danh-tướng danh-nhân có công với đời thì người đoán anh-hùng giữa buổi trần-ai cũng phải được kể là người có công nữa!

Ngoài ra danh-nhân, anh-hùng đã có nhiều sở-trường để làm được những sự-nghiệp lẫy-lừng, nhiều ơn ích cho nhà cho nước thì thường cũng không mấy ai tránh được khỏi những sở đoán có khi là những nguyên-nhân cho những tội lỗi kinh-hồn.

Thế mới biết vào đời một cách óng chuốt, ra đời một cách sạch trong, họa chăng chỉ có thánh-nhân mà thôi.



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

MARUKA MACHINERY CO. LTD.

Đại diện

Vỏ và ruột xe máy,
Đồ phụ tùng xe máy,
Đồ phụ tùng xe hơi
Bạc đạn đủ loại

Các loại máy móc
Kỹ nghệ, đồ Bi và
bạc đạn, vật dụng
và đồ sắt

Tủ lạnh « Hi-tachi »
Máy điều hòa không
khí « Hi ta chi »
đồ điện « Hi-tachi »
máy móc kỹ nghệ

HÀNG NGUYỄN XỨ

NHẬT — MỸ — ĐẠI HÀN — ĐÀI LOAN

Saigon Office :

13, Trần Hưng Đạo
P. O. Box No. 121, Sài Gòn
Cable address : « Maruka »
Tel : No 23A8988

Head Office :

No 41 Bungo-Wachi
Higashi — Ku
Saka — Japan
P. O Box No Higashi : 350
Osaka
Cable Add : «Maruka Osaka»
Tel : No 940271 — 9

vài tài-liệu về ngọc-hân công-chúa và quang-trung

▼ TẠ QUANG PHÁT phê dịch

L. T. S. : Những tài liệu dưới đây đều được đăng trong Tạp Chí Nam Phong phần Hán văn, chưa được ai dịch ra Quốc văn. Rất tiếc những tài liệu này không được rõ xuất xứ. Tuy nhiên, ta phải hiểu cho rằng dưới triều Nguyễn mọi tài liệu về Tây Sơn đều bị nghiêm cấm tàng trữ. Các tài liệu về Tây Sơn còn để lại rất ít và hầu hết đều vô danh, không biết ai là tác giả. Thật đã gây nhiều khó khăn cho người khảo sử. Chúng tôi vẫn cứ xin dâng tâu đề các nhà khảo sử sau này tìm ra sự thực. Nguyên văn chữ Hán xin tìm đọc ở Tạp Chí Nam Phong, chúng tôi đều ghi rõ số báo ở mỗi tài liệu.

■ CHUYỆN TÀN MÁT VỀ CÔNG CHÚA NGỌC HÂN

*(Nam Phong Tạp chí, số 103, phần
Hán Văn, 1926, tt. 20-22)*

Công chúa Ngọc Hân là con gái thứ 9 của vua Lê Hiến Tông, và là Hữu cung Hoàng hậu của Thái tổ Vũ hoàng đế nhà Tây-sơn.

Mẹ của Công chúa là người ở xã Phù ninh huyện Đông Ngàn tỉnh Bắc Ninh, tên là Nguyễn thị Huyền được tuyển vào hầu vua Lê, sinh ra Công chúa Ngọc Hân ở trong cung năm Cảnh Hưng thứ 32 (1771).

Công chúa có dung sắc đẹp tuyệt thế và đức hạnh đều toàn vẹn, được vua Hiền tông cưng lắm. Vua thường bảo: “ Con này ngày sau phải gả làm vương phi, không nên gả cho hạng phò mã tầm thường ”.

Khi Chúa Tây-sơn Nguyễn Huệ đem mấy vạn quân ra bắc tôn phò vận phúc nhà Lê, nhân Bằng - linh - hầu Nguyễn Hữu Chỉnh thù ứng kết thân hai họ Lê và Nguyễn, vua Lê mới gả Công chúa Ngọc Hân cho Chúa Tây-sơn.

Chúa Tây-sơn Nguyễn Huệ đem đủ 200 lượng vàng, lụa là 20 cây, trần bày binh tượng cờ xí, sai quan thị thần bưng tờ tấu đến điện Vạn thọ cầu hôn.

Vua Lê sai Hoàng tử Sùng Nhượng Công tiếp thu, cáo lên Thái miếu. Hôm sau Vua Lê lại sai các vị hoàng thân công chúa cùng các bề tôi văn võ đều đem xe ngựa đến chờ ở ngoài cửa điện để đưa Công chúa Ngọc Hân về phủ chúa Trịnh, nay là chỗ Chúa Tây-sơn Nguyễn Huệ đóng binh.

Chúa Tây-sơn lại sai quan đem tờ tâu xin nghinh hôn, khiến vệ binh đứng ở hai bên đường từ cửa điện đến cửa phủ, nghi vệ rất dồi dào rạng rỡ. Con gái con trai trong kinh thành đứng xem đông keng như bức tường, đều cho là việc hiếm có từ xưa đến nay.

Công chúa đến cửa phủ, Chúa Tây-sơn ngồi kiệu kim long (kiệu rồng vàng) ra đón, mọi việc đều theo như nghi lễ nhà dân.

Công chúa Ngọc Hân vào cung, Chúa Tây-sơn bày yến tiệc ở trong và ở ngoài đãi các hoàng thân phi tần công chúa cùng các bề tôi văn võ.

Yến tiệc xong, Chúa Tây-sơn lại đem đủ 200 lượng bạc ra ban tặng và đưa đến ngoài cửa phủ.

Các bề tôi nhà Lê trở về hội ở công đường bộ Lễ đều

nói rằng: “Thiên tử được rề quý, nước Nam ta từ nay có nước thông gia.”

Công chúa lúc ấy mới 16 tuổi, lúc mới vu quy còn thẹn thùng, rồi sau cũng yên ổn cùng với Chúa Tây sơn đến bái yết các tiên đế ở Thái miếu. Lễ xong cùng đi chung xe trở về,

Chúa Tây-sơn tính kiêu căng nói với Công chúa rằng:

— Các vị con trai con gái của nhà Vua, mấy ai được vinh hoa như Công chúa như thế?

Công chúa đáp:

— Lộc của nhà Vua đơn giản ít ỏi (Chúa Trịnh xưng vương trở về sau chỉ đề một ngàn xã làm lộc điền cho vua Lê), các con trai con gái của vua chỉ một mùi thanh đạm nghèo khó, chỉ có một mình thiếp là có phần, được phối hợp cùng Linh công, tỷ như giọt ngọc nước mưa bay trên không mà được rơi vào lâu đài, đó là cái may mắn của thiếp.

Chúa Tây-sơn rất vui thích.

Khi bệnh của Vua Lê trở nặng, Công chúa Ngọc Hân xin Chúa Tây-sơn vào thăm hầu bệnh. Chúa Tây sơn từ mà rằng:

— Nay ta với Hoàng thượng thì nghĩa như cha con. Ta thành thật muốn vào chiêm cận dung quang của Hoàng thượng lúc Hoàng thượng còn đề kè nổi niềm luyện mộ. Nhưng ta mới từ cõi xa đến, người trong nước chưa ắt tận tin. Giả sử ta đến mà Hoàng thượng chẳng hà thì chẳng là đề cho ta một điều phi báng vô cùng hay sao? Công chúa hãy về hầu Hoàng thượng, đối với các anh em của Công chúa, Công chúa hãy nói rõ cho họ lượng thứ cho ta cái ý ấy.

Công chúa từ biệt trở về.

Đêm ấy thần khí của Vua Lê tỉnh táo, gọi Hoàng tự tôn (tức vua Chiêu Thống) đến dặn dò việc lớn của quốc gia. Vua

Lê lại gọi Công chúa Ngọc Hân đến dạy đạo làm vợ, dặn dò rất tươm tất. Kế đó Vua Lê băng ở điện Chánh âm.

Triều đình đề nghị lập Hoàng tự tôn, sai người đến báo cho Chúa Tây-sơn biết.

Chúa Tây-sơn không thuận cho, vì lúc trước khi Công chúa Ngọc Hân về với Tây-sơn, Chúa Tây-sơn thường hỏi khắp cả về các hoàng tử có giỏi không Công chúa mọi việc đều nói thật. Chúa Tây-sơn lại hỏi về Hoàng tự tôn nhân phẩm ra sao, thì Công chúa chưa thoát được thương tình của phụ nữ, tự cho là anh thân hơn cháu, sợ Hoàng tự tôn đoạt mất ngôi báu của anh là Sùng Nhượng công, bèn đáp :

— Hoàng tự' tôn nhân phẩm tầm thường không đủ để đương ngôi cả.

Do đó ý của Chúa Tây-sơn không thích Hoàng tự tôn, cho nên không thuận cho Sứ giả trở về. Triều đình hội nghị phân vân không giải quyết được.

Bỗng có một người trong cử tọa lớn tiếng bảo :

— Hoàng tự tôn không được lập lên ngôi thì thiên hạ ắt rối loạn, họ Lê ắt phải mất, cái lỗi ấy là ở Công chúa Ngọc Hân. Công chúa thật đã làm lỡ kế hoạch lớn lao của xã tắc. Nên truất bỏ thuộc tịch của Công chúa đi, để mặc cho Công chúa về với Tây-sơn an hưởng phú quý, trong họ chúng ta không thiếu một con người ấy.

Cử tọa xem lại thì đó là Hoàng thân Vượng quận công.

Công chúa cả sợ, bèn trở về xin với Chúa Tây-sơn. Chúa Tây-sơn bèn thuận cho.

Về sau Chúa Tây-sơn về nam, lên ngôi hoàng đế, phong Công chúa làm Hữu-cung Hoàng hậu. Chúa Tây-sơn cử hành lễ mừng thọ tứ' tuần (40 tuổi), Công chúa dâng bài biểu mừng rằng :

« Nay gặp khánh tiết mừng tuổi thọ của Hoàng đế, khúc nhạc Thanh thương ứng luật hợp tiết, cồn hoa đang độ. Cây ngọc đưa hương, cây bích đào dâng quả trường sinh : trắng bạc nhả ánh trong, hồ băng lại nở hoa buổi sáng. Mây mù sắc tia nồng đượm mà khuê phòng hương nức ; khí lành sáng tỏ mà áo xiêm thêm màu. Kính cần dâng bài biểu chúc mừng Cúi nghĩ lấy khí lành trình diễm tốt, tưng bừng màu sắc con phụng con lân ; đầy khắp thiên hạ chiếu về cõi hư không sao Dực sao Chấn. Điện quế truyền hương ; sân tiêu tràn điều mừng.

Kính nghĩ Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cở, đức hợp với trời và đất. Cung kính thi hành sự trừng phạt của trời lớn lao chấn động vũ công, đất Tây sơn đẹp đẽ hưng sự nghiệp đế vương ; trần bày đức đẹp vào bản nhạc ca vĩ đại, ở cõi giao dã phía đông đã định xong quy mô của nước nhà. Mặt trời đỏ rạng mà nghiêm đáng tin [quẻ quan] ; sao thọ tinh chiếu sáng mà thiên hạ đều cùng ngưỡng lên trông mong nường tựa [thiên Tiểu biện, phần Tiểu nhĩ trong kinh Thi] Sao Xu của Bắc đầu điện vậy, ánh sáng nổi lên chen mừng Vạn thọ ; cửa trời mây mở, sắc trong thấu triệt mặt kính ngàn thu. Bốn mùa thường điều hòa khiến cái đức của Vua đẹp như ngọc và sáng như đuốc ; trong ức năm mãi vững chiez lợ vạng.

Hạ thần đức thẹn với thơ Quan thư, nhân ngượng với thơ Cửu mịch. Trong nội thất theo hầu kè cùng ngồi mặc đồ lộng lẫy, vái mong tính theo tuổi tiên niên kỷ khởi đầu của Bệ hạ một mùa xuân tám ngàn năm ; chốn nội đình kè sát nghe nhạc thiều, ân cần chúc phước của quốc gia được ngàn muôn năm vô hạn».

Lại gặp lễ tết Đoan dương, nội đình triều Tây-sơn kính dâng lên Công chúa Ngọc-Hân bài biểu văn như sau :

« Nay kính gặp lễ Đoan dương. Thương ngọc lộ ánh sáng ; ngọc hoàng tống lộ diễm lành. Mặt trời xoay quanh sao Đông-tinh, ánh sáng mở tưng bừng mặt thái-dương khi chính ngọ, sao Bắc-đầu chỉ cái cán về nam, màu sắc chói lọi sao Vực nữ giữa trời. Cung kính việc tốt lành chung hiệp lúc mùa hương nồng, tin chắc việc vui chung nơi biệt điện. Kính cần

dâng tờ biểu chúc mừng. Cúi nghĩ cái đức đầu tiên của quẻ Khôn là sâu dày mà nâng đỡ đã làm đầu khuôn phép lễ nghi nơi khuê các; ánh trăng duyên gặp gỡ thuộc quẻ Cấn trong sáng, ngưỡng mộ phúc lành ở chốn cung đình. Hương sức nức ở đóa lan mang giắt; nỗi mừng vui tràn ngập quế cung.

Kinh nghị Hoàng hậu Bệ hạ là ánh sáng tràn xa lá ngọc dòng dõi Hoàng gia, là chi nhánh của sông Ngân. Lúc lệnh bà vu quy, cung nhân theo thứ tự (như râu cá) đã thuận theo pháp độ giúp Lệnh bà giặt giệm áo quần [như thiên Cát-đàm ở kinh Thi], tiếng tốt đã chói lọi nét cung kính thuận hòa theo trăm cỗ xe đưa dâu; lúc gả gáy Lệnh bà ân cần giúp đỡ Hoàng đế mặc áo đêm lo việc chính. Nền tảng đầu tiên, Lệnh bà đã tán trợ binh đội một lần mặc áo giáp ra chinh chiến thì toàn thắng mà cấu tạo thành. Về tề gia trị quốc Lệnh bà chịu giúp vào việc chinh của Hoàng đế. Lệnh bà lặng nén, hòa nhã để phát huy mãi mãi cái sáng suốt tự nhiên. Thor ngũ luật (?) hòa hợp với tiếng của vật lớn lao (?); sao Thuần thủ ứng với lúc vua làm hoàng đế mặc áo đẹp mà sáng tỏ; điều tốt lành trùng điệp kéo dài nỗi mừng của con cháu. Con cháu nhiều bậc hiền tài như trong thiên Lân-chỉ của kinh Thi và đông đảo sinh lan ra như dây dưa nối tiếp mãi mãi.

Hạ thần then được liệt vào hàng hương phấn, ngưỡng mong được núp dưới bóng huyền. Trình bày thơ Hoàng hoàng giả hoa thuộc phần Tiểu nhã trong kinh Thi để khen sứ thần ở triều phương bắc. Lúc trời nóng lúc trời lạnh đều chuyên cần ý tứ khi ở xa muôn dặm; xem trái đào trên tiệc của Tây Vương Mẫu, dâng lời chúc cơ nghiệp được lâu dài phát đạt được ước năm như mặt trời đang lên (thăng) như mặt trăng lần đầy (hăng) » (1).

Lại có bài biểu rằng:

« Nay kính gặp tiết lành Đoan dương, cỏ chi dâng diễm tốt, cỏ lan nước hương trong. Cọng lau đưa hơi nóng, bộ luật ngọc trướng với

(1) Trong bài biểu lăm chữ điền tích tra mãi không ra, xin so hai về đối mà tạm dịch.

chứng nghiệm của ngũ âm ; hoa lựu ra bông, lò vàng luyện thành việc hanh thông của tứ đức. Việc doanh dưỡng lâu dài được đồng đều mà cả hoàng vũ đều vui ; ánh sáng điềm lành chói lọi mà cả cung đình đều được mừng.

Kính cần dâng biểu văn mừng chúc. Cúi nghĩ lấy bút son tuyên dương điều tốt đẹp, đoan trang ngưỡng trông theo khuôn phép của ngọc hành ngọc cư ; mặt trời hồng dâng điều phúc, hòa vui tăng ánh rạng rỡ của cung đền. Mùi hương sức nước chốn cung vi, nổi vui tràn nơi chốn bồng (?) (1)

Kính nghĩ Hoàng hậu Bệ hạ là dòng dõi hoàng tộc (nhà Lê), âm đức cùng rạng rỡ. Đánh đàn rủ áo (?) mà trang nhã hòa mục phong hóa thanh trong. Đọc kinh Thư, khen kinh Dịch làm nền tảng cho việc đẹp để dồi dào (?) ; đưa may vẩy tay áo (?) siêng cần lo tựu thành nghiệp cả. Sinh nhà Hạ, hưng nhà Chu tạo thành việc tôn kinh lớn lao. Hoa đào đang độ mở rộng lớn lao cái đạo thom tho ; Cây sắn leo quấn cùng đưa đến phúc lớn. Áo xinh ứng với thời buổi tốt mà sắc màu chói lọi, xâu bội ngọc khua lên hòa với thanh âm mở rộng lớn lao ; nơi sạp tre đón chiều theo lệnh để bày lộ điềm lành, đầy thưng tràn những mối dồi dào tốt đẹp.

Hạ thần lạt chịu lòng yêu thương quý báu, ngưỡng đội việc thành toàn Mùa thu dài trông ngóng cung vi, vẻ rạng rỡ lớn lao thật đã dựa vào đức cả : mùa hạ dài chiêm bái hội lành, an dưỡng sao đúng với lời nài tiếng».

Công chúa ở Phú-xuân sinh được vài đứa con trai con gái. Vừa được bảy năm thì Chúa Tây sơn Nguyễn-Huệ băng. Công chúa có soạn ra một bài văn tế bằng quốc âm (tiếng nôm) đề tế Hoàng đế, trong bài ấy có nhiều câu cảnh giác, đến nay bài ấy được đọc lên còn như oán như than khiến người phải ảo não.

Xem đây có thể biết Công chúa sắc tài đều hơn. Việc trội xuất ấy rất vượt xa.

Đến khi vua Cảnh-Thịnh lên ngôi, việc nước ngày một sai. Vua

(1) [...] ghi chú của dịch giả.

Cảnh-Thịnh là con của Tả hoàng hậu lên ngôi trở về sau, mọi việc đều giao cho cậu là Bùi-Viết-Tuyên. Bùi-Viết-Tuyên lộng quyền, lòng dân ngày một ly tán, vừa được chín năm thì mất nước.

Dòng dõi nhà Tây sơn đều không còn sót một ai Công chúa Ngọc-Hân vì là con của vua Lê được khỏi nạn, năm ấy đã được 32 tuổi mà nét đẹp xinh về dung sắc của Công chúa vẫn chưa hề suy giảm.

Vua Thế Tồ bốn triều nhà Nguyễn (Gia-long) đề yên Công chúa Ngọc-Hân ở một dịch đình (ngôi đền bên cạnh), cho người hầu hạ cung phụng. Bầy tôi của vua Gia long có người cho rằng Công chúa Ngọc Hân là vật thừa dư của Tây-sơn mà can gián vua. Vua Gia-long bảo :

— Lành thồ và nhân dân ngày nay không có một món gì là không phải vật thừa dư của Tây-sơn, thì mới làm sao ?

Về sau vua Gia-long cho Công chúa Ngọc-Hân về Bắc theo quê quán của mẹ, ở Bắc-ninh cho đến lúc lâm chung.

Xét lại Công chúa lúc còn nhỏ thì làm con gái vua, lúc trưởng thành làm hoàng hậu, kể theo hàm hoàng thái hậu, niềm vinh diệu một đời Công chúa có thể nói là cùng tột. Đến ngày xế bóng, Công chúa Ngọc Hân không khỏi lưu luyến (nơi quê mẹ), tưởng rằng Công chúa lúc ấy án theo nay mà nhớ lại xưa, há chẳng áo não mà than thở cho Tạo vật đã trêu người, chẳng có việc gì là không đến được, mà phát sinh nỗi cảm khái vô biên chăng ?



▼ Nguyên âm :

NGỌC HÂN CÔNG CHÚA DẬY SỰ

Ngọc Hân công chúa nãi Hiền tông Hoàng đế đệ cửu hoàng nữ, nhi Tây-sơn Thái tổ Vũ hoàng đế chi Hữu cung hoàng hậu dã.

Hậu mẫu nãi Bắc-ninh Đông Ngàn huyện Phù Ninh xã nhân, danh Nguyễn thị Huyền, nhập thị Lê đế, dĩ Cảnh-hưng tam thập nhị niên sinh công chúa ư cung trung.

Chúa tư sắc tuyệt thế, đức hạnh câu ưu, Đế tối chung ái chi, thường viết: « Thử nữ lai nhật đương giá vi vương phi, bất đương giá dữ tầm thường phò mã. »

Cập Tây-sơn chúa đế số vạn binh bắc lai, tôn phù Lê tộ, nhân Bằng linh hầu Nguyễn Hữu Chính chi chu tuyền, kết Lê Nguyễn nhị tính chi thân, Đế nãi giá dữ Tây-sơn chúa.

Tây-sơn chúa cụ hoàng kim nhị bách lượng, thái đoan nhị thập đoan, trần thiết bình trượng kỳ xí, sử thị thần bồng tấu bồn nghệ Vạn-thọ điện thỉnh hôn.

Đế sử hoàng tử Sùng Nhượng công tiếp thụ, cáo ư Thái-miếu. Thử nhật hựu mệnh hoàng thân phi chúa chư vị dữ văn vũ chư thần các cụ xa mã hầu điện môn ngoại sĩ tống Công chúa quy vu Trịnh phủ, nãi Tây-sơn chúa sở trú thất chi xứ dã.

Tây - sơn chúa hựu sai quan cụ tấu bồn thỉnh nghinh hôn, sử vệ binh lập nhai cù lưỡng biên, tự điện môn chí phủ môn, nghi vệ thậm thịnh. Kinh trung sĩ nữ quan giả như đồ, hàm dĩ vi cồ kim khoáng sự.

Công chúa chí phủ môn, Tây-sơn chúa thừa kim long kiệu xuất nghinh, nhất như gia nhân lễ.

Chúa nhập cung, Tây-sơn chúa thiết nội ngoại yến, yến chư hoàng thân phi chúa dữ văn vũ chư thần.

Yến tất, Tây-sơn chúa hựu biệt cụ bạch kim nhị bách lượng thiết tặng, tống chí phủ môn ngoại.

Chư thần quy hội ư Lễ bộ công đường hàm viết: « Thiên tử đắc giai tể, ngã Nam quốc tòng kim hữu hôn nhân quốc. »

Công chúa thì niên phương thập lục tuế, sơ quy do hoài

tu ố, ký nhi an chi, dữ Tây-sơn chúa tiến yết Thái miếu liệt tiên hoàng đế. Lễ tất liên giá nhi quy.

Tây-sơn chúa tính kiều căng, vị Công chúa viết :

— Hoàng gia tử nữ chư vị kỳ tự Công chúa như thử vinh hoa ?

Công chúa viết :

— Hoàng gia lộc giản (Lê tự Trịnh chúa xưng vương dĩ hậu chỉ trí nhất thiên xã vi hoàng gia lộc điền), chư hoàng tử nữ nhất vị thanh bản, đơn thiếp hữu phần đặc phối Linh công, tỷ chi vũ thủy ngọc tiết phi không kỳ đặc trụ nhập lâu đài giả, thiếp chi hạnh nhĩ.

Tây-sơn chúa đại duyệt.

Cập Lê đế tạt đốc, Công chúa thỉnh Tây-sơn chúa nhập thị tạt. Tây-sơn chúa từ viết :

— Kim ngã chi ư Hoàng thượng, nghĩa đồng phụ tử, ngã thành dục cập Thượng tại thì chiêm cận thanh quang, tự kỳ luyện mộ chi tình. Đệ ngã sơ tự viễn lai, quốc nhân vị tất tận tín. Sử ngã lai nhi cung xa yến giá, vô nãi dĩ ngã dĩ vô cùng chi báng da ? Chúa đệ quy thị, đối chư huynh đệ thuyết tỷ các lượng ngã thử ý.

Chúa nãi từ quy.

Thị tịch Đế thần khí thanh sáng, triệu Hoàng tự tôn [tức Chiêu-thống đế] chúc dĩ quốc gia đại sự. Hựu triệu Công chúa giáo dĩ phụ đạo, đình ninh chu chí, tùy băng vu chính tâm điện.

Triều nghị lập Hoàng tự tôn, sử nhân cáo ư Tây-sơn chúa.

Tây sơn chúa bất hứa, cái tiên thị Chúa quy Tây sơn, Tây-sơn chúa thường biến văn chư hoàng tử chi hiền phủ. Công chúa nhất nhất thực cáo. Hựu văn Hoàng tự tôn nhân phạm như hà ?

Công chúa vị thoát phụ nữ thường tình, tự dĩ vi huynh thân
ư diệt, khùng Hoàng tự tôn đoạt Sùng Nhượng công chi vị, nãi
viết :

— Hoàng tự tôn nhân phạm dung thường bất tức dĩ đương
đại vị.

Do thị Tây Chúa ý bất duyệt Hoàng tự tôn, cố bất chi
hứa. Sứ giả hồi. Triều nghi phân phân vị quyết.

Hốt tọa trung nhất nhân đại thanh viết :

— Tự tôn bất lập, thiên hạ tất loạn, Lê thị tất vong cửu
tại Công chúa. Công chúa thực ngộ xã tắc đại kể, đương khứ kỳ
thuộc tịch, nhiệm Công chúa quy Tây-sơn an hưởng phú quý, ngộ
tộc trung bất pháp thử nhất nhân.

Thị chi tắc Hoàng thân Vượng quận công dã.

Công chúa đại cụ, nãi quy thỉnh dũ Tây-sơn chúa. Tây
chúa nãi hứa chi.

Hậu Tây-sơn chúa nam quy tức hoàng đế vị, phong Công chúa
vi Hữu cung hoàng hậu.

Tây-sơn chúa cử hành Tứ tuần vạn thọ khánh tiết, Công chúa
thượng biếu hạ vãn :

*« Tư ngộ thiên thọ khánh tiết, thanh thương ứng luật, hôn chủ tại
thì. Ngọc thụ phiêu hương, bích đào hiển trường sinh chi quả ; ngân
thềm thỏ diễm, băng hồ khai phục đán chi hoa Từ ái nùng nhi khuê các
đăng phương, thủy khí sáng nhi vu huy tăng sắc. Cần phụng biếu xưng
hạ giả Phục dĩ thủy khí trình tường, thông uất phụng lân chi thái ;
quang thiên xiển lãng, chiếu hồi Dục Chấn chi hư. Quế điện truyền hương ;
tiêu đình đặt khánh.*

*Kham duy Hoàng đế Bệ hạ, tài cao thiên cồ, đức phối lưỡng
nghi. Cung thiên phi chấn vũ công, Tây thỏ bi hưng vương chi sự nghiệp ;
thì hạ tứ trần ý đức, đông giao hoàn định quốc chi quy mô. Xích nhật*

minh nhi ngưng nhược hữu phu ; thọ tinh diệu nhi chiêm y cộng
ngưỡng. Thần Xu điện nhiều quang phù Vạn thọ chi bôi ; xương hạp
vân khai dinh triệt thiên thu chi kính. Tứ tự thường điều ngọc chúc, ức
niên vinh điện kim âu.

Thần đức thềm Quan thụ, nhân tâm Cửu mịch, trung khốn cận
bồi chần tọa, bãi chiêm bát thiên xuân sơ kỷ chi tiên trừ ; nội đình mặt
nhi thiều âm, cần chúc thiên vạn tuế vô cương chi đình tộ.

Hựu Đoan dương lệnh tiết, Tây sơn nội đình phụng hạ Công
chúa biểu văn vân :

“ Tư khâm ngộ Đoan dương lệnh tiết, thương ngọc trình huy, hoàng
tông hiền thụ. Nhật triền đông tinh, quang khải chính ngọc chi dương, đầu
chỉ nam tiêu thái huyễn trung thiên chi vụ. Lãm phương thì chi hiệp cát,
tuân cấm dịch chi đồng hoan. Cần phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ khôn
nguyên tái hậu, thức đoan khuê các chi nghi hình ; cầu nguyệt trừng hi,
cảnh ngưỡng cung đình chi lý chí. Hương nùng lan bội, hỷ dật quế cung.

Khâm duy Hoàng hậu Bệ hạ, ngọc điệp hựu huy, ngân hoàng
diễn phái. Ngự quán thuận chương hoãn phục, ý vẫn chiêu bách lưỡng
chi túc ung ; kê minh cần tướng tiêu cầu, sơ cơ tán nhất nhung chi để
tạo. Tề trị doãn tỳ thánh chính, trung hòa trường phát thiên quang. Ngọc
lược hải phụ vật chi âm, thuận thủ ứng chần cầm nhi xán lạn ; thân
hựu diễn dụ côn chi khánh, lân chi đồng qua điệt dĩ diên miên.

Thần thềm liệt hương hàng, ngưỡng mộng huyền âm. Phú
Hoàng hoa ư bắc khuyết, ôn thanh cần vạn lý chi tư ; chiêm đào
thực ư tây diên, thăng hằng hiển ức niên chi chúc.

Hựu nhất chiếu văn :

“ Tư khâm ngộ Đoan dương lệnh tiết, chi trình thượng thụ,
lan xuất thanh hương. Gia quán lưu viêm, ngọc lược trúng ngũ âm
chi trưng ; lựu hoa đình tú, kim lô đào tứ đức chi hanh. Trường
dưỡng quân nhi hoàng vũ đồng hoan ; tường quan xán nhi đình giai
hiệp khánh. Cần phụng biểu xưng hạ giả. Phục dĩ đồng quân tuyên

huy, đoan trang ngưỡng hành cư chi phạm ; chu minh tiến chỉ, hòa khản tăng cung các chi huy. Phức tập khôn vi, hoan đăng chấn.

Khâm duy Hoàng hậu Bệ hạ, thiên hoàng diễn nhuận, nguyệt đức tề quang, cảm y nhĩ mục thanh phong, tuyên thư mỳ Dịch cơ chi ý thước ; my tụ cần tương đại nghiệp, văn Hạ hưng Chu tạo chi sùng hồng. Nghi đào phi xiển phượng du, vinh cát lũy trấn cánh giã. Du y ứng giai thì nhi diệu thái, minh bội hòa giải phụ chi thanh ; trúc tháp nghinh thuận lệnh dĩ trình tường, doanh thắng diễn phiến xuong chi tự.

Thần lạm thao chu ái, ngưỡng hạ ngọc thành. Trường thu dao vọng thần vi, quang đại thực tư ư chí đức ; vĩnh hạ bá chiêm giai hội, tuy tương hạt chính ư danh ngôn.»

Công chúa tại Phú-xuân sinh từ nữ số nhân tài cập thất niên nhi Tây-sơn chúa băng. Công chúa hữu soạn quốc âm văn nhất thiên dĩ tể chi, trung đa cảnh cú, hất kim độc chi do như oán như tố, lệnh nhân vi chi trường nhiên.

Quan thử khả tri Công chúa sắc tài kiêm ưu, kỳ xuất chúng giả viễn hĩ.

Cập Cảnh thịnh đế tức vị, quốc sự nhật phi. Để dĩ Tả hậu chi tử tức vị dĩ hậu, sự sự giai ủy chi cứu thị Bùi Viết Tuyên. Viết Tuyên lộng quyền, dân tâm nhật ly, tài cập cứu niên nhi quốc vong.

Tây-sơn chủng tộc toại vô kiết di. Công chúa dĩ Lê đế chi nữ đắc miễn ư nạn, thì niên dĩ đạt tam thập nhị tuế, nhiên tư sắc chi mỹ vị thường thiếu giảm.

Bốn triều Thế tổ hoàng đế hựu trí chi dịch đình, sử cung thị phụng. Quần thần hoặc dĩ vi Chúa nãi Tây-sơn chi dư vật nhi gián chi. Để viết :

— Kim chi thổ địa nhân dân vô nhất nhi phi Tây-sơn dư vật, tắc tương nại chi hà ?

Hậu hừa Bắc quy từng mẫu thị hương quán trú ở Bắc ninh nhi chung yên.

Khảo Chúa thiếu tặc vi hoàng nữ, trưởng tặc vi hoàng hậu, kế vị hoàng thái hậu. Kỳ nhất sinh chi vinh diệu khả vị cực hỉ. Cập kỳ văn niên bất miễn ở lưu lạc, trưởng Chúa ở thử thì phủ kim tư tích, xúc cảnh hưng hoà, ninh bất trưởng nhiên thần Tạo vật chi lòng nhân, mỹ sở bất chí, nhi sinh vô cùng chi cảm khái tại !



■ BÀI CHIẾU CỦA QUANG TRUNG HOÀNG ĐỂ LÊN NGÔI.

(*Nam Phong Tạp chí, số 111, phụ trương
phần Hán văn, 1926*)

Trẫm nghĩ: Năm bực đế (1) đời thượng cổ đã thay họ nối nhau mà nhận mệnh trời, ba bực vương (2) đã thừa thời mà mở vận, đạo có biến đổi, thời có biến thông. Thánh nhân vâng theo đạo trời mà trị nước thương dân, nghĩa lý chỉ có một.

Nước Việt ta từ nhà Đinh nhà Lê nhà Lý nhà Trần bắt đầu dựng nước cho đến nay, những tạo tác sáng suốt những chấn hưng rạng rỡ không phải chỉ có một họ làm nên, mà vận kỳ suy phế, hưng thịnh, dài ngắn thật đã do trời ban cho, không phải người có thể làm nên được.

Ngày trước nhà Lê mất quyền bính, họ Trịnh và họ Nguyễn cũ phân chia bờ cõi, hơn hai trăm năm, mỗi giềng rối loạn, nhà vua chỉ giữ ngôi vị suông, tư gia tự mình gom thu tiền của mà vun bồi riêng, nghĩa lý chính đáng của trời đất một khi đã đổ

(1) Ngũ đế: 1.— Phục-hy, Thần-nông, Hoàng-đế, Thiếu-hạo, Chuyên-húc. 2.— Hoàng-đế, Chuyên-húc, Đế Cốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

(2) Tam vương: Hạ Vũ, Thương Than, Chu Văn vương.

nlát thì không chấn hưng lên được, chưa từng có thậm tệ hơn lúc bây giờ. Thêm vào buổi gần đây trở về sau, Nam Bắc giao tranh đánh nhau, nhân dân rơi vào vòng đồ thần.

Trẫm là người áo vải ở Tây Sơn không có nương tựa vào một thước đất nào, mới đầu không có chí làm vua đi xe lợp mũi vàng. Nhưng vì lòng người chán ghét rối loạn muốn được một bậc vua sáng suốt cứu thế an dân, do đó Trẫm mới tập hợp nghĩa quân, lam lũ khai thác núi rừng, giúp đỡ vua anh, dong ruổi binh mã bắt đầu dựng nước ở đất Tây-sơn, phía nam đẹp yên nước Xiêm-la nước Cao-miền, lại khắc phục được thành Phú xuân, lấy kinh đô Thăng-long, vốn muốn quét sạch loạn lạc, cứu dân trong cơn nước lửa, rồi sau trả nước cho dân nhà Lê, trả đất cho anh ta, tiêu dao ngao du với quần thêu giày đỏ [như Chu công Đán], đi dạo xem những chỗ vui thích của hai đất ấy mà thôi. Nhưng có sự trên đời nối nhau thay đổi mà Trẫm không được như chí nguyện.

Trẫm đã gây dựng lại họ Lê Vua Lê nối ngôi không giữ được xã tắc, bỏ nước chạy đi trốn tránh. Sĩ dân Bắc-hà không vì tông thất nhà Lê mà quy phục, lại chỉ cậy nhờ vào một mình Trẫm. Anh ta vì nghĩa đã mỗi một về chuyên cần, chỉ muốn lấy một phủ Quy-nhơn giáng xưng là Tây-vương.

Đất mấy ngàn dặm cõi phương nam đều thuộc về Trẫm cả. Trẫm tự nghĩ tài sơ đức bạc không kịp người xưa, nhưng mà đất đai rộng như thế, nhân dân đông như thế, xét suy ngẫm nghĩ việc thống trị thật khiếp lắm như dây mực mà gò cương sáu ngựa [chữ ở thiên *Ngũ tử chi ca* trong kinh *Thư*]. Nhưng các tướng sĩ văn vũ, các bề tôi trong và ngoài đều mong Trẫm sớm chính danh hiệu ngôi trời để ràng buộc lòng người, họ dâng biểu chương khuyến tiến đến đôi ba lần, họ dùng biểu vàng suy tôn, họ không mưu tính với nhau mà cùng đồng một lời.

Này, vì ngôi báu (thần khí) là rất trọng, ngôi trời là gian nan,

Trăm thành thật suy lự không thể kham nổi, nhưng mà nhân dân hằng ưa triệu khắp trong bốn bên đều vây quanh quy thuộc vào một mình Trẫm Đó là ý của Trời, há là việc của người hay sao? Trẫm ưng theo ý Trời, thuận theo lòng người, không thể cố chấp mà từ khước được, lấy ngày 22 tháng 11 năm nay lên ngôi thiên-tử, cải nguyên làm Quang-Trung răn đầu.

Muôn dân trăm họ các người, lời phò trần làm chuẩn tắc của thiên-tử ban dạy ra đề thi hành, nhân nghĩa trung chính là đầu mối lớn-lao của đạo làm người.

Trẫm nay cùng nhân dân hãy đổi mới, vâng theo mưu chước sáng suốt của các vua trước để cai trị và dạy dỗ thiên hạ.

* Các xứ địa phương của mười ba đạo, vụ mùa đông năm nay được tha thuế má dao dịch năm phần mười [50%], còn những ai bị nạn binh lửa điều tàn hãy phân tảo cho quan bắt để khám xét rõ ngay thật thì được tha thuế má hoàn toàn.

* Các thần dân của triều trước theo việc mà bị tội lụy đã bị xử án nặng nề, trừ những tội đại nghịch tội bất đạo ra, kỳ dư đều được khoan hồng xá tội hết.

* Các dân từ thờ các thần nhảm-nhĩ [miếu thờ bậy-bạ] đều bị truất bỏ ở tự điền [bộ sớ ghi việc thờ cúng] Những bậc tôi trung con hiếu vợ nghĩa đã được các triều trước tặng phong khen thưởng đều được ban ơn đẳng trật [lên hạng].

* Các quan viên văn vũ hoặc do chạy theo vua Lê trốn tránh đều được phép trở về nguyên quán, ai không muốn làm quan thì được tự do làm theo chí nguyện của mình.

* Áo quần của dân gian ở Nam-hà và Bắc-hì đều được cho theo tục lệ, chỉ có áo mào triều đình đều phải tuân theo thể chế mới.

Ô hô! Trời giúp hạ dân dựng nên bậc vua bậc thầy, vì những bậc ấy giúp đỡ Thượng đế thương mến định yên bốn

phương. Trẫm có được thiên hạ sẽ cùng đi với thiên hạ trên con đường lớn-lao, sẽ đưa thiên hạ vào đời thịnh trị. Thần dân các ngươi mỗi người hãy yên vui với chức nghiệp của mình, chớ đập lên hành vi trái phép thường. Người làm quan phải chấn hưng phong hóa cho đẹp đẽ. Kẻ làm dân phải vun bồi tục lệ cho dịu hòa.

Chính trị và giáo hóa đều phần khởi thi hành mà bước lên cái thế rất thuận hòa đề vấn hỏi cái thời thịnh trị của Ngũ đế Tam vương, đề kéo dài vẻ đẹp lành của tông miếu xã tắc đến vô cùng vô tận. Xem đấy chẳng là vĩ đại hay sao?



▼ Nguyên Âm

QUANG-TRUNG HOÀNG ĐẾ TỨC VỊ CHIẾU

Trẫm duy: Ngũ đế dịch tính nhi thu mệnh, Tam vương thừa thì nhi khai vận, đạo hữu thiên cách, thì duy biến thông. Thánh nhân phụng nhược thiên đạo dĩ quân quốc tử dân, kỳ nghĩa nhất dĩ

Ngũ Việt tự Đinh Lê Lý Trần triệu kiến hữu quốc dĩ chí vu kim thánh tác minh hưng bất thị nhất tính, nhiên nhi phễ hưng tu đoan kỳ vận thực thiên sở thụ phi phù nhân chi sở năng vi dĩ.

Hướng giả Lê gia thất bình, Trịnh thị dữ cựu Nguyễn phân cương, nhị bách đr niên cương thù vận loạn, cộng chủ đồ ủng hư khí, tư gia tự tư phong thực, thiên kinh địa duy nhất truy nhi bất chấn. vị hữu thộn ư thử thì dĩ Gia chi cận thì dĩ lai nam bắc cầu bình, dân truy đồ thán.

Trẫm dĩ Tây-sơn bổ y bất giai xích thổ, sơ vô hoàng ốc chi chí, nhân nhân tâm yếu loạn dục đắc minh chủ dĩ tế thế an dân, ư thị tập hợp nghĩa lũ, lam lũ dĩ khai sơn lâm, tả hữu Hoàng Đế

huynh trì khu nhung mã, triệu ngã bang vu Tây thổ, nam định Xiêm-la Cao-miên chi thuộc, toại khắc Phú xuân, thủ Thăng long, bồn dục tảo trừ loạn lược, chưng dân ư thủy hỏa chi trung nhiên hậu hoàn quốc Lê dân, quy địa Đại uynh, tiêu dao tú thường xích tích chi du, quan lưỡng địa chi hoan ngu. Nhi thể cổ suy di bất đắc như kỳ chi.

Trẫm tái thực Lê thị. Lê tự quân thất thủ xã tắc khứ quốc bốn vong, Bắc-hà sĩ dân bất dĩ Lê chi tông tính vi quy, ư Trẫm thị lại. Đại huynh nghĩa quyện vu cần, nguyện thủ Quy-nhơn nhất phủ giáng xưng Tây-vương.

Nam phục sở thiên lý chi địa tận thuộc vu Trẫm. Trẫm tự duy tài lương đức bạc bất đãi cớ nhân, nhi thổ địa như thử kỳ quảng, nhân dân như thử kỳ chúng, tinh tư thông nhiếp lẫm hồ nhược hủ tác chi ngự lục mã. Nãi chư văn vũ tướng sĩ, nội ngoại thần liêu hàm nguyện Trẫm tảo chính vị hiệu dĩ hệ thuộc nhân tâm thượng chương khuyến tiến chi vu tái tam, kim biểu suy tôn bất mưu đồng từ.

Phù dĩ thần khí chi trọng, thiên vị duy gian, Trẫm thành lự bất năng kham, nhi tứ hải ức triệu hoàn quy vu Trẫm nhất nhân. Tư nãi thiên ý phù khí nhân sự? Trẫm ứng thiên thuận nhân bất khả lao chấp tổn nhượng, dĩ kim niên thập nhất nguyệt nhị thập nhất tức thiên tử vị, cải nguyên Quang trung nguyên niên.

Tư nhĩ bách tính vạn dân duy hoàng cực chi phu ngôn thị huấn thị hành, nhân nghĩa trung chính, nhân đạo chi đại đoan.

Trẫm kim dĩ dân cánh thủy phụng tiền thánh chi minh mô dĩ trị giáo thiên hạ.

* Nhất, thập tam đạo các xứ địa phương kim niên đông vụ tô dung điệu xá thập phân chi ngũ. Kỳ kinh bị binh hỏa điều tàn thính phân tri quan khám thực tận hành quyền miễn,

* Nhất, cự triều thần dân hoặc duyên sự điểm lự kinh bị trọng luận, trừ đại nghịch bất đạo đẳng tội, kỳ dư nhất giai khoan xá.

* Nhất, bách thần dân từ các khứ tự điền. Kỳ trung thần

hiếu tử nghĩa phụ kinh lũy triều bao phong giả tịnh tứ đẳng trật.

* Nhất, cựu triều văn vũ viên biên hoặc do tòng vong đào tỵ tịnh thỉnh hồi hương quán. Kỳ bất nguyện sĩ tiến giả thỉnh hành sở chí.

* Nhất, Nam-hà Bắc hà dân gian y phục tịnh hứa tòng tục, duy triều y triều quan nhất tuân tân chế.

Ô hô! Thên hữu hạ dân, tác chi quân tác chi sư, duy kỳ khắc tướng Thượng-đế sùng tuy tứ phương. Trẫm phủ hữu thiên hạ tương dữ giai chi đại đạo, nạp chi xuân đài. Nhi thần thứ các an chức nghiệp vô đạo phi đi. Hữu quan giả hưng tế tế chi phong. Vi mạnh giả hựu hi hi chi tục.

Trị giáo hưng hành tề vu chí thuận, di văn Ngũ đế Tam vương chi thịnh, diễn tông xã vô cương chi hựu. Cổ bất vi tai?



■ BÀI BIỂU VĂN XIN NGỰA CỦA VUA QUẢNG TRUNG.

(Nam Phong Tạp chí, số 177. Phụ trương
bằng Hán văn, 1932, tr. 20)

Thần trong mùa thu năm canh tuất [1790] đến kinh đô nội địa [Tàu] chiêm cạm đã kính cần nhận được ngựa tốt ở tào ngựa của thiên-tử ban cho. Thần đã kính cần lãnh ngựa ấy đem về nước. Ngựa đi bước cao và nhanh nhẹn, tính lại nhu hòa, thật là sản phẩm tốt đẹp của đất Ký-bắc của Trung quốc. Dọc theo đường về không quen nước cỏ ngựa ấy vấp ngã, thần rất ân hận thương tiếc, tuy muốn bỏ vàng ra tìm mua, nhưng nước của thần không phải nơi sản xuất ngựa, huống chi thứ ngựa nhanh như đuổi theo gió lướt theo điện ấy, nếu không sản xuất ở đất Hằng-bắc thì lại là thứ ngựa tồi đã thuần tính.

Thần ngưỡng đội ơn của Hoàng đế ban cho lãnh thổ ở phương nam, đã bon chạy ra biên ải, dám bỏ trông chức phận thường giữ gìn đất nước đi đến triều đình của Hoàng-đế lại còn được nhiều ngày châu thiên-tử, may mắn được nhờ tựa thanh thể uy linh của Bệ hạ mà trong nước được lặng yên. Chiêm ngưỡng cái đức của Phật đã giác ngộ chúng sinh như mặt trời đã xé tan bóng tối ở vị Vô lượng thọ Phật nơi nước Cực lạc, lấy cái pháp lực đầy nhiệt năng hăng hái đề tu hành mà cảnh tỉnh, nhất thiết đều đem đến đầu phục Bệ hạ.

Bậc thiên-tử sáng suốt, tuổi thọ muôn năm, không ai là chẳng đến nộp cống, không ai là chẳng đến châu hầu [chữ ở thiên *Ấn vũ* thuộc phần *Thương tụng* trong kinh *Thi*]. Chư hầu nhu thuận tiến lên châu thiên-tử, được thiên-tử khen tặng ban cho xe và ngựa rất nhiều [chữ ở quẻ *Tấn* trong kinh *Dịch*], cho tươm tười xuống ơn mưa dầu ở Trạch cung [chỗ thi bắn đề thiên-tử chọn chư hầu phong tước và ban đất], cho thâu ngắn phần đất của chư hầu đi châu thiên-tử.

Thần đã châu ngôi vị Hoàng-đế [như các tinh tú xoay quanh sao Bắc thần], tinh thần đã hướng về triều cận mà được vinh quang, tự nghĩ ở bờ biển Phù-nam, núi sông cách trở, may-mắn được việc ban cho hùng tráng ở đất phương nam, đi xe ngựa rầm rộ của chư hầu phương đông đến châu thiên-tử [chữ ở thiên *Khang vương chi cáo* trong kinh *Thư*], thường gõ cửa trời theo hầu xa giá [như mặt trời di chuyển tựa rong xe]. Thần thành thật không xiết ao ước lớn-lao mới dám không liệu lường nổi quấy rầy hỏi xin lượng riêng sâu rộng, cúi mong lòng từ của Bệ hạ, ơn rộng thấm nhuần nồng hậu tha thứ cho cái tội mạo muội cầu xin càn rỡ mà ban cho thứ ngựa tốt phi thường.

Thần thi hành mãi cái đạo ngay chính thuận tòng của quẻ *Khôn*, lấy mãi cái đức tính cường kiện mạnh-mẽ của quẻ *Kiên*, khôn xiết chiêm ngưỡng trông ngóng vô cùng.



▼ Nguyên-Âm

KHÁT MÃ BIỂU (Quang - Trung)

Thần ư canh-tuất thu tiến kinh triển cận, khâm phụng ngự tứ thiên cứu lương mã, thần chi lãnh hồi quốc. Mã hành kiều tiếp, tính hựu hòa nhu, chân vi Ký-bắc giai sản. Duyên tại đạo bất tập thủy thảo thử mã điền chất, thần thâm dụng áo tích, tuy dục quyên kim tầm mã, nhi thần quốc mã phi sở sản ; hưởng thử truy phong trực diện, tự phi sản tòng Hằng-bắc hoàn thị phục lịch nô đài.

Thần ngưỡng hà hoàng ân tứ lý nam phục, trì khu biên tái, cảm khoáng thủ thõ chi thường, xu phó khuyết đình thượng đa triều thiên chi nhật, hạnh đắc bằng tạ thanh linh cảnh nội tuy thiếp. Chiêm phạt nhật ư vô lượng thọ Phật tại Cực Lạc Quốc, dĩ long tượng pháp lực đề tề nhất thiết quy đầu. Thánh thiên-tử thọ khảo vạn niên, mạc bắt lai hưởng, mạc bắt lai vương, tấn khang tích phiền, sở dĩ bái Trạch cung chi ân cao, súc triều tông chi địa phận.

Thần' bắc cùng thần cực, trì thần cận quang, tự duy Phù-nam hải tể, sơn xuyên trở thâm, hạnh đắc kiều kiều chi tứ nam thõ, bành bành đông phương, thời khẩu thiên hôn, nhật bồi hy ngự. Thần thành bất thắng đại nguyện triếp cảm bất sũy trần độc, khẩu thỉnh hồng tư, phục vọng thánh từ, đàm ân ác thủy, thứ kỳ mạo vông can cầu chi tội, tích dĩ quyền kỳ trì sinh chi lương.

Thần vĩnh thi khôn trình, trường tư kiên kiện, vô nhiệm chiêm ngưỡng nguyện vọng chi chí.



**cuộc giao thiệp giữa QUANG
TRUNG với CÀN LONG ■
vụ 16 châu và xây đền
thờ SẦU NGHỊ ĐỒNG**

▼ LÝ VĂN HÙNG

Phía bắc nước Việt-Nam có hàng trăm cây số dài giáp giới Trung Quốc; sự phân chia giới hạn này hoặc căn cứ hoàn cảnh thiên nhiên, hoặc do bởi ảnh hưởng nhân tạo.

Cứ theo sử sách bắt đầu thế kỷ thứ mười vua Lê đại Hành đã mở mang bờ cõi miền tây bắc. Thế kỷ thứ mười một Lý-thái-Tông diệt Nùng-toàn-Phúc bình định đất Cao bằng. Thế kỷ thứ mười ba Trần nhân Tông biểu dương vũ công đến Ai-Lao. Sau khi nhà Hậu Lê vừa khai quốc năm 1431 vua Thái Tổ thân chinh bình phục phủ Lý-Khánh trấn Thái-nguyên, và năm sau lại thân chinh bình định vùng Sơn-la, Tuyên-giáo, Mai-châu. Hai trận thân chinh ấy vua đều có làm thơ kỷ công khắc trên bia đá đề hiệu thị hậu thế. (sách Phương Đình địa dư chí có ghi chép những văn hiển giá-trị này).

Truyền sang đời Lê thánh Tông từng chia quân 5 đạo đánh đến thượng du sông Cửu-long, đổi đất Bồn-man làm Trấn-ninh phủ. Do bản đồ Hồng-Đức ta thấy ranh giới miền bắc thời ấy đã tương tựa ranh giới hiện nay.

Cùng những thời kỳ kể trên biên giới Trung Quốc cũng được mở mang lấn lướt chiều hướng Nam. Sau khi Tống Dịch-Thanh bình-định Nùng-trí-Cao liền san trừ chế độ tù trưởng, thay

thế bằng chế độ thờ-quan, chọn những người Hán có công trận đảm đương đề chiêu hàng các dân sơn động. Vào đời Nguyên tiêu diệt nước Nam-Chiếu, đặt ra tỉnh Vân-nam, do bốn vị tổng quản cai trị 160 động; diện tích mỗi một động tương đương một huyện nội địa Trung-Quốc (theo trang 222 quyền Lĩnh biểu kỷ Man của tác giả Lưu-tích-Phồn.)

Các thờ quan tức thờ ty có quyền thế tập, lũng đoạn cả quyền hành địa phương, lắm lúc thờ ty này lấn chiếm thờ ty kia vì quyền lợi, lại có khi phiến loạn, tự chủ và uy tín triều đình suy kém ví như cuối đời Minh.

Đến khi nhà Thanh khai quốc sẵn thế lực hùng cường ông Ngạc-nhĩ-Thái viên tổng đốc ba tỉnh Vân-Nam, Quý-châu và Quảng-tây, chẳng những chiêu dụ lại tất cả thờ ty sơn động, lại còn khai thác rộng bờ cõi đến ba nghìn dặm, ăn sâu tận mé bờ Cửu-long-giang, đặt huyện Xa-lý cai trị cả 12 bản.

Hồi ấy 16 đạo Lai-châu, Sơn-la nhân Hậu-Lê suy yếu đều khuynh hướng quy thuận Trung-Quốc.

Thế thì diễn thành cuộc tiếp xúc giữa biên giới Việt-Hao.



Dưới đây chúng tôi xin vào phần chủ đề:

Theo tài liệu sử Tây-Sơn của Sở-Cường: năm 1789,—90 vua Quang Trung có phái sứ giả đòi hỏi lại những vùng Tung lằng, Lễ tuyền, Hoàng châu, Hợp-phì, Khiêm châu v. v.

Vậy những vùng đất ấy ở đâu?

Chúng tôi thấy vào đời Lê thánh Tông ngài chia toàn quốc làm 13 trấn, trong đó có trấn Thừa tuyên Hưng hóa hạt thuộc 3 phủ: 1) phủ Gia-hưng quản lĩnh 1 huyện năm châu: Thanh-xuyên, Phù-hoa, Mộc-châu, Mai-châu, Tây-châu, Thuận-châu. 2,

Phủ Quy-hóa quản lĩnh 3 huyện 2 châu: Văn-trấn, An-lập, Trấn-an, Văn-bàn, Thủy-vỹ. 3, Phủ An-tây quản lĩnh 10 châu: Luân-châu, Lai-châu, Quỳnh-nhai, Chiêu-tấn, Sùng-lộc, Tuy-phụ, Hoàng-nham, Hợp-phì, Khiêm-châu, Lễ-tuyền

Xét ba phủ kê trên tức tỉnh Sơn-la, Lao-kay, Lai-châu hiện giờ.

Riêng Sơn-la và Lai-châu cộng có 16 châu hay 16 đạo, xưa gọi chung là vùng Vạn-mộ (Mang-mô) (theo Việt-Nam địa dư chí của Nguyễn-bá-Trác).

Và 16 châu này bỗng bị nặc danh. Vào cuối Hậu-Lê, năm 28 Cảnh-Hưng chia đảng Ngoài làm 7 trấn, 4 phủ, 25 châu, mà chẳng có tên trấn Hưng-hóa với những châu đó.

Sau chiến thắng vẻ-vàng và được nhà Thanh nhìn-nhận chánh thức, vua Quang-Trung liền đòi hỏi lại những đất đai ấy và vua Càn-Long cũng ưng thuận quy hoàn.

Theo bài Bắc hành lược kỷ của ông Lê Quỳnh khi trần tình với Hòa-Khôn vào tháng giêng năm canh tuất tức năm 55 Càn-Long (1790) trong có 1 đoạn rằng: «Sở dĩ nhà Thanh chịu đem cả dư đồ 16 đạo trao Nguyễn-Huệ có phải là việc bất đắc dĩ mà quyền nghi nhất thì hay sao ?..»



Cuộc g'ao thiệp đất đai, ông Sở-Cuồng lại phắc đến 3 động: Ngưu-dương, Hồ-diệp và Phụ-thánh.

Với vấn đề này đã từng nêu ra hồi Hậu-Lê. Xét trong quyển 296 bộ Thanh triều Văn Hiến Thông Khảo của Thanh-cao-Tông sắc soạn có ghi chép rằng: «Năm 30 đời vua Khang-Hy vua Lê-duy-Chính có sai bồi thần Nguyễn-danh Nhu triều cống và ngỏ lời: xin cấp hoàn ba xứ Ngưu-dương (trâu dê) Hồ-diệp (bướm bướm) và Phồ viên (vườn rộng) vì bị thổ ty lân cận xâm

chiếm.» Nhà vua dụ hỏi Thạch văn Thanh viên tuần phủ Vân-nam, biết được vùng đất này thuộc phủ Khai-hóa đã hơn ba mươi năm; hưởng chi đất này chẳng phải đất cổ hữu của An-Nam (theo nguyên văn) thế không thể cấp cho và gởi bản công văn giải thích rõ».

Xét về phủ Khai-hóa trong bộ Hoàng triều thông điển có nói rằng:

«Phủ Khai-hóa nguyên là phủ Đôn-hóa, sáng lập vào năm thứ 6 Khang-Hy, lĩnh-hạt 3 bộ: 1) bộ Vương-lộng, 2) bộ An nam, 3) đất ty trưởng quan và 1 huyện Văn sơn.» (phủ này giáp giới với Hà giang có đường thủy, đường lộ liên tiếp nhau).

Năm thứ 3 Ung-Chính, ông Cao kỳ Trác, tổng đốc Vân-nam xin nói rộng lại phủ Khai-hóa thêm 80 dặm. Năm thứ 5 Càn-Long, ông Ngạc-nhi-Thái tổng đốc Vân-nam xin nói rộng phân nửa là 40 dặm để duy trì biên cương cũ của triều Minh. Nhưng hai phen điều vì vua Lê tranh biện thiết tha, nên vua Thanh vẫn phán: vì mối tình giao hảo, ta chẳng tiếc chi vùng đất biên thùy này, và bảo hễ bỏ qua.

Khi sứ thần của Quang Trung nhắc nhở 3 động, Thanh triều tra cứu lại hồ sơ cũ, vẫn phúc đáp như lời năm 30 đời Khang Hy trước.

Dù sao Quang Trung lấy lại 16 châu đã thu hoạch một thành tích khả quan lắm rồi!



Sở dĩ được thành tích kể trên bên Quang Trung lại có phần đòi chác đề văn hồi thề diện nhà Thanh; ấy là vua Quang Trung chịu cho lập đền thờ Sầm Nghi-Đổng tại Thăng long.

Sầm là người thế nào? Sao được vua Càn-Long chú trọng đến thế?

Căn cứ sách Lĩnh biểu kỷ Man của ông Lưu tích Phồn có ghi chép rằng: « Thủy tổ dòng dõi thồ quan họ Sầm tên Sầm trọng Thục, người huyện Dư-dao tỉnh Triết giang, chuyên nghề y học, đỗ tiến sĩ. Đời vua Hoàng-hựu nhà Tống (Tống nhân Tông) lĩnh chức Hoài-viễn tướng quân, vũ thuật kỳ-lân, theo phụ tá Địch-Thanh đánh dẹp Nùng-trí Cao. Sau khi khai hoàn, Trọng Thục được lưu lại trấn thủ đất Ung châu (Nam-ninh) lo công cuộc chinh đốn tình trạng. Ông gieo uy lực và ân huệ phủ dụ các Man chúng, lập phủ nguyên súy, đô đốc các binh mã vùng Quế lâm và Tượng quận. Truyền sang đời con Sầm tự Đình vì có công trấn phủ, được nhà vua gia tặng chức Kim-tử quang-lộc đại-phu, Diên biên an phủ sứ, Lai-an-lộ đô tông quản.

Trải qua các đời sau : Tường, Anh, Hùng, Thế Hưng đều tập ấm trấn thủ biên thù. Khi thế lực nhà Nguyên tràn ngập, Thế Hưng chuyển theo Mông Cồ, được phong chức tổng binh, Vạn hộ hầu.

Thế Hưng sinh năm người con trai đều đặt tên tiếng Mông Cồ. Và già ông phân chia hạt địa cho các con : 1) Nộ-mộc-Hãn ấm tập chức của cha. 2) Thiếp mộc Nhi phân phong đất Điền châu. 3) A-thứ-Lan phân phong đất Tư-ân. 4) Bất-hoa-dã-Tiến tuyệt hậu. 5) Thích-Tân phong đất Trấn-an.

Chi phái tổ tiên Sầm nghi Đồng sống vùng cực tây nam tỉnh Quảng Tây, chúa tề riêng cõi, rèn luyện đạo binh Nùng rất nổi tiếng, gọi « lang binh » (binh hùm sói) ông Khoáng Lộ viết quyền Xích-Nhã từng giới thiệu: « Binh pháp họ Sầm rất nghiêm nhặt, khéo dùng ít đánh nhiều. mười dám chọi với trăm, trăm dám chọi với nghìn. Trong lúc tác chiến, hễ 1 người xung phong thì 2 tá hữu phải gào thét cùng tiến, cả 1 ngũ tiếp ứng ngay, luôn cả đội phải cùng hành động. nếu ai rụt rè sẽ bị xử trăm và phạt luôn cả đội. Lại cấm không cho lượm nhặt tiền bạc ném của địch, sợ mắc lừa. »

Thời Gia-Tĩnh triều Minh bận vụ khuấy loạn Oa-khẩu

(giặc đồ đảng Từ Hải) nhà vua phải nhờ đạo binh Nàng giúp sức. Do bà Ngõa thị (mẹ của viên thổ quan Điền châu) suốt lĩnh. Trấn thủ đất Tô châu và đại phá Oa-khẩu ở Vương giang kinh. Bà được thăng chức tổng binh tham tướng, chỉ huy sứ. Người thời ấy có bài hát khen rằng: Hoa Ngõa gia, năng sát Oa, lập nhi đậm chi hữu như xà ! — Nàng họ Ngõa đẹp như hoa giỏi nghề chinh chiến giết giặc Oa, ướp thây của chúng xơi ngon tựa thịt xà (rắn) !

Trải đời Sầm Mãnh đến Sầm-nghi-Đồng càng oai quyền hách dịch hơn trước. Ông ta có 1 đạo thân binh cận vệ gọi “mã tiền bài” — giàn bia trước đầu ngựa. Binh chọn các thanh niên lực lượng, nhanh lẹ, dũng cảm độ năm sáu trăm người, liều sống chết hộ vệ người chủ mình.

Đối với những điều hoành hành của họ Sầm, ông Triệu Dực từng than phiền trong tập ký “Thiểm-bộc” của mình rằng : “Các thổ quan đối với thổ dân có giai cấp chúa tôi rất nghiêm ngặt. Nhất là quan châu Điền Sầm-nghi-Đồng càng ngược đãi chúng. Sợ e họ thoát vòng thống trị, nên cấm ngặt học sinh dự thi khoa cử. Phàm gái có nhan sắc phải trước hầu hạ với mình ; nếu ông ta không ưng cho gả, thì cha mẹ đành gả không dám hứa gả cho người khác. Phân xử kiện tụng dù bất công, kẻ hàm oan chỉ có nước khóc than trước nắm mồ cữu thổ quan mà thôi !”

Vậy mà triều đình có thấu chăng ? Triều đình thấu rõ lắm, nhưng làm ngơ. Là gì ? Theo Thanh triều thống chí có bài luận giải thích : “ Các thổ ty miền tây nam lân cận với G'ao Chỉ (theo nguyên văn) người Gao không dám dòm ngó tội địa, ấy ngại bởi binh lực hùng cường của bọn thổ ty. Nếu ta tước nhược cái binh lực ấy, thì khác nào tự phá vỡ hàng rào ? Rất e nạn biên thùy còn to hơn nạn thổ ty vậy !... ”



Mùa hạ năm 1788 anh em Lê-duy-Chỉ chạy sang cầu viện

Trung Quốc. Mùa thu năm ấy vua Càn-Long sai Sầm-nghi-Đồng làm hướng đạo giúp đưa Duy-Chỉ do ngã Cao-bằng về Nam, hiệu triệu nghĩa quân chống Tây-Sơn. Sau Sầm được Tôn sĩ Nghị ủy phó trấn thủ đồn Đồng đa, một phòng tuyến quan trọng nhất yểm hộ thành Thăng-long Đầu xuân năm kỷ-dậu vì bị tập kích bất ngờ các tướng lĩnh nhà Thanh: Hứa-thế-Hành, Trương-sĩ-Long (triều long) Thượng-duy-Thắng lần lượt tử trận, đạo binh Sầm bốn mặt bị bao vây, chiến đấu đến lúc thế cùng lực kiệt Sầm cường ngạnh chẳng hàng, thà thắt cổ tự tử.

Cái thác của Sầm quả thật anh hùng chăng? Đã có lời bình trong bài thơ của bà Hồ-xuân Hương; nhưng có một hậu quả đáng lo ngại cho nhà Thanh là lung lay tinh thần hơn năm triệu dân biên thùy dưới sự thống trị linh đạo bấy lâu nay của họ Sầm. (Họ Sầm thống trị gần phân nửa đất tỉnh Quảng tây — lời của ông Lưu tích Phồn) Vì xóa nhòa vết thương cảm đày lòng dân biên thùy, khích lệ gương trung liệt, và Càn-Long khôn khéo truy tặng chức Thái thú cho Sầm — một quan chế thời Bắc-thuộc và lập đền thờ, phái khâm sứ tế lễ.

Sầm là 1 quan tri châu, bậc tòng thất phẩm mà vinh hiển được trội cả các tướng sĩ trận vong kia, tưởng cũng mát dạ các dân biên thùy lắm rồi!

Quang Trung anh hùng lẽ tất nhiên hiểu thấu dụng tâm Càn Long, mà đền của Sầm có khác nào là nơi biêu dương vũ công của mình? Thế nhất cử lưỡng tiện đôi bên đều thỏa chí cả.



PHỤ CHÚ

Thờ quan họ Sầm được tiếp nối thêm đến nguyên niên Quang Tự, vì gia tộc tranh quyền, tàn sát lẫn nhau, thổ dân thừa dịp phản kháng, triều đình phế bỏ chế độ thờ ty chia châu Điền

là huyện Bá-sắc, Điền đông, Điền tây, Điền dương, Tây lâm v.v...

Các địa danh Hán đối chiếu với địa danh Pháp trong bài này.

Khai hóa : Kai houa

Bá-sắc : Po-sé

Nam-ninh : Nan-ning

Tư-ân : Se en

Quy thuận : Kouei-choun

Trần an : Tchen-ngan

LÝ VĂN HÙNG



CUNG CHÚC TÂN XUÂN
CÔNG-TY GIẤY VÀ HÓA-PHẨM ĐỒNG-NAI
(Société de Papeterie et de Produits Chimiques du Donnai)

C O G I D O

CÔNG-TY NẶC-DANH VỐN 21 3.180 000\$00

Trụ sở

17, Bến Chương-Dương, SAIGON

Nhà máy

An-Hảo — BIÊN-HÒA

Văn-phòng Thương-Mại

3, Võ-Di-Nguy, SAIGON

Điện-thoại : 25.659



CHUYÊN SẢN XUẤT CÁC LOẠI

Giấy in

Giấy viết

Giấy bìa

Giấy gói

Giấy Duplicateur

Giấy Bristol

Carton DUPLEX

Carton gris

Carton paille

NGANG HÀNG VỚI SẢN-PHẨM NGOẠI-QUỐC

triều đại

QUANG TRUNG

dưới mắt các nhà

TRUYỀN GIÁO TÂY PHƯƠNG

ĐẶNG PHƯƠNG-NGHI ■

Những tài liệu mà chúng tôi xin trích dịch sau đây gồm những bức thư trao đổi giữa các giáo sĩ thuộc Hội Truyền Giáo tại Việt Nam và Trung Hoa cùng những bản tường trình của họ cho các vị Giám Đốc Giáo Hội, hiện được tàng trữ tại Văn Khố Hội Truyền Giáo Paris (Archives des Missions Etrangères de Paris). Những tài liệu này đã được đóng thành tập và được xếp theo thứ tự từ số 1 và dưới ký hiệu Tonkin và Cochinchine.

Những văn liệu liên quan đến Tây sơn từ năm 1787 đến 1792 ở trong tập Tonkin 692 đến 700 và Cochinchine 740 trở đi. Một số thư đã được đăng tải trong bộ: « Lettres Édifiantes et Curieuses » và « Nouvelles Lettres Édifiantes et Curieuses » hay trong các bài báo của ông Cordier L.M. Cadière. (T'oungpao, B.A.V.H., B.E.F.E.O...)

Hiện nay còn rất nhiều những tài liệu về Tây-Sơn cũng như về Việt Nam Văn khố của Hội Truyền Giáo Paris vẫn chưa được khai thác. Đó là một điều khiếm khuyết rất lớn cho Sử học Việt Nam bởi các tài liệu này rất quý giá, cho biết thực trạng xã hội Việt Nam trước thời Pháp thuộc, có thể bổ túc cho sự thiếu sót của sử liệu nước nhà.



TẬP TONKIN 692

▼ 6-7 1789 : *Thư của ông Lefro (1) gửi cho ông B'ardin (2)* [tr. 111] Họ Trịnh và nhà Lê đã suy. Đường như họ không bao giờ có thể khôi phục cơ nghiệp được nữa. Tất cả các đại thần đã bị giết. Ông Coung Chính (3) hữu danh, người đã mang chiến tranh đến ngay tại xứ sở của ông đã bị xử trảm tại kinh thành [tr. 112], cùng với người con trai ông. Các tòa án không còn quan tòa. Những kẻ man rợ (4) từ cao nguyên miền Nam đến không biết gì về thuật cai trị cả. Họ chỉ biết cướp phá quấy nhiễu mà không sợ bị truy nã. Họ đã lấy hết tiền bạc của vương quốc, tất cả các được phẩm của các y sư và được tế sư. Họ đã bắt những kẻ cày ruộng tại thôn quê đi lính. Họ đã đốt phá một phần lớn các làng mạc và đã hành hạ dân chúng với thuế má và khổ dịch (bởi thế nên mới có đói kém, dịch hạch và số tử xuất người và súc vật tăng lên) Vua Chiêu Thống (5), kẻ vị vương của ông ngài là Cảnh Hưng đã cầu viện Hoàng đế Càn Long bên Trung Hoa. Càn Long đã gửi một số khá đông quân lính sang Bắc Hà vào khoảng cuối năm ngoái (1788) nhưng đoàn quân vừa yếu vừa quá mê tín dị đoan Giống như vị hiền triết Hy Lạp đã nói : " Tôi mang mọi thứ theo tôi ", lính Trung Hoa mang theo cả điều hút, bát đĩa và các hành trang phụ khác, đeo lưng lưng ở thất lưng họ. Họ vừa là lính vừa là lái buôn bồi bếp...

... Quân Thanh thoát đầu đã đánh đuổi quân Nam Hà khỏi Kinh Thành. Vua Bắc Hà đã được đặt lên ngôi/trở lại. Người ta đồn rằng Hoàng đế Mãn Thanh đã biếu nhà vua một số tiền lớn, mà nhà vua cần món tiền này lắm. Nhưng các tướng nhà Thanh không được quảng đại như vậy. Chắc họ tưởng rằng vua Chiêu Thuong sẽ biết ơn họ và sẽ đền bù công khó nhọc của họ. Nhưng ông vua nghèo cai trị một xứ nghèo như xứ này không thể thỏa mãn từng đó túi tham. Bởi vậy quân Tàu đã không động binh, chỉ nghĩ đến kiếm lợi với nhau và với dân Bắc Hà... Tong

khi đó, quân Nam Hà chưa bỏ cuộc. Họ đã tập trung gần nơi chúng tôi ở bên kia sông tại một nơi gọi là Vạn Làng (6). Họ còn chặn tất cả những lối đi từ xứ Nam tới hai xứ Thanh - Nghệ. Nếu quân Tàu muốn đánh đuổi họ chắc cũng đuổi được họ một cách dễ dàng khỏi vương quốc. Trong khi đó Tân Vương Nam Hà đã kịp hay tin quân Tàu tới và những chiến công của họ. Vì ông ta là người có can đảm và được coi như là một Alexandre tại đây, nên ông lập tức xuất chinh đem theo tất cả thanh thiếu niên và bộ lão mà ông bắt gặp. Quân đội ông trông giống như một toán bệnh nhân ốm yếu hơn là một đoàn chiến binh. Nhưng không can gì! Những binh lính [tr. 113] khốn khổ ấy đã tiêu diệt quân Trung Hoa hồi đầu năm.

Quân Tàu này cũng gây thiệt hại cho quân Nam Hà và cũng tỏ ra có chút giá trị. Chiến phẩm của họ gồm có bạc, quần áo, vải lụa.v.v... đã vào tay quân Nam Hà và độ ba ngàn 3,400 người của họ bị bắt làm tù binh. Sau trận đó quân Trung Hoa đã lên đường trở về nước. Có thể tin chắc rằng Hoàng Đế Mãn Thanh sẽ không được hài lòng lắm về chiến trận này và ông sẽ không đợi gì mà chẳng gửi sang đây đội quân khác được chỉ huy chính bị khá hơn. Trong khi đó dân chúng đáng thương đang chết đói. Mùa này tháng 10 (âm lịch) năm 1788 đã bị mất vì đại hạn vào mùa hè năm trước. Gạo cũ còn lại của mùa trước thì bị vỏ vét vào kho lương dịch thành thử ngay cả lá chuối cũng chết đói [có cả bệnh dịch nữa] vì Tân chúa tể của chúng tôi ít mê tín hơn chủ tể các thế kỷ trước. Họ đã cướp phá chùa và họ đốt những ngôi chùa danh tiếng nhất của các cựu Vương Bắc Hà [Nói về Linh mục Hố đến thăm Lạc Thổ tại xứ Thanh ở ranh giới xứ Thượng, xứ Đoài và xứ Nam, về những người Thượng có phong tục khác hẳn người Bắc Hà]. Các làng gọi là Mường và xã trưởng gọi là Lang. Các làng có uy quyền lớn. Đó là một thứ tiểu vương có quyền sinh sát dân làng Dân dưới quyền ông ta phải cày ruộng ở cạnh nhà cho ông ta và chịu tất cả tồn phí bắt buộc để nuôi con ông ta hay chôn cha mẹ ông ta... Những người Mường đó rất gần dị mọc mọc và sống như

những người thời Hoàng Kim mà ta thường tưởng tượng đến.

Phần đông họ không biết ất giáp gì, không đếm ngày và cũng không đếm năm. Họ ăn cơm với muối không thêm nước chấm, rau cỏ hay thịt cá gì. Thật là một đời sống khổ cực. Họ không có vườn hay có tiền. Để trả thuế má họ phải đi thật xa bán gạo bởi tại cả châu huyện không có hội chợ nào. Họ để lúa trong nhà họ và mỗi buổi sáng họ phải đập lúa để có đủ gạo cho ban chiều hôm đó. Làng họ ở trên núi và trên dốc đồi. Họ không thích đồng ruộng mà họ chỉ dùng để gieo mạ. Mỗi làng có nhiều nhất là 40 nóc gia. Mỗi gia đình có tòa nhà vuông rộng chia ra làm 3 phần bằng nhau ở dưới là chuồng ngựa. Con cái họ kể cả những người lập gia đình...

▼ 4-7-1789, thư của Vincente Lâm ký (7) [tr. 127].

“... Năm sau, ngày ấy tháng ấy (30-1-1788) tôi đã được (thư) vì năm ấy có tàu *Frégate* nước *Phalansa* đem năm thầy cả và các thư bởi *Macao* mà về nước *Annam*.”

[Nguyễn văn chữ quốc ngữ]

▼ 5-7-1789, thư của ông Eyot (8) gửi cho ông Blandin [tr. 128-30].

... Người ta thu thuế không ngừng và thuế nặng quá đáng đến nỗi nhiều làng “xiêu đi” [nguyên văn]. Lúc bấy giờ thì quân địch vào nhà và cướp đoạt tất cả cái gì vừa mắt chúng. Đó là số phận của những làng đáng thương không đủ sức nộp thuế. Dân Bắc Hà bất hạnh của chúng ta còn phải chịu sự tham lam vô bờ bến của quân địch và của người Bắc Hà trốn phe địch nữa, nếu không có 1 trận lụt làm mất mùa tháng 10 khiến dân chúng lâm vào 1 cảnh nghèo khổ vô cùng [có làng mất đi 1/2 hay 3/4 dân số người còn thì bỏ đi] mùa tháng 5 đã chặn sự đói kém nhưng quân Nam Hà vẫn tiếp tục thu thuế ; vì tại nhiều nơi mùa gặt không được phong phú và vì nhiều làng chỉ

trồng cấy 1 phần ruộng của họ hoặc vì họ đói quá không đủ sức cày hoặc tại chủ ruộng đã chết hoặc vì một lý do nào khác, nên chẳng bao lâu nữa dân chúng có thể lại rơi vào sự nghèo khổ.

... Hết đói kém lại đến bệnh tật...

▼ *Kẻ Vĩnh (9) 6-7-1789 : Thư của ông La Mothe (10) gửi ông Blandin [tr. 132-5].*

[Đói kém... Vua đã ăn tránh tại nhà một võ quan công giáo; ông này rước vua tới nhà một người nông phu công giáo, cha vợ của ông ta, và vua đã cải trang trong 3 tháng]. Nhà vua [Chiêu Thống] đã được quân Trung Hoa đặt lên ngai vàng trở lại vào cuối năm ngoái, cha vợ thì trở thành thượng thư [tr. 135] người con làm đại thần.

▼ *12-7-1789 : Thư của ông Sérard (11) gửi ông Blandin [tr. 136-45].*

[tr. 137]. Chúa Trịnh thua. Lộn xộn sau khi quân Tây Sơn rút lui. Không một vị tướng nào có thể ngăn cấm dân chúng cướp bóc lẫn nhau, đánh nhau, đốt phá, không chịu nộp thuế cho vua hay cho chúa và như thế trong 4 tháng trời.

tr. 138 [nói về] Sự kiêu căng của các võ quan tân chính quyền.

Sự nghi kỵ giữa các tướng sĩ, nhất là sự mê tín của vị vua trẻ tuổi [Chiêu Thống] đối với « thần » mà ông thắng trước hay thương... [quân phiến loạn trở lại; vua và Coũ Chính thua] quân địch ngay khi đó đã vào kinh thành, đại tướng đã bị kết tội mưu phản đã bị xử trảm. Vua đã chạy vào rừng. Chuyện này xảy ra hồi năm 1788 khi chiếc tàu Pháp mang giáo sĩ đến [quân Tây Sơn

có hay việc này và có bắn đại bác vào phía tàu... vua chạy đến hạm đội của ngài nhưng không thoát] vua đã chạy về phía bờ biển ở xứ nam và từ đó rút lui vào trong núi bằng đường bộ, và chiếc tàu đã đi về phía duyên hải các trấn miền đông ; đó là những chiếc tàu duy nhất không rơi về tay địch.

tr. 140 « quân Tây Sơn là « quân quảng » »

« quân Trung Hoa là « quân Ngô » »

«... Nặng quá, mưa quá, bệnh dịch, cướp (?) Nhà nào có mấy người thì bắt đi lính cả, 6 người thì đi cả 6, nhà có 5 người thì đi cả 5 (không kỳ già nua, trẻ, yếu)... quân này nó lấy sự chém người ta như chơi vậy... Ngoài nước Nam bây giờ đang bắt làm thành lũy khó nhọc lắm ; Trảo xứ Nghệ đã làm 3, 4 nơi, làm chỗ nọ rồi lại bỏ đi làm nơi khác bắt cả thầy thầy lên rừng đánh gỗ, chém củi, nung gạch tr. 141 gánh đất gánh cát làm đền làm phủ (động gì thì chém) »

[Nguyễn Văn] (12)

▼ Kẻ Đầm (13) 17-1-1790 : Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 153-6].

tr. 154 [Dịch hạch, chiến tranh đói kém].

... Có những làng mạc xưa nay đông dân cư bây giờ không còn ai, có cả hàng huyện nữa như vậy : Thạch-Liêm, Bình-Lục, Thiên-Bản (13) bị tàn phá và Gia Viễn (14) ở xứ Thanh gần như không còn ai nữa.

▼ 20-15-1790 : Thư của ông Eyot gửi ông Blandin [tr. 207-9].

Ba tai ương : Đói kém, dịch hạch và chiến tranh, đã sát hại nhiều người, người ta đồn rằng «khí Dịch» (15) hiện cai trị ở xứ Nghệ! Xứ này đã bị tàn phá nhiều. Biết bao người đã chết ở đó. Ngay đến cạp cũng ăn thịt mất 10 người trong 15 ngày, trong số đó có 1 nữ tu sĩ của chúng tôi.

tr. 208... Ông Letondal viết cho tôi rằng chúa Nguyễn hiện ở Nam Hà. Người ta đồn rằng quân Bồ đào Nha giúp ngài trong cuộc viễn chinh của ngài...

▼ 28-5-1790 : *Thư của ông La Mothe gửi ông Blandin* [tr. 216].

Tiểu Vương Quan Trung yên hưởng kết quả của sứ tiếm ngôi đầu lời đồn [ngược lại]... ông vẫn đắm chìm trong niềm hoan lạc và bình thần hưởng cái kết quả của những chiến thắng của ông tại Phú Xuân, và như chúa Sơn Lâm, tuy ra vẻ nằm ngủ nhưng sẵn sàng vỗ mồi nếu kẻ nào chọc tới nó.

Về phần dân Bắc Hà chúng tôi, chúng tôi chỉ có 1 cậu bé 6, 7 tuổi là con cả (16) của tiểu vương, làm vua hay đúng hơn làm chúa, nhưng cậu bé đó có đại tướng và đại thần biết kiềm chế chúng tôi và bắt chúng tôi vâng lời.

[Chiêu Thâu có yêu cầu ẩn tránh tại nhà dân công giáo của Cha Thành ở xứ Đoài, ông đã cải giáo, chúa cũng vậy ?]

▼ *Kể đêm 18-1-1791 : Thư của ông Sérard gửi ông Blandin.*

[tr. 224] Gần cửa nhà chúng tôi, ở giữa làng này có 1 trại lính gồm tất cả lính huyện Thanh Liêm (17) Họ đề chúng tôi muốn làm gì thì làm. Trại của trấn thủ từ Hiến (18) đem về Sở Kiện (19) cũng tại huyện này, rất dễ chịu. Chỉ có tại xứ nghệ là họ quấy nhiễu không nề nang ai.

▼ *Kể Sở (20) 20-9-1790 : Thư của ông Sérard gửi ông Blandin* [tr. 229-32].

Bệnh dịch vẫn lan lan tràn ở nhiều nơi và vẫn giết hại nhiều người nhất là từ 2, 3 tháng nay, Sự trồng trọt tốt đẹp, từ thủ đô Nam Hà tới khắp Bắc Hà, tại tất cả đất đai dưới quyền cai trị của Tiểu Vương của chúng tôi, đang hứa hẹn một mùa màng phong phú thì lúa lúc đó, tôi xin nhắc lại, bị hư hại bởi một

vụ đại hạn và lúa đã không lên mầm tại các đồng ruộng cạn và phần nhiều đã bị khô héo tận rễ. Cho nên thực phẩm đất đỏ lên tiếp. Hễ họ [dân đi đò] rồi rãi, nghỉ ngơi 1 chút là họ chỉ nghĩ đến việc sửa đền và tổ chức những buổi tế thần của họ.

▼ *Xứ Đoài (21) 20-10-1790 : Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 263-65].*

... Mới đây, ông Leroy đã nhờ đưa các thư của chúng tôi cho một thuyền trưởng Trung Hoa đi với 4 chiếc thuyền nhỏ hộ tống (ông ta không dám mang theo 2 «sứ giả» chúng tôi) và bỗng nhiên chúng tôi hay tin 4 thuyền đó bị bắt bởi bọn cướp biển Trung Hoa đã đầu hàng quân «phiến loạn» và đã bị dẫn đến thủ đô Nam Hà. Người ta tin rằng Chính dùng làm chiến thuyền để tấn công vua Nam Hà [tr. 264] hiện đang ở Doù Nai vì tướng phiến loạn đang chuẩn bị cho mục đích đó .. Dân Trung Hoa càng ngày càng khó dễ và đòi hỏi 1 giá tiền quá đắt [cho công chuyển thư] đến nỗi không thể thỏa mãn họ được. tr 226. [Có một kẻ mang danh vua Chiêu Thoug nhưng thực ra chỉ là một kẻ bịp bợm]...

▼ *2-5-1791, thư của ông Sérard gửi ông Descourvières (22) [tr. 279-81].*

... — Khó mà cự hoàng Nam Hà đánh bại nổi kẻ địch của ông. Về phần vua Bắc Hà thì dường như ông không thể khôi phục cơ nghiệp nổi bằng sức mạnh. Chỉ có thuế má và dịch vụ là làm dân chúng bị áp bức kêu ca và mong mỏi được giải phóng ...

▼ *19-7-1791 : Thư của ông Longer (23) gửi Đức Champenois (24) [tr. 283-5].*

... Sự giao thông giữa Nam Hà và Bắc Hà gần như bị cắt đứt [tr. 284]. Tiếm vương cai trị chúng tôi có lý khi sợ vua Nam Hà hiện đóng tại Đồng Nai gửi một số người theo ông ra ngoài Bắc lập đảng ...

▼ *Làng Kẻ Seo (25), Bồ Chính, 15-1792 : Thư của ông Sérard gửi ông Blandin.*

[tr. 366] Không có giao thông giữa các xứ.

Ông Girard (26) được cử làm thầy thuốc cho Tiếm vương, Phú Xuân.

Có lẽ tôi sẽ phải kêu gọi đến ông Girard ở Phú Xuân nhờ ông ấy giao thư cho thuyền Trung Hoa cập bến tại đó, hay yêu cầu ông ấy đích thân mang theo nếu Tiếm vương bắt ông ấy đi Quảng Châu mời người Âu Châu đến kinh đô buôn bán như ông đã dự định năm ngoái...

▼ *Macao, 25-11-1792 : Thư* của ông Girard gửi ông Boiret (27) [tr. 397-99].*

Ngày 7 tháng 3-1791, tôi được giới thiệu với Tiếm vương cai trị các tỉnh Nam Hà Thượng và Bắc Hà. Người vợ mà ông coi như vợ lớn (28) bị bệnh trầm trọng. Người ta có nói với ông ấy rằng chỉ còn trông đợi ở các thầy thuốc người Âu Châu thôi. Bởi vậy ông sai một vị đại thần là một người Công giáo đã nhiều dịp giúp chúng tôi đặc lực đi tìm 1 giáo sĩ người Âu đến chữa bệnh cho vợ ông. Lúc đó tôi đang ở với Đức Verén (29) [tr. 398].

Các quan đã khuyên Tiếm vương cho mời một người Âu vào cung. Sau lại yêu cầu tôi kê thuốc cho phu nhân Tiếm vương, nhưng bà ta từ trần. Ngày 29-3 năm ấy. Ngày 25-6 bà ta được chôn cất. Tiếm vương gần như thành điên khùng. Ông ta muốn hành quyết 2 thầy lang đã săn sóc vợ ông. May thay họ chỉ phải mang cùm thôi... [tr. 369]. Nên hiểu rằng tôi không còn ở đó (Kinh đô) nữa. Năm ngoái ông ta (Tiếm vương) muốn gửi tôi đi Macao kêu gọi người Âu Châu đến buôn bán tại vương quốc của ông. May sao chỉ có vài chiếc thuyền Trung Hoa, mà không một chiếc nào chịu chở tôi cả.

* Riêng bức thư này đã đăng trong « Nouvelles Lettres Idifiantes et Curieuses... » pp. 151-156.

Năm nay có một cơ hội khác. Một chiếc tàu từ Áo Môn tới và một chiếc khác từ Ma Ni qua, vì bất bình công việc làm ăn của họ tại Đồng Nai, đến đất của Tiếm vương, nơi tôi ở, và đã bán cho ông ta 100 000 cân (30) lưu huỳnh. Tôi đã bắt buộc phải du hành đi Macao. Tôi đã tới đó hôm 3 7... Người ta đã báo tin cho tôi rằng vua Chính Thống Nam Hà đã thắng một trận và đã đến hải cảng Touren (31) tại xứ Chàm (36) ...

▼ *Macao, 21-12-1792 : Thư của ông Longer gửi ông Blandin* [tr. 403-5].

[Tr. 403] Ở đây người ta đồn rằng vua Nam Hà [Nguyễn Ánh] đã chiếm lại được vài tỉnh Nam Hà thuộc vương quốc của Tiếm vương. Nhạc (Thái Đức). Người ta cũng nói rằng em Tiếm vương ấy, người cai trị Bắc Hà và Nam Hà Thượng đã chết vì bệnh và một trong những người con trai của ông lên nối ngôi... Tuy nhiên những tin đó cần được xác nhận lại ...

▼ *Macao, 5-2-1793 : Thư của ông Langlois (33) gửi cho ông Chau-mont (34)* [tr. 411-14].

[Tr. 412]. Thư nhận được từ Bắc Hà ngày 15-1 mới đây do một sứ giả mang theo từ tháng 8 xác nhận tin Tiếm vương cai trị Bắc Hà và Nam Hà Thượng đã mất. Các con ông còn nhỏ (người con lớn nhất mới 14 tuổi). Các quan của ông lại đánh lẫn nhau, đã có nhiều người bị giết trong những vụ lộn xộn về vấn đề kế vị. Chắc ông đã biết những tin ấy với nhiều chi tiết hơn ...

▼ *Macao, 10-2-1793 : Thư của ông Longer gửi ông Blandin* [tr 415-417]

Ông La Mothe cũng báo cho ôi rằng. "Cái chết của Tiếm vương Quang Trung đ ợc giữ bí mật gần 2 tháng trời bây giờ mới được công bố bởi sắc lệnh bắt buộc oàn quốc chịu ang một vị Hoàng đế anh minh như ông. Chúng tôi chưa biết ông mất vì bệnh gì ...

▼ *Bổ Chính, 6-6-1793: Thư ông Sérard gọi ông Boiret và Des-courvrières [tr. 426-429].*

...Ở đây sẽ khó khăn hơn vì xa xôi, và vì sự canh gác nghiêm mật ở thành lũy phân chia Bắc Hà và Nam Hà. Sự đào tẩu khỏi Phú Xuân của lính Bắc Hà chạy khỏi Phú Xuân là lý do chính khiến lính canh gác phải chu đáo. Đường biển cũng như đường núi được canh chừng rất cẩn mật.

[Tr. 427]. [Ông Girard trốn tránh vì sợ bị lôi thôi về việc đi sứ ở Quảng Châu] Họ [quân Bắc Hà] muốn có nhiều tàu bè Âu Châu đến Hải Cảng của họ với những hàng hóa mà họ đòi hỏi, nhưng chỉ có 2 tàu tới; chiếc tàu trước bị bạc đãi bởi quan trấn thủ xứ đàng trong (Phủ Châm) nên đã nhò neo và đã mau thoát để tránh tai họa. Chiếc kia mới từ Macao đến, đã được tiếp đãi tử tế hơn nhưng tôi không tin rằng nó chở nhiều hàng hóa cho «Tiểu vương» và triều đình của ông ta.

[Tr. 428] Tiếm Vương [Quang Trung] đã mất nhưng tinh-thần ông vẫn còn sống trong các đình-thần của ông. Người ta rất chán nản đề đợivua Dồn-Nai ông này không thể kiếm được 1 cơ-hội nào tốt hơnbây giờ.

[Tr. 429] Hai tướng «phiến-loạn» đã chết. «Hoàng-đế» danh tiếng, bị vua Dồn Nai bao vây lâu ngày và bị đoạt hết thành trì, đã tắt thở ngay sau khi được cháu ông đến cứu và đã khiến vua Dồn-Nai rút quân. Thế là vương-quốc của 2 anh em thù địch được sát nhập làm một. Mọi điều hình như có lợi cho vua chính thống: hạm đội của ông mạnh hơn hạm-đội đối phương nhiều, Binh lính của ông đã được hợp thành 1 quân đoàn, dân Bắc-Hà và Nam-Hà có ý-định đầu hàng và sẵn-sàng chống đối lại kẻ cai-trị họ. Tuy nhiên, ông không có vẻ lợi-dụng thời cơ đó....

[Đổi kếm, dịch hạch...]

▼ 19-6-1793 : *Thư của ông La Mothe gửi các ông Boiret, Descourvière, de Chaumont và Blandin.*

[Tr. 449]... Và lại, cái chết của Tiêm-vương khét tiếng Quang-Trung không gây 1 sự thay đổi mong đợi nào tại 2 vương quốc. Những người con còn nhỏ tuổi và các cận-thần của ông vẫn an-hưởng các đất-đai do ông chiếm lãnh. Theo ý-kiến của những người hiểu biết thì đó không phải là một tai-ương đối với dân-chúng ...

▼ 21-6-1793. *Thư của ông La Mothe gửi cho các cô Mesnard (35) tại Lorient [tr. 452-55].*

[Tr. 454] Tôi không chắc rằng 1 ngày nào đó, khi vua Nam Hà, cha của vị hoàng tử (36) mà các cô đã từng đón tiếp lên ngôi vua Bắc-Hà là xứ của ông, nơi ông rất được mong đợi, tôi không chắc rằng lúc đó chúng ta sẽ được lợi nhiều trừ khi ông nhường ngôi lại cho người con theo Gia-Tô giáo (37) của ông ...

▼ *Làng Hoàng Lý (38), 15-7-1793 : Thư* của ông Bissachère (39), gửi các ông Blandin, de Chaumont và Descourvières. [tr. 469-73].*

[Tr. 469]. Tôi và các thầy tuyên giáo của tôi đã đuổi được 3 ông từ của 3 ngôi đền khác nhau tại ba huyện thuộc giáo khu tôi. Một trong các đền đó đã bị đốt cùng với 25 tượng mạ vàng; người ta có dành cho tôi 5 tượng bằng gỗ quý mạ vàng và 1 tượng bằng đồng hay kim khí dùng để đúc tiền bản-xứ, mà tôi đã bán với một giá khá cao sau khi đã đập nó tan ra từng mảnh. Người ta đã mang cho tôi các tượng đó ngay đêm cháy đền.

Nhưng chúng tôi đã biếu quan vài quan tiền và họ không dám theo đuổi kiện nữa [Dân Công giáo biến đình làng trước dành cho việc cúng bái thành 2 nhà thờ — Đền thứ 2 không được sửa vì xã trưởng là một dân công giáo].

* Riêng bức thư này đã đăng ở « Nouvelles Lettres... » pp. 205-208.

[Tr. 471] Dân công giáo trong làng đó không dám bán [các cây xung quanh đền] cho tôi vì sợ dân tà giáo, nên quyết định bán nó để giúp làng trả thuế. Vì không ai dám mua các cây ấy, chính họ đã mua lại với giá rẻ và tôi hy vọng sẽ được chia một phần nhỏ. [Đền thứ 3 thì bị phá] Tôi giữ tại chỗ công cộng hay nhà xí của chính dinh hay thủ phủ giáo khu này một nữ thần bằng gỗ khá lớn. Tượng thần này có 12 bàn tay ôm đầy quả, và kính bằng vàng và bạc; cả pho tượng đều mạ vàng.

▼ 17 7-1793 : *Thư** của ông Leroy gửi ông Blandin [tr. 482-89.]

... Có người trốn tránh không chịu ghi tên vào sổ “hộ khẩu”, hay không chịu lãnh “thẻ bài” mà họ cấp phát khắp vương quốc [tr. 486] Tôi đã in [bộ luật Bắc Hà] cùng với một bản dịch mà tôi đã nhờ một viên cựu quan dịch hộ viên quan này đã từ trần tại nhà chúng tôi [tr. 487]. Bộ luật đó dường như không được dùng nữa từ khi vương quốc này đổi chủ. Các quan xử theo lương tri họ, phần đông không biết đọc hay biết viết, họ xử kiện như người Thổ nhĩ kỳ vậy, nhiều khi 2 bên đều bị quất roi mây và bị đuổi ra khỏi pháp đình, cốt sao cho kẻ thích sinh sự nhất cũng phải ôn hòa, còn sách vở thì chẳng dùng làm gì cả. Gần như không ai học nữa, không có “khoa thi” nữa như dưới thời các chúa “nhà Trịnh” ...

▼ Ngày lễ thánh Ignace. 1793 : *Thư của ông Bissachère gửi ông de Chaumont* [tr. 490-3].

... Tôi vừa hay tin có 5 chiếc tàu Anh thả neo ngoài khơi Nam Hà thượng làm cho quan phụ chính của triều vương [Quang Toản] sợ và nghi có việc bí ẩn của vua chính thống Nam Hà khiến ông ta định ngược đãi thánh đạo của chúng ta, vì ông ta tin rằng người công giáo nào cũng trung thành với vua chính thống. Tôi biết việc đó nhờ ông tổng trấn xứ này ...

* Riêng bức thư này đã đăng ở « Nouvelles Lettres... » pp. 211-215.

▼ (Làng đò) (40) 6-3-1792 : *Thư của ông Sérard gửi ông Blandin.*
[tr. 494. 495].

... [Tr. 495.] Từ tháng 1 năm ngoái, [đê bị vỡ, gây ra 1 vụ lụt lớn khó ai ở đời thấy được; lụt ngập phần lớn xứ Nam và làm mất mùa tháng 10 [âm lịch]; nhờ các xứ khác tiếp tế cho các xứ này nên các thức ăn mới không hao hụt vì thiên tai đó. Dân bị quấy nhiễu đủ thứ, bị thuế má đủ loại và khổ dịch đọa đày. Sự kiểm tra hay sự điều tra dân chúng từ 9 tới 70 tuổi được thi hành 1 cách khắt khe để bắt hết mọi người phải trả thuế thân và đi lính sự bắt bớ những kẻ không mang một dấu hiệu (hê) đã được cấp phát tại mỗi làng. Sự áp chế đó gây bức mình cho mọi người hay đúng hơn gây mầm loạn khắp nơi. Nhiều lần vì vậy dân chúng đã nổi dậy và tụ họp thành quân phiến loạn nhưng bao giờ kết cuộc cũng chỉ đem lại tai họa cho người dân khốn khổ... Vì sự quấy nhiễu tại Nam Hà dữ hơn tại Bắc Hà nhiều, nên các bạn đồng giáo của tôi bắt buộc phải lần trốn trong rừng núi từ nhiều tháng nay. Ngoài việc bắt những người có đủ năng lực tòng quân, họ còn bắt các trẻ con từ 7 đến 8 tuổi xung vào đoàn binh cận vệ của các Hoàng tử của Tiếm vương [Quang Trung]...

▼ 1793 : *Thư [một đoạn] của ông Eyot, gửi ông Blandin*
[tr. 510-512].

... Quan phụ chính [Bùi Đắc Tuyên] vương quốc trong thời gian con Tiếm vương còn vị thành niên, bị tố cáo là muốn tiếm đoạt vương quyền. Cho nên ông ta bị bắt; ngay lập tức người ta triệu bắt (tr. 511) quan đại thần [Ngô Văn Sở] của chúng tôi bị nghi là có nhúng tay vào âm mưu của quan phụ chính. Người ta nói rằng con quan phụ chính định lên ngôi vua và quan Đại thần của chúng tôi sẽ là chúa. Nhưng khó mà bắt được ông ta : ông ấy có nhiều binh lính và tay chân. Có mặt lệnh gửi cho các tổng trấn các xứ phải chuẩn bị quân lính để tăng cường trong trường hợp có sự kháng cự của ông ta.

Đặc sứ của vua Nam Hà đến kinh thành Bắc Hà mang theo trát bắt quan đại thần của chúng tôi : Ông ta không ngờ có 1 lệnh như vậy nên bị bắt bất ngờ, bị trói nhốt vào cũi và dẫn vào Nam. Nếu ông ấy biết được tin đó thì có lẽ đã xảy ra một cuộc nội chiến. Người ta nói rằng vị quan ấy dự định giết ba bốn đại thần khác ở trong nhiếp chính viện. Ngày khởi sự đã quyết định rồi nhưng ông bị bắt trước. Người ta đồn rằng ông ta và quan phụ chính hãy còn sống nhưng bị tù và đến ngày giỗ của Tiếm Vương [Quang Trung], họ sẽ bị dùng làm nền nghĩa là họ sẽ bị bọc bởi một thứ vải tằm dầu dùng làm sập, thân thề họ sẽ bị dùng làm bắc, và họ sẽ bị đốt như vậy vì đã không trung thành với vua. Thật là một cực hình ác độc. Theo như lời đồn hai ông đó vừa mới bị bắt, tất cả các mệnh lệnh của vị đại thần của chúng tôi đều bị bãi bỏ [không có sự ngược đãi đạo công giáo nữa] ..

▼ *Bổ chính, mồng 5-6-1793: Thư của ông Sérard gửi ông Blandin [tr. 517-26].*

[Tr. 521]. Về việc dịch luật Bắc Hà, thì linh mục Văn đã dịch được cả tập hay 1 phần. Tôi có được đọc qua cuốn đó nhưng tôi quả quyết với ông rằng nó chẳng rõ gì hơn chữ viết... Hằng năm tổ yến bị giặc biển Trung Hoa ở Đông Hải đoạt mất; hay đúng hơn tôi không biết các con chim yến ấy còn ở trong các hòn đảo nhỏ mà chúng vẫn dùng làm nơi ẩn trú hay không, vì chúng bị quân cướp đó quấy rối quá. Về gỗ « trầm hương » thì chẳng nên nghĩ tới làm gì. Bây giờ không thể kiếm được hay mua được đến một miếng gỗ dác nhỏ để trộn với hương dùng để thắp cúng ở bàn thờ. Dân Bắc Hà không có thì giờ chạy vào trong rừng để kiếm gỗ ấy vì họ quá bận đi đánh nhau và công tác khổ dịch, và cộp lại tăng gấp bội và trở nên dữ tợn đến nỗi không ai dám đặt chân vào rừng cả trừ phi đi hàng đoàn để chặt cây đóng tàu thủy. Hơn thế nữa, người Lào hay người Thượng bắt buộc phải cung cấp cho Tiếm Vương 1 số gỗ lớn

đến nỗi họ không còn đề bán. Sáp thì cũng vậy, lên giá quá chừng! ...

▼ 29-4-1794 *Thư của ông La Mothe gửi ông Boiret* [tr. 539-411].

... [Tr. 540] Cuối cùng ông Nhạc nổi danh đã chết hôm 13 tháng 12 năm ngoái: vài tháng trước khi ông chết, vì không thể chống cự lại vua chính thống Nam Hà, ông đã cầu cứu vua của Cảnh Thạnh (hay Thịnh), cháu ông. Tướng chỉ huy (34) đội quân này đã làm nhục ông đến nỗi ông chết vì uất hận. Người ta còn đồn rằng ông bị đầu độc. Khi nghe tin có quân đội của Cảnh Thạnh vào tiếp viện, vua Nam Hà [Nguyễn Ánh đã lập tức thôi vây thành Qui Nhơn hay Qui Phú và rút lui về Phú Yên; hiện ông vẫn đóng ở đây. Chắc hẳn rằng sớm muộn gì cũng sẽ có một hành động [tr. 541] quyết liệt...

[Tr. 564] Năm 1793 ông Eyot đã gặp một vị quan Nam Hà, vị quan này có nói chuyện lâu với ông và cho phép ông tiếp tục đi truyền đạo và có dặn ông nên: "*dạy người ta sự lành*" [nguyên văn bằng chữ quốc ngữ] —...

▼ 14-31-795: *Thư của ông Longer gửi Bồ Giáo Thánh Hội (La Propagande)* [tr. 583].

... Địa hạt của giáo hội này (Bắc Hà) nằm từ sông Gianh, ranh giới Bắc Hà và Nam Hà đến tỉnh phía Tây của Trung Hoa mà người Bắc Hà gọi là "Vân Nam" và tiếng Trung Hoa gọi là Yunam. Đường đi từ sông Gianh đến phủ lý Bắc Hà là 15 ngày đường; từ kinh thành mà chúng ta nhắc tới đến giáo khu xa nhất ở miền núi ít nhất là 10 ngày đường nữa. Từ giáo khu tới Trung Hoa phải mất bao nhiêu ngày đường thì tôi không rõ.

Giáo khu này [tác giả ở] phía Tây Nam Bắc Hà] cũng được gọi là miền Tây và nó ở phía tây sông Bồ Đề [sông Hồng] trong khi

1 giáo khu khác ở phía đông sông có tên ngược lại (là miền Đông). Về thể quyền thì cả 2 giáo khu đều thuộc về vua Cảnh Thịnh hay Thanh, con Tiếm vương Quang Trung, hiện còn thống trị một số lớn cái tỉnh Nam Hà; vua này thật ra mới có 13 tuổi nên ông cậu, [Bùi Đắc Tuyên] của ông ta (một cựu tăng sĩ) nhiếp chính.

Các tỉnh [trấn] của địa phận giáo hội này là: gần sông Gianh đã nói ở trên là Bắc Bô Chính được gọi như vậy để phân biệt với một tỉnh [dinh] cùng tên ở phía bên kia sông thuộc Nam-Hà. Địa phận này được chia làm 3 «tổng» và có 12.000 giáo dân. Cạnh đó là tỉnh [trấn] Nghệ-An, có 2 huyện và có gần 13.000 người công giáo Ở giáp giới tỉnh này là tỉnh [trấn] «Tanh Hòa» [Thanh Hóa] với 15.000 người công giáo. Còn tỉnh. «xứ Nam» [trấn Sơn Nam] thì ở phía Bắc giáo Khu chúng tôi nhưng lại ở phía nam 1 giáo khu khác gọi là tỉnh Bắc (xứ Bắc) [trấn Kinh Bắc]; «xứ Nam» đó được chia ra là 36 huyện trong đó có 14 huyện giáp khu phía Tây có hơn 30 000 giáo dân. Tại tỉnh cuối cùng tên là xứ Đoài [trấn Sơn Tây], có hơn 10.000 giáo đồ... [Nguyễn văn bằng chữ La Tinh].

▲ 20-7-1796 : *Thư của ông Guérard (41) gửi ông Blandin [17.729-31].*

[tr. 730]. Tôi được đến thăm một tăng viện [Mường] mà họ gọi là Cả Đẽ. Có 2 «*Chậu Húa*» hay thầy tăng với 6 hay 8 người «sơ tu». Họ tiếp đãi tôi rất tử tế. Cả làng họp lại để xem mặt tôi. Họ mặc áo đỏ, không làm gì [tr. 731] cả, không lấy vợ nhưng nghe đâu họ cũng rất «phóng túng». Làng của Cả Đẽ đó nuôi tất cả những người ở trong tăng viện, không để ai phải mất công làm bếp. Khi có 1 người đến thăm họ, theo tục lệ, trước nhất phải bái tượng đặt tại 1 góc phòng, sau đó quì dưới chân Chậu Húa để chào ông ta và đề «*thường công*» khách ông ta đưa tay cho hôn. Trong khi đó thì Chậu Húa ngồi nghiêm. Họ chỉ ăn có 2 lần một ngày. Nhưng ai ham ăn thường viện có cúng đề giữ lại 2 phần cơm sáng hay trưa để đến tối ăn.

Tăng viện hay Cả Đẽ ở trên núi cao nhất vì, theo sách dạy, họ tin rằng họ ở nơi cao bao nhiêu khi chết họ càng dễ lên trời bấy nhiêu vì họ cho rằng trời chỉ cách núi cao nhất có 20 dặm.

...Ai cũng mạnh khỏe, béo tốt hơn người Kinh —...

▼ 19-3-1795 : *Thư của Đức Longer gửi ông De Chaumont* [tr. 613-15].

... [Sắp có vụ ngược đãi đạo Gia tô mà quan phụ chính muốn che chở] [tr. 614]. Ông ấy mời các nhà nho học và các sư tăng họp nhau lại để hoàn thành dự án rất cao cả đó. Tuy nhiên ông ấy làm cho các sư tăng một «vỗ đầu» khi không cho phép mỗi làng đều có chùa như trước nữa, khoảng 200 làng mới có thể họp lại xây 1 ngôi chùa chung; vì vậy ông ra lệnh phá hủy các chùa riêng cũng như các giáo đường hay tiểu thánh đường của chúng tôi...

▼ 31-3-1795 : *Thư của ông La Mothe gửi ông Letondal và các vị thuộc hội truyền giáo ở La Mã.*

... [Sắc lệnh cấm Gia tô giáo đã được yết thị ngày 26 2 tại Kinh đô và đã được thi hành tại Nam Hà, thánh đường của người Gia tô được sửa thành trại lính. Các quan đi bắt các tín đồ Gia tô]...

▲ *Vùng Cao nguyên, ngày 5-7-1795 : Thư của ông Lapavée (42) gửi thân phụ ông* [tr. 633-43].

... [Tr 637]. Quan phụ chính vương quốc, 1 ông già 80 tuổi và là thúc phụ (43) của vua Quang Trung, người đã mất từ 2 năm nay, có ý định đoạt ngôi của cháu ông để truyền cho con ông. Ông bèn âm mưu với một vị quan can trường và táo bạo, ngược đãi Công giáo, mà ông mới cử làm kinh lược [vice-roi] Bắc Hà. Khi cả 2 đã thỏa hiệp về ngày «dựng cờ khởi nghĩa», ngày mà họ định giết 3 người con vua Quang Trung, cháu ông, quan

phụ chính cho người tâm phúc của ông ra Bắc với toàn quyền hành động theo ý muốn. Chuyện đang tiến hành tốt đẹp và mọi sự đã được xếp đặt xong cho sự hành quyết 3 vị hoàng tử và các quan đại thần thì cựu kinh lược Bắc Hà [Võ văn Dũng] mới tới Nam Hà Thượng, ở gần quan phụ chính bắt đầu nghi ngờ thái độ của vị quan phụ chính này, giấu giếm việc gì đây khi ông thấy có kẻ đem tin đến hay đi mà tiểu vương [Quang Toản] chẳng được hay báo gì cả, ông bèn tâu với vua : « Bệ hạ hãy đề phòng, người ta muốn ám hại Bệ hạ, Bệ hạ hãy cho bắt sứ giả lại ». Sứ giả liền bị bắt và quả nhiên cuộc âm mưu kỹ lưỡng của quan phụ chính và kinh lược Bắc Hà bị bại lộ, chỉ còn có 20 ngày nữa là họ hành động, lập tức có lệnh bắt quan phụ chính và chỉ trong vài ngày sau ông bị giải ra tòa xử tử. Một sứ giả mang lệnh vua được gửi ra Bắc Hà Quan « kinh lược » cũng bị bắt và phải chịu chung cực hình với đồng lõa của ông là người Anh vị « Kinh Lược » là người đòi ngược đãi dân Công giáo không sống lâu để thi hành cái thú dã man ấy vì 10 ngày sau chính ông ta bị truy tố vì tội phản loạn [tr. 638] và nghịch vua... Hai vị đại thần Bắc Hà đi bắt quan Phụ Chính đã trách mắng ông nhiều điều khi ông bị dẫn ra pháp trường; trong số đó có một điều mà tôi thấy đáng được thuật lại vì nó lợi cho thánh đạo nhất là khi những lời trên được thốt ra từ miệng người đi đòi... [lệnh ngược đãi đạo Gia Tô đã bị hủy bỏ].

▼ 21-8-1795: *Thư của ông S Tessier gửi ông De Chaumont* [tr. 685-687].

[Tr. 686]. Một cô gái « Giang hồ », không có chồng mà đẻ con, làm cha cô ta giận ghê gớm vì đó là một trọng tội tại xứ này, khiến cha mẹ có thể bị tịch thu tài sản. Trong lúc quá nóng giận, người cha đã chặt đầu cô con gái.

▼ 29-6-1797 : *Thư của ông Langlois gửi ông Blandin* (tr.854-855).

Vua Nam Hà Hạ [Nguyễn Ánh] đã xuất chinh năm nay. Người ta đồn rằng ông đã làm chủ Nam Hà Thượng đến tận biên giới Bắc Hà [tr. 855] và Tiều vương (Nam Hà Thượng và Bắc Hà) đã chạy ra Bắc, về phía Kinh Thành (Thăng Long). Nếu thật như vậy, thì Tiều Vương sẽ không giữ được Bắc Hà lâu vì thứ nhất, trong hơn 10 năm thống trị, quân Nam Hà [Tây Sơn] bị dân chúng chán ghét vì họ phải đóng thuế quá nặng và dân chúng chỉ mong có cơ hội tốt để nổi dậy; thứ nhì, họ đã mất đất, nơi họ vẫn tuyển dụng các quan cai trị Bắc Hà... (Tin cuối cùng cho biết vua Nam Hà chưa chiếm được thủ đô Nam Hà Thượng).

▼ 31-7-1797: *Thư của ông Sérard gửi ông Blandin* [tr. 895-98].

[Tr. 897] (tiền công và tiền nuôi thợ xây cất một giáo đường là 300 quan)...

▼ 6-8-1797: *Thư của ông Tessier gửi ông De Chaumont* [tr. 903 906]

[Tr. 904] Cuối cùng bao giờ vua Đồng Nai cũng chẳng làm gì cả sau khi bắt mọi người chuẩn bị sẵn sàng, khiến dân chúng rất khốn khổ vì phải công tác tạp dịch để đánh đuổi ông.

▼ 7-8-1797: *Thư của Đức Longer gửi các ông Boiret và Des-courvières* [tr. 907-910].

[Tr. 908] .. Có tin đồn rằng vua Nam Hà [Nguyễn Ánh] đi qua Quý Phủ hay Quý Nhơn để tiến về phía Cửa Ai, một thứ đèo ngăn chia Huế và Quảng (Nam). Như vậy là Cửa Hàn hay Hải cảng Thoran [Tourane] theo người Bồ Đào Nha, mới rơi vào tay vua ấy. Chúng tôi không rõ thành trì hay thành phố Quý Nhơn đã hàng hay bị phong tỏa Hình như vua Nam Hà đã bị thua to hồi tháng 7 vì tại xứ [tr. 909] Nghệ, có lệnh làm lễ tạ quỷ thần cho họ (quân Tây Sơn) thắng trận.

TẬP TONKIN 700

▼ *Kẻ Blầu (44), 23 7-1787 : Thư của ông Thiebaud (45) gửi ông Letondal [tr. 1329-1331].*

[Tr. 1330]... Xứ gần giáp giới Nam Hà này, nơi ông Le Breton và tôi ở, thuộc quyền cai trị của Nam Hà. Họ đặt những đội quân đồn trú tại nhiều nơi. Họ có mộ nhiều binh lính tại đây và dân còn phải cung cấp thực phẩm cho họ nữa. Quân trộm cướp không dám hành nghề...

▼ 7-9-1787 : *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1343-45].*

[Tr. 1315]... Không có gì lạ từ ngày gửi thư trước của tôi. Phủ của quận phản loạn bị quân nhà vua bao vây từ nhiều tháng nay, hiện vẫn chống cự và thiệt hại nhiều người. Không ai biết gì rõ về Nam Hà; các ông ở đó có viết cho chúng tôi rằng người em đã thua và phải rút lui; có người lại nói rằng hai anh em đã hòa nhau, có người còn nói rằng người Anh làm vua đã băng hà chỉ còn một vài quân Nam Hà ở xứ Nghệ An, nhưng họ giữ bí mật hay đến nỗi không thể biết việc gì xảy ra về phía họ...

▼ *Trên tàu De Castries, 10-10-1788 : Thư của ông Dienne (46) gửi ông Letondal [tr. 1361-1362].*

.. Một người đưa thư của chúng ta đã lấy xuồng ghé vào một chiếc tàu lớn ở Xứ hiện bị quân Tây Sơn thống trị, và đã báo động mọi người khi phao tin rằng có đội quân Nam Hà ở xứ trong [Nam] và quân Bắc Hà đã cho đội quân khác chống cự...

[Nhờ mua : — Giấy bút và 1 hộp mực nhỏ.

— Hạt đủ loại, nhất là hạt nho, hồng, lúa mạch, lúa đại mạch, lúa tiểu mạch, bắp cải, ca-cao, trám Đài Loan, cây nho, hạt gai và hạt «liu».

- Đồ đồng và sắt cùng khí cụ Âu Châu không có ở đây.
- Một bộ đồ ăn giống như bộ của ông Bourgogne nhưng nhỏ hơn đủ để nấu cơm cho 1 giáo sĩ nghèo và dễ mang theo].

▼ 15-1-1788 : *Thư của ông Eyet gửi ông Letondal* [tr. 1365].

... Chúng tôi hay tin quân phiến loạn Nam Hà đã chiếm được hai trấn Bắc Hà, quân chúng do người em nhỏ nhất của Tây Sơn. Cầm đầu, sắp chạm trán với quân Bắc Hà (quân nhà Lê); người ta đồn rằng trong quân đội (Tây Sơn) này có hơn 10 000 lính Bắc Hà. Tôi nghe đồn, nhưng không chắc chắn vì không hiểu rõ, rằng quân đội của phe phiến loạn gồm tới 40 000 lính Bắc Hà; điều này đúng hay không tôi không dám quả quyết. Người ta còn nói thêm rằng quân đội của phe phản loạn gồm hầu hết là người Bắc Hà. Nhưng tin trên có chắc không? Chỉ có việc hai trấn Bắc Hà bị chiếm là chắc chắn..

▼ 4-7 1789 : *Thư của ông Le Roy gửi ông Letondal* [tr. 1371-73].

[Tr. 1371] .. Chúng tôi rất đói khổ nhưng các ông ở Nam Hà còn khổ hơn...

Họ mong sẽ nhận được thư ông qua các tàu Pháp sắp tới Nam Hà trợ giúp vị vua bị lật đổ (Nguyễn Ánh)..

▼ 12 7-1789 : *Thư của ông Sérard gửi. ... (?)* [tr. 1379-1381].

... Từ 3, 4 năm nay, đói kém rồi đến trộm cướp, giết chóc, tàn phá vương quốc này. Tiếp theo nào là lụt lội, nào là hạn hán. Song đến lượt quân địch tàn ác đốt phá khắp nơi. Tình trạng khôn khổ đó chưa ai từng nghe thấy từ thời lập vương quốc này. Quả thật

đáng thiên công vẫn chưa vui lòng khi đề hàng bao nhiêu người chết vì chiến tranh, hỏa hoạn và đói kém tột độ, ngài còn tiêu diệt phần lớn dân chúng bởi dịch hạch. Có khi cả làng, có khi một phần làng bị tàn phá, nhà cửa không còn người ở, ruộng nương bị bỏ hoang không ai cày cấy. Cả xứ hoang tàn; nơi nào cũng chỉ có khủng bố tang tóc và tiếng khí giới xô xát kêu leng xeng. Đường xá đầy xác người, lúc nào trước mắt cũng chỉ thấy hình ảnh chết chóc, khủng khiếp. Hỡi ơi! Bộ mặt đáng thương của cảnh vật! Mà các tai ương đó xảy ra nhiều nhất tại giáo khu phía Tây của chúng tôi. Tại đây, khắp nơi đều bị quân dịch bao vây và bàn tay đầm máu của họ gần như không để sót cái gì.

Tôi phải nói rằng lũ quân phản loạn mọi rợ đó, mà người ta gọi là Tây Sơn theo tiếng bản xứ, đã tàn phá đất nước này từ 4 năm nay. Chúng thật là lũ quỷ hiểm có trên thế gian này. Đó là một giống người gian manh dữ tợn, chỉ biết chém giết, đánh nhau không chừa nam nữ, không nề chức vụ hay tuổi tác, luôn luôn làm hại, tàn ác, phá phách, cướp bóc. Trong khi đó vua Bắc Hà lang thang trốn tránh cả năm trời trong rừng núi không ai phò vua, bày mưu giúp kế. Sau cùng ông chạy sang Trung Hoa xin cầu viện và rước quân đội Trung Hoa sang đây. Quân Tây Sơn không chống nổi cuộc xung đột đầu tiên, họ tháo lui về các trấn miền trong, bỏ lại kinh đô Bắc Hà mà họ chiếm giữ được 1 năm cùng với tất cả các thành phố khác. Nhưng quân đội Trung Hoa do Toungh Doc [Tổng Đốc Tôn Sĩ Nghị] (người cai trị hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây) chỉ huy lại không đuổi theo địch như người ta tưởng. Họ ở lỳ tại Kinh Đô kẻ Chợ với vua Bắc Hà mới được phục hồi ngôi vị (tr. 1380). Bị phỉnh bởi một hy vọng khôi phục hòa bình [tr. 1380] hão, họ đắm mình vào những cuộc truy hoan dâm dăng. Trong khi đó tướng phiến loạn ở Phú Xuân [Quang Trung] được báo tin rằng quân Trung Hoa đã tới tiếp viện, quân Tây Sơn đã rút lui và vua chính thống đã khôi phục được gần hết Bắc Hà. Ông liền tập trung binh lính và tiến thảy nhanh ra Bắc Hà. Quân Trung Hoa bị bại,

một phần bởi khinh địch, 1 phần vì thiếu sự trinh sát nên thua 1 cách nhục nhã ngay cuộc xung đột đầu tiên. Họ tiếc rẻ mà vẫn phải bỏ lại của cải và làm giàu quân địch với khí giới hay vàng bạc của họ. Đó là do Thượng Đế đã ra tay trừng phạt dân Bắc Hà và quân Trung Hoa đấy. Thật vậy, quân phiến loạn làm sao so sánh được với đối phương của họ? và không có bàn tay Thượng Đế thì làm sao họ có thể đánh bại được địch thủ khi địch hơn họ về lượng cũng như về sức? Dân chúng cực khổ than vãn dưới ách thống trị của giặc. Họ bị lôi đi làm khổ dịch bất kể cực khổ, nam nữ hay tuổi tác. Đàn ông thì đi lính, đàn bà và trẻ con thì đi tạp dịch. Kẻ thì phải cấy cấy và xây thành lũy, kẻ thì bị gởi đi chết ở chiến trường. Đã vậy dân đen đáng thương đó không được phép nghỉ ngơi và không được nuôi ăn, không được biết đến ngày đêm nữa. Bị thúc đẩy bởi roi vọt, họ tận lực và gục ngã dưới gánh nặng. Anh lính nào không theo nòi thì bị xử giáo ngay, không một vết tích. Còn gì cay đắng hơn? Còn gì cực khổ hơn? Danh giá nào có thể xây dựng được trên nước mắt? Dân chúng bất hạnh này chỉ gặp toàn tai họa. Không đâu hiện ra một tia sáng hy vọng hòa bình, tự do nào.

Mọi người mong đợi vua chính thống Nam Hà từ 7 năm nay nhưng cho đến giờ không thấy bóng dáng ông đâu. Quân tiếp viện Trung Hoa có trở lại hay không cái đó không biết được và Chúa (Thượng Đế) với lòng độ lượng đối với dân xứ này (tôi muốn nói cả Bắc lẫn Nam) cũng không chắc được quân man rợ đó sẽ tha một phần dân chúng hai vùng này không?... [nguyên văn bằng chữ La Tinh].

▼ 15-7-1789. *Thư của ông Nunsius Orta (47) gửi ông Letondal [tr.1383-?5]*

[Tr. 1384]... Tôi không thể không kể những sự bất hạnh của Bắc Hà sau chiến tranh với quân phiến loạn Nam Hà. Nhờ

giết chóc và phá phách quân họ đã chiếm được phần đông Vương quốc này, rồi sau đó chiếm luôn Bắc Hà. Họ làm khổ dân chúng dưới ách của họ bằng không biết cơ man nào là thuế má và khổ dịch, không kể hàng bao nhiêu vụ đói nhà và phá hủy làng mạc. Nhưng tai ương đó còn được tăng gia nay bởi nạn đói kém; sau đó dịch bệnh như dịch hạch tàn phá vương quốc này. Vô số người chết ngay cả trên đường xá.

[Tr. 1385] Quân đội Trung Hoa tiếp viện vua Bắc Hà và vương quốc này đã bị tiêu diệt. Người ta đồn rằng 1 đội quân Trung Hoa khác sẽ được gọi sang từ Trung Hoa sang tiếp viện. Có rất nhiều giặc cướp ở biên cũng như ở nội địa làm cho vương quốc này thêm điêu tàn; thuyền buôn Trung Hoa từ Tàu sang Bắc Hà bị chúng bóc lột; tài sản và hàng hóa của người Trung Hoa hoặc bị quân Nam Hà hoặc bị bọn giặc kẻ trên cướp bóc (nguyên văn bằng chữ La Tinh).

▼ *Kẻ Đâm, 27-9-1789: Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1318].*

[Yêu cầu gửi: — Giấy Nam Kinh.

— 6 cân trà tốt; loại trà xanh tốt và đậm nhất.

— 2 hay 3 cân lô hôi xanh (Alves Socotora).

— 5 hay 6 cân gỗ hôi (assafetida)

— 1 nửa cân sâm.

— 25 hay 30 thanh sô cô la].

▼ *28-5-1790. Thư của ông La Mothe gửi ông Letondal [tr. 1397-1400].*

... [Tr. 1398] Thật vậy, Đức Adran đã trở về giáo khu của ngài như ông đã viết cho tôi, nhưng đường xá từ phố Nam Hà này sang phố Nam Hà kia bị ngăn chặn nghiêm ngặt đến nỗi bây giờ chúng tôi cũng còn chưa biết Đức Ngài về nếu ông không cho tôi hay, và Đức Véren, vị Phó Giám Mục của ngài ở bên láng giềng chúng tôi, cũng chỉ biết nhờ nguồn tin ấy. Muốn cho tình hình được giải tỏa, phải có 1 cuộc cách mạng mới làm chấn động cả Nam Hà lẫn Bắc Hà. Đó là biến cố mà chúng tôi đang chờ đợi từ ngày nọ sang ngày kia, từ khi chúng tôi được tin chúa Nguyễn hay vua Nam Hà được người Bồ Đào Nha ở Ma Cao trợ giúp, nhưng tôi không dấu ông rằng nếu sự viện trợ quá ít hay kém cỏi mà chắc thế nào nó cũng vậy [Tr. 1399], e rằng vua Nam Hà sẽ lại thất bại trước khi giới, kinh nghiệm và lòng quả cảm của Tiếm Vương, tôi không nói đến Nhạc, người chiếm cứ miền Trung Nam Hà và hình như đã mất một phần đất chiếm lãnh của ông, mà tôi nói đến em ông ta, người đã khống chế được Bắc Hà và chiếm cứ một phần Nam Hà, nơi chúng tôi ngụ, giáp giới chỗ ở của Đức Véren và các giáo sĩ của chúng ta. Ông này (Nguyễn Huệ) còn ghê gớm và khó diệt hơn ông kia nhiều. Hiện ông chiếm cứ và đích thân cai trị vương quốc Nam Hà Phú Xuân nhỏ bé của ông. Còn chúng tôi thì có 1 cậu bé 6, 7 tuổi, con của ông, làm chủ Tề với danh nghĩa Chúa. Nhưng cậu bé đó có đại tướng và đại thần giỏi, biết kiểm chế chúng tôi và làm chúng tôi nề. Phải nói trắng ra rằng tình cảnh không đến nỗi tệ. Dưới triều đại mới này, chúng tôi có bị phiền nhiễu thật, nhưng ngược lại chúng tôi được che chở khỏi bị lũ trộm cướp phá phách, và về phần đạo giáo, thì chúng tôi được hưởng nhiều tự do và an ninh hơn dưới các triều vua trước.

▼ 13-6-1790 : *Thư của ông Le Roy gửi ông Letondal* [tr. 1401-1403]

[Tr. 1402] Theo như ông nói, thì chúng tôi không hay

biết gì về cựu vương Nam Hà ở Dông Nai (Đồng Nai). Quân Nam Hà vẫn áp chế chúng tôi. Tiếm Vương đã toàn thắng chúng tôi và đề một người con khoảng 10, 11 tuổi cai trị chúng tôi. Bắc Hà đã thái bình nhưng người ta sợ rằng sự yên ổn này không kéo dài. Quân Trung Hoa bị bại trận năm ngoái có thể sẽ trở lại tấn công nay mai. Mọi người tin tưởng rằng mùa tháng 5 âm lịch sẽ phong phú nhưng gió không thuận mà mùa quá kém. Các giáo sĩ của chúng ta ở Nam Hà nói rằng họ đã mất mùa này và nạn đói kém đang phá hoại xứ họ. Có người đề nghị với Tiếm Vương Quang Trung nên ngược đãi giáo đồ Gia Tô nhưng khi đình nghị, các quan đại thần tâu với ông rằng dân Công giáo rất đông, có nhiều trong các binh đội, nộp thuế đầy đủ và không làm hại ai cả. Nghe vậy, Tiếm Vương liền cả cười và nói rằng ông hy vọng đến tháng 6 dân Công giáo sẽ nạp đồng cho ông...

▼ 23-7-1790 : *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1413-18].*

Chúng tôi mới hay tin có 4 chiếc thuyền bị lũ giặc Trung Hoa bắt giữ. Bọn này đã đầu hàng quân phản loạn Nam Hà của chúng ta (Tây Sơn) và được quân này cấp môn bài. Chúng ta dẫn 4 thuyền đó đến Kinh Đô Nam Hà, có lẽ đề Tiếm Vương dùng làm chiến thuyền vì ông này đang chuẩn bị đánh nhau với vua Nam Hà tại Dông Nai.

[Tr. 1417]. Hình như cuộc tiếp viện vua Nam Hà mà ông thông báo cho chúng tôi rất khó thành công [tr. 1418]. Tuy nhiên, chẳng ai nghe nói đến một người Bồ Đào Nha nào đặt chân đến đất Dông Nai...

▼ 12-8-1790 : *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1423-24].*

... Người ta nói nhiều về vua Nam Hà nhưng người ta chưa thấy ông ấy đâu, có lẽ ông còn ở Quảng Nam (Ciampa) và đường còn dài, độ 8, 9 ngày đường núi mới tới kinh thành Nam Hà và ông phải cố gắng nhiều lắm nếu muốn đánh diệt quân phản loạn. Còn về vị chủ tể mới, ngày nào ông cũng gửi con ông ra Bắc Hà; ông có phong một người mới 7, 8 tuổi làm chúa; ông du hành với một nghi trượng vương giả. Cách đây 5 ngày, ông rời kinh thành này về Nam Hà, với 30 con voi hộ giá.

▼ 30-4 1790 (1791 ?) : *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal* [tr. 1441-44].

[Tr. 1433]... Chúng tôi đợi chờ một cuộc cách mạng vào đầu xuân này, thế là sắp đến tháng 5 rồi, vẫn chưa thấy quân đội vua Nam Hà. Hình như Phú Xuân, kinh đô của Tiếm vương hãy còn yên tĩnh. Chánh Hậu của ông mới mất và ông sửa soạn tang lễ, vận dụng mọi người ngay đến cả xứ Bắc Hà phải cấp vải, sáp, trầm hương, nhựa trám để chế thành chất mát-tích (mastique) thật tốt bền, có thể giữ xác ở trong được lâu. Ông chỉ tiêu hoang phí như vậy chỉ tỏ dân chúng khổ khổ gánh chịu.

▼ 13-5-1791 : *Thư của ông Le Roy gửi ông Letondal* [tr. 1449-1451].

[Tr. 1450]... Chắc ông không kém ngạc nhiên khi hay tin rằng địa phận chúng tôi vừa cung cấp một thầy thuốc cho Quang Trung, Tiếm vương Nam Hà Thượng. Không có gì xác thực hơn. Không phải sự ham vui thể tục đã đẩy bạn đồng hướng của chúng ta đâu. Đó là lòng bác ái đấy ! Quang Trung cần một thầy thuốc người Âu để chữa bệnh cho vợ ông. Ông đã làm rộn cả giáo khu để kiếm 1 người như vậy, ông Girard đã tự nạp mình cho kẻ thù của chúng ta. Tiếm vương tiếp đãi ông nồng hậu. Tôi không biết rồi sau Tiếm Vương đó đối xử với ông ấy ra sao ?...

▼ 20 5 1791 : *Thư của ông Nunsius Orta gửi ông Letondal* [tr. 1457 58].

Biên ở đây có đầy rẫy giặc biên Trung Hoa từ đảo Đài Loan tới hoành hành. Bởi vậy nên khó lòng mà có 1 chiếc thuyền Trung Hoa từ Tàu sang tới Bắc Hà. Có tin đồn rằng thuyền nào tới biên này cũng bị bắt cướp. Tiếm Vương chiếm cứ Bắc Hà tiếp tục kiểm chế dân chúng dưới ách độc tài, mặc dầu đã nhiều người chết vì chiến tranh, đói kém và dịch hạch Tại vài địa phương các quan [cụu thần nhà Lê] và dân trốn tránh Bắc Hà thỉnh thoảng ra tay chém giết thả cửa quân Nam Hà. Nhưng họ không thể khôi phục được vương quốc. Vua chính thống Nam Hà ở xứ Doù Nai, gần Cao Miên, có gửi một Hoàng Tử sang Âu châu; theo dư luận, thì ông không đủ sức chống lại quyền lực của loạn quân để chiếm lại vương quốc. Nhưng thanh thế của ông càng ngày càng tăng gia...

[Nguyên văn bằng chữ La Tinh]

▼ Lữ Đăng (48), *Bổ Chính*, 17 7-1791 : *Thư của ông Sérard gửi ông Letondal* [tr. 1460-70].

[Tr. 1468]... Chánh hậu của Tiếm vương mất vào khoảng tháng ba và ông đã khóc bà một cách sầu thảm. Ông đã cử hành tang lễ vô cùng linh đình trang trọng cho bà vào cuối tháng sáu. Dân Nam Hà đồn khắp nơi rằng ông đã băng hà vì quá đau buồn. Họ nói rằng sự chuẩn bị tang lễ hết sức tốn kém phải làm cho cả ông lẫn phu nhân ông. Anh cả ông (Hoàng đế của miền Trung Nam Hà, tức ông Thái Đức) cũng bị mắc lừa và tưởng rằng em ông là Quang Trung đã mất. Ông ấy dẫn đầu một đạo quân đến kinh đô Phú Xuân với mục đích chiếm thành phố này và sau đó cả Bắc Hà. Nhưng khi tới nơi ông được biết mình đã bị lừa và lại quay về. Ông hãy thử nghĩ xem Tiếm Vương của chúng tôi có thể vui lòng khi thấy anh hành động lập cập như vậy không? Người ta đồn rằng có thể ông sẽ đến

cảm ơn anh ông nhưng có người cho rằng ông bận đi thăm chúa « Nguyễn » ở Đồi Nai hơn và ông lo chuyện này hơn là trả thù anh ông. Bởi vậy nên ông ra lệnh đóng không biết mấy trăm « ghe sai » (nguyên văn) hay chiến thuyền. Riêng huyện Bồ Chính, nơi tôi cư ngụ từ 15 ngày nay đã phải đóng hơn 100 ghe. Dân khốn khổ và tất cả giáo đồ Gia Tô bất hạnh này đã mất 2 mùa liên tiếp, vụ tháng 10 và vụ tháng 5, và có lẽ sẽ mất luôn vụ tháng 10 sắp tới nên khó mà chịu nổi một gánh nặng như vậy. Số ván gỗ phải cung cấp cho việc này là 2500 tấm, mỗi tấm phải dài từ 30 đến 35 thước và rộng vài phân (40) (1 thước Bắc Hà gần hơn một thước của chúng ta) và nếu phải đi mua thì mỗi tấm giá 15 quan. Ngoài ván gỗ, còn phải cung cấp các thuyền cụ và tất cả phải hoàn tất trong 3 tháng. Khi độc của rừng, nạn cọp vồ và sự khó nhọc sẽ làm chết một số lớn đám dân tội nghiệp phải đi chặt gỗ và lòi gỗ từ núi xuống đó.

[30 quan tương đương với 20 hay 25 đồng Mỹ Tây Cơ]

▼ 6-6-1793: *Thư của ông Longer gửi ông Letondal* [tr. 1507-10]

[Tr. 1508]. Ông Sérard đã cho chúng ta biết rằng một chiếc tàu Âu Châu tới hải cảng Tournon [Đà Nẵng] thì bị thuyền của người con của Tiếm vương mới mất [Quang Trung] bao vây, mặc dù cha ông đã cấp môn bài cho thuyền trưởng người Âu đó. May sao người thuyền trưởng này không cuống và đề thuyền kia bắn ; khi có một chiếc thuyền đến gần, ông ta đánh đắm rồi cho tàu chạy mất ra khơi để quân phản loạn ở lại lúng túng. Ở đây người ta đồn rằng quân đội của vua Nam Hà đang tiến ra, chẳng biết đó là sự phỏng đoán hay sự thật. Thánh đạo của chúng ta cũng được yên ổn dưới chính quyền mới này nhưng dân các xứ ở phía trong cùng bị quấy nhiễu như tại Nam Hà Thượng...

[Xin gửi giấy lạng, 1 đôi đỏ, 1 đôi tím và 2 đôi đen].

▼ *Bổ chính, làng Đoài (50), 9-6-1793: Thư của ông Sérard gửi ông Letondal [tr. 1511-14].*

[Tr. 1512]... Nhưng vì phải qua 1 thành lũy hay bờ lũy dùng làm biên giới, cách bờ cõi Nam Hà một ngày đường biển được canh chừng rất nghiêm ngặt...

[Tr. 1513]. Tôi vừa được đọc những điểm chính của lá thư mà ông gửi cho Đức Vénen qua chiếc thuyền thứ nhì từ Macao đến Phú Xuân hay một hải cảng ở phía trong. Ở đây không ai tưởng tượng được rằng sự chuẩn bị đón tiếp sứ thần Trung Hoa đến tấn phong vị Tiểu vương [Quang Toàn] làm vua Tây Sơn chỉ là một mưu kế để bắt dân chúng nạp thêm bạc, gia súc và gà vịt, vì họ thu nhiều hơn số cần dùng. Như vậy là việc Hoàng Đế [Trung Hoa] muốn cấp sắc phong hay sớ vàng cho Tiểu vương có thật. Tấn phong như vậy với mục đích gì? Nếu ngài làm thế để có dịp gọi người đến Kinh đô Nam Hà dò xét sức mạnh của vương quốc thì ngài tính lầm vì người Tây Sơn không cho phép người Trung Hoa đi xa hơn kẻ chợ, Kinh đô Bắc Hà; mà tôi không chắc rằng họ có thể vào được trong Kinh thành nữa vì họ đã được cấp nhà cửa ở hai bên sông, ở ngoại ô thành phố; và lại cũng chỉ có một số nhỏ có quyền vượt biên giới thôi. Quân Tây Sơn đã nhận được sớ vàng hay sắc phong và đã đem nó vào Phú Xuân Họ có đi qua đây 3 ngày trước: quyền sớ vàng được đề trong một cái kiệu do 8 người khiêng và có độ 100 binh lính Bắc Hà và Nam Hà, trang bị chỉnh tề đi theo Hình như Hoàng Đế (Trung Hoa) sợ quân Tây Sơn và muốn lấy lòng họ bằng cách vội vàng cấp cho họ cái mà họ chưa xin. Ngày xưa, muốn được sắc phong [tr. 1513] phải gửi sứ thần Bắc Hà sang cầu phong, cống phẩm vật và có khi đợi 5, 6 năm vẫn chưa thấy lễ tấn phong hay sứ thần của Hoàng Đế đến. Không ai hiểu gì về hành động này của Trung Hoa.

Chiếc tàu thứ nhất từ Macao, có chở ông Girard, đã tới hải cảng Tây Sơn, như thư của ông báo tin, nhưng đã bị bạc đãi và đã phải nhờ neo tàu thoát vì bị quân của Trấn thủ xứ và hải cảng này tấn công với mục đích chiếm đoạt chiếc thuyền vốn có nhiệm

vụ cạnh chừng biên giới xứ Nam, mặc dầu quan Trấn Thủ chưa được lệnh của quan Phụ Chính [Bùi Đắc Tuyên]. Họ tưởng chiếc tàu này thua, nhưng họ phải rút lui và bỏ cuộc để tránh bị thiệt hại quá nhiều vì có người của họ mất mạng trong cuộc tấn công, có kẻ còn nói rằng họ bị đắm 1 chiếc tàu. Chiếc tàu thứ hai được tiếp đãi tử tế hơn và quan Phụ Chính đã quở mắng và phạt quan Trấn Thủ trên vì tính táo bạo của ông, và chiếc tàu này thì buôn bán được. Nhưng hiện nó có thể thoát được bọn người bất tín và vô nhân đạo ấy không? Thậ là ngẫu nhiên nếu nó xoay sở sao cho có lợi..

▼ 12-6-1793: *Thư của ông La Mothe gửi Bộ Giáo Chánh Hội* [tr. 1517-19].

[Tr. 1518] Tôi còn phải nói qua về tình hình vương quốc này. Tôi xin trình với quý vị rằng chắc chắn Tiếm vương Quang Trung, kẻ chinh phục vương quốc Nam Hà và Bắc Hà, đã bị một bàn tay vô hình đột nhiên trừng trị và đã phải vĩnh biệt thế giới loài người. Mặc dầu người con còn nhỏ tuổi của ông được lập làm vua hai vương quốc, ách thống trị nhẹ hơn nhiều.

[Nguyên văn bằng chữ La Tinh]

▼ 1-7-1793: *Thư của ông La Bissachère gửi ông Letondal* [tr. 530].

Tôi cũng có ba thanh bạc, mỗi thanh giá là 15 đồng (Mẽ Tây Co) đó là quà mà người ta cho tôi để may lễ phục. Số tiền còn lại tôi sẽ trả bằng tiền bản xứ nghĩa là bằng quan.

▼ 1-9-1793: *Thư của ông La Mothe gửi ông Letondal* [tr. 1845-49].

[Yêu cầu gửi vải, thuốc, đậu Saint Ignace, sâm, bột mì, trà vì trà tốt ở Bắc Hà rất đắt] [tr. 1849]. Sứ thần Anh quốc đã tới kinh đô Tiếm vương Nam Hà với 3, 4 chiếc tàu Âu châu, khiến quân

đội vương quốc báo động và chuẩn bị sẵn sàng, tưởng rằng quân đội Doù Nai hay Nam Hà đến đánh nhưng hóa ra không phải. Chiếc thuyền nhỏ chở ông Girard từ Macao đến nơi các ông ngụ cũng tới đây nhưng bị các quan tìm cách chiếm bắt. Có lẽ sự xuất hiện của vị Sứ Thần đã cứu thoát thuyền này vì vị Sứ Thần cho đòi chiếc thuyền ấy, viện cớ rằng ông không biết đường đi Bắc Kinh, cần thuyền đó dẫn đường.



TẬP COCHINCHINE 745 :

Bài hịch* của Quang Trung, vua Bắc Hà và Nam Hà ; gửi cho các quan quân và dân các trấn Quảng Ngãi và Qui Nhơn [tr. 1457-58].

Các người, dù lớn hay bé, từ 20 năm nay, không ngừng sống nhờ ân huệ của ta và anh em ta. Suốt trong thời gian đó quả thật, nếu ta đã gặt hái được nhiều chiến công tại Bắc cũng như Nam, ta cũng công nhận rằng đó là nhờ lòng trung thành của dân hai xứ này. Chính tại nơi đây, ta đã tuyển mộ được binh sĩ quả cảm và quan lại tài giỏi cho Triều Đình. Nơi nào có ta mang quân đến, nơi đó quân thù bị đánh tan tành. Nơi nào có ta mang quân đến chinh phạt, nơi đó quân Xiêm La và quân Trung Hoa đã man bị ta khắc phục. Còn về cái lũ tàn tích thối nát của triều đình cũ, thử hỏi từ 30 năm nay, bọn chúng đã làm gì chưa ? Trong 100 trận đánh với ta, quân chúng đều bị tán loạn và tướng chúng đều bị chém gết. Xứ Gia định tràn đầy xương máu chúng. Những gì ta nói đây các người

* « Manifeste de Quang Trung »... đã đăng tải ở « Nouvelles Lettres Edifiantes des Missions de la Chine et de l'Indes » Orientales, Paris, A. Leclerc, 1818, pp 215-228 — « La Bissachère, Relation sur le Tonkin et la Cochinchine (1807), Ed. par Ch. Maybon, Paris Champion, 1920 ».

đều đã chứng kiến. Hay nếu các người không thấy tận mắt thì ít nhất các người cũng được nghe tận tai. Việc gì phải đếm xia đến tên Chung khốn nạn đã trốn tránh tại các vương quốc Âu Châu để tiện đó? Còn về lũ dân Gia Định nhát gan nay lại dám nổi dậy và mộ lính, tại sao các người sợ chúng thế? Tại sao các người lại đột nhiên kinh hãi như vậy vì lẽ gì. Quân thủy bộ chúng đã đến chiếm được hải cảng ta khi các người không ngờ tới, Hoàng Đế (Thái Đức), đã gửi thư nói rõ lý do, và ta cũng nhận thấy rằng các quan chức, binh lính và tất cả các người tại hai xứ đã không có can đảm chiến đấu, và chính tại lẽ đó hơn là tại tài năng của chúng mà chúng đã chiếm được những nơi hiện ở trong tay chúng. Lục quân của các người đã chạy trốn một nơi và hải quân các người ở neo. Nay, thừa lệnh của Hoàng đế anh ta đích thân chuẩn bị một đạo quân mạnh mẽ gồm cả thủy lẫn bộ, và ta sẽ đánh tan kẻ thù của ta dễ như ta vò nát một miếng gỗ khô hay mục nát. Còn về tất cả các người, chớ có trọng thị lũ địch đó! Chớ sợ hãi chúng! Hãy mở tai mắt vào đề nghe và xem ta sắp làm gì! Các người sẽ thấy các trấn Bình Khang và Nha Trang chỉ chắt đây xác quân Gia Định, trấn Phú Yên vốn xưa nay là trung tâm chiến tranh và các trấn từ Bình Thuận đến Cao Miên, rồi trở lại vào tay ta cùng một lúc, để các người thấy rõ rằng chúng ta là anh em thực sự, không khi nào quân chúng ta cùng một giòng máu. Ta kêu gọi các người, lớn cũng như bé, phải ủng hộ và trung thành với Hoàng gia, trong khi chờ đợi quân đội ta quét sạch Gia Định và thiết lập uy quyền ta tại đó. Tên của hai xứ này sẽ vĩnh viễn lưu danh với sử xanh. Chớ có nhẹ dạ [tr 1458] mà tin lời người Âu Châu. Giống người này làm sao có tài cán gì? Chúng có mắt râu xanh, và các người chỉ nên coi chúng như những xác chết từ biển miền Bắc trôi dạt vào nước ta. Chúng có tới kể chuyện về tàu vỏ bằng đồng và khinh khí cầu thì cũng có gì phi thường đâu? Các thôn xóm làng ở dọc theo đường xá của hai xứ này phải chăm nom bắc cầu để giúp quân đội ta vượt lới. Ngay

khi lệnh này tới tay các người, các người phải hết sức tuân hành. Khâm thử.

Ngày thứ 10 tháng 7 (âm lịch) năm Quang Trung thứ 5
[1792].



CHÚ THÍCH

Chú ý: Các phần ở giữa hai dấu móc [...] hoặc do Dịch giả chú thích hoặc tóm tắt một đoạn văn dài ở nguyên văn, cốt lược lấy những ý quan trọng.

(1) Le Roy (Jean François): Giáo sĩ sinh trưởng ở địa phận Besançon nước Pháp. Nhận lãnh nhiệm vụ đi truyền đạo từ ngày 8-10-1780 và sống ở Bắc Hà khoảng 24 năm. Ông mất ngày 20-8-1825.

(2) Blandin (Pierre-Antoine): Giáo sĩ, sinh trưởng tại Amiens; lên đường đi truyền giáo ngày 7-12-1778. Trước khi sang Bắc Hà, ông bị bắt giữ mấy tháng ở Quảng Đông. Năm 1785, ông làm đại biểu cho Hội Truyền Giáo Bắc Hà ở Chứng viện Ba lê.

Thời Cách mạng Pháp, ông phải trốn qua Anh và mất ở Luân Đôn ngày 22-6-1801.

(3) Coung Chính hay Coũ Chính: Cống Chính viết theo chữ quốc ngữ thời sơ khai.

(4) Các giáo sĩ có một thành kiến không tốt với Tây Sơn, qui mọi tội lỗi chiến tranh cho Tây Sơn.

Họ thường dùng tiếng phản loạn (rebelles) để chỉ quân Tây Sơn, và tiếng Tiếm vương (usurpateur) hay bạo chúa (Tyran) để gọi Quang Trung hay Nguyễn Nhạc... Còn Nguyễn Ánh thì được gọi là ông hoàng hay ông vua chính thống (le prince, le roy légitime).

(5) Chiêu Thoung, Chiêu Thôu : vua Chiêu Thống.

(6) Vạn Lăng : Vạn Sàng ? 1 làng giáp ranh tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình

(7) Bức thư của một giáo dân Việt Nam không biết gửi cho ai vì không tên người nhận.

(8) Eyo (Pierre) — [1762-1827] : Giáo sĩ sang Bắc Hà năm 1787 ở Nghệ An rồi tới ở Chung viện Phúc Nhạc, huyện Yên Khánh, Ninh Bình

(9) Kẻ Vĩnh : một thị trấn thuộc tỉnh Ninh Bình.

(10) La Mothe (Charles) [1751-1816] : Giáo sĩ sang Bắc Hà năm 1782 tới năm 1793, ông làm phụ tá cho Giám mục Longer ở địa phận Kẻ Vĩnh (Nam Định).

(11) Sérard (Philippe [1738-1804] : Giáo sĩ sang Bắc Hà truyền đạo năm 1762 ở Kẻ Vĩnh (Nam Định), cho tới khi ông mất (ngày 2-10-1804).

(14) Huyện Gia Viễn nay thuộc về tỉnh Ninh Bình.

(15) « Khí Dịch » : người văn chữ quốc ngữ, có lẽ là quân dịch ?

(16) Nguyễn Quang Thủy là con cả ? Theo các sách sử, ta biết có Nguyễn Quan Thủy được Quang Trung cử coi việc cai trị ở ngoài Bắc.

(17) Thanh Liêm : một huyện thuộc trấn Sơn Nam Thượng (thời Tây Sơn). Tới thời Tự Đức thứ 5 sát nhập vào huyện Bình Lục. Nay thuộc tỉnh Hà Nam.

(18) Hiên : Hiên Nam : Trấn lỵ Sơn Nam Thượng, ở huyện Kim Bảng. Nay là Châu Cầu (Hà Nam).

(19) Sở Kiện : 1 làng ở huyện Kim Bảng (Hà Nam).

(20) Kẻ Sở : 1 làng ở Trấn Sơn Nam Hạ (Nam Định).

(21) Xứ Đoài : Trấn Sơn Tây.

(22) Descourvières (Jean Jacques) : Giáo sĩ, sinh trưởng tại Besançon. Thoạt đầu, ông đến truyền giáo ở Phi Châu. Năm 1776, ông sang

Macao Sau đó, ông bị nhà cầm quyền Quảng Đông buộc rời khỏi Macao. Ông làm đại diện cho Giáo Hội Xiêm La ở Paris. Ông mất ở La Mã ngày 6-8-1804.

(23) Longer (Jacques, Benjamin) : Giáo sĩ, sinh trưởng tại Rouen. Ông đến truyền giáo tại Nam Hà ngày 4-12-1775. Ngay khi tới đây, ông bị bọn cướp bắt và bị trọng thương, ông bị quan Bắc Hà (Trịnh) bắt giữ hai lần. Năm 1790, ông được tấn phong chức Giám mục và cai quản địa phận miền Tây Bắc Hà (Tonkin occidental). Ông mất ngày 8-2-1831, hưởng thọ 80 tuổi.

(24) Đức Champenois (Nicolas) — [1734-1810]. Ông sang Pondichéry năm 1777. Năm 1783 ông được tấn phong làm Giám mục.

(25) Kẻ Seo : 1 làng thuộc Bắc Bô Chính (Quảng Bình) ?

(26) Girard (François-Joseph) [17 ? - 1812] : Giáo sĩ, sang truyền đạo tại Nam Hà từ năm 1785.

(27) Boiret (Denis) [1734-1813]. Năm 1761, ông sang truyền giáo ở Xiêm La. Tới năm 1765, ông đến Nam Hà truyền đạo. Năm 1771 ông sang La Mã và năm 1778, ông làm Giám đốc Chung viện.

(28) Tả Cung Hoàng Hậu họ Phạm, sinh ra Quang Toản ?

(29) Đức Vêren : Đức Giám mục Labartette (Jean) [1744-1823]. Năm 1773, ông tới Nam Hà truyền đạo tại Dinh Cát, thuộc xã Ái Tử, huyện Đăng Xương (Quảng Trị). Năm 1784, ông được tấn phong Giám mục.

(30) Cân (livre) : 1 livre là 489,5g.

(31) Tournon (Tourane) : Đà Nẵng.

(32) Xứ Chàm : dinh Quảng Nam.

(33) Langlois (Charles-François) [1767-1851]. Năm 1792, ông sang Bắc Hà ở Thanh Hóa. Năm 1805, ông làm đại diện cho Giáo Hội Bắc Hà, khu phía Tây (Tonkin Occidental) tại Paris.

(34) Chaumont (Denis) [1752-1819] : Giáo sĩ, sang Macao năm 1766. Năm 1784, ông về Ba Lê và năm 1814, ông làm Giám đốc Chung viện tại đây.

(35) Mesnard : Chắc các cô này là bì con với giáo sĩ La Mothe, là những người đã gặp Hoàng tử Cảnh tại Lorient, khi Hoàng tử sang Pháp với Giám mục Bá Đa Lộc.

(36) Hoàng tử Cảnh.

(37) Hoàng tử Cảnh đã theo đạo Công giáo.

(38) Ling Hoàng Lý : 1 làng thuộc huyện Kê Bèo ?

(39) Bissachère (Le Monnier de, Jean Jacques) [1764-1830] : Giáo sĩ sang Bắc Hà năm 1789, ở huyện Kê Bèo. Tới năm 1806, ông trở về Âu Châu. Tác giả quyển : Relation sur le Tonkin et la Cochinchine (1807).

(40) Làng Đò : 1 làng thuộc Trấn Sơn Nam Hạ.

(41) Guérard (Jean Jacques) [1761-1823]. Năm 1789, Giáo sĩ tới miền Tây Bắc Hà (Tonkin Occidental) Năm 1804, ông làm Cha chính địa phận. Năm 1816, ông làm Phó Giám mục, phụ tá cho Đức Cha Longer.

(42) Lapavée ?

(43) Tessier (René Jacques) [1758-1816]. Năm 1789, Giáo sĩ tới giáo khu phía Tây Bắc Hà (Tonkin Occidental) truyền đạo. Ông ở Thanh Hóa từ năm 1792 tới năm 1796. Năm 1796, ông ở Chứng viện Kê Vinh (Nam Định). Tới năm 1804, ông vào Nghệ An.

(44) Kê Blầu : Kê Trầu ở Nghệ An.

(45) Thiebaud hay Thiebaut (Antoine) [? - 1790]. Năm 1765, Giáo sĩ tới giáo khu phía Tây Bắc Hà (Tonkin Occidental). Năm 1771, ông làm Cha Bề trên Chứng viện ở Kê Vinh (Nam Định). Năm 1779, ông vào khu phía Nam và mất ở Kê Trầu (Nghệ An).

(46) Dienne (Vital-Gabriel de) [1751-1788]. Năm 1787, Giáo sĩ sang Bắc Hà. Rồi bị bệnh mất ở Hà Đông,

(47) Nunsius Orta hay Nuntius Orta : Giáo sĩ người Bồ Đào Nha.

(48) Lữ Đãng : một làng ở Bắc Bộ Chính (Quảng Bình).

(49) Thước (coudée) hay 1 sải tay : 1 thước ba gang khoảng 5 tấc Tây ; phân (pouce) : phân đo đời xưa : thốn : 1 thốn khoảng 2cm7.

(50) Làng Đoài : 1 làng thuộc Trấn Sơn Nam Hạ.



Bắc Hành Tùng Kí

(Tiếp theo trang 32)

châu, hẹn ngày qua Ngô-châu ra mắt tổng-đốc Phúc Khang-An. Vì vậy, vui mừng mà làm » Quả vậy, bấy giờ bọn Quính đầy ào-vọng. Lời thơ có : « Quan sơn vạn dặm từ khi giòng-ruổi. Chớ lấy làm lạ rằng thời đổi thì việc cũng khác. Kì, kì khó mà buộc mãi ở cây liễu ; Pourong loàng sớm đến lúc đậu cành ngô (ngụ ý đến Ngô-châu). Nếu tâm thành quả được soi thấu, thì nghìn việc lo cuối cùng cũng có thể bày tỏ hết. Thời may đã tới, cơ hội đã được nũa. Thế cũng hay Trời có đợi ở ta »

Bạn đồng-hành của Quính là *Trịnh Hiến* còn để lại bài thơ bát-cú để *Từ khánh-viên đi Quế-lâm tạm trú dọc đường*, lời thơ có : « Khi chừ đến Liễu-châu, dạ bồn-chồn ; thoát đến Liễu-châu ta rất đổi mừng. Đốt cây tùng trải sương rét vẫn cứng như chí ta ; Quế-lâm sẽ hẹn ngày gặp vua ta (Chiêu-thống bị đem ở Quế-lâm, tính-thành Quảng-tây). Chông giữ rường lớn có thân liễu rườm rà, cúi ban ơn lạ cơ hoa liễu tơ dai dủ. Gió thổi bên cành liễu biết ta đặc ý ; Trăng lên trên cây ngô lại thấy sáng trở lại. » Liễu trở Liễu-châu, ngô trở Ngô-châu. Xem vậy thơ này làm ở Liễu-châu trong lúc đi Ngô-châu chứ không phải khi rời Ngô-châu đi Quế-lâm như đầu-đề có thể làm hiểu lầm.

Trịnh Hiến lại còn có một bài *Đường-luật* nữa đề *Từ Quế-lâm lại đi Quảng-đông*, tả cảnh một cách thích-thú, tuy rằng đã bị thất-vọng cay đắng nhiều phen. Đối với thời-cuộc thì bản-nhiên nhận-nhục, khác hẳn Quính. Lời thơ có : « Trải qua thành tỉnh Quảng-tây lại đến tỉnh-thành Quảng-đông ; thuyền và xe nối đuôi nhau từng từng lớp lớp. Núi lạ sông đẹp khó tả hết ; trăng trong gió mát hừng vò cùng, Thế-sự cuộc cờ khó chuyển-dịch ; Nhân-tình thì phó cho chén rượu lạt rồi nồng. Dao-đầu mới biết máy trời là xảo : trở đi trở lại, khi bằng khi nổi xảy ra trước mắt ta. »]

Năm Canh-tuất, Càn-long thứ 55 (1790), tháng giêng, nghe tin vua ta, nguyên ở Quế-lâm, được mệnh lên Yên-kinh (HLN TC cũng chép như vậy). Bọn Quính thì theo đường Quảng-đông (cũng) bị giải về Kinh (đường bề chăng? không đâu có dấu vết hành-trình này; nhưng có lẽ cũng đường bộ, nhưng đường sứ Phùng Khắc-Khoan đi, xem *Sử-Địa* số 6).

Tháng 3, đến *Duyễn-châu*. Nghe tin xa-giá (vua Thanh) đi đông-tuần, (bọn Quính) đến hành-cung *An-thái*, đề quan Trung-đường (coi bộ Hình) tra hỏi. Ngày mồng 4, thấy vua (Càn-long) dụ rằng: «Chúng bay không vì sự thịnh suy mà tiến thoái, khá khen lòng thành giữ trung nghĩa. Trẫm không nở khép tội lỗi.»

Lại được quan lớn *quân-cơ* (coi việc binh) dạy rằng: «Chúng anh tiến thì không được làm như Bao Tử, lùi thì bị Tây-sơn sẽ làm hại. Rất đáng thương. Hãy nên lên Kinh, đợi hồi loạn sẽ biện-lí.»

[Phụ-chú: Về việc này, HLNTC, hồi thứ 19, chép rằng: «Tình-cờ vua Thanh nhân cuộc tuần-du, gặp bọn Lê Quính ở tỉnh Quảng-đông (theo bản dịch của Ngô Tất-Tổ, đây muốn nói Sơn-đông) liền cho đòi vào ra mắt và dụ rằng: «Chủ bay đã xin ở lại Trung-quốc, lũ bay giốc lòng cùng theo, thì nên gọt tóc đổi đồ mặc, để đợi có khi cất nhắc.»

«Bọn Quính cùng tâu: «Tiểu-thần ở nơi xa cách muôn dặm, theo chúa chạy trốn sang đây, xin cho được dùng quốc tục ra mắt quốc-vương, rồi sau sẽ xin phụ g chi».

Vua Thanh khen ngợi hồi lâu, rồi cho cả bọn theo lên Yên-kinh.»

Quả-nhiên HLNTC chép chuyện một cách gián-tiếp cho nên nhiều chi-tiết chắc không tường. Như nói vua Thanh «cho cả bọn theo lên Yên-kinh», thì lắm, vì tác-giả đoạn này tưởng bọn

Quính gặp Càn-long khi vua đi đông-tuần trở về. Còn những lời đối đáp giữa Càn-long với bọn Quính thì tuy khác lời Quính chép lại, nhưng chưa chắc đã là lời bịa, vì không mang sự gì trái lý lắm. Ngược lại, ta phải lấy làm lạ rằng trong cuộc yết-kiến (hắc không được gặp vua như HLNTC kể) các đại-thần, Quính không lẽ không làm tờ trình bẩm gì, và người Thanh không lẽ không ai nhắc đến việc cắt tóc cải trang. Nhưng vì cớ gì Quính không ghi lại lời đáp nào cả? Hoặc là cuộc gặp này rất chóng-váng đột-ngột và qua-loa mà thôi? Trong đoạn này HLNTC trái với các đoạn trên đều chép đều hay cho Quính không lẽ đã bịa. Phê-m xét sử-sách, thật khó đoán sự thật hư trong tiểu-tiết]

(Còn tiếp)



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

CÔNG-TY THỦY - TINH VIỆT-NAM

Công-Ty nặc danh vốn 170.000.000 \$ VN

CHUYÊN SẢN XUẤT VE, LỘ ĐỦ LOẠI VỚI KỸ THUẬT
VÀ MÁY MÓC TỐI TÂN NHẤT VIỆT-NAM.

TỐT VÀ RẺ HƠN SẢN PHẨM NGOẠI QUỐC

— Trụ-Sở Chánh : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI

SAIGON — Đ. T. : 93.149

— Trụ-Sở Thương-Mãi : 16-18, Hai Bà Trưng (Lầu I) — SAIGON

Đ. T. : 25.198

— Nhà Máy : 76, Tôn-Thất-Thuyết — KHÁNH-HỘI

SAIGON

Đ. T. : 93.149

Chung quanh cuộc chiến thắng tôn sīnghị của vua quang trung ngày tết năm kỷ dậu

■ PHAN KHOANG

những tướng tá nào của tôn sīnghị đã bị giết chết hoặc bị rút xuống sông chết vì cầu gãy ? số quân của sīnghị chạy thoát về được nam quan là bao nhiêu ? vua quang trung đã trao trả bao nhiêu tù-binh để xin thần phục nhà thanh ?

Xem trong sách Đại Thanh Cao-tông Thuần Hoàng-đế Thực-lực, năm Kỷ dậu, chúng ta được biết danh tánh và các số mục ấy. Các đoạn thực-lực này còn cho chúng ta thấy ý-kiến và thái-độ của vua Càn long đối với vấn-đề An nam, sau khi thất trận. Chúng tôi xin lược dịch các đoạn ấy sau đây để giúp thêm tài-liệu tham khảo cho các bạn đọc muốn tìm hiểu rõ cuộc chiến thắng này :



Năm Kỷ-dậu, Càn-long năm thứ 54, tháng giêng, ngày đīnh-sửu, vua dụ các đại thần Quân-cơ : « Đại binh tiến sang tiêu trừ ở An-nam, nhiều lần thắng trận, đã thu phục kinh-thành nhà Lê, và sắc phong Lê Duy Kỳ làm quốc-vương. Ở Đại Kinh-lược điều khiển quan binh tỉnh Vân-nam cũng do đường Tuyên-quang

đến kinh-thành nhà Lê, cùng Tôn sĩ Nghị hội họp và cùng thu phục thành này. Như vậy, sự thề bảo tồn nước đã mất (của thiên-triều) đã hoàn thiện, và có thể triệt binh Đã nhiều lần xuống chiếu bảo Tôn sĩ Nghị chuẩn lượng tình hình, sớm triệt binh về. Nay tồ tẩu của Ô Kinh-lược nói Tôn sĩ Nghị còn phải tiến quân, xem xét tình hình, v.v..; vậy hoặc vì Ô Kinh-lược tìm cách vờ Nguyễn Huệ đến, cho nên Tôn sĩ Nghị mới có cái thể muốn tiến quân. Nhưng từ kinh-thành nhà Lê trở vào Nam, đường sá hiểm trở, xa xôi, việc vận lương khó khăn; việc gọi lương trong nước sang và việc tiếp tục gọi quan binh đến, vì có lời tẩu (thâu phục Lê-thành) của Sĩ Nghị nên đã đình chỉ. Tồ tẩu gần đây của Sĩ Nghị cũng không thấy nói đến vấn đề này. Nay nếu cho quân tiến lên đề đợi Sĩ Nghị ra hàng thì không khỏi kéo dài ngày tháng, lương thực cần dùng e khó tiếp tế... Nay truyền dụ Sĩ Nghị... nếu khi chỉ này chưa đến, quả có tin Nguyễn Huệ ra đầu thì tốt, nếu không thì Sĩ Nghị phải tuân các chỉ dụ trước, gấp gấp triệt binh, và nói với Ô Kinh-lược cũng phải triệt binh ngay, chớ vì sách lược chiêu hàng mà đem đại-binh đóng lâu ở nước ấy, để quân-lương thiếu thốn. »

Thánh giêng, ngày Nhâm-ngọ, Lưỡng Quảng Tổng-đốc Tôn sĩ Nghị tâu : « Kinh-thành nhà Lê đã thu phục ; đất ở phía nam giáp với đất Nguyễn Huệ, ngày mồng 2 tháng giêng năm nay, cứ như lời cáo tri của Lê Duy Kỳ, quan quân mà quốc vương nước ấy phải ra phòng thủ đều bị giặc đánh đuổi. Quan binh của bọn thần phái ra dẹp giặc trước kia liên tiếp đánh bại giặc, thế mà Lê Duy Kỳ nghe Nguyễn Huệ thân đến, tìm mật đều xé rách, tay bồng con bé, theo mẹ trốn qua sông Phú-lương, dân chúng hoảng sợ, bảo nhau đi trốn, thần cùng Đề-đốc Hứa Thế Hanh đốc suất quân binh, quyết một phen huyết chiến, nhưng giặc quá đông, đem đại binh vây kín bốn mặt, thần cùng Hứa Đề-đốc không gặp mặt nhau được, thần phá vòng vây mà ra, đến cầu nổi, sai Tổng-binh Lý Hóa Long qua sông để chiếm đóng ở bờ phía bắc, chẳng ngờ Hóa Long đi đến giữa cầu, sảy chân rơi xuống nước. Thần sai Phó-tướng

là bọn Khánh Thành, quay lại bắn súng điều-thương, đem binh từ từ do cầu nôi đề qua bắc-ngạn, đi đến sông Thị-cầu đóng lại; mặt khác thần sai người đi đến Lạng-sơn, Nam-quan xem mẹ con Lê Duy Kỳ, bảo vào cửa quan tạm trú. Thần lãnh gánh nặng, không sớm thành công, lần này lại bị giặc triệt trở, khuấy rối, xin được cách chức và trị tội, đề răn kẻ điều-độ sai phép.” Vua dụ các đại-thần Quân-cơ : “ Trước kia, Trẫm đã cho là Lê Duy Kỳ yếu ớt, không có khả-năng, không chấn tác gì được, xem thế thì lòng trời đã chán nhà Lê, không thể bảo hộ, mà dân tình An-nam lại phản phục, khó tin, nên đã nhiều lần xuống dụ bảo Tôn sĩ Nghị gấp triệt binh. Nếu Nghị vâng theo chỉ trước mà triệt binh thì nay quân binh đã đến cửa quan rồi. Nay Nguyễn Huệ dám tiến quân ra khuấy rối, là vì Sĩ Nghị mong Nguyễn Huệ hối lỗi, ra đầu. đề được hoàn toàn tốt đẹp, làm kéo dài ngày tháng nên mới đến như vậy. Hiện đã đến mùa xuân, nước ấy thường có mưa và chướng khí, nếu muốn cử đại binh sang cũng không phải lúc, huống chi binh Quảng-đông, Quảng-tây sắp điều động đến đã đình chỉ rồi, nếu lại xuống hịch gọi binh, chẳng những không kịp, mà làm cho người nghe phải kinh hãi, vậy triệt binh để hiện toàn quốc-thê là việc trọng yếu, Tôn Sĩ Nghị là người tổng thống quân dinh, không thể làm việc mạo hiểm được. , thứ đến Hứa Thế Hanh là một Đề-đốc đại viên giữ chức khần yếu, hiện không có tin tức, thực lấy làm lo ; hai viên ấy phải gia ý, thận trọng suất lĩnh quan binh, gấp đến cửa quan. Nay theo lời tâu của Tổng Vinh Thanh thì Lê Duy Kỳ, ngày 7 tháng giêng, đã vào cửa quan, tạm đưa đến ở Nam-ninh. Từ trước, trong việc hành quân, không phải lúc nào cũng thuận lợi, như đánh hai lộ ở Tân-cương và xứ Kim-xuyên, cũng đều gặp tòa chiết nhỏ rồi sau mới thành công. Lần này, Tôn Sĩ Nghị đem binh sang An-nam đánh giặc, thành công rất dễ, nay gặp tòa chiết này, biết đâu không phải Nguyễn Huệ tự tìm sự di diệt. Vậy Tôn Sĩ Nghị Hứa Thế Hanh phải lãnh đại binh triệt thối hoàn toàn, đừng để tổn thương quốc-thê, sau nay việc đánh hay không đánh tự ta thao túng, từ từ mà chước định....”

Ngày Quý-mùi, vua dụ rằng: «Sĩ Nghị tâu: «.. Tôn sĩ Nghị vì Lê Duy Kỳ đã bỏ trốn trước, kinh-thành nhà Lê không đóng lâu được, nên triệt binh, đem đến Thị-cầu giang, chiếm bắc-ngạn, đề đợi đại binh đến. Tổng-binh Lý Hóa Long đến giữa cầu xây chân té xuống nước chết, cầu nổi gãy. Đề đốc Hứa Thế Hanh, Tổng-binh Trương Triều Long, Thượng Duy Thăng, Thiêm-tướng Dương Hưng Long, Vương Tuyên, Anh Lâm, Du-kích Minh Trụ, ở phía nam Thị-cầu-giang, đuổi giết giặc, chưa kịp qua cầu, lúc ấy không có tin tức, hiện đã chết rồi. (Số quan binh Tôn sĩ Nghị đem đến kinh thành nhà Lê là 8.700 người, không kể đạo binh Vân-nam và đạo binh của Sầm Nghi Đống). Nay tra lại số binh trở về cửa quan (binh của đạo Tôn sĩ Nghị) là 3 ngàn mấy trăm, còn một số đương lục-tục kéo về, sẽ tra kỹ, tâu sau.» Khi Sĩ Nghị thâu phục Lê-thành, đã phong tước Công và thưởng chớp mào bằng đá quý màu đỏ, và phong Hứa Thế Hanh tước Tử. Đã khiến triệt binh mà dần dà hơn tháng, nên giặc thừa gián phục phát, và Sĩ Nghị mong Huệ ra đầu, hoặc bị người bắt trời đem đến, thực không khỏi có ý tham công, vì đó sanh ra biến này... Nguyễn Huệ đã trốn về, lại đem binh trở lại Lê thành cướp đánh, không phải một sớm một chiều mà cù tập được, và ở trong vị tất không do đảng giặc ở gần Lê-thành phản trắc, thấy giặc đến theo mà phụ họa, nên mới tụ hợp được đông. Sĩ Nghị ở đó không lưu tâm trình sát đề dự bị bố trí, đề giặc đến mới đối phó, cầu lại gãy, làm tổn hại quân binh, ấy là do Sĩ Nghị sau khi thành công, không khỏi có lòng tự mãn, nên mới bị thua như vậy,... làm mất một quan lớn là viên Đề-trấn, như vậy không chỉ không thể phong thưởng, mà nếu đề làm Tổng đốc Lương Quảng thì uy vọng đã tổn thương, không thể đàn áp được hải cương. Trăm đối với công-thần, công và lỗi không khi nào không cân nhắc. Trong việc thâu phục Lê-thành biện lý thỏa đáng và mau chóng, đáng được thưởng (tuy y đã từ chối). Nhưng nay vì sự sai thất này thì tước Công phong cho và mào ban cho trước kia đều thu lại, và bảo đến Kinh đợi dùng vào chức khác. Chức Lương Quảng Tổng-dốc khuyết, bổ Phước Khương An thay thế, Khương An

nhận được chỉ này, phải đến Trấn-nam quan làm việc Trong khi Khương An chưa đến, cho Sĩ Nghị tạm giữ chức ấy, đóng ở Trấn-nam quan, đợi Khương An đến, giao lại. Còn tước Tử phong cho Hứa Thế Hanh, tuy được thưởng một lúc với Tôn sĩ Nghị, nhưng Đê đốc này đã mất, xét cũng đáng thương ; và việc triệt binh là phải theo sự điều độ của Sĩ Nghị, Hứa Thế Hanh không can thiệp gì, tước Tử ấy nên gia ân cho con Thế Hanh được thừa tập Tổng-binh Thượng Duy Thắng, Trương Triều Long, Thiêm-tướng Dương Hưng Long, Vương Tuyên, Anh Lâm, Du kích Minh Quế, vì cầu gãy không qua sông được, giết giặc chết tại trận, cũng nên ưu đãi, kiến nghị cấp tuất ; Tổng-binh Lý Hóa Long vì sảy chân rớt xuống sông chết, cũng chết vì việc nhà vua, nên liệt vào hạng trận vong mà cấp tuất. Còn các quan binh chưa về, giao cho Tổng-dốc ấy điều tra rõ ràng, tư về Bộ, theo lệ mà thưởng, tuất.... Nguyễn Huệ là một tù trưởng ở An-nam, đuổi chủ, làm loạn cương thường, bị thiên binh đánh thua nhiều trận, trở lại củ hợp quân chúng, lén khuấy nhiễu, làm tổn thương đến quan binh, thực là tội ác lớn lao. Hiện nay đương mùa xuân, xứ ấy là nơi lam chướng, chưa tiện sai quân vào sâu để hỏi tội, vậy sai các Đốc, Vũ ở dọc biên-thùy phải thao diễn hiền-binh, sao cho lượng huớng, tinh binh đầy đủ, đợi điều khiển để đánh giặc. »

Ngày Ất-dậu, vua dụ các đại-thần Quân-cơ : « Bọn Sầm Nghị Đồng đem đến 2.000 thổ-binh, có về cửa quan hết không, Sĩ Nghị phải điều tra kỹ rồi tâu lên. »

Ngày Đinh-hợi, vua dụ : Sĩ Nghị tâu.... hiện đã tra cứu thì số quan binh trở về cửa quan có 5 nghìn mấy trăm, nghe nói còn nhiều người lỵ tục theo sau ; còn trong số quan binh chưa về, ngoài các viên đã báo trước kia, còn có 7 viên trận vong nữa là Phó-tướng Hình-Đôn Hành, Du kích Trương Thuần, Vương Đàm, Trương Hội Nguyên, Lưu Việ, Đô-ty Đặng Vinh Lượng, Thủ-bị Lê Trí Minh, và có 2 viên nữa là Tri-huyện Viên Thiên Quỳ, Phủ Kinh-lịch Trương Thái hình như cũng đã bị hại. » (Tất cả những người trận vong đều được thờ ở Chiêu-trung-từ).

Tháng 2, vua dụ: « Nay đương lúc quốc-gia toàn thịnh, giặc Hồi, Chuẩn cát-nhi v...v.. đều đã lần lượt bình định, hưởng An-nam là một cõi đất bé nhỏ ở một góc trời, việc đảng binh, quét sạch sào huyệt, bắt bọn đầu sỏ không khó gì. Nhưng trăm nghĩ đấ: này lam chướng, thủy thổ ác liệt, giống như Miến-diện, bắt tất thiên-triều phải hao phí tiền lương binh mã ở chốn viêm hoang ấy; vả, nếu thu được đất đai lại phải đặt binh phòng thủ, mà dân An-nam tính phản phục, đời trước đã lấy đất, đặt làm quận, huyện, nhưng chẳng bao lâu lại sanh biến-cổ, xe trước đã đổ, xe sau nên xem gương, nên Trần đã nghĩ kỹ, thực việc An-nam không đáng biện lý nữa, và đã chỉ dụ cho Phước Khương An rồi. Khương An vừa bình định được giặc ở Đoài-loan, thanh uy vang dậy, nay đến đó, chỉnh đốn mọi việc, Nguyễn Huệ nghe ắt sợ, vậy bây giờ không chi bằng mở một đường lối khoan dung, để nó chịu đầu, không phiền đến binh-lực mà có thể xong việc. Vừa rồi, cứ theo lời tâu của Sĩ Nghị thì Nguyễn Huệ sai người đến dâng biểu nguyện xin đầu hàng. nặc công, Sĩ Nghị nói rằng chưa giao trả các quan binh còn ở An-nam, nên rút trả tờ biểu. Trần đã chỉ dụ Khương An đưa hịch bảo Nguyễn Huệ nếu muốn xin hàng thì phải đưa các quan binh về, và bắt người đã giết quan Đề-trấn trở lại dâng lên để thay dâng tờ biểu. ».

Tháng 3, vua dụ các đại-thần Quân-cơ: « Lần trước, Nguyễn Huệ có đưa về hơn 500 quan binh, và nói còn hơn 200 sẽ lục-tục đưa đến, nay lại đưa 39 binh-phu, vậy còn hơn 100 chưa đưa tới. ».

.
.

PHAN-KHOANG lược dịch



Giới thiệu Sách Bào

■ « VIỆT NAM THỜI BÀNH TRƯỚNG : TÂY SƠN »

của NGUYỄN PHƯƠNG

Trong một quan điểm chặt hẹp về truyền thống, khi mà Hà nội đã ở về một chiến tuyến khác, thì còn lại ở Miền Nam. Huế trở thành nơi thuân lợi nhất cho những tìm tòi về lịch sử Việt nam. Đại học Huế đã cho ra đời « An nam chí lược », « Hải ngoại kỷ sự »... với những hiệu đính, chú giải đầy đủ khiến người ưa thích sử - học vừa có tài liệu quan trọng làm căn cứ, vừa có những mẫu mực về phương pháp khảo sát đề hướng theo. Hoài bão tổng hợp lịch sử cũng đồng thời đến với những người có tài liệu trong tầm tay và chịu sự thôi thúc của nghề nghiệp : sau quyển « Việt nam thời khai sinh », Linh mục Nguyễn Phương, người phụ trách Phòng nghiên cứu Sử của Trường Đại học Văn khoa Huế lại cho xuất bản tiếp theo « Việt nam thời bành trướng : Tây sơn » (1).

Theo lời giới thiệu đầu sách của ông Khoa trưởng Trường Văn khoa Huế thì đây là « một sử phẩm hay » trong đó tác giả nhằm « phục hoạt thời Tây sơn cho trung thực với hình ảnh của nó ». Tác phẩm « không những là cần thiết mà còn rất hợp thời » vì theo lời ông Khoa trưởng, « vấn đề Tây sơn hiện giờ đang bị xuyên tạc nhiều bởi những người muốn dùng Tây sơn làm thần tượng của một cuộc cách mạng nông dân ».

Tập sách chia làm 6 phần tập hợp những diễn biến lịch sử

(1) Khai trí xuất bản, 1968, 400 trang, 250\$.

quanh một ý thức hữu cơ về quá trình của sự kiện Tây sơn: *Những bước đầu của anh em Tây sơn, Tây sơn củng cố địa vị ở Nam hà, Tây sơn diệt Trịnh, phủ Lê, Tây sơn giữ nước, Tây sơn trị nước, Tây sơn suy tàn*. Nhìn chung, như ông Khôa trưởng đã nói, tác phẩm của ông Nguyễn Phương có tính cách toàn bộ, được trình bày theo một quan niệm bao quát về một giai đoạn lịch sử, tránh cái khuyết điểm suy tôn cá nhân của Hoa Bằng trong «*Nguyễn Huệ anh hùng dân tộc*», mà cũng không lậm vào những diễn giải quá tổng quát hóa đến thành hiện đại hóa như của Văn Tân trong «*Cách mạng Tây sơn*» chẳng hạn. Diễn biến lịch sử được kê rõ trong chi tiết nhờ mớ tài liệu dồi dào của Quốc sử quán và dã sử để lại mà chưa ai diễn giải ra quốc văn dễ phổ biến (không nói tới những dịch bản của Miền Bắc vì ngoài tầm tay của người thường).

Có điều đáng nói khi nhìn vào thư mục là hình như những tài liệu Tây phương được sử dụng hơi ít, tuy thời kỳ này tài liệu Tây phương đã có khá nhiều (và được phổ biến hơi nhiều) khiến cho một nhà khảo sát, lúc bàn về việc viết một quyển sử Việt nam đứng đắn, đã nêu ý là nên bắt đầu bằng thời Tây sơn trước hết vì đó là thời kỳ xưa nhất có tạm đủ tài liệu nhất (1) Việc sử dụng nhiều khối tài liệu Hán Việt không phải đã không đem lại thiên lệch cho công cuộc khảo sát: bọn «*ngụy Tây*» dưới mắt sử quan nhà Nguyễn chỉ được xét theo khía cạnh phản nghịch chứ không theo khía cạnh hành động hợp lý của một tập thể vùng vẫy trong những ràng buộc của xã hội, lịch sử. Những tài liệu Tây phương sẽ mang quân bình phần nào cho sự xét đoán. Không được biết đến khả năng của các thư viện Huế, chúng ta có thể nghĩ tạm rằng ngoài ấy chắc thiếu một số các tạp chí như *Bulletin des Amis du Vieux Hue*, *Revue Indochinoise*, *Bulletin de l'Ecole d'Extrême Orient...* trong đó có trích đăng rất nhiều những tài liệu thuộc loại đó. Chắc cũng như ở Saigon những năm 62, 63 thật khó mà tìm được quyển *Thực lục Chính biên* nhất kỷ từ tập 14 đến tập 32

(1) E. Tavernier. *De la Necessite d'Ecrire l'Histoire de l'Ancien Empire d'Annam*, Saigon, Albert Portail, 1933, trang 27, 23.

Tính chất cô lập của nhà khảo cứu ở Việt Nam là sự kiện thật đáng tiếc, bởi vì trong sách ta đang đọc, chính sự eo hẹp tài liệu đã tạo ra một phần nào những đồ vỡ mầu thuẫn như ta sẽ thấy.

Nhưng cho dù là với những tài liệu xưa cũ hay với những ý tưởng tổng hợp do thời mới đem lại. nói một cách tổng quát, một quyển sử phải không làm mất tính chất riêng biệt của lịch sử, nghĩa là thuật những diễn biến ở một nơi nào nhất định, với những người nào có tên nhất định đóng vai tuồng. Riêng ở Việt Nam, sự kiện này chưa được chú trọng mấy. Ngày trước L. Arousseau từng trách Ch. Maybon là đã không để ý đến việc tìm những địa danh xác thực May bon có lẽ gặp nhiều khó khăn để theo lời Arousseau vì điếm gần cách ngôn ngữ, văn tự. Còn về phía người Việt moi móc trong sử liệu thì vì cái đáng địa-danh-dịch-thực của những chữ Hán Việt quen thuộc và vì tinh thần buông trôi cổ hủ, họ đem ghi thẳng vào sách viết và không thắc mắc thêm. Trong sách của ông Nguyễn Phương, lỗi lầm ấy vẫn có, và có nhiều lần.

Các sử gia Miền Bắc nhờ tính chất Hán hóa của các địa danh trong vùng khiến họ có thể nhận ngay ra một tên thấy trong sách với một tên ngoài đời nên cũng đỡ phần sai lạc, tuy rằng họ còn phải đối phó với vấn đề biến đổi duyên cách qua các thời đại nữa. Trái lại, nếu cứ giờ sách *Thực lục* mà kê lên tên đất Nam hà và định ninh rằng đúng thật là sai lầm vô cùng. Bởi vì người Quảng nam chẳng hạn, không biết đến tên Bản tân (trang 59), người nam Quảng Ngãi không biết Thạch tân, người Bình định ngờ ngần với Đạm thủy, Hà liêu (trang 80), Phú yên với Lâm áo, La thai, Khánh hòa với Yêh cương (trang 84), dân Nam chịu thua với các tên Chiêu sơn, Tranh giang, Tâm phụ, Giá kê (trang 101)... Họ chỉ biết đến Bến ván, Bến đá, Nước ngọt, Hà riêu, Vững lăm, La hai, Hòn khói, Châu thối, Rạch chanh, Ba giồng, Rạch giá. thôi !

Những địa điểm nhỏ bé không nói làm gì — tuy rằng một chút cố gắng đối chiếu với bản đồ có giúp người ta tìm ra ngay

— nhưng đối với những địa điểm lớn mà tác giả « Việt-nam thời bành trướng.. » vẫn lướt qua thì thật là đáng trách : Rạch giá chẳng hạn. Ví dụ nữa : Thủ đô Miền nam gọi là Sài gòn hay Sài côn (trang 94) ? Tuy Sài gòn của thời Nguyễn Ánh là một vùng của Chợ lớn bây giờ, chắc chắn người ta vẫn gọi Sài gòn từ bấy đến nay *trong tiếng nói thông thường* chứ không phải là Sài côn *như trong chữ viết*. Cảng khẩu qua giọng người Tây phương thành Cancao lại được ông Nguyễn Phương đem trở về chữ Việt là Cần cao (trang 93) (cho giống với tên Cần giọt, viết hóa của Kampot, cho giống với Cần đước, Cần giuộc?), dân Hà Tiên có chịu như vậy không ?

Xét qua nhân danh, những ghi nhận bừa bãi của sử sách xưa cũng không được ông Nguyễn Phương đề tâm sửa đổi lại. Một chút suy xét, có khi thêm một chút đối chiếu có thể cho thấy Đặng văn Chấn (trang 210), Nguyễn Trấn, Đặng văn Chân (trang 304) là một người, Nguyễn chiêu Viễn (trang 208) với Vũ văn Dũng là một, Nguyễn văn Đức (trang 229), Nguyễn hoàng (?) Đức (trang 92) với Nguyễn Huỳnh Đức có đền thờ ở Khánh hậu (Long an) cũng là một.

Từ chữ Hán chuyển qua chữ Việt, coi chừng còn có những lỗi lầm to hơn kiểu chữ-tác-thành-chữ-tộ xưa nữa : lỗi lầm có thể là của nhà in, nhưng mất một dấu, thêm một dấu, viên tướng giữ thành Qui nhơn không được gọi là Trương tấn Thúy, gọi là Trương tiến Thúy còn được, chứ viết là Trương tiền Thụy (trang 362) thì ai còn nhận ra nữa ? Gọi Trần quang Diệu là *Nguyễn* quang Diệu thì dư hết một viên trấn tướng Nghệ An ; đã giới thiệu người « gõ cửa thành » cầu hòa với Thanh là cháu Huệ, con Nhạc mà viết là Lê quang Hiền thì không biết là lỗi tại ai ; tên Quận Huy không chịu gọi là Hoàng đình Bảo mà cứ gọi *Báu* là không chú ý đến sắc thái địa phương (cũng như nếu cứ theo chữ mà hỏi thăm núi Chiêu Thái thì dân Châu Thới nào biết đâu mà chỉ ?)... Cho nên hãy cho một bản đính chính cho các tên Võ duy Nguy, Tống phúc Dàm (trang 99), Tạ danh Thủy (trang 163)..

Bước qua lãnh vực tổng hợp sử sự, người đọc sách cũng

thấy có những thắc mắc. Đứng về phương diện luận lý, dàn bài quyền sách như đã thấy qua, có tính cách chặt chẽ theo một phương diện nào đó : Tây sơn khởi nghĩa, Tây sơn tung hoành, Tây sơn sụp đổ. Nhưng sự sắp xếp này có hại cho những ý kiến bênh vực của Nguyễn Ánh mà ông Nguyễn Phương có lần đem ra tranh luận với ông Văn Tân ngoài Bắc. Chúng tôi không được may mắn đọc chính văn của ông Văn Tân, nhưng có thể hiểu tạm rằng Văn Tân đã đặt luận cứ thống nhất trên sức mạnh phá vỡ cái thế phân ly 200 năm có hơn của Tây sơn, và suy từ đó, Nguyễn Ánh chỉ có công gặt hái kết quả của Tây sơn lưu lại thôi. Chỗ yếu của Văn Tân mà cũng là chỗ vững của Nguyễn Phương là *rốt cuộc* chính Nguyễn Ánh mới nắm quyền từ Bắc chí Nam từ năm 1802. Chỉ tiếc rằng trong quyền sách của người bênh vực Nguyễn Ánh lại không có sự sắp xếp sao cho Nguyễn Ánh có một vai trò *coi được*, xứng đáng với kết quả to lớn là công trình thống nhất đất nước, biến cố được ông Nguyễn Phương cho là “độc nhất vô nhị của Việt sử” đó.

Cuộc tranh luận vẫn nằm trong vấn đề tìm ý nghĩa để định giá trị của những sự kiện xảy ra. Bởi vì, có khi sự kiện được giải thích theo một mức độ sâu xa hơn làm nổi bật những ý nghĩa ẩn tàng khiến đảo lộn bậc thang giá trị có trước. Tất nhiên, có người đã bị quyến rũ bởi những giải thích mới mẻ đến nỗi gán cho sự kiện những ý nghĩa vốn không có sẵn. Ví dụ, những người Mác xít Việt nam cổ khoác cho Tây sơn một nhãn hiệu Cách mạng Nông dân — không phải như một phong trào nông dân trong một hoàn cảnh xã hội xưa mà là một phong trào nông dân của thời kỳ nghệ, giải phóng thuộc địa.

Ông Nguyễn Phương gắng tránh điều đó. “Không chủ nghĩa, không tiền ý”, ông “cố trình bày Việt sử với tất cả ý nghĩa của nó”.

Sự thực lịch sử, theo đường lối khảo sát thông thường

được bày tỏ rõ ràng bằng cách đối chiếu các tài liệu còn lại. Sử gia đem trí óc ra suy xét, tìm lấy một giải thích hợp lý cho những chứng cứ có khi mâu thuẫn nhau. Nói như vậy có nghĩa là phải coi chừng cái lập luận có-về-vô-tư: « không chủ nghĩa, không tiền ý ». Thất bại của người muốn viết sử bằng cách đề cho tài liệu tự nói lên sự thực là ở chỗ thiếu sự cảnh giác đó. Bởi, gọi là không chủ nghĩa, nhưng sử gia vẫn có sẵn một chủ nghĩa được chấp nhận bằng giáo dục, bằng cảm tình, khuynh hướng trong đời sống của ông; không tiền ý, nhưng đã có những thiên kiến ngay trong tài liệu để lại khiến cho ông Nguyễn Phương bị lôi kéo theo mà không biết.

Ở mức độ thấp nhất của giá trị suy xét là quan niệm bói toán của tác giả về cuộc đời:

... « Họ [Tây sơn] cố tranh thủ thời gian, vì dường như linh tính đã báo trước cho họ biết rằng thời gian không để họ tồn tại lâu dài » (trang 153).

... « Hay cũng có lẽ ông [Nhạc] tiên cảm được phần nào rằng vận mệnh của cơ đồ ông đang xây dựng sẽ không thể đứng vững lâu dài, nên gì bằng được sao hay vậy » (trang 183).

... « Ông [Nguyễn Ánh] không rút quân nữa vì hình như số mệnh đã tiên báo cho ông rằng lần này, có về, sẽ là về quê cũ của cha ông » (trang 373).

Quan niệm như vậy về diễn biến lịch sử tránh sao ông Nguyễn Phương không lấy quan niệm đạo đức chính thống, Xuân Thu ra xét đoán lịch sử: Tây sơn không lập nghiệp được lâu dài vì họ đã « phá phách đủ điều, bởi đó lòng dân rất oán giận họ. Họ không còn là những kẻ cướp hiền lành của một năm về trước nữa » (trang 56). Nền ngoại giao của Tây sơn đầy tính cách « xảo trá », « lừa dối » (trang 304), có lẽ vì đã nuôi một tay phản thần của nhà Trịnh là Ngô thị Nhậm mà ông Nguyễn Phương phê bình là « suốt cả lịch sử Việt nam cũng

không có ai có tài «tráo trở, lanh lẹ và hữu hiệu cho bằng» (trang 323). Hận vì Tây sơn bỏ đạo Công giáo (?) cũng khiến ông đề hơn trang giấy in kết tội «lập trường vô đạo» của họ (trang 326-27).

Chúng ta lấy làm lạ tại sao Tây sơn bị «nhân dân chán ghét từ lúc mới nổi dậy có một năm thôi (vào thời kỳ rất cần thu phục dân tâm), mà họ còn có chiến thắng Đống đa trên vùng địch của họ, tại sao họ có đủ sức tung hoành bao nhiêu năm dài khiến cho dân chúng Bắc hà vốn thích Lê hơn cả Trịnh, càng không có lý do để ủa Tây sơn, lại không sợ họa tru di của triều Nguyễn, lại lên lút đem thờ con người đuổi Chiêu thống dưới danh nghĩa một vị Phật trong bao nhiêu năm dài, sự thực không chối cãi được đề cho ông Nguyễn Phương khen Tây sơn ở cuối sách mà không ngại tự mâu thuẫn: «Có Tây sơn, lịch sử Việt nam thêm linh động, thêm hào hứng».

Chúng ta không biết trong khi giao thiệp với nhà Thanh, Tây sơn có nên đề Quang Trung thân đi châu Càn long đề khỏi mang tiếng là lừa dối Thiên triều hay không. Chúng ta không biết khi Nguyễn Nhạc giết LM. F. de Oldemilla vì lộn với LM d'Arcet, người đã hứa cưới với ông là sẽ đem giúp chiến thuyền mà không thấy có, trong khi Bá-đa-lộc (cũng giáo sĩ) đem chiến cụ về cho Nguyễn Ánh chống lại ông, không biết hành động ấy có nên kết tội là bài đạo không. Chúng ta không biết ông Nguyễn Phương nếu làm chủ một nước trong chiến tranh có nên bó tay chịu thua rồi đi cầu viện nước ngoài đề cho tượng Phật còn nguyên, nhà thờ còn có chỗ cho người trốn binh dịch hay phải phá tượng đúc súng, phá nhà thờ bắt lính đánh giặc.

Cứ dỗi theo kiểu lý luận nhân quả thô thiển đó thì chắc Nguyễn Ánh, người có được thành công, hẳn là chưa làm gì mất lòng dân chúng hết. Ấy thế mà chính Nguyễn Ánh cũng

đã từng cho tàn sát dân chống đối, lính Ánh cũng từng giả cầm vệ binh đi ăn cướp, có Cai cơ, Cai Đội cầm đầu, dân Ánh cũng từng nổi loạn đòi giết Olivier khi xây thành Gia Định, từng chịu sách nhiễu tiền bạc, xâu thuế để đóng tàu, bắt voi, thanh toán chiến phí.. Ngày Ánh còn dang co với Tây sơn sắp thành công ở Qui nhơn thì ở Gia định, hoàng gia hầu như bị cô lập vì các cuộc nổi loạn, phá hoại đe dọa.

Những sự kiện kể trên phần lớn có ghi ở Thực lục, nhưng không được ông Nguyễn Phươg lưu ý tới. Người ta có thể nghĩ rằng tác giả «Việt Nam thời bành tươg...». đã bị ảnh hưởng bởi cái thế chống đối những người mác xít nhiều khả năng quấy đảo hơn khả năng luận thuyết — ít ra là trong lãnh vực này — nên những khi có dịp thì hấp tấp chụp lấy cơ hội chứng minh để dìm Tây sơn. Mặt khác, thời đại mới cũng mang nhiều biện chính hùng hồn cho Tây sơn mà không phải nhờ một thế lực chính trị hiện tại nào, nên gọi là đề tôn trọng sự thật, tác giả cũng khen Tây sơn cho đầy đủ mà không ngờ rằng tập sách vì đó càng hỗn loạn hơn.

Đã nói, một sử phạm không thể nào không in cái «tội» của người viết sử. Nhưng vấn đề chính cho sử gia là phải có mê ý thức cảnh giác tinh tế để trông chừng cho những suy đoán chủ quan đừng lẫn lút sự thực. Còn về phần ảnh hưởng thiên lệch do tài liệu gây ra thì nhiều tài liệu từ nhiều xuất xứ chịu đựng dưới một lẽ lối suy xét sáng suốt từ một khối óc rộng rãi kiến thức có thể làm nảy sinh những sự kiện tương đối gần với sự thực hơn. Đây chỉ là vấn đề áp dụng phương pháp luận sử học cho chắc chẽ hơn mà thôi.

Từ lâu, sử học muốn bước ra khỏi con đường nghiên cứu lịch sử chính trị, chiến tranh để xét đến lịch sử kinh tế, xã hội, văn hóa, tìm tòi những ý nghĩa ẩn tàng bên trong các tài liệu của vua chúa, chính thống để dựng lại cuộc sống toàn thể của thời đại xưa cũ. Các khoa học bàng phụ của sử học,

do đó, đòi hỏi ở sử gia Việt nam ngày nay nhiều cố gắng hơn thời cụ Nguyễn văn Tố với tờ a, tờ b.

Đề giải thích lịch sử, hình như, ý tưởng gọi từ khoa vật lý học mới về ý niệm đo lường trong lãnh vực đại-vật-lý (macrophysique) và tiểu-vật-lý (microphysique) cũng có thể đem đến cho sử gia một ít suy nghĩ về ngành chuyên môn của mình. Lịch sử, hiểu như quá khứ được trình bày lại, có chỗ cho những giao tiếp cá nhân với các phản ứng bất thường, vụn vặt. Trên một bình diện khác, rộng rãi hơn về nhân số liên can tới và thời gian dính líu sự kiện, lịch sử có thể không đếm xỉa tới những hờn giận riêng tư, phe phái để khỏi tự mâu thuẫn mà phải xét đến những phản ứng tập thể hiểu như là một yếu tố khác biệt với của cá nhân, nói một cách khác, phải xét những điều kiện chuyển biến vô ý thức của một xã hội sinh thành.

Trở về với vấn đề của ta, xét về sự nghiệp Tây-sơn, ta có dành chỗ cho sự buồn tủi của Ngọc Hân, cho tính hung hăng của anh em Tây sơn, cho cuộc đời lao đao lận đận của Lê Chiêu thống, Nguyễn phúc Ánh... Nhưng sự suy tàn của Tây sơn cũng như sự thành công của Nguyễn Ánh, quả có cái gì khác hơn những xét đoán phiến diện của một giáo sĩ địa phương, của một nho sĩ chịu quá nhiều ràng buộc với triều cũ nên không thành « phản thần » được, của một người dân tan cửa, nát nhà vì chiến cuộc... Trong những điều kiện chuyển biến, lịch sử Tây sơn còn là lịch sử một địa phương ở một giai đoạn sôi sục liên quan tới sự phát triển chuyển tiếp từ thời kỳ trọng thương qua giai đoạn tiến kỹ nghệ của thế giới..

Những trình bày trên có điểm nào dị biệt so với quan điểm của tác giả « Việt nam thời bành trướng... », cũng không phải là để quên tính cách đồi dào tài liệu của tác phẩm cùng là những cố gắng sắp xếp, giải thích mới mẻ của ông giáo sư Trường Văn khoa Huế. Và lại, chính vì địa vị này của ông mà

ta phải nói nhiều hơn với những người khác. Đã 43 năm rồi, từ ngày quyển «Việt nam sử lược» ra đời. Lịch sử không chỉ là giờ giải trí ở các lớp bậc Trung học nữa. Sử học đã đi vào Đại học với một ý thức đứng đắn về sự tìm tòi chân lý, theo những ép buộc khắc khe về phương pháp khảo sát. Trong chừng mực đó, đòi hỏi về giá trị của một sử phẩm cũng nhiều hơn trước, nhiều đủ để ngăn chặn những tự ái và thỏa mãn thông thường. Huống nữa, trong tình trạng chiến tranh khan hiếm nhân sự như hiện nay, chúng ta còn phải kỳ vọng nhiều ở tác giả là người tương đối đủ điều kiện làm việc hơn cả. Cho nên, mọi người ai cũng mong mỗi chờ đón những tác phẩm mới của ông để thấy thỏa mãn hơn.

TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG

11-68



■ « NẾP CŨ: LÀNG XÓM VIỆT NAM »*

của Toan Ánh

Chỉ trong vòng chưa tới ba năm, độc giả Việt Nam, đặc biệt là những người còn nặng lòng hoài cổ, tiếc nuối những nếp cũ, thói xưa, đã có dịp thưởng thức — tôi xin nhắc lại là thưởng thức — liên tiếp bốn tác phẩm viết về đất nước và con người Việt Nam thuần túy của nhà văn Toan Ánh. Bốn tác phẩm đều thuộc loại nặng ký :

— Nếp cũ: Con người Việt Nam, 1965

— Nếp cũ: Tín ngưỡng Việt Nam, quyển thượng 475tr., 1966

— Nếp cũ: Tín ngưỡng Việt Nam, quyển hạ 451tr., 1968

* Nam Chi Tùng Thư xuất bản. Sài-gòn, 1968, 471 trang.

— Nếp cũ: Làng xóm Việt Nam, 471tr., 1968.

Kèm theo, người ta còn phải kể thêm cuốn Người Việt... Đất Việt xuất bản năm 1968, do ông viết chung với Cửu Long Giang.

Tôi nói thường thức vì Làng Xóm Việt Nam không hẳn là một cuốn sách khảo cứu bác học, khô khan mặc dầu tác giả cũng đã kỳ công tra cứu một số tài liệu sách vở và chắc chắn đã lược loại trí nhớ của nhiều vị chức sắc lão thành. Làng Xóm Việt Nam còn là một cuốn hồi ký được viết với những rung cảm chân thành, với tình yêu quê hương nồng nàn và tha thiết của một người đã từng mở mắt chào đời, đã từng vui buồn sống ngót đời trong đó Làng Xóm Việt Nam đã được viết cùng một lúc bằng cả trái tim và khối óc. Câu mở đầu cuốn sách của Toan Ánh và rất nhiều đoạn tả tình, tả cảnh, kể chuyện .. rải rắc trong tác phẩm có thể cho ta thấy rõ tính chất này :

« Tôi sinh ra ở làng tôi. Nhỏ, tôi đi học ở làng, và tôi ở làng cho đến lớn, cho đến một ngày tôi ra tỉnh rồi tôi ra Hà-nội ». tr 7.

« Cây đa đầu làng quả thật dễ sợ hơn cây đa trên bờ giếng. Cây đa trên bờ giếng đã già, nhưng cây đa đầu làng lại còn thụ hơn. Trông to lớn vô cùng với những rễ phụ ăn hẳn xuống đất cũng đã biến thành những thân cây khác. Dưới gốc cây rễ bò lổm ngổm, khi nổi trên mặt đất, khi lừng lờ nửa chìm nửa nổi tạo nên những các hốc ăn sâu vào rễ cây, hoặc ăn sâu xuống mặt đất. Các cụ bảo rằng trong các hốc đó có ngựa ngải ở, và các cụ giải thích ngựa ngải là những cặp rắn có mào, có khi là những cặp rắn trắng toát với màu đỏ chót. Không biết các cụ có đã trông thấy ngựa ngải thật không, nhưng nghe lời các cụ tả, khi thế này, khi thế khác, và các cụ bảo : ngựa ngải có phép biến hóa, muôn hình vạn trạng ».

Cây đa đầu làng, tr. 10.

« Gặp những ngày có gió, gió rung lá đa, gió lùa vào những

cành đa rít lên như những tiếng hú, đêm khuya nghe rất ghê rợn. Rồi những lá vàng rụng xuống, lác đác lạnh lùng như tiếng thì thầm của những âm hồn đang cùng nhau to nhỏ ở các cành đa».

Bàn thờ gốc đa, tr. 11.

«Theo lời các cụ, những đêm khuya thanh vắng, có các bà các cô đánh vông trên cây, tiếng kéo-cà kéo-kẹt vang đi rất xa, lại có bà vừa đánh vông vừa ru con, tiếng hát véo von thật là thành thót. Có cụ nói rằng, áo các bà xanh đỏ lơ - mờ ần hiện những đêm sáng trăng xuống. Ai đi về đêm, bắt gặp các bà các cô đánh vông đều phải nín thở cầm đầu cầm cổ chạy cho mau. Lại có người bảo, sáng sớm, những người đi làm đồng hoặc đi chợ qua gốc đa, có khi gặp bóng hai ba cô áo màu tha thướt, tóc vấn đuôi gà, tung tăng đi từ cổng làng đến gốc đa thì biến mất.

«Nghe nói mà rợn gáy! Thuở còn nhỏ, tôi không bao giờ dám đi qua gốc đa vào lúc chạng-vạng tối, hoặc khi trời chưa sáng hẳn và cũng không bao giờ khi có việc đi qua đầu làng tôi dám dừng chân lại nơi này. Phải qua đó là tôi rảo cẳng bước cho mau. Còn khi tôi đã lớn, ra tỉnh và Hà-nội ở, thỉnh thoảng có dịp về làng, cũng ít khi tôi đi qua đây vào lúc tối trời. Có một đôi lần qua đó, chỉ thấy âm u vắng vẻ với một sự yên lặng tịch mịch đến lạnh người. Gió đồng nổi lên, lá trên cây xào xạc, mùi hương lẫn mùi hoa huệ ở bàn thờ đưa ra thoang thoang giữa gió khuya...

«Đêm khuya, nếu có tiếng chó cắn nhát gừng về phía đầu làng, trong nhà các cụ bảo các con :

— « Các bà * các cô lại đi thăm làng ! »

Bàn thờ gốc đa, tr. 11-12.

«Tôi nhớ lại hồi còn nhỏ, làng tôi có ông nhiều Bút, một người vào bậc thượng lưu trong làng, vì ông có chân nhiều, và

ở trong ban tư-vấn. Ông có tính hay rượu, và một lần, ông đã nôi máu hảo ngọt mà một cô thợ cấy, nhưng chẳng may bị bà Nhiêu bắt được. Truyện xảy ra ở nhà ông, vậy mà cả làng đều biết và đã có bài về như sau:

*Làng ta có sự nực cười,
Có ông nhiều Bút là người rượu say !
Mỗi ngày một lít như bay,
Rượu say ông mới làm bôy giở trò !
Bà nhiều sao chẳng biết lo,
Mướn lữ thợ cấy ông mà một cô.
Nhưng mà hư hỏng cơ đồ
Bà nhiều bắt được liền vờ cả hai.*

“Bài về chẳng văn chương gì, nhưng được cái dễ đọc, dễ nhớ. Chỉ một ngày là cả làng biết và trẻ con đua nhau đọc cho nhau nghe. Gặp ông nhiều Bút chúng không dám đọc, chúng chỉ lăm lét nhìn ông, rồi nhìn nhau tủm tỉm cười. Thế là đủ rồi !”

tr. 191

“Ngoài chợ làng, trên đường làng, sáng ngày ba mươi Tết vẫn còn mọi sự nhộn nhịp và người người như vôi vàng bị thời gian trôi quá mau, nhưng chỉ nhộn nhịp cho đến quá trưa, từ quá trưa về chiều chợ làng đã vắng vẻ và đường làng cũng thưa người qua lại. Có còn bóng người chăng? Đó chỉ là những người đi gửi Tết trẻ tràng, đang rảo bước mang vàng hương và đồ lễ tới nhà gia trưởng, hoặc một vài em nhỏ đang cùng nhau đốt một vài chiếc pháo để cùng vui nốt bữa chiều cuối năm.”

Mấy tục lệ của ngày Tết, tr. 382.

Thật là linh hoạt, thật là có hồn. Những sách nghiên cứu

khó có thể có được giọng văn như thế. Cầm sách lên, đọc mấy trang đầu, người ta như bị lôi cuốn muốn đọc một hơi cho hết đã, rồi mới nghĩ đến chuyện xét giá trị khảo cứu của cuốn sách.

Đọc Làng Xóm Việt Nam, người ta có cảm tưởng là tham gia một cuộc du khảo. Trên ngót năm trăm trang sách, Toan Ánh đã dẫn người đọc đi thăm và tìm hiểu Làng Xóm Việt Nam một cách tuần tự và có phương pháp. Bắt đầu từ công làng, đường làng, cây đa đầu làng, lũy tre làng, cánh đồng làng, sông làng, chợ làng... nghĩa là những yếu tố tổng quát và quen thuộc của làng Việt Nam. Kế đến ông mới nêu lên những điểm tương đồng, dị biệt của các làng, nguồn gốc của làng, hình thế của làng và tên làng, Thăm xong, các phong cảnh trong làng, người đọc mới được dẫn tới gặp các hạng dân làng, từ các vị chức sắc hương chức, quan viên... tới các dân ngoại tịch mà người ta thường quen gọi là dân ngụ cư hay dân lậu, với đủ mọi tuổi tác, gái trai. Tất cả đều được sắp đặt theo thứ bậc trên dưới đầu ra đó. Trật tự này phải chăng có được là do một tổ chức điều hành qui củ diễn tiến qua nhiều giai đoạn của lịch sử từ khi nước nhà được độc lập. Tổ chức này đã được tác giả thuyết trình trong riêng một chương, chiếm trên 70 trang giấy.

Sau khi đã "nhân diện đầy đủ một làng quê" và đã hiểu được cách thức tổ chức của làng, người đọc mới lần lượt được giới thiệu và giảng giải một cách linh động và cặn kẽ mọi sinh hoạt của dân làng từ những sinh hoạt hàng ngày hay bất thường của các tư nhân, đến những sinh hoạt chung của cả cộng đồng đặc biệt là các lệ làng và các tục tế tự ở trong làng như tục thờ thành hoàng, thờ Phật, thờ Khổng Tử... kèm theo với các hội hè, đình đám, khao vọng, tết nhất...

Điều làm cho độc giả không được hoàn toàn thỏa mãn là những nếp cũ trong Làng Xóm Việt Nam phần lớn là những

nếp cũ của miền Bắc. Làng Xóm miền Trung và miền Nam đã được nói tới một cách quá sơ sài và sách vở. Các hình ảnh tô điểm thêm cho cuốn sách cũng vậy. Ngoài ra sinh hoạt làng xóm ở đây cũng mới chỉ được nhìn qua khía cạnh êm đềm, ấm cúng của nó. Mặt trái của sinh hoạt đó đã bị tác giả lướt qua. Người ta có thể bảo đó là những thiếu sót nếu coi tác phẩm là một cuốn sách khảo cứu nhưng cũng có thể dễ dãi chấp nhận nếu coi đó là một cuốn sách nặng phần hoài niệm, hoài niệm một thuở thanh bình, thơ mộng của quê hương, đặc biệt là quê hương miền Bắc của tác giả.

Dù sao, giữa lúc bom đạn liên miên tàn phá Làng Xóm Việt Nam, tàn phá từ những tháp chuông những mái đình đến những gốc đa, những luống cày, giữa lúc xã hội Việt Nam bị phân hóa đến cùng cực trước cơn bão vật chất từ bên kia đại dương thổi tới, đọc tác phẩm của Toan Ánh, người ta thấy tâm hồn như dịu lại chẳng khác gì giữa buổi nắng hè gay gắt, đi xa về, được uống gáo nước mưa trong vắt lấy từ cái cong nhỏ đặt dưới gốc cau.

Thành công của Toan Ánh ít ra là ở đó.

PHẠM CAO DƯƠNG



CUNG CHÚC TÂN XUÂN
HĂNG BÓNG

COBOVINA

BẠCH TUYẾT

SẢN XUẤT BÔNG, BĂNG, GẠC

148/1 Nguyễn Minh Chiếu

Tân Sơn Nhất

TÀI DÙNG BÌNH

CỦA NGUYỄN HUỆ

▼ ▼ ▼ ▼ ▼ ▼ ▼ NGUYỄN NHẢ ■

■ NGUYỄN-HUỆ: MỘT THIÊN TÀI QUÂN-SỰ
CHƯA HỀ NÉM MÙI THẤT BẠI.

Chiến-thắng bất-hủ Xuân Kỷ Dậu đã đưa Nguyễn-Huệ lên tột đỉnh đài vinh-quang của dân tộc. Người đời về sau có thể vì quá thần thánh hóa con người hùng của Nguyễn Huệ, nên người ta đã coi Nguyễn Huệ như một thiên tài quân-sự siêu-việt. Thực ra thiên tài quân-sự của Nguyễn Huệ cũng đã được người cùng thời với Nguyễn Huệ xác nhận như là một sự thực không thể chối cãi.

Như các giáo sĩ là những người có nhiều thành kiến không mấy thiện-cảm (1) với quân Tây-Sơn, họ lại thường ví Nguyễn Huệ như là «Alexandre» hay «Tân Attila» (2). Đại đế Hy Lạp Alexandre Le Grand và vua hung nô Attila đều là những nhà quân-sự nổi danh «bách chiến bách thắng» ở châu Âu.

Vì quá sợ tài dùng binh của Nguyễn Huệ cũng như sức mạnh của Tây-sơn, các giáo-sĩ khi được tin Nguyễn Ánh nhờ Đốc giám-mục Bá-Đa-Lộc cầu viện quân Pháp, đã không khỏi e ngại quân Pháp sẽ thất trận trước quân Tây-Sơn. Trong bức thư

đề ngày 11 tháng 6 năm 1788, giáo sĩ La Bartette gửi cho giáo sĩ Letondal đã viết như sau :

... «Tôi không rõ cuộc viễn chinh của người Pháp khi nào sẽ xảy ra. Nhưng tôi sợ rằng quân Pháp của chúng ta vì khinh thường bọn người này [Tây sơn] và không am hiểu tường tận cách hành binh của họ và không đủ sức mạnh và có thể trở thành nạn nhân » (3).

Người Việt cùng thời với Nguyễn Huệ như một cung nữ cũ của vua Lê, khi nghe tin vua Lê Chiêu Thống đã đưa Tôn Sĩ Nghị về Thăng Long, đã từ Trường An (4) ra Thăng Long nói với Thái Hậu :

«Cứ xem những lời trong bài hịch, thì thấy Ngài [Tôn Sĩ Nghị] buộc cho ta nhiều lắm, mà Ngài thì cứ lượn lờ trên sông, chỉ dùng thanh thế dọa nạt, không biết Nguyễn Huệ là bậc anh hùng lão thủ hung tợn và giỏi cầm quân. Coi y ra Bắc vào Nam, thật là thần xuất quỷ nhập không ai có thể dò biết. Y bắt Nguyễn Hữu Chỉnh như bắt trẻ con, giết Vũ Văn Nhậm như giết con lợn, không một người nào cợn dám trông thẳng vào mặt. Nghe lệnh của y, ai cũng mất cả hồn vía, sợ hơn sấm sét. E rằng bắt nhật y sẽ lại ra, quân Tôn Tông Đốc còn có cái lo bên trong, địch sao cho nổi!» (5)

Các sử quan nhà Nguyễn cũng phải xác nhận :

... «Nguyễn văn Huệ là em của Nguyễn văn Nhạc, tiếng nói như tiếng chuông to, mắt lập lòe như ánh điện, là người giáo hoạt đánh giặc rất giỏi; người người đều sợ Huệ» (6).

Cái giỏi và độc đáo của Nguyễn Huệ ở điểm xuất thân là kẻ ít học, chỉ là kẻ «áo vải», người trong «hang núi» như Nguyễn Huệ đã tự nhận, không xuất thân từ một trường dạy võ nào, hay một chức, quan võ nào của triều đình mà từ một kẻ bạch đinh trở thành một tướng lãnh tài ba.

Phàm kẻ làm tướng tài, thì như Tôn Tử nói; «Tướng

Ấy là trí, là nhân, là kính, là tín, là dũng, là nghiêm. Trí là đề bề gây kẻ địch, nhân đề làm cho người ham theo, kính là đề chiêu người hiền, tín đề đúng lệ thường, dũng là đề thêm khí, nghiêm đề nhất lệnh».

Nguyễn Huệ thật là một người lắm mưu nhiều trí.

Không có trận đại thắng nào mà Nguyễn Huệ không dùng tới mưu từ trận đầu tiên đi vào sử sách là trận đánh úp quân Tống Phước Hệp ở Phú Yên với kế «dụ địch», khiến địch không đề phòng xuất kỳ bất ý đánh úp, giúp quân Tây Sơn lật ngược được thế cờ. Trận đánh chiếm Phú Xuân (1786) với kế «ly gián» phối hợp kế «dụ địch» khiến hai tướng Phạm Ngô Cầu và Hoàng Đình Thề nghi kỵ nhau và Phạm Ngô Cầu mắc mưu bắt quân lính phục dịch mọi việc không còn hơi sức chiến đấu. Trận phá 20.000 quân và 300 chiến thuyền của Xiêm (1784) cũng dùng tới kế «phục kích». Đến khi ra Bắc Hà diệt họ Trịnh, Nguyễn Huệ dùng đường thủy ngược theo sông Hồng-Hà tới địa phận Lỗ giang (7) gặp thủy quân của Đinh Tích Nhưỡng, Nguyễn Huệ lại dùng kế «dụ địch» khiến quân Nhưỡng mắc lừa, bắn vào thuyền không lúc đêm tối, đến khi sáng ra thì bắn hết đạn, quân Nguyễn Huệ đã ập tới, phá tan quân Đinh Tích Nhưỡng làm phòng-tuyến trấn giữ kinh-thành bị chọc thủng, khiến quân của Nguyễn Huệ tiến tới kinh thành không mấy khó khăn.

Đến khi đại phá quân Thanh thì sự vận dụng mưu-trí của Nguyễn Huệ đã đi đến mức tuyệt-diệu.

Tôn Sĩ Nghị vốn tính hay kiêu khi sang nước ta chưa gặp được sức kháng-cự nào, từ biên-giới cho tới núi Tam Tầng (8), đường đi rất dễ dàng, Nghị dương dương tự đắc, gặp Tham-tri Vũ Chỉnh nói về tình hình Tây sơn có nói: «Nguyễn Huệ là tay lão-luyện về việc hành trận, tay cầm một đội quân rất mạnh..»(9) Tôn Sĩ Nghị đã cười mà rằng: «Nước người vì bị tàn ngược đã lâu, mất hết nhuệ-khí nên động một tý thì đem hùm sói ra mà dọa, tự ta coi ra nó chỉ như hạng chó dè, chỉ sai một người dùng thường buộc cổ lôi về chẳng khó khăn gì. Đợi khi ta đến La Thành,

chỉ nhờ nước bọt xoa tay là xong việc. Người hãy thử ngẫm mà xem" (10).

Nghị lại tỏ ra chủ quan hơn nữa khi Lê Quính đến dinh Nghị yêu cầu động-binh, Nghị nói: «Việc gì mà phải lật đặt như thế? Chẳng qua cũng như lấy của trong túi, lấy sớm được sớm, lấy muộn thì được muộn. Bây giờ đã sắp hết năm, đại quân đi xa cần phải nghỉ ngơi, không nên đánh vội. Giặc gầy thì ta béo, để nó tự đến nộp thit. Nhưng «nước ấy» đã xin như thế thì nên tính từ Đô-thành về Nam, chừng 60 dặm, chia quân đóng 3 đồn, đó cũng là cách phòng xa, chờ đến sang năm tiến quân mà bắt chưa muộn» (11).

Chưa rõ tình hình ra sao, chưa có kinh nghiệm gì về địch mà Nghị dương dương tự đắc kiêu-căng, như vậy làm sao có thể tránh khỏi kẻ kiêu địch của Nguyễn Huệ. Nguyễn Huệ đã gửi thư tới Tôn Sĩ Nghị xin hàng (12). Trước ngày tấn công, Nguyễn Huệ lại cho quân đến khiêu chiến và giả thua nhiều trận. Sách Khâm Định Việt Sử Thông Giám cương mục chép: «Ngày 4 tháng giêng ấy, quân lưu động của giặc, đến trước, hễ đánh trận nào thì thua luôn trận ấy, Sĩ Nghị rất coi khinh» (13). Nhờ vậy, Quang Trung có được yếu tố bất ngờ, và với lối hành binh thần tốc, quân Thanh đã trở tay không kịp, nên đại bại.

Nguyễn Huệ lại tỏ ra là người có tài tiên liệu thần tình, chẳng khác nao như Khổng Minh sắp đặt công việc.

Từ khi chiến thắng Phú Xuân. Nguyễn Huệ đã tỏ ra một người có mưu trí về cả chính-trị. Những lời đối đáp với Nguyễn Hữu Chỉnh khi Chỉnh đưa ra đề-nghị chiếm đất Bắc-hà đã chứng minh điều đó Huệ đã quan-tâm đến yếu-tố nhân tâm trong cuộc chiến, nào e sợ nhân tài Bắc-kỳ, nào lấy danh-nghĩa tiến quân cho hợp lòng người; đến khi được Chỉnh nói trúng ý mình thì ông quyết-định liền (14).

Nguyễn Huệ đã tiên-trị được sự «trung thành» của Nguyễn Hữu Chỉnh.

Sau khi diệt được họ Trịnh, Nguyễn Huệ trở về Phú-Xuân, bỏ Nguyễn Hữu Chỉnh ở ngoài Bắc, nhưng Chỉnh đã vội đuổi theo gặp Nguyễn Huệ ở Nghệ-an. Nguyễn Huệ cho Chỉnh cùng Nguyễn văn Duệ ở Nghệ-an và dặn riêng bọn Duệ : « Chỉnh vốn là đũa vong mạng đến đầu ta, hẳn phải phúc không về tin được, ta lúc đầu muốn mượn tay người Bắc hà giết hán, chẳng ngờ hán chạy thoát theo đây. Theo nghĩa, ta cũng không nên bỏ hán, Nghệ-an là quê quán hán Người phải xem xét tình thế động tĩnh của hán mà phòng-bị. Nếu có biến thì đưa thư cấp báo » (15).

Quả nhiên, Chỉnh mưu chống lại Nguyễn Huệ khi nắm quyền hành ở Bắc-hà, sau khi được vua Chiêu Thông vời ra thanh-toán bọn Trịnh-Bồng. Nguyễn Huệ đã sai Vũ Văn Nhậm ra bắt Nguyễn Hữu Chỉnh, nhưng Huệ đã tiên-tri được những hành - động của Nhậm nên đã cho bọn Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân đi theo. Trước khi đi, Nguyễn Huệ nói kín với Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân : « Nhậm trong chiến dịch này cầm trọng binh, chuyên việc nước lớn lơ thì cái biến không thể nào liệu trước được. Điều ta lo không ở Bắc-hà mà chỉ ở Nhậm thôi. Bọn người phải xem xét hán tỵ như lửa vậy, dập lúc lửa mới nhen nhúm thì sức rất dễ » (16).

Đến khi được tin cấp báo của Ngô Văn Sở về hành-vi của Vũ Văn Nhậm, Huệ bèn bảo : « Vũ Văn Nhậm, ta vốn biết hán ắt làm phản, thì quả nhiên » (17).

Nguyễn Huệ như đã đoán trước những biến cố sẽ xảy ra cho Bắc-hà, và đã có con mắt tinh-đời, biết tài Ngô Thị Nhậm, là người có thể đương đầu với thời thế khi có biến, đã dặn dò bọn Ngô Văn Sở và Phan Văn Lân nên tin cần và nghe lời Nhậm. Ông nói với bọn tướng tá rằng : « Phải hội đồng thương nghị với nhau, chớ vì mới cũ mà xa cách nhau, ấy là điều mong ước của ta ».

Quả nhiên nhờ có Ngô Thị Nhậm bàn kế rút lui để bảo-toàn lực-lượng thủy bộ và kế « dụ địch », « kiêu địch ».

Khi gặp bọn Sở, Nhậm ở núi Tam Đệ (đèo Ba Dội), Nguyễn Huệ đã tiên đoán là do Nhậm bày kế ấy. Khi hỏi Nguyễn

Văn Tuyết quả nhiên đúng như thế (18).

Trước khi phát binh ra Thăng Long, Nguyễn Huệ lại nói với Ngô Thì Nhậm :

« Nay ta tự ra coi đốc tướng sĩ, phụng lược tiến đánh đã tính sẵn rồi. Chẳng quá 10 ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ nó là nước lớn, gấp 10 nước mình, sau khi bị thua 1 trận ắt lấy làm thẹn mà cố báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, thật không phải phúc cho dân, lòng ta không nỡ làm vậy. Tới lúc đó, chỉ có một cách nói thật khéo, thì mới ngăn được cái ngòi chiến tranh, việc ấy phi Ngô Thì Nhậm không ai làm nổi. Đợi 10 năm nữa ta đủ thì giờ gây nuôi, nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì nó » (19).

Đến khi phá quân Thanh xong, lúc đầu đề Hồ Hồ hầu viết biếu cho Càn long xin phong làm An-nam quốc vương. Biếu ấy khi chuyển tới Thang Hùng Nghiệp, thì viên này cả kinh nói với sứ-giả Hồ Hồ hầu : « Nay không phải là 2 nước đang đánh nhau, sao lại viết toàn một giọng giận dữ. Viết như thế là muốn cầu phong tước chẳng hay muốn khơi hấn chiến tranh chẳng ? » (20).

Sau Quang Trung phải giao hảo cho Ngô Thì Nhậm : lo việc ngoại - giao với nhà Thanh thì y như rằng việc giao - hảo với nhà Thanh thật rất tốt đẹp, khiến vua tôi nhà Lê trở nên khổ nhục.

Những sự sắp đặt mưu kế, tiên liệu tính toán như vậy đã chứng tỏ mưu-trí của Quang Trung cao đến mực nào !

Nói về cái dũng Nguyễn Huệ, chánh sử triều Nguyễn ghi : « Nguyễn Huệ đã bốn lần đánh phá Gia-định, lâm trận đi đầu các quân sĩ, hiệu lệnh rất nghiêm-minh, quân sĩ đều kính-phục » (21). Làm tướng mà luôn luôn đi đầu khi lâm trận làm sao quân sĩ chẳng kính-phục ?

Khi chỉ huy trận đánh quân Thanh, Nguyễn Huệ cỡi voi đốc suất quân sĩ xông pha vào lửa đạn đến nỗi khi tiến vào thành Thăng-long, chiến bào của vua Quang-Trung biến thành

màu đen xám vì thuốc súng (22).

Trong một bản nhứt ký của Giáo Hội Truyền Giáo Bắc Hà gửi về cho Giáo Hội Truyền Giáo Trung Ương ở Ba lê có kể: « Ngày 30-1 [1789] Quang Trung rời Kẻ Vôi [Hà Hồi] trên lưng voi và đến chung sức, khuyến khích đội ngũ ông, nhưng khi thấy họ chiến đấu không được hăng hái lắm, ông liền bỏ voi và dùng ngựa. Theo lời đồn, ông đeo 2 cái đoản đao (gươm) và chạy ngang dọc chém rơi đầu nhiều võ quan và binh lính TH, làm rất nhiều người chết về tay ông, ông luôn mồm hò xung phong và lúc nào cũng ở trận tuyến đầu » (23)

Điều này đã chứng tỏ sự vô cùng xông xáo của Nguyễn Huệ làm tướng coi cái chết nhẹ như lông hồng.

Tôn Vũ Tử xưa kia khi ra mắt vua Ngô Hạp Lư đã chứng tỏ sự áp-dụng hiệu lệnh nghiêm minh của mình đã cho chém đầu 2 người thiếp yêu nhất của nhà vua khi 2 người này làm đội trưởng cho một toán 180 cung nữ đề Tôn Vũ Tử áp-dụng thử hiệu lệnh. Tôn Vũ Tử đã ba lần ra lệnh, năm lần nhắc lại và lại phải một lần thư hai làm như vậy, mà bọn cung nữ cứ cười cợt không tuân theo, ông mới ra lệnh chém 2 người thiếp yêu của vua dù vua can xin tha tội. Người đời về sau khen hiệu lệnh Tôn Tử thật là nghiêm. Hiệu lệnh của Nguyễn Huệ cũng nghiêm khắc không kém. Trong bức thư đề ngày 11 tháng 6 năm 1788, giáo sĩ La Bartette gửi cho giáo sĩ Le-tondal có viết: « quân giặc [quân Tây Sơn] đôi khi điều động được tới 200, 300.000 quân, sự thực thì đa số bị cưỡng bách, nhưng tất cả đều quyết tử — kẻ nào nhìn về sau trận địa, lập tức bị chém đầu.» (24)

Ngày lễ thành phục vua Lê Hiến Tôn, Huệ mặc đồ tang đứng bên trái trên điện, có một người chấp — sự cười lên — Huệ ra lệnh bắt đem ra chém. (25)

Khi Nguyễn Huệ ra Bắc diệt họ Trịnh, bọn côn đồ thừa cơ hỗn loạn nổi lên cướp bóc khắp nơi, Nguyễn Huệ đã áp

dụng sự trừng phạt gắt gao, giáo sĩ Le Roy (ở Nam-Định) đã viết cho ông Blandin ở Paris ngày 11 tháng 7 năm 1786 :

...«Những người Nam Hà này [quân Nguyễn Huệ] đã áp dụng sự xử án khắc nghiệt — mới thấy tổ cáo chẳng cần đợi xét xử lỗi thôi, họ đã chém đầu những bọn trộm cướp hay tất cả những kẻ nào bị người ta tổ cáo là trộm cướp Người ta rất lấy làm thích sự xử phạt như vậy và sự liêm khiết của quân Tây sơn. Vì họ không cướp bóc ai, họ chỉ biết chặt đầu mà thôi. Điều đó đã khiến cho yên lành ở một vài nơi trong một thời gian». (26)

Nguyễn Huệ nghiêm khắc việc quân như vậy, không hẳn còn người sắt thép ấy không còn tình cảm mà sự thực Nguyễn Huệ lại là người nhiều tình cảm hơn hết. Bằng chứng như khi người vợ cả của ông mất, ông đã thương tiếc gần như điên khùng. (27)

Ngày 16-6-1792, giáo-sĩ Le Labousse lại viết thư cho người bạn của ông :

« Cuối cùng tôi được biết rằng một trong những bạn của chúng ta [Girard] ở Nam hà hiện nay đang ở trong triều-đình phiền-loạn, ông ta bị bắt phải đến để chữa bệnh cho người vợ của «bạo chúa» vì ông đã đòi 1 người y sĩ người Âu. Tại triều đình, ông này được đón tiếp rất trọng hậu và hạnh phúc lớn lao nhất có lẽ chính là vợ của Tiếm Vương đã chết trước khi ông có thể khám bệnh. Ông «bạo chúa» đã đau khổ đến cùng cực về việc ông Girard không được gọi đến kịp thời (28).

Nguyễn Huệ dù sắt đá đến đâu cũng phải mềm lòng trước nước mắt của giai nhân. Khi Lê Hiền-Tông chết, Huệ giận Tự Tôn đã không mời trước đến bàn việc tang ông bố vợ mà lại để khi nhập liệm xong mới đến mời. Nguyễn Huệ cho đó là có ý coi mình như những người ngoài, lập tức sai người

vào triều bắt phải hoãn lễ đăng quang, muốn lập người khác. Nhưng khi công việc đăng cực đã xong, triều-đình đã cho người ra báo tin thành lễ với ông, Nguyễn Huệ gặn dừ bèn truyền lệnh các quân thủy bộ sắm sửa hành-trang cho kịp ngày mai rút quân về nước (29). Nhưng đến khi Ngọc Hân công chúa khóc xin Huệ ở lại, thì Nguyễn Huệ không thể đành lòng.

Người anh hùng ấy cũng hơn một lần chiều theo ý của giai nhân. Ngọc Hân đã «thỏ thẻ» đến nỗi Huệ có ý không chịu lập Tự Tôn lên ngôi. Đến khi công chúa nghe nói triều-đình giận mình, kết tội mình làm hại đến việc lớn của xã tắc thì Ngọc Hân công chúa lại về phủ đề xin với Huệ lập Tự Tôn trở lại. Công chúa đã nói như thế nào để Nguyễn Huệ cũng lại mềm lòng, nể «người đẹp» mà bằng lòng.

Không phải là con người không có tình cảm nên Nguyễn Huệ thật cũng có thừa lòng nhân. Xem việc Nguyễn Huệ xử sự trước cái chết của Trịnh Khải thì biết. Khi bọn Nguyễn Trang đến nộp đầu Trịnh Khải. Nguyễn Huệ đã nói: «Đáng tiếc cho một hảo nam tử, lúc đầu nếu sớm đầu hàng thì hẳn không mất phú quý, sao lại khổ tử, hủy mạng». Rồi Huệ cho lấy lễ bực vương tống táng Trịnh Khải (31). Thật khác hẳn với kẻ hẹp lượng, chỉ muốn băm vằm kẻ địch, đến nỗi kẻ thù chết rồi cũng không tha, cho quật mồ quật mả. Thái-độ đối với Trịnh Khải thật là độ-lượng của người anh hùng.

Còn lòng kính hiền đãi sĩ của một võ tướng như Nguyễn Huệ thì thật khó ai bì kịp. Điền hình như sự đối xử của Nguyễn Huệ với La Sơn phu-tử Bao lần «mời cụ không ra, lễ cụ không nhận, lộc dưỡng lão cụ cũ g từ.. Thế mà Quang Trung chỉ ôn tồn kính cần, trách nhẹ mà thôi, rồi lại cố mời cụ ra. Lòng mến kẻ hiền lớn mạnh biết chừng nào!» (32).

Với tư-cách ấy, Nguyễn Huệ đã tỏ ra một vị tướng tài ba vẹn toàn Tài ba này đã hơn một lần được chứng tỏ bằng những chiến tích anh dũng của ông. Từ trận đánh úp tại Phú Yên quân Tổng Phúc Hiệp (năm 1773) đến trận Đống Đa (1789), gần 20 năm trời vị tướng trẻ tài ba ấy đánh nam dẹp bắc

không hề nếm mùi thất bại. Trong bài hịch gửi đến quan quân và dân hai tỉnh Quảng Ngãi, Qui-Nhơn, ông đã nói : « Nơi nào có ta mang quân đến, nơi đó quân thù bị đánh tan tành » (33).

Trong sử sách không thấy đoạn nào ghi chép sự thất bại của Nguyễn Huệ. Trong 4 lần vào đánh Gia-định, nơi nào Nguyễn Huệ tới, nơi đó đối-phương phải chịu thảm-bại. Đại-nam thực lục chính-biên của triều Nguyễn, vốn có ác cảm với Nguyễn Huệ cũng chỉ có thể viết : « Tháng 12 [năm Giáp thìn (1784)] giặc Tây Sơn Nguyễn Văn Nhạc nghe tin quân giặc cáo cấp, tức thì sai Nguyễn Văn Huệ đem binh thuyền vào cứu Saigon. Huệ đến, đánh vài trận không được, muốn đem quân về. Có tên phản thần là Lê Xuân Giác bày kế cho Huệ đem hết quân mạnh mai phục ở rạch Gầm và ở sông Soài Mút (Định-Tường) rồi dụ quân Xiêm lại đánh (34). Đó là lần duy nhất sách Thực lục nói Nguyễn Huệ không thắng, nhưng cũng không nói là thua.

Đánh Gia - định lần nhất vào mùa Xuân Đinh - Dậu (1777), quân Nguyễn phải chạy dài, đến tháng 9 mùa thu năm ấy, chúa Nguyễn Duệ Tông bị giết, chỉ một mình Nguyễn Ánh thoát, lên thuyền đậu sông Khoa (Long Xuyên) rồi lần tránh.

Đánh Gia-định lần hai vào mùa Xuân (tháng 3) Nhâm dần [1782]. Quân Nguyễn không ngăn được sự tiến quân của Tây sơn từ biên vào theo lối Cần-giờ, Nguyễn Ánh phải chạy đến Lữ-phụ [Giồng Lữ] thuộc tỉnh Định-Tường, nhứt tàn quân còn khoảng hơn 300 người. Nguyễn Ánh cố gắng vùng lên, đánh bại được quân của tướng Tây sơn là Đô-đốc Nguyễn Học tới đánh ; thừa thắng quân Nguyễn phản-công Tây-sơn, khi thế lên mạnh. Nhưng khi quân Nguyễn tới đóng ở Ngã-tứ [Tứ kỳ giang] (thuộc tỉnh Gia định), Nguyễn Huệ đem quân mạnh ập tới, bày trận bối thủy (quay lưng xuống nước như Hàn Tín) mà đánh, quân Nguyễn thảm bại. Nguyễn Ánh chạy về miền Hậu-giang, tới Hà-tiên rồi ra Phú-quốc, và phải sai Nguyễn Hữu Thụy, Trần Xuân Trạch cùng cai-cơ Cao Phúc Trí sang Xiêm cầu viện (35).

Lần thứ ba, cũng vào mùa Xuân (tháng 2) Quý Mão [1783], Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Lữ lại vào đánh Gia-định cũng từ cửa Cần-giờ tiến vào... Quân Nguyễn lại bị bại, Nguyễn Ánh phải chạy về Ba-giòng (Tam-Phụ, Định-tường), quân không còn đầy 1 trăm, bây tôi còn 5, 6 người. Nguyễn Ánh phải chạy về Mỹ tho rồi cùng mẹ và cung-quyển chạy ra Phú-quốc. Lần này Nguyễn Huệ cho quân truy kích, cho phò-mã Trương Văn Đa đem thủy quân vây ba vòng. Nguyễn Ánh ở đảo Côn-lôn Nhờ có bão, Nguyễn Ánh thoát vòng vây, qua ở đảo Phú-quốc, rồi sai người mời Bá Đa Lộc đến nhờ đi Pháp cầu viện [tháng 7 Quý Mão].

Và lần cuối cùng, vào tháng 12 năm Giáp thìn [1784], Nguyễn Huệ đem quân đánh Gia-định và đại-phá 2 vạn quân Xiêm cùng 300 chiến thuyền (36).

Rồi từ năm Bính ngọ (1786) trở đi, thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ được phát triển, nảy nở toàn vẹn, khiến ông mạnh tiến trên đài danh vọng như điều gặp gió, thoát khỏi quyền kiểm tỏa của anh ông đề rồi Nguyễn Nhạc đành phải chấp nhận sự thoái bộ của mình Rút kinh nghiệm những trận chiến dai-dẳng với Nguyễn Ánh, phải 3, 4 lần vào đánh Gia-định, mỗi lần phải ở tới 5, 6 tháng trời đánh dẹp. từ khi đánh Phú-xuân, ông đã phối-hợp giữa mặt trận quân sự, chính trị, tâm lý và với lối đánh thần tốc, ông đã thắng những trận lớn một cách nhanh chóng.

Đối với kẻ nội thù, ông đã đánh trận nào thắng trận ấy, từ chiến trường miền Nam ra chiến trường miền Bắc, đánh tan quân Nguyễn và làm sụp đổ hoàn toàn cơ nghiệp họ Trịnh.

Đối với ngoại thù, ông cả thắng 2 vạn quân Xiêm và đại phá 20 vạn quân Thanh (37) dù rằng nhà Thanh đã mưu nhờ tới cả quân Xêm tiếp viện (38) để 2 mặt cùng đánh.

Con người cái thế anh hùng như Nguyễn Huệ có thể làm nổi những chuyện kinh thiên động địa hơn nữa với mộng đánh Tàu của ông. Nhưng anh hùng mệnh đoản, vào mệnh thu năm Nhâm tý (1792) ông đã từ trần (39).

■ NGUYỄN HUỆ VỚI LỐI HÀNH BINH VŨ BẢO.

Đánh nhanh đánh mạnh, đó là điểm đặc biệt về phép dụng binh của Quang Trung. Nếu Hưng Đạo Vương sở trường về lối đánh “đoàn binh” để chống lối “rừng trận” hay Lê Lợi với phép “dĩ đoản đãi lao”, chuyên đánh du-kích thì Quang-Trung trái hẳn, rất sở-trường lối đánh “rừng trận”. Đó là lối đánh “vận đông chiến”, “rận địa chiến”. Đó là lối đánh của một kẻ mạnh đối với kẻ yếu. Quang-Trung luôn tỏ ra ở thế mạnh.

Thế mạnh là nhờ ở quân số, hỏa lực, phương tiện và mưu kế (chiến thuật chiến lược).

Trước hết về quân số, Nguyễn Huệ thật có tài huấn luyện rất mau chóng các tân binh để biến thành các chiến binh có khả năng chiến đấu cao.

Khi ra Bắc đại phá quân Thanh, Nguyễn Huệ đã qua Nghệ An và Thanh Hóa lấy thêm quân lính đến tám vạn người (40).

Với hơn 10 ngày tuyển binh và kể từ ngày bắt đầu tuyển (ngày 29-11 Mậu thân tới Nghệ An) cho tới ngày ra trận, trong vòng chỉ khoảng 1 tháng trời, đồng thời lại phải chuyển quân một khoảng đường dài hàng mấy trăm cây số mà lính ấy ra trận đánh giặc lại hay, như vậy thực là ngoài sức tưởng tượng. Giáo sĩ Le Roy đã tả đạo quân Quang Trung thì gồm cả người già lão, trẻ con trông giống một toán bệnh nhân ốm yếu hơn là một đoàn chiến binh. Ấy thế mà đạo quân khốn khổ ấy lại tàn sát được đạo quân Trung-hoa (41)

Hồi Lê Lợi khởi nghĩa Ngài cũng tuyển đinh tráng ở các xứ Thanh-hóa, Nghệ an, Tân-bình, Thuận-hóa. Nhà nào có 3 người thì một người 1 m quân, thuế khóa giao dịch đều miễn trong 3 năm” (42). Sang đời Lê thánh Tông phép tuyển binh rất rõ ràng chu đáo:

Cứ 3 năm thì làm hộ tịch 1 lần gọi là tiểu điền, 6 năm 1 lần gọi là đại điền. Sai quan đi các xứ, dùng nội thần và văn võ mỗi hạng 2 viên, dựng lập tuyền-trưởng để duyệt dân binh, chia làm các tực tráng hạng, quân hạng, dân hạng, lão hạng, cổ hạng. cùng hạng, nhà nào có 3 đinh thì 1 người bỏ vào hạng lính tráng, 1 người bỏ hạng quân và 1 người bỏ hạng dân. Nhà có 4 đinh thì 2 người vào bỏ hạng dân. Nhà có 5, 6 đinh trở lên thì 2 người bỏ hạng lính, 1 người bỏ hạng quân để ứng vụ, Hạng lính thì kẻ riêng, Hạng lão nhiều và tan tật thì khai riêng. Những người phiếu lưu trốn biệt thì bỏ xa ngoài sổ. Trưởng thành đến 18 tuổi thì vào sổ. Trước hết tuyền những người cường-tráng làm binh lính, rồi đến dân tráng sung vào hạng quân, ở nhà làm ruộng, khi nào có thái người già yếu thì chiếu theo thứ tự lấy bỏ sung vào. Cứ mở sổ mà lấy binh, không cần phải đòi bắt mà có đủ ngay (43).

Còn Nguyễn Huệ thì việc tuyền-binh có phần gắt gao hơn. Trong bức thư đề ngày 13-5-1787, giáo sĩ Longer gửi cho ông Blandin viết: « Người bạn đồng sự trẻ của chúng tôi bắt buộc phải chạy bởi người ta bắt tất cả mọi người phải đi đánh nhau từ 15 tuổi trở lên. Nhưng người già, đàn bà góa, và con gái cũng bắt đi sửa cầu, đường xá » (44).

Một giáo sĩ khác viết: « Họ [quân Nguyễn Huệ] đã phá hủy ở đây tất cả những ngôi nhà thờ đẹp nhất của chúng ta cùng tất cả những ngôi chùa và bắt các sư tăng cầm khí giới ra trận (45).

Việc kiểm soát đi lại rất gắt gao và khoa học nên sự trốn lính rất khó khăn. Giáo sĩ Doussaint gửi thư cho ông Blandin ngày 16-6-1788 viết :

« Rất khó đi lại, kẻ nào không có « thẻ » sẽ bị bắt giữ và bị tù: mỗi làng bắt buộc phải dựng lên 2 hay 3 căn nhà nhận dấu (tay) của người qua lại. Với phương tiện này, họ bắt được tận hết suất đinh (46).

Với cách tuyển binh như trên, nên quân của Nguyễn Huệ lúc nào cũng có quân số đông đảo, hàng trăm ngàn người, rất cần thiết để dùng lối đánh vũ bão.

Về hỏa lực, Quang Trung có khí giới lợi hại nhất là ống phun lửa tục gọi là Hồ lửa và lực lượng xung kích lợi hại nhất là voi trận (47). Chính Tôn sĩ Nghị trước khi tiến quân sang đã ban 8 điều quân luật để dẫn dò quân sĩ. Trong đó có nói: «Người Nam đánh trận hay dùng sức voi. Lối đó nội-địa (Trung hoa) không quen, nên dễ gặp phải, ắt phải chạy trước để tránh...»

«Họ chỉ dùng các «ống phóng» làm lợi khí. Thứ lợi khí ấy cũng gọi là Hồ lửa. Trong khi 2 bên giáp nhau, trước hết họ dùng vật ấy đốt cháy quần áo người ta, để cho người ta phải lui...» (48).

Về loại ống phun lửa từ đời Lê Thái Tổ đã thấy nói đến. Mỗi vệ trang bị ống lửa hạng đại tương quân 1 cái, hạng lớn 10 cái, hạng nhỏ 80 cái. (49) Chắc loại ống phun lửa này còn sơ khai không tiến được như loại «hồ lửa» sau này.

Ngoài ra các khí-giới khác chắc cũng dùng như khí-giới ở thời Lê Trung Hưng như kiếm, kích, giáo, mộc, đao, súng, thuốc đạn. Hoặc như nỏ bắn đá, súng báng gỗ, súng bọc da, tên lửa-thuốc lửa, đạn lửa, thuốc mù (50).

Về súng, quân đội Quang Trung trang bị các loại súng tay như súng chim (51), súng đại bác.

Các súng đại bác dùng để phòng thủ, hay dùng để tấn công bằng cách cho voi chở như lời Ngụy Nguyên chép trong sách Thánh Vũ Ký: «Giặc [Tây Sơn] đều chở đại bác bằng voi mà xông vào trận». (52).

Súng đại bác đã được chúa Nguyễn ở Nam Hà dùng từ lâu và đã nhờ người Bồ Đào Nha lập xưởng đúc súng ở Phú Xuân. Trong một tập du ký viết về Nam Hà vào năm 1749,

Ông Le Poivre có cho biết chung quanh phủ chúa Nguyễn có tới 1200 khẩu đại bác mà phần lớn là súng của Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha. Súng thì [không bắn được tới 6 phát và phần lớn đạn không cùng một cỡ (53). Mỗi khẩu đội gồm 6 người (54)...

Voi có nhiều ở Cao Nguyên Trung Phần, Tây sơn cũng như Nguyễn Huệ ở gần đất có voi, nên việc lập tượng binh rất dễ dàng. Các triều đại trước kia cũng phần lớn lấy voi ở miền đất giáp Chiêm Thành để làm voi trận. «Hiển Tông, [Lê] năm Cảnh Thống thứ hai [1499], ra lệnh cho quân dân ở địa phương Quảng Nam, (55) ai bắt được voi công thì báo cho ba ty khám thực, cứ bắt được 1 con thì được kể 20 người công đầu và 20 người công phụ mà thưởng cho theo thứ bậc» (56). Xem thế, việc bắt voi làm voi trận vào thời Lê này còn khó khăn lắm. Thời Trịnh Nguyễn phân tranh, Chúa Nguyễn mở rộng bờ cõi về phía nam, gồm các vùng Cao nguyên, nên việc kiếm voi rất dễ dàng. Vì thế, Chúa Nguyễn lúc nào cũng có sẵn hàng trăm voi trận như giáo sĩ Delacourt có nói ít nhất là 400 voi trận (Ar-M. E, Coch 740, t1dd). Lực lượng tượng binh của Nguyễn Huệ không rõ cả thấy được bao nhiêu, nhưng cũng phải tới hằng trăm thốt voi trận. Sách Liệt Truyện chép: « Binh đặc thắng được hơn 10 vạn, voi trận mấy trăm thốt.» Vua Quang Trung duyệt binh sĩ ở trên doanh. Vua Quang Trung thân cỡi voi ra doanh trại ủy lạo quân sĩ rồi hạ lệnh tiến phát (57).

Dùng voi trận rất lợi nhưng cũng rất hại. Vì nếu không khéo, chính voi ấy lại giết quân mình dễ dàng, làm quân mình thua trận mau hơn. Như trận Tập kích Bích Khê, quân Tây Sơn la hét, gây tiếng động làm voi quân chúa Nguyễn có tới hơn 40 con sợ hãi, chạy tán loạn, đạp lên quân sĩ chúa Nguyễn chết nhiều hơn là quân Tây Sơn giết. (58)

Thời đó, người ta thấy hầu như Nguyễn Huệ chỉ sử dụng voi trận ở chiến trường miền Trung và Bắc, còn miền Nam thì

không. Sử sách không thấy nói tới việc mang voi vào đánh Gia Định. Có lẽ vì những lần mang quân vào đánh Gia Định, Nguyễn Huệ điều đi bằng đường biển, không tiện mang voi theo, một phần vì voi trận chỉ thích hợp chiến trường miền nhiều rừng núi, chứ không hợp với miền nhiều đồng lầy như ở Miền Nam.

Nguyễn Huệ ít khi dùng ngựa mà luôn luôn cỡi voi, lúc đưa đám ma vua Lê Hiền Tông cũng cỡi voi, lúc duyệt binh rồi đến khi ra trận cũng vậy.

Vì thích dùng voi, nên Nguyễn Huệ đã tạo ra tượng binh rất lợi hại. Sách Cương mục chép về Nguyễn Huệ dùng voi đánh quân Thanh: “Hồi trống canh năm sớm hôm sau, Văn Huệ xất tay áo đứng dậy, đốc thúc bản bộ lừa quân rầm rộ tiến lên. Chính Văn Huệ tự mình đốc chiến, cho hơn trăm voi khỏe đi trước. Tờ mờ sáng, quân Thanh lừa toán quân kỵ tinh nhuệ ồ ạt tiến. Chợt thấy bầy voi, ngựa quân Thanh đều sợ hãi, hí lên, té chạy, lồng lộn quay về, chà đạp lẫn nhau. Giặc lại lừa voi xông đến, quân Thanh, trong cơn gấp rút, không cứu nhau được, ai nấy rút vào trong đồn lũy để cố thủ. Bốn mặt đồn lũy quân Thanh đều cắm chông sắt, súng và tên bắn ra như mưa. Giặc dùng những bó rơm to lớn để che đỡ mà lần xä vào rồi quân tinh nhuệ tiến theo sau. Kẻ trước ngã, người sau nối, thấy đều trở sức lều chét mà chiến đấu. Các lũy quân Thanh đồng thời tan vỡ và quân Thanh đều chạy. Giặc được đến đồn Nam Đồng, thừa thắng, ập lại giết chết quân Thanh bị chết bị thương đến quá nửa.” (59)

Voi trận của Nguyễn Huệ thật là một lực lượng xung kích rất lợi hại, chẳng khác nào như lực lượng “xe tăng thiết giáp” thời nay, khiến cho quân Nguyễn Huệ thêm dũng mãnh.

(Còn tiếp)



CHÚ THÍCH

[Một vài tài liệu vẫn khổ chưa thấy ai trích đăng, tôi xin chừa thêm nguyên văn].

(1) Các giáo sĩ không mấy thiện cảm với Tây Sơn không phải vì Tây Sơn gây khó khăn cho họ, trái lại là đáng khác. Nhưng vì các giáo sĩ thường hay có khuynh hướng thân với chính quyền chính thức, khi Tây Sơn còn chưa nắm quyền cai trị; đến khi Tây Sơn đã nắm quyền thực sự thì họ lại về phe với Giám mục Ba Đa Lôc, người đã ra nạt giúp Nguyễn Ánh. Nếu họ luôn kêu Tây Sơn là phiến loạn (rebelles), bọn cướp (brigands) bọn trộm (voleurs), còn Nguyễn Nhạc, Quang Trung, Quang Toản kêu là bạo chúa (Tyran) hay tiếm vương (Usurpateur).

(2) Trong bức thư đề tháng 6-1789, gửi cho Blandin, giáo sĩ Le Roy ví Nguyễn Huệ như một Alexandre [Tonkin 692, tr. 112]. Trong nhật ký tường trình của Hội Truyền Giáo ở Bắc Kỳ gửi về cho Hội Truyền Giáo Trung Ương Ba Lê gọi Nguyễn Huệ là Tân Attila (một Attila mới) [Archives Nationales F5; A 22, tr. 217].

(3) Archives des Missions Etrangères de Paris, Cochinchine vol. 801, tr. 176.

[Nguyên văn: « Je ne sais quand l'expédition des Français aura lieu. Mais je crains que nos français méprisant ces gens-ci et n'ayant pas une juste idée de la manière dont ils font la guerre, ne soient pas assez munis de force et n'en deviennent peut-être les victimes].

(4) Trường An: phủ Trường An thuộc trấn Sơn Nam, nay thuộc Ninh Bình.

(5) HLNTC, sdd, tr. 252.

(6) ĐNLTCB, sdd, tờ 17 b.

(7) Lỗ giang: khúc sông Hồng Hà thuộc huyện Nam Xang (Xương) phủ Lý Nhân, Sơn Nam Thương lộ [trấn] [Hà Nam hiện nay].

(8) Núi Tam Tầng : ở huyện Yên Dũng, Bắc Ninh. (Nay là Bắc Giang).

(9) HLNTC, sđd, tr. 245.

(10) HLNTC, sđd, tr. 245.

(11) HLNTC, sđd, tr. 248.

(12) Cương mục, sđd, tr. 61.

(13) Cương mục, sđd, tr. 62.

(14) HLNTC, tr. 64.

(15) ĐNCBLT, sđd, tờ 24b.

(16) ĐNCBLT, sđd, tờ 27b.

(17) ĐNCBLT, sđd, tờ 28b.

(18) HLNTC, sđd, tr. 256.

(19) HLNTC, sđd, tr. 256.

(20) ĐNCBLT, sđd, tờ 37a — Trong bài biểu này. Có đoạn viết: «... Ôi đường đường là triều đình thiên tử lại để so hơn thua với nước bé thì ắt là muốn chinh chiến mãi không thôi để cùng khổn binh sĩ lạm dụng vũ lực bầu sừng khoái cái lòng tham lam tàn bạo thì thật lòng đại hoàng đế không nhẫn? Vạn nhất can qua mãi không dứt, tình thế đến nỗi nào thật không do thần muốn cũng không dám biết đến... » [37a]. Rõ ràng là giọng văn đầy khiêu khích, không khéo về ngoại giao.

(21) ĐNCBLT, sđd, tờ 17b.

(22) ĐNCBLT, sđd, tờ 34b.

(23) Archives Nationales de Paris, F 5, A 22, tr. 267 — Đặng Phương Nghi dịch, Sử Địa số 9-10, tr. 224.

(24) Archives des Missions Étrangères, Cochinchine vol. 801, tr. 177.

[Nguyễn văn : « Ils [Tây Sơn] mettent quelquefois sur pied 200,

300.000 hommes, la plupart forcés à la vérité mais tous déterminés à la mort. Qui regarde en arrière dans le combat a aussitôt la tête tranchée... »]

(25) ĐNCBLT, sđđ, tr. 242.

(26) BEFEO, 1912, t. XII n° 7, p. 8.

(27) Archives des Missions Étrangères, Tonkin vol. 692, p. 369. Thư của Girard viết từ Macao gửi cho Boiret đề ngày 25-11-1792 Đặng Phương Nghi có trích dịch đăng trong Sử Địa số này.

(28) Archives des Missions Étrangères, Coch, vol. 746, p. 361.

(29) HLNTC, sđđ, tr. 87.

(30) HLNTC, sđđ, tr. 87.

(31) HLNTC, sđđ, tr. 87.

(32) Hoàng Xuân Hãn, La Sơn, Phu Tử. sđđ, tr. 140.

(33) Manifeste de Quang Trung. Roy de la Cour de Cochinchine et du Tonquin à tous les mandarins, soldats et peuples des provinces de Quảng Ngãi et de Qui Nhơn — Archives des Missions Étrangères de Paris, Coch. vol. 746 p. 457 — Đặng Phương Nghi dịch và đăng trong Sử Địa số này.

(34) ĐNTLCB, sđđ, tr. 57.

(35) ĐNTLCB, sđđ, tr. 40, 41.

(36) ĐNTLCB, sđđ, tr. 46-49.

(37) Theo chính sử triều Nguyễn ghi 20 vạn quân Thanh. Theo tài liệu các giáo sĩ nói con số ấy lớn hơn: Bản nhật ký của Giáo Hội Truyền Giáo Bắc Hà gửi cho Giáo Hội Truyền Giáo Trung ương Ba Lê ghi: 300.000 quân cả thủy lẫn bộ [Sử Địa 9 và 10, tr. 213].

(38) Trong bức thư của giáo sĩ Le Labousse, từ Sài gòn gửi cho Letondal đề ngày 15 tháng 6 năm 1789, viết: «... Nhà vua ở đây [Nguyễn Ánh] đã bắt gặp một bức thư viết nhân danh Hoàng Đế Trung Hoa gửi cho vua nước Xiêm La yêu cầu đến đánh quân Tây Sơn ở mặt

phía Nam Hà này. Thật nhục biết bao cho vị Đại Đế phải cầu cứu tới một ông vua nước Xiêm bé nhỏ để tới đánh một kẻ cướp». [Le Roy d'ici a intercepté une lettre écrite au nom de l'E percur de Chinois au Roy de Siam pour lui dire de venir attaque les T S de côté-ci par la Cochinchine. Que le houte pour le Grand Empereur d'être obligé de demander du secours à un petit roy de Siam pour combattre un voleur]. — Ar M.E., C801, p.256.

(39) Về ngày giờ Quang Trung mất, ông Hoàng Xuân Hãn có viết trong báo « Dư Luận, Hanoi, 1946, số 28, r. 5 » [sau này trích đăng vào phụ lục cuốn La Sơn Phu Tử]. Ông Hoàng Xuân Hãn đã dẫn chứng rất rõ ràng để bác ngay chết là ngày 29 tháng 9 Nhâm tý (13-12-1792) mà chính quyền Việt Nam hồi đó đã tổ chức kỷ niệm trọng thể vào ngày ấy. Theo ông, vua Quang Trung mất vào ngày 29 tháng 7 Nhâm tý, nhưng ngày dương lịch lại là ngày 16-9-1792 thay vì ngày 15-9, vì ông cho vua Quang Trung chết vào giờ dạ tý (khoảng 11 giờ — 12 giờ khuya) bởi căn cứ vào Dã Sử nhật ký rất đáng tin cậy là chép vào tháng 8 âm lịch [giờ tý có thể tính thuộc ngày 29 tháng 7 hoặc ngày 1 tháng 8 âm lịch, vì tháng 7 ngày thiếu]. Nay tôi thấy trong bức thư đề ngày 4-9-1801, Giám mục Longer gửi cho ông Boiret và Descourvières có viết rõ ngày tháng chết của Quang Trung như sau: «... Ông đâu phải không biết rằng bạo chúa Quang Trung, cha Cảnh Thịnh, mất vào ngày 15 tháng 9-1792, đã sử dụng binh đội của anh ông là bạo chúa Thái Đức để đánh lại ông này và lấy lại hầu hết tất cả những nơi ông này chiếm cứ, chỉ còn để lại 3 hay 4 trấn, trừ Qui Nhơn ra, đều ít quan trọng, mà rồi Thái Đức lại phải nhường lại tất cả những phần còn lại cho cháu ông là Cảnh Thịnh, đã đòi hỏi như thế trước khi gửi binh đội đến giải vây cho thành Qui Phủ (Qui Nhơn) khi đó (1793), đang bị chúa Nguyễn vây ».

[Nguyên văn : Vous n'ignorez pas que le Tyran Quang Trung père de Cảnh Thịnh, mort le 15 Sept. 1792, s'était servi des troupes de son frère, le Tyran Thái Đức pour le combattre et lui enlever presque tout ce qu'il avait occupé, ne lui laissant que 3 à 4 provinces peu considérables, à l'exception de Qui Nhơn et encore, il fallu que Thái

Đức Cédât ce qui lui restait à son neveu Cảnh Thịnh qui exigeait cette condition avant d'envoyer des troupes faire lever le siège de la forteresse de Qui Phũ assiégée alors (en 1793) par Chúa Nguyễn — AR M.E. Tonkin vol. 693, p 512]

Trong một bức thư khác, ông Longer từ Macao gửi cho Blandin đề ngày 10-2-1793 có viết: « Ông La Mo hé cũng báo cho tôi biết rằng cái chết của Tiêm vương Quang Trung được giữ bí mật gần 2 tháng trời [Ar. M.E. Tonkin 692, tr 415 — Đặng Phương Nghi có trích dịch trong số này.] Điều này khiến ta không lấy làm lạ tại sao Liệt Truyện cũng như Đại Thanh Thực Lục chép ngày chết chậm mất hai tháng ngày 29 tháng 9 âm lịch.

Vậy ngày chết Quang Trung là ngày 29 tháng bảy Nhâm tý tức 15-9-1792.

(40) Cương mục, sđd, tr. 61.

(41) Thư Le Roy viết cho Blandin hồi tháng 6-1789 [Đặng Phương Nghi có trích dịch trong Sử Địa số này]: « [Nguyên văn: Son armée [quân Quang Trung] avait plus l'air d'un détachement d'hôpital que de guerriers N'importe! Les pauvres soldats ont massacré le chinois au commencement de l'armée »] [Ar M. E. Tonkin vol. 692, p112]

(42) Lịch triều .. q XXXIX — sđd, tr. 16.

(43) Lịch triều .. q. XXXIX — sđd, tr. 17.

(44) Ar. M.E. Coch. 746, p 178. Thư của Longer gửi cho Blandin ngày 3-5-1787 [Nguyên văn: (tr 199). « Notre petit collègue a été obligé de se désoler car on oblige tout le monde d'aller à la guerre depuis 15 ans et au-dessus. Les vieillards, les femmes veuves et les filles sont mêmes obligés de réparer les ponts et les grands chemins... »]

(45) Ar. M.E. Coch. 746, p 178. Thư của La Bartette gửi cho Blandin ngày 25-6-1786. [Nguyên văn: « Ils ont déjà détruit ici toutes nos plus (tr. 178) belles églises, ils détruisent tous les pagodes et

obligent tous les borzes à porter les armes et aller à la guerre»].

(46) Ar M.E. Coch, 745. p. 227. Thu của Doussaint gửi cho B'and n, ngày 16 6-1788. [Nguyễn văn : Il est très difficile de voyager ; quiconque n'a point de « Thê » est pris et en prisonné, chaque village est obligé de faire 2 ou 3 maisons pour recevoir les marques des passants. Par ce moyen. Ils ont enlevé tout peuple « tăn suât »..]

(47) Voi trận phải huấn luyện rất công phu Phải tập voi chiến đấu, phải cho voi quen đi không sợ lửa, không sợ tiếng súng lớn. Phải dùng tới 2 quân tượng. Khi voi gần địch quân, một trong những người điều khiển voi, lấy que (dai chừng 2 sải (b-asse), to khoảng 10-12 phân) chọc vào vòi khiến voi dùng vòi quật ngã tất cả những gì gặp phải khi đi qua, những người cỡi trên voi đều mặc một loại áo giáp bắn không thủng.

(48) HLNTC, sđd, tr. 236.

(49) Lịch triều... sđd, tr. 25.

(50) Lịch triều... sđd, tr. 25.

(51) Súng chim hay súng điều thương được sử dụng vào thời kỳ này. Trong thời kỳ đánh nhau với Nguyễn Huệ, Thực lục ghi: « Vua ra trận giỏi dùng súng chim. Mỗi khi đánh nhau với giặc, bề bần là trúng .. » [Thực lục, sđd, tr. 40]. Năm Tân Hợi [1791] vào tháng 2, Nguyễn Ánh gửi mua ở Bồ Đào Nha 1 vạn cây súng chim, 2000 cỗ súng gang, mỗi cỗ nặng 100 cân, 2000 viên đạn 16, đường kính 10 tấc » [Thực lục, sđd, tr. 137].

(52) Hoàng Xuân Hãn, Việt Thanh Chiến sử, SĐ. số 9 và 10, tr. 6.

(53) Ar. N C²₁, fol. 173/2,

(54) Ar. N. C¹₁, fol. 40.

(55) Quảng Nam từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 18, là đất từ Hải Vân trở vào gồm có đất Quảng Nam, Quảng Nghĩa, Bình Định, Phú Yên bây giờ.

(56) Lịch triều..., q XXXIX, sđd, tr. 25.

(57) ĐNCBLT, sđd, tờ 32b.

(58) Giáo sĩ Diego de Jumilla kể trong bức thư gửi cho giáo sĩ Jean Salguero về trận Tập kích của quân Chúa Nguyễn đóng trên sườn núi, trùng hợp với trận Bính Khê [1 hiểm địa ở huyện Phù Mỹ, Bình Định] mà Liệt Truyện nói tới (sđd, tờ 3b) — B.S. E. I, tập XV, số 1-2, 1940, tr. 78.

(59) Cương mục, sđd, tr. 62.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Archives de Missions Étrangères de Paris
Tonkin vol. 692.
Tonkin vol. 693.
Cochinchine vol. 746.
Cochinchine vol. 801.
- 2) Archives Nationales de Paris — fds. Ar. Marine: C¹₁ (E. O), C²₁ (E. O). (Các tài liệu Văi Khố trên là những bản chép tay của Đặng Phương Nghi).
- 3) Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí. Tập IV, Nhà xuất Bản Sử Học Hà-nội, 1962.
- 4) Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện, Sơ Tập. quyển 30
Ngụy Tây Liệt Truyện — Bản dịch chép tay của Tạ Quang Phát.
- 5) Đại Nam Thực Lục Chính Biên đệ nhất kỷ.
Tập II, Nhà Xuất Bản Sử Học, Hà-nội, 1963.
- 6) Việt Sử Thông Giám Cương Mục.
Tập XX, Nhà Xuất Bản Sử Học, Hà-nội.
- 7) Hoàng Lê Nhất Thống Chí, bản dịch Ngô Tất Tố, Cơ sở Xuất bản và Bảo chí Tự Do, Saigon, 1958.
- 8) Bulletin de l'Ecole Française d'Extrême Orient, 1912, t. XII,
n° 7.
- 9) Bulletin de la Société des Études Indochinoises, t. XV,
1940.



ĐÍNH CHÍNH TẬP SAN SỬ ĐỊA SỐ 12

* Bài *Cải Chính một điều lầm tài liệu về Nguyễn Trung Trực*
của ĐÓNG HỒ

Trang	Dòng	Trước là	Xin đọc là
tr. 73	20	Thần tiêm	Thân tiêm
tr. 74	12	lá bàn tán	lá bài tán
tr. 75	23	Toàn thiện	Toàn thiئن
tr. 77	11	Chàn ông đi giầy	Cái tóc ông quăn
tr. 78	13	Hán đó	Hán đã
		đôi hiều	thì hiều
	16	cùng la	cũng là
tr. 81	31	đem với	đem với
	29	thương lam	thường làm
		đa đoan	đa đoan



CUNG CHÚC TẤN XUÂN

HUNG-VIỆT BẢO-HIỆM CÔNG-TY

CÔNG TY NẶC DANH VỐN 30 000.000 VN\$

Trụ sở: Lầu 1, Ph. 212 & 212 bis, CRYSTALPALACE

95-101 Công-Lý và 4 Nguyễn-trung-Trực — SAIGON

Điện-Thoại: 92.115



DO NGƯỜI VIỆT-NAM SÁNG LẬP VÀ ĐIỀU KHIỂN

* BẢO HIỂM XE CỘ * CHUYÊN CHỞ HÀNG HÓA BẰNG
ĐƯỜNG THỦY, ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG * HỎA
HOẠN * TAI NẠN CÁ NHÂN * SINH VIÊN HỌC SINH * TAI
NẠN LAO ĐỘNG * TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ...

No 13
1^{er} trimestre 1969
1st quarter 1969

REVUE TRIMESTRIELLE
S U Đ I A
QUARTERLY REVIEW

■ REVUE TRIMESTRIELLE DE RECHER-
CHE HISTORIQUE ET GÉOGRAPHIQUE

▼ QUARTERLY REVIEW OF HISTORI-
CAL AND GÉOGRAPHICAL RESEARCH

■ PUBLIÉE PAR L'UNION DES PROFESSEURS ET DES ÉTUDIANTS
DE LA FACULTÉ DE PÉDAGOGIE DE SAIGON.

▼ PUBLISHED BY A GROUP OF INSTRUCTORS AND STUDENTS
OF THE FACULTY OF PEDAGOGY, UNIVERSITY OF SAIGON.

■ TABLE DE MATIÈRES

▼ CONTENTS

1 ■ HOÀNG XUÂN HÃN. *Le « Recueil du Voyage dans le Nord » par Lê Quính (1750 - 1805), pp. 3-32, pp. 181-183.*

Introduction critique à l'ouvrage. Suivie de ses édition et traduction.

▼ HOÀNG XUÂN HÃN, « *The North trip Collection* » by Lê Quính (1750 - 1805), pp. 3-32, pp. 181-183.

Critical introduction of the book followed by its edition and translation.

2 ■ PHÙ LANG TRƯỞNG BÁ PHÁT. *La Bataille de Đống Đa, pp. 33-61.*

Préparatifs et déroulement de la bataille.

▼ PHÙ LANG TRƯỞNG BÁ PHÁT. *The battle of Đống Đa, pp. 33-61.*

Preparation and proceedings of battle.

3 ■ TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG. *La bataille de Đống Đa, Les contradictions de la culture franchissent la frontière, pp. 62-79*

Essai sociologique sur la bataille de Đống Đa.

▼ **TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG.** *The battle of Đống Đa, the cultural conflicts cross over the frontier, pp. 62-79.*

Sociological essay on the battle of Đống Đa.

4 ■ TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH DIỆM. *Le cœur immortel de Lê Chiêu Thống, pp. 80-99.*

Sur le calvaire du Roi Chiêu Thống en Chine.

▼ **TÔ NAM NGUYỄN ĐÌNH DIỆM.** *The immortal heart of Lê Chiêu Thống, pp. 80-99.*

King Lê Chiêu Thống exodus in China.

5 ■ PHẠM VĂN SƠN. *Les traits caractéristiques de Nguyễn Huệ, pp. 100-113.*

Portrait de Nguễn Huệ, ses qualités, ses défauts.

▼ **PHẠM VĂN SƠN.** *The characteristics of Nguyễn Huệ, pp. 100-113.*

Portrait of Nguyễn Huệ, his qualities, his weaknesses.

6 ■ TẠ QUANG PHÁT. *Quelques documents sur la princesse Ngọc Hân et Quang Trung, pp. 111-134.*

Traduction et transcription en Vietnamien de 3 documents publiés en caractères Chinois dans la revue Nam Phong.

▼ **TẠ QUANG PHÁT.** *Some documents on Princess Ngọc Hân and Quang Trung, pp. 111-134.*

Translation and transcription into Vietnamese of 3 documents first published in Chinese characters in NAM PHONG REVIEW.

7 ■ LÝ VĂN HÙNG. *Les relations diplomatiques entre Quang Trung et K'ien Long, pp. 135-142.*

L'Affaire des 16 circonscriptions et de la construction du Temple de Sầm Nghi Đống.

En échange de la reddition des 16 circonstriptions frontalières, Quang Trung dut faire élever un temple à la mémoire de Săm Nghi Đống, capitaine Chinois tué lors de la bataille de Đống Đa.

▼ LỖ VĂN HÙNG. *The diplomatic relations between Quang Trung and K'ien Long. The 16 circonstriptions affair and the construction of Săm Nghi Đống's temple*, pp. 135-142.

In exchange for the surrender of 16 border districts, Quang Trung agreed to build a temple in consecration of Săm Nghi Đống, a Chinese captain killed at the battle of Đống Đa.

8 ■ ĐẶNG PHƯƠNG NGHỊ. *Le règne de Quang Trung vu par les missionnaires*, pp. 143-180.

Traduction des documents (pour les plupart inédits) conservés aux archives des Missions Étrangères de Paris.

▼ ĐẶNG PHƯƠNG NGHỊ. *The reign of Quang Trung seen by the missionaries*, pp. 143-180

Translation of documents (mostly unpublished) kept in the Archives of the Foreign Missions of Paris.

9 ■ PHAN KHOANG. *Autour de la victoire sur Tôn Sĩ Nghị de Quang Trung le jour du Tết Kỷ Dậu*, pp. 184-189.

Traduction du chapitre « du Recueil Véridique de l'histoire du Grand T'sin ».

▼ PHAN KHOANG. *Around Quang Trung's victory upon Tôn Sĩ Nghị on the «Kỷ Dậu Tết»*, pp 184-189.

Translation of the chapter of «The veracious history of The Great T'sin» concerning the battle of Đống Đa.

10 ■ NGUYỄN NHÃ. *Le talent stratégique de Nguyễn Huệ*, pp. 205-228.

Étude sur les causes des victoires de Nguyễn Huệ.

▼ NGUYỄN NHÃ. *The strategic aptitude of Nguyễn Huệ*, pp 205-228.

Study on the causes of Nguyễn Huệ's victories.



CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Thuốc BÁC-SỸ TÍN vì sao ra đời?

Gần một trăm năm tiếp-xúc với văn-minh Âu-Mỹ, người mình ít ai chịu khó áp dụng khoa-học để khảo-cứu dược-phẩm trong nước và kiến-tạo một nền dược-học, y-học hoàn-toàn Việt-Nam.

Trông thấy khuyết-điểm ấy, BÁC-SỸ TÍN lại nhận định rằng một nước độc-lập mà nền khoa-học cũng phải đứng trên những căn-bản độc-lập. Nhiều ngành khoa-học phải khảo-cứu riêng về thổ-sản, thổ-nghi và dân-sanh trong nước để áp-dụng vào các ngành nông, công, thương thì mới mong phát-triển kịp người.

Vì vậy cho nên BÁC-SỸ TÍN đã sang Âu-Châu du-học tìm, hiểu y-lý Tây-phương tận gốc. Trong những năm tòng-sự tại các bệnh-viện và các khảo-cứu-viện ở Ba-lê, BÁC-SỸ TÍN đã cố công xem-xét các phương-pháp chế thuốc của Âu-Mỹ, lại có cơ-hội thí-nghiệm những thảo-mộc ở nước nhà gởi sang, lọc những nguyên-chất dùng vào việc chế thuốc, thấu thập cái hay của người đặng nâng cao giá trị những dược-phẩm dồi-dao của xứ mình.

Kịp khi về nước vào đầu năm 1941 ngay trong thời kỳ chiến-tranh, BÁC-SỸ TÍN liền tổ-chức một sở bào-chế, tìm góp những Nam-dược giống như dược-vật Âu-Mỹ chế ra khoa thuốc BÁC-SỸ TÍN, thích-hợp với cơ-thể người mình và khí hậu nhiệt đới. Toa nhãn đều dùng chữ quốc-ngữ và phát-hành khắp tiệm thuốc các nơi, mục-dịch là để phổ-thông trong dân chúng, tân xóm làng, thôn làm, cống hiến cho đồng-bào môn thuốc khoa-học, công hiệu, rẻ tiền và dễ dùng.

Khi thái bình văn hồi, giấy rẻ, in rẻ, BÁC-SỸ TÍN sẽ ấn-hành những sách báo dạy về vệ-sinh cần yếu để tránh những bệnh hiểm nghèo suy-nhược, mong đồng-bào giữ vững sức khỏe và bồi bổ sinh-lực của nòi giống.

NHÀ THUỐC BÁC-SỸ TÍN

lại còn có tham-vọng :

- 1.— Trồng cây thuốc Việt-Nam và cây thuốc nhập-cảng như Ipéca, Quinquina, v...v..
- 2.— Xuất-cảng những dược-phẩm Việt-Nam.
- 3.— Đào-tạo những Kỹ-thuật-gia để sản-xuất thuốc hóa-học theo quan-niệm kỹ-nghệ-hóa quốc-gia.

(Viết tại Cholon tháng 3 năm 1945)

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG SỬ ĐỊA LÀ GÓP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA DÂN TỘC

đã ấn hành số đặc khảo về :

- **TRƯƠNG CÔNG ĐỊNH**
(Sử Địa số 3, 1966, 172 trang)
- **PHONG TỤC TẾT VIỆT NAM
VÀ CÁC LÂN BANG**
(Sử Địa số 5, 1967, 240 trang)
- **PHAN THANH GIẢN**
(Sử Địa số 7 và 8, 1967, 268 trang)
- **QUANG TRUNG**
(Sử Địa số 9 và 10, 1968, 268 trang)
- **NGUYỄN TRUNG TRỰC**
(Sử Địa số 12, 1968, 176 trang)

sẽ ấn hành số đặc khảo về :

- **CUỘC NAM TIẾN**
- **VIỆT KIỀU TẠI CÁC LÂN BANG**
- **NGUYỄN TRƯỜNG TỘ**
- **KỶ NIỆM 200 NĂM PHONG TRÀO TÂY
SƠN.**

Tập San Sử Địa đã đóng thành bộ :

Tập I (Số 1, 2, 3, 4) năm 1966. Giá 150\$
Tập II (Số 5, 6, 7 và 8) năm 1967. Giá 250\$
Có bán đầy đủ tại nhà sách Khai Trí — Sài-gòn

MỤC-LỤC

⊕ Lá thư tòa soạn	I
⊕ Trận Đống Đa	
Phù-Lang TRƯƠNG BÁ PHÁT	33
⊕ Đống Đa, mâu thuẫn Văn Hóa vượt biên giới	
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	62
● Bắc Hành Tùng Kí	
HOÀNG XUÂN-HÂN	3
● Triều đại Quang Trung dưới mắt các nhà Truyền giáo Tây Phương	
ĐẶNG PHƯƠNG-NGHI	144
● Tài dùng binh của Nguyễn Huệ	
NGUYỄN NHÃ	205
● Chung quanh các cuộc chiến thắng quân Tôn Sĩ-Nghị của vua Quang Trung ngày Tết năm Kỷ Dậu	
PHAN KHOANG	184
● Vài tài liệu về Ngọc-Hân Công Chúa và Quang Trung	
TẠ QUANG-PHÁT	144
● Trái tim bất tử của Lê Chiêu Thống	
TÓ-NAM	80
● Cuộc giao-thiếp giữa Quang Trung với Càn Long. Vụ 16 châu và xây đền Sầm Nghi-Đống	
LÝ VĂN HÙNG	135
⊕ Những đặc điểm về Nguyễn Huệ	
PHẠM VĂN SƠN	100
⊕ Giới thiệu sách báo	
⊕ Mục lục phân tích bằng ngoại ngữ	

ĐẶC BIỆT VỀ ĐÔNG ĐA



Giá : 100đ